

KERTÉSZ Nobel
IMRE Văn chương
2002

KHÔNG SỐ PHẢN

"Vì mỗi sự nghiệp văn học
nói lên trái nhiệm mong
mạnh của cá nhân,
đổi nghịch với sự độc đoán
tân bạo của lịch sử."

— ỦY BAN NOBEL



KERTÉSZ IMRE Nobel
Văn chương
2002

KHÔNG SỢ PHẢN

Ebolic



"Vì một sự nghiệp văn học
nổi lên trải nghiệm mong
manh của cá nhân,
đối nghịch với sự độc đoán
tàn bạo của lịch sử."

— ỦY BAN NOBEL

Tác phẩm: **Không số phận**
Nguyên tác: **Sorstalanság**
Tác giả: **Kertész Imre**
Thể loại: **Tiểu thuyết, Tự truyện**
Dịch giả: **Giáp Văn Chung**
Nhà phát hành: **Nhã Nam**
Nhà xuất bản: **Lao Động**
Năm xuất bản: **08/2010**



ebooks for bookaholic





Dự án Ebolic #18

Shooting: **Kpage**

Typing: **Kpage, Goby**

Checking: **Nmds**

Leading & Publishing: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **3/6/2017**

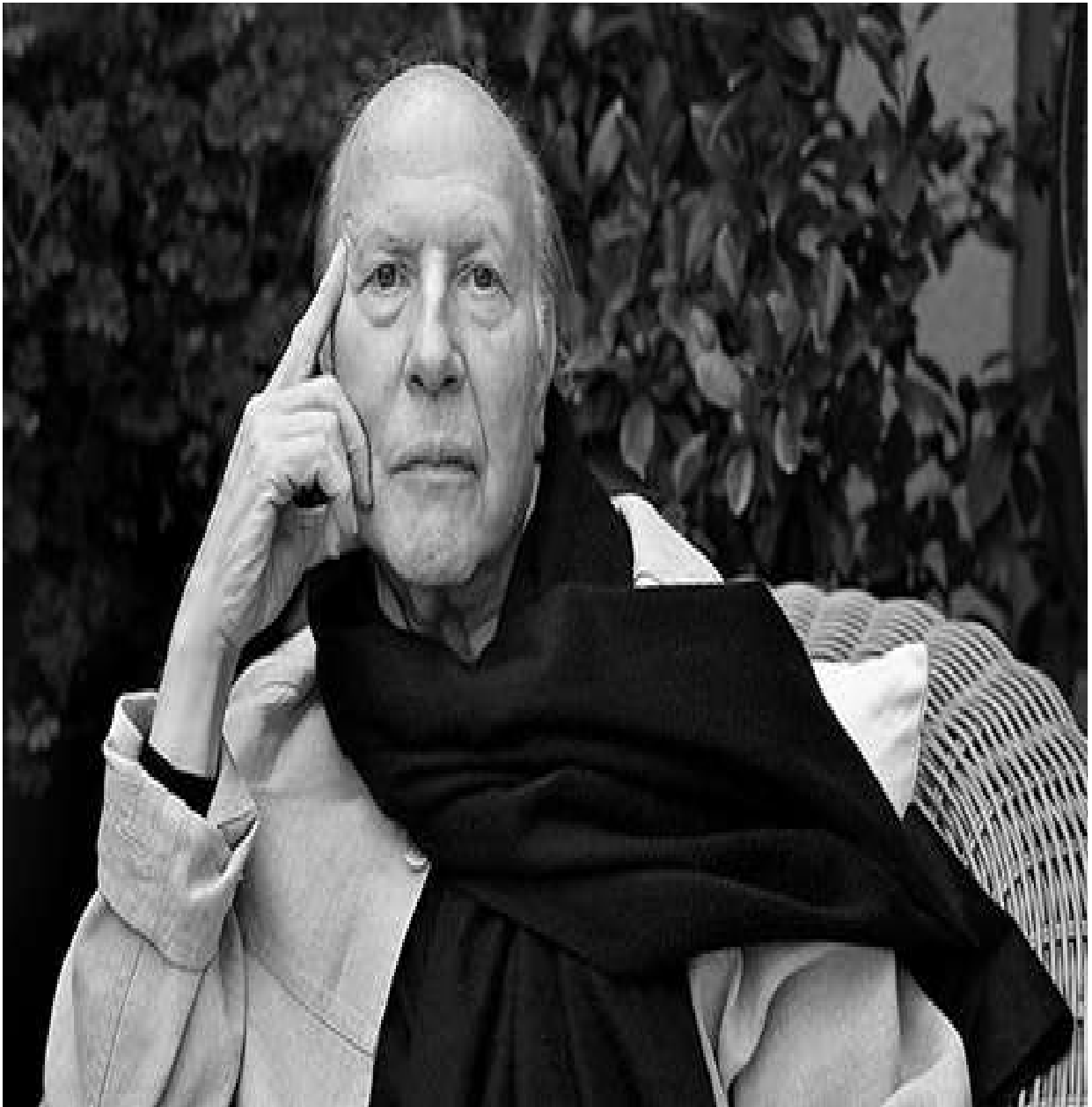
Ebolic là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận ấn phẩm sách.

Liên hệ với Ebolic qua:

Email: ebook@bookaholic.vn

Group: [facebook.com/groups/ebolic](https://www.facebook.com/groups/ebolic)

Fanpage: [facebook.com/EbolicEbook](https://www.facebook.com/EbolicEbook)



Kertész Imre sinh ngày 9-11-1929, tại thủ đô Budapest (Hungary). Năm 1944, khi mới 14 tuổi ông bị đưa vào trại tập trung Auschwitz, sau đó vào trại Buchenwald. Năm 1945, sau khi các trại tập trung được giải phóng, ông trở về Budapest, tiếp tục đi học, ba năm sau thì tốt nghiệp trung học. Từ năm 1948-1950, ông là cộng tác viên của các báo *Vilá-gosság* (Ánh sáng) và *Esti Budapest* (Budapest Buổi chiều); năm 1951, là công nhân nhà máy; từ năm 1951-1953, làm việc tại Phòng Tuyên truyền của Bộ Mỏ và Cơ khí; từ năm 1953 trở đi là nhà văn, dịch giả tự do.

Kertész Imre sống ẩn dật nhiều năm, ít giao du với bên ngoài, miệt mài viết văn và dịch thuật. Một thời gian dài, các tác phẩm của ông không nhận được sự quan tâm của cả công chúng lẫn giới phê bình trong nước, thậm chí cả khi *Không số phận* xuất bản lần đầu vào năm 1975, mặc dù nhà văn nhận được nhiều giải thưởng danh giá ở nước ngoài, cho đến khi giải Nobel Văn học năm 2002 được trao cho ông “vì một sự nghiệp văn học nói lên trải nghiệm mỏng manh của cá nhân, đối lập với sự độc đoán tàn bạo của lịch sử.”

Khoảng mười năm trở lại đây, ông sống tại thủ đô Berlin (Cộng hòa liên bang Đức), nhưng vẫn giữ quốc tịch Hungary.

CÁC TÁC PHẨM CHÍNH

Không số phận (1975)

Người tìm dấu vết (1977)

Câu chuyện thám tử (1977)

Kính cầu cho một đứa trẻ không ra đời (1990)

Lá cờ Anh (truyện ngắn, 1991)

Nhật ký khổ sai (1992)

Văn hóa Holocaust (1993)

Khoảnh khắc tĩnh lặng thoáng qua, khi đội hành quyết
nạp thêm đạn (1998)

Ngôn ngữ đọa đày (2001)

Thanh toán (2003)

Hồ sơ K. (2006)

Di sản nặng nề của châu Âu (2008)

CÁC GIẢI THƯỞNG CHÍNH

Giải thưởng Fust Milán (1983)

Giải thưởng József Attila (1989)

Giải thưởng Soros cho sự nghiệp sáng tác (1992)

Giải thưởng văn học Brandenburg (Đức, 1995)

Giải thưởng Márai Sándor (1996)

Giải thưởng Kossuth (giải thưởng lớn nhất về văn học nghệ thuật của Hungary, 1997)

Giải thưởng lớn Liên hoan sách Leipzig (Đức, 1997 chủ yếu cho *Không số phận*)

Giải Friedrich Gundolf (giải thưởng chính của Viện Hàn lâm Ngôn ngữ và Thi ca Đức, 2000)

Từ năm 1988, là thành viên của Viện Hàn lâm Ngôn ngữ và Thi ca Đức (Deutsche Akademie für Sprache und Dichtung)

Năm 2001, trở thành thành viên của Pour le Mérite (là phần thưởng lớn nhất vinh danh các văn nghệ sĩ của Đức)

Giải Nobel Văn học (2002)

Không số phận – gần như một tự truyện. Cũng như nhân vật thiếu niên trong cuốn tiểu thuyết, Kertész Imre đã từng rơi vào trại tập trung của Hitler năm 15 tuổi. Ông đã may mắn, bởi khác với hàng triệu nạn nhân của Holocaust, Kertész vượt qua được cả *Auschwitz* lẫn *Buchenwald*, và sống sót.

Tác phẩm đầy sức nặng và ám ảnh của Kertész Imre mô tả thế giới khủng khiếp và phi lí của nhà nước toàn trị kiểu phát xít, trong đó con người bị tước đoạt số phận cá nhân đến độ khả năng nhận biết thường nhật của họ đã hóa đá, biến dạng. Ẩn sâu vào đó là sự phản kháng đầy cay đắng trước cái bất nhân phổ quát của thế giới. Một thế giới đang thể hiện dửng dưng trong những học thuyết tự cho phép đối xử với cả một dân tộc như những sinh linh hạ cấp, tước đoạt quyền sống, xua đuổi vào các trại tập trung, và hủy diệt.

Không số phận trở thành một chương quan trọng trong số những truyền thống văn xuôi Hungary xuất sắc nhất: một tuyệt tác. Sự diễn tả lạnh lùng, chính xác đến tận chi tiết, sự trào lộng toát ra từ bi kịch, mang lại cho tác phẩm độ sâu triết luận, và tạo nên một phong cách không thể bắt chước.

MỤC LỤC

[1.](#)

[2.](#)

[3.](#)

[4.](#)

[5.](#)

[6.](#)

[7.](#)

[8.](#)

[9.](#)

[Kertész Imre và sự khắc họa nỗi đau Holocaust](#)

1.

Hôm nay tôi không tới trường. Hay đúng hơn tôi có đến, nhưng chỉ để xin phép thầy chủ nhiệm cho về. Tôi còn đưa cho thầy lá thư của cha tôi, trong đó – vin vào “những lý do gia đình” – cha xin cho tôi nghỉ học. Thầy giáo hỏi lý do gia đình là gì vậy? Tôi thưa: vì người ta gọi cha tôi đi tập trung lao động; thế là thầy không cần vặn thêm gì nữa.

Tôi không đi về nhà, mà ra cửa hàng của gia đình. Cha tôi bảo: mọi người chờ tôi ở đó. Ông còn nói thêm tôi phải gắng tới sớm, vì có thể ông sẽ cần đến tôi. Chính vì thế mà ông xin phép cho tôi nghỉ học. Hoặc là vì “tôi muốn nhìn thấy nó vào ngày cuối cùng, trước khi rời khỏi nhà,” bởi ông cũng có nói cả điều đó nữa, tuy đúng ra là vào một lúc khác. Ông đã nói với mẹ tôi, như tôi còn nhớ, khi ông gọi điện cho mẹ sáng nay. Cần biết rằng hôm nay là thứ Năm, các buổi chiều thứ Năm và Chủ nhật của tôi – theo quy định nghiêm ngặt – là thuộc về mẹ. Nhưng, cha thông báo với mẹ: “Chiều nay tôi không thể nhường thẳng Gyurka¹ cho bà,” – rồi ông giải thích tiếp như vậy. Tuy nhiên, cũng có thể không phải vậy. Sáng nay tôi hơi buồn ngủ vì đợt báo động phòng không hồi đêm, nên có thể tôi không nhớ rõ. Có điều tôi chắc chắn rằng ông đã nói thế – nếu không phải nói với mẹ, thì với một người nào đó khác.

Tôi cũng nói với mẹ mấy lời, nhưng tôi không còn nhớ đã nói những gì. Tôi nghĩ mẹ hơi bức mình với tôi, vì tôi buộc phải nói chuyện qua loa với mẹ, khi có mặt cha ở đó: dù sao hôm nay tôi cũng phải chiều ý cha. Khi tôi sắp ra khỏi nhà, mẹ kể còn căn dặn riêng tôi đôi lời âu yếm ở phòng ngoài. Bà bảo bà tin rằng vào cái ngày đau buồn này của gia đình, “mẹ có thể trông cậy vào cách ứng xử phù hợp của con.” Tôi không biết đáp lại bà thế nào, nên tôi không nói gì. Nhưng hình như bà hiểu lầm sự im lặng của tôi, vì ngay sau đó bà tiếp tục bảo: với những lời căn dặn vừa rồi, bà không muốn chạm vào sự nhạy cảm của tôi, điều đó – bà biết – cũng bằng thừa. Vì bà

hoàn toàn không nghi ngờ rằng, ở tuổi mười lăm, tôi đã là một cậu con trai lớn và tự tôi cũng ý thức được sự nghiêm trọng của tai họa giáng xuống gia đình, bà bảo thế. Tôi gật đầu. Thấy bà bằng lòng với chừng ấy. Bà làm cử chỉ như đưa tay về phía tôi, và tôi ái ngại sợ bà muốn ôm mình vào lòng. Nhưng rồi bà kìm lại, chỉ nén một hơi thở dài run run thật sâu vào lồng ngực. Tôi nhận thấy mắt bà rơm rớm ướt. Tôi thấy khó xử. Rồi tôi được phép đi.

Tôi cuốc bộ từ trường tới cửa hàng. Một buổi sáng trong lành và ấm, so với tiết đầu xuân. Tôi định cởi cúc áo, nhưng lại nghĩ: trong làn gió nhẹ thổi ngược, vạt áo khoác có thể lật ngược và che mất ngôi sao vàng², như thế sẽ là vi phạm quy định. Trong một vài việc, giờ đây tôi cần chú ý cẩn thận hơn. Căn hầm gỗ của chúng tôi ở gần đây, trên một con phố nhỏ. Một cầu thang dốc dẫn xuống khoảng tối mờ. Tôi thấy cha và mẹ kế đang ở trong văn phòng: một cái lồng thủy tinh chật hẹp, được chiếu sáng tựa như chiếc bể cá, ở ngay dưới chân cầu thang. Cả bác Sütő cũng có mặt, tôi biết bác từ hồi bác làm kế toán cho gia đình, đồng thời trông coi một cái kho ngoài trời khác của chúng tôi mà nay bác đã mua lại. Ít nhất thì cha và mẹ kế đã nói như vậy, bởi vì bác Sütő, xét về nòi giống hoàn toàn ổn, bác không phải đeo ngôi sao vàng, và toàn bộ chuyện này chỉ là thủ thuật buôn bán, như tôi hiểu, để bác có thể trông nom tài sản của gia đình tôi ở đó, và hơn nữa nhờ vậy chúng tôi sẽ không bị mất hẳn đi một khoản thu nhập trong một thời gian.

Tôi chào bác hơi khác so với trước đây, vì rốt cuộc, ở một khía cạnh nào đó địa vị của bác đã vượt lên trên chúng tôi; cha tôi và mẹ kế cũng tế nhị với bác hơn. Nhưng bác vẫn giữ cách xưng hô với cha tôi là “ông chủ,” với mẹ kế tôi là “bà lớn đáng kính,” như thể không có chuyện gì xảy ra, và không bao giờ bác quên hôn tay bà. Bác vẫn đón tôi bằng giọng vui đùa trước đây, hoàn toàn không để ý đến ngôi sao vàng trên áo tôi. Sau đó tôi đứng yên bên cửa, còn ba người lại tiếp tục công việc dang dở trước khi tôi đến. Tôi nhận thấy mình đã làm gián đoạn câu chuyện của ba người. Thoạt tiên tôi không hiểu họ đang nói chuyện gì. Tôi còn nhắm mắt lại trong giây lát, vì vẫn hơi hoa mắt bởi ánh nắng bên ngoài. Trong lúc ấy cha tôi nói gì

đó, và khi tôi mở mắt ra nhìn, thì đến lượt bác Sütố. Trên khuôn mặt nâu, tròn vành của bác Sütố – với hàng ria mép mỏng, hai chiếc răng cửa trắng to bản cách nhau một khe hẹp – chỗ nào cũng thấy những đốm nắng nhảy nhót, như những mụn nhọt đang lên. Câu tiếp theo lại là cha tôi nói, ông nói về một thứ “hàng hóa” gì đó, mà “tốt hơn hết” là bác Sütố nên “đem ngay về.” Bác Sütố không phản đối; thế là cha tôi lấy từ ngăn kéo bàn ra một cái gói nhỏ, bọc giấy lụa và có buộc dây. Chỉ lúc đó tôi mới biết họ nói về thứ hàng gì, vì tôi nhận ra ngay cái gói nhờ độ dày của nó: trong gói là một cái hộp. Trong hộp là các đồ trang sức quan trọng nhất của chúng tôi và những thứ đại loại như vậy; quả thực, tôi nghĩ chính vì sự có mặt của tôi mà họ gọi nó là “hàng hóa,” kéo tôi nhận ra. Bác Sütố nhét ngay cái gói vào cặp. Tuy nhiên sau đó có một cuộc tranh cãi nhỏ đã diễn ra giữa họ, bởi vì bác Sütố lấy cây bút máy của bác ra, và nhất quyết đòi viết giấy “biên nhận hàng” để đưa cho cha tôi. Bác năn nỉ mãi, mặc dù cha tôi bảo bác đừng “làm trò trẻ con” nữa, và “giữa chúng ta với nhau không cần phải làm thế.” Tôi nhận thấy bác Sütố rất hài lòng vì việc này. Bác bảo: “Tôi biết ông tin tôi, ông chủ ạ, nhưng trong cuộc sống mọi thứ phải có lẽ lối và cách thức của nó.” Bác còn nhờ cả mẹ kế tôi giúp: “Có đúng thế không, thưa bà?” Nhưng mẹ kế tôi, với nụ cười mệt mỏi trên môi, chỉ bảo đại khái bà tùy cánh đàn ông giải quyết vấn đề với nhau cho thỏa đáng.

Tôi thấy hơi chán, cuối cùng bác Sütố cũng cất cây bút máy; rồi họ chuyển sang bàn tính sẽ làm gì với số ván gỗ trong cái kho này. Tôi nghe thấy cha bảo phải gấp lên, trước khi nhà chức trách “có thể nhúng tay vào chuyện làm ăn,” và cha yêu cầu bác Sütố, bằng kinh nghiệm buôn bán và hiểu biết chuyên môn của mình, giúp mẹ kế tôi trong việc này. Bác Sütố quay về phía mẹ kế, tuyên bố ngay: “Đó là lẽ đương nhiên, thưa bà. Bởi chẳng nào chúng ta cũng liên hệ thường xuyên với nhau để thanh quyết toán.” Tôi nghĩ ông nói về cơ sở mà ông đang trông nom. Một lúc lâu sau ông bắt đầu chia tay. Ông nắm tay cha tôi khá lâu, mặt méo xệch đi. Tuy nhiên ông cho rằng “trong giây phút như thế này có nói gì cũng bằng thừa,” và vì thế ông chỉ nói một câu tạm biệt duy nhất với cha tôi, đó là: “Mong sớm được gặp lại, thưa ông chủ.” Cha tôi hơi mỉm cười, miệng như méo đi: “Hy vọng

sẽ như thế, ông Sütố ạ.” Đúng lúc ấy mẹ kể tôi mở túi lấy ra một chiếc khăn mùi soa đưa thẳng lên mắt. Có tiếng lục khục khác lạ phát ra từ trong cổ bà. Rồi tất cả im lặng, tình huống trở nên thực sự khó xử, và tôi có cảm giác mình cũng phải làm một điều gì đó. Nhưng sự việc xảy đến bất ngờ, tôi chẳng nghĩ ra được gì khôn ngoan cả. Tôi thấy điều đó cũng khiến bác Sütố ngại ngùng: “Thưa bà,” ông nói, “bà đừng như vậy! Đừng mà!” Nom ông có vẻ hơi hốt hoảng. Ông cúi xuống, gần như gần môi lên mu bàn tay mẹ kể tôi, để hôn tay bà như ông thường làm. Rồi ông vội đi ra phía cửa, tôi suýt không kịp né sang một bên tránh ông. Ông còn quên không tạm biệt cả tôi. Chúng tôi vẫn còn nghe tiếng bước chân nặng nhọc giẫm trên những bậc thang gỗ một lúc sau khi ông đi khỏi.

Sau một lúc im lặng, cha tôi bảo: “Thôi, thế là ta đã nhẹ đi một việc.” Nghe vậy, mẹ kể tôi, giọng còn hơi nghèn nghẹn, hỏi lẽ ra có nên cầm cái giấy biên nhận của bác Sütố hay không. Nhưng cha tôi bảo một cái biên nhận kiểu ấy chẳng có “giá trị thực tế” gì, hơn nữa cất giấu nó còn nguy hiểm hơn cả chính cái hộp. Ông giải thích với bà rằng bây giờ là lúc “được ăn cả, ngã về không,” hơn nữa phải hoàn toàn tin tưởng vào bác Sütố, vì dù thế nào, hiện tại chúng tôi không có cách giải quyết nào khác. Nghe vậy, mẹ kể tôi liền im lặng, rồi sau đó bà nhận xét: mặc dù cha tôi có thể đúng, nhưng giá như có “một tờ biên nhận trong tay” bà vẫn thấy yên tâm hơn. Nhưng bà không đủ khả năng giải thích vì sao. Cha tôi giục bà cùng xem xét những việc đang chờ, vì như ông nói, thời gian gấp lắm. Ông muốn bàn giao cho bà các sổ sách kinh doanh, để một mình bà có thể xoay sở được, và cái cửa hàng không phải đóng cửa chỉ vì việc ông phải vào trại lao động. Giữa chừng cha còn nói qua loa với tôi vài câu. Ông hỏi nhà trường có cho tôi nghỉ học dễ dàng không, và đại loại như thế. Cuối cùng ông bảo tôi cứ ngồi yên đấy, trong khi ông làm sổ sách với mẹ kể tôi.

Chỉ hiềm một nỗi họ làm lâu quá. Tôi cố gắng kiên nhẫn một lúc và thử nghĩ đến cha tôi, đúng hơn là nghĩ đến việc ngày mai ông đi, và có lẽ sẽ còn lâu nữa tôi không được thấy ông; nhưng một lúc sau tôi mệt mỏi vì ý nghĩ này, và khi đó, vì chẳng biết làm gì khác để giúp cha, tôi bắt đầu thấy chán.

Ngồi một chỗ cũng mỏi mệt, và chỉ vì muốn có sự thay đổi nào đó, tôi đứng dậy lại vò uống nước. Hai người không nói gì. Lát sau tôi len giữa những tấm ván, vào phía sau đi giải. Khi quay ra, tôi rửa tay trên chiếc bồn lát gạch men, vò nước đã han gỉ, rồi tôi mở cặp sách lấy đồ ăn nửa buổi gói sẵn ra ăn, và cuối cùng lại ra uống nước vò. Cả hai vẫn không ai nói gì. Tôi ngồi xuống chỗ cũ. Thấy chán ngán khủng khiếp, lâu quá.

Khi chúng tôi lên lại mặt đường, đã quá trưa. Tôi lại bị lóa mắt, bây giờ thì do ánh sáng. Cha tôi loay hoay khá lâu với hai cái khóa sắt màu xám, tôi bắt đầu có cảm giác ông cố ý làm thế. Rồi ông đưa chìa khóa cho mẹ kể, vì ông không còn cần đến chúng nữa. Tôi biết vì ông nói thế. Mẹ kể tôi mở túi; tôi sợ bà lại lấy khăn tay, nhưng bà chỉ bỏ mấy chiếc chìa khóa vào. Chúng tôi rảo bước. Lúc đầu tôi tưởng về nhà, nhưng không phải, trước khi về chúng tôi còn đi mua đồ. Mẹ kể tôi có cả một danh mục dài tất cả những thứ mà cha tôi cần đến trong trại lao động. Hôm qua bà đã mua được một số thứ. Bây giờ phải đi tìm mua những thứ còn lại. Đi với cha và mẹ kể, tôi cảm thấy không được thoải mái lắm, đi thế này, cả ba người đều mang ngôi sao vàng. Nếu đi một mình, tôi còn cảm thấy thích thú. Nhưng đi với họ, tôi gần như khó chịu. Tôi không thể giải thích nổi tại sao. Nhưng về sau tôi cũng không để ý đến điều đó nữa. Trong các cửa hàng, đâu đâu cũng thấy đông người, trừ nơi chúng tôi vào mua chiếc ba lô: ở đây chỉ có chúng tôi là khách hàng. Không khí nồng nặc mùi vải xử lý hóa chất. Người bán hàng, một ông già nhỏ thó da vàng bọt bọt, nhưng có hàm răng giả trắng lóa và một bên tay quần đệm chống mòn khuỷu, cùng bà vợ béo mập rất nhiệt tình tiếp chúng tôi. Họ đặt lên bàn đủ mặt hàng. Tôi nhận thấy ông già bán hàng gọi bà vợ là “con trai” và luôn miệng gọi bà chạy đi lấy hàng. Tôi biết cửa hàng này vì nó ở gần nhà, nhưng chưa vào trong lần nào. Có vẻ như nó là một cửa hàng bán đồ thể thao, dù họ còn bán những thứ khác. Gần đây nhất họ bán cả những ngôi sao vàng tự tạo, vì vải màu vàng bây giờ tất nhiên là của hiếm. (Những thứ cần cho chúng tôi, mẹ kể tôi đã lo từ trước.) Nếu tôi nhìn không nhầm, phát minh của họ là vải căng lên một miếng bìa cứng, và như thế đương nhiên đẹp hơn, hơn nữa những cánh sao không bị may lệch nom nức cười như những ngôi sao tự may lấy ở nhà. Tôi nhận thấy chính họ

cũng đeo các sản phẩm ấy trên ngực áo. Và có vẻ như họ chỉ đeo chúng để khuyến khích khách hàng.

Nhưng bà già đã mang hàng ra. Từ lúc trước người bán hàng đã mạn phép hỏi liệu có phải chúng tôi mua hàng để chuẩn bị đi trại lao động. Mẹ kể tôi bảo phải. Ông già gật đầu buồn bã. Ông còn giơ đôi tay nhăn nheo, đầy những vết da mồi, rồi buông xuống mặt bàn bằng một động tác cảm thông. Lúc ấy mẹ kể tôi bảo chúng tôi cần một chiếc ba lô, và hỏi xem có không. Ông già ngần ngừ, và rồi ông bảo: “Với ông bà thì có đấy.” Rồi ông quay lại bà vợ. “Con trai, lấy trong kho ra cho ông đây!” Chiếc ba lô được ưng ý ngay. Nhưng ông già còn bắt vợ lấy thêm vài đồ vật nữa, mà theo ông “ông nhà không thể thiếu những thứ này ở nơi ông sẽ đến.” Ông nói với chúng tôi bằng giọng rất tế nhị và thông cảm, và nếu có thể, bao giờ ông cũng tránh phải nhắc tới cụm từ “lao động khổ sai.” Ông giới thiệu toàn những đồ hữu dụng, một hộp đựng thức ăn kín, dao bỏ túi, với nhiều dụng cụ bỏ trong bao đựng, túi đeo bên sườn, và những thứ khác mà theo ông người ta hay tìm mua “trong những hoàn cảnh tương tự.” Mẹ kể tôi mua con dao nhíp cho cha. Tôi cũng thích con dao. Khi đã mua đủ các thứ, ông chủ cửa hàng liền bảo vợ: “Tính tiền!” Bà già mặc chiếc áo đen, nặng nhọc lách tấm thân kèn càng múp míp vào giữa máy tính tiền và cái ghế đệm. Ông chủ tiễn chúng tôi ra tận cửa, rồi nói: “Mong ông khi khác cũng gặp may mắn,” rồi tin cậy ghé sát vào cha tôi, nói nhỏ thêm: “Cứ như cách chúng ta nghĩ nhé, thưa ông, cả ông và tôi.”

Cuối cùng chúng tôi cũng về đến nhà. Chúng tôi sống trong một ngôi nhà thuê gần quảng trường, nơi có cả một bến xe điện. Khi đã lên đến tầng trên, mẹ kể tôi chợt nhớ đã quên không đổi phiếu bánh mì. Tôi phải quay lại cửa hàng bánh mì. Sau một lúc xếp hàng tôi mới lọt được vào trong quầy. Đầu tiên tôi phải đến chỗ bà vợ tóc vàng có bộ ngực phì nộn; bà ta cắt ô phiếu thích hợp, và sau đó tiếp tục đến chỗ lão thợ làm bánh mì, lão sẽ cân bánh. Lão không đáp lại lời chào của tôi, vì trong khu này mọi người đều biết lão không ưa người Do Thái. Vì thế mà lão đẩy ra cho tôi chỗ bánh mì thiếu vài deka³. Tôi nghe nói bằng cách ấy lão bớt xén được khá nhiều từ các

suất bánh mì. Và bằng cách nào đó, qua cái nhìn tức tối và động tác khéo léo của lão, giây phút ấy tôi bỗng hiểu sự thật về ý nghĩ của lão, lý do lão không thể ưa người Do Thái: lão có cảm giác khó chịu vì lão đang lừa dối họ. Có thể nói, lão hành động phù hợp với niềm tin của lão, hành động của lão được dẫn dắt bởi sự phán xét của một lý tưởng, điều này thì tôi phải thừa nhận, dĩ nhiên có thể là một cái gì đó khác hẳn.

Từ quầy bánh mì tôi vội vã quay về, vì đã quá đói bụng, nên tôi chỉ định dừng lại nói nhanh với Annamária một câu, vì đúng lúc tôi leo lên cầu thang thì nó đang nhảy chân sáo từ trên xuống. Nó ở cùng tầng với nhà tôi, trong gia đình Steiner, những người mà gần đây chúng tôi thường gặp bên nhà bác Fleischman. Trước đây chúng tôi ít để ý đến hàng xóm, nhưng nay hóa ra chúng tôi cùng một chủng tộc, và vì thế cần phải có các cuộc trao đổi quan điểm nho nhỏ vào các buổi tối về những triển vọng chung. Những lúc đó, hai chúng tôi thường nói chuyện khác, và nhờ thế mà tôi biết ông bà Steiner thực ra chỉ là cô chú của con bé, vì bố mẹ nó đang trong quá trình ly dị, vẫn chưa thỏa thuận được với nhau về nó, họ đã quyết định gửi nó ở đây thì hơn là ở với một trong hai người. Nó cũng từng ở trường nội trú, cũng vì lý do giống tôi trước đây. Nó cũng trạc mười bốn tuổi, cổ cao, phía dưới ngôi sao vàng ngực bắt đầu đội áo nhú lên. Nó cũng được sai đi mua bánh mì. Nó còn muốn biết buổi chiều tôi có thích chơi bài tú lơ khơ hay không, bốn đứa, với nó và hai chị em một nhà ở trên chúng tôi một tầng. Annamária kết thân với hai chị em kia, còn tôi thì chỉ biết sơ vì thỉnh thoảng có gặp chúng trong hành lang hay dưới hầm trú ẩn. Cô em nhỏ nom chỉ khoảng mười một hoặc mười hai tuổi; cô chị lớn, tôi quen qua Annamária, cùng tuổi với nó. Thỉnh thoảng, nếu ở trong căn phòng trông ra sân của nhà mình, tôi thường thấy con bé vội vã từ nhà ra hoặc đang đi về nhà ở ngoài hành lang. Có mấy lần chúng tôi chạm trán nhau dưới cổng vào nhà. Tôi nghĩ, đã đến lúc có thể làm quen với cô nàng, và tôi cũng muốn như thế. Nhưng đúng lúc ấy tôi lại nghĩ tới cha tôi, thành ra tôi bảo Annamária, “Hôm nay thì không, vì cha tớ có giấy gọi.” Thế là nó sực nhớ ra rằng ở nhà chú nó đã nói tới chuyện của cha tôi. Nó bảo: “Tất nhiên, vậy thì thôi.” Chúng tôi im lặng một

lát. Rồi nó hỏi: “Thế ngày mai?” Tôi bảo nó, “Ngày kia thì hơn.” Rồi đột nhiên tôi nói thêm, “Có thể thôi.”

Về đến nhà, tôi thấy cha và mẹ kế đã ngồi bên bàn. Trong khi lấy thức ăn vào đĩa cho tôi, bà hỏi tôi có đói không? Tôi đáp: “Con đói kinh khủng,” – bất chợt tôi chẳng nghĩ tới điều gì khác, và sự thể đúng là như vậy. Bà lấy cho tôi một đĩa đầy, nhưng chỉ đơm vào đĩa mình tí chút. Không phải tôi, mà là cha nhận thấy, và ông hỏi bà tại sao. Bà đáp đại khái là trong giờ phút này bà không thể nào nuốt nổi, và khi đó tôi cũng thấy ngay là mình có lỗi. Sự thực, cha tôi không bằng lòng vì bà làm như vậy, bởi bà không được tự bỏ bê mình lúc này, khi hơn bao giờ hết, nghị lực và sự kiên gan của bà cần đến nhất. Mẹ kế tôi không đáp, nhưng tôi nghe có tiếng động, và khi ngẩng đầu lên tôi nhận ra: bà đang khóc. Tôi lại cảm thấy hết sức lúng túng, và tôi cố chỉ dán mắt vào đĩa thức ăn của mình. Nhưng vẫn thấy cử chỉ của cha tôi đưa tay về phía bà. Một phút sau, tôi thấy cả hai ngồi im lặng, và khi cẩn thận ngược nhìn lên, tôi thấy họ nắm tay nhau và chăm chú nhìn nhau, giống như đàn ông và đàn bà hay làm với nhau.

Tôi chẳng khi nào thích nhìn cảnh này, giờ đây tôi cũng cảm thấy khó chịu. Tuy nhiên, xét cho cùng đây là điều hoàn toàn bình thường, tôi nghĩ vậy. Nhưng tôi vẫn không thích. Không hiểu tại sao. Tôi thấy dễ chịu hơn ngay khi cha và mẹ kế tôi tiếp tục trò chuyện. Họ lại nói đến bác Sütő, đôi lời thôi, và dĩ nhiên về cái hộp và cơ sở kia của gia đình. Tôi nghe tiếng cha nói, điều làm ông an tâm là ít nhất những thứ ấy cũng “nằm trong tay người tử tế,” như ông nhận xét. Mẹ kế tôi chia sẻ sự yên tâm ấy với ông, mặc dù bà có nhắc qua đến chuyện “những bảo đảm” chỉ dựa vào mỗi lời hứa danh dự, và quan trọng là liệu như thế có đủ hay không. Cha tôi nhún vai bảo không chỉ trong đời sống kinh doanh, mà cả “trong những lĩnh vực khác của cuộc sống” cũng không bao giờ còn sự bảo đảm cho bất cứ điều gì. Mẹ kế tôi buông một tiếng thở dài về đồng tình: bà ân hận vì đã nói đến việc kia, bà xin cha tôi đừng nói thế, đừng nghĩ đến những chuyện ấy nữa. Nhưng ông lại nghĩ về chuyện vắng ông, một mình mẹ kế tôi sẽ xoay xở ra sao với bao công việc trút lên bà trong thời buổi khó khăn này. Mẹ kế tôi bảo bà không

đơn độc, vì có tôi ở bên bà. Mẹ con tôi, bà nói tiếp, sẽ chăm lo lẫn nhau đến khi ông trở về với chúng tôi. Và bà quay về phía tôi, hơi nghiêng đầu hỏi: “Có đúng vậy không con?” Bà mỉm cười, nhưng môi bà run run. Tôi đáp: “Đúng thế ạ.” Cha cũng nhìn tôi, đôi mắt ông hiền từ. Cử chỉ ấy làm tôi xúc động, và muốn làm một việc gì đó chiều lòng ông, tôi đẩy đĩa thức ăn ra xa. Ông nhận ra, và hỏi vì sao. Tôi thưa, “Con không muốn ăn nữa.” Tôi thấy điều đó làm ông hài lòng: ông đưa tay vuốt tóc tôi. Và cử chỉ âu yếm ấy, lần đầu tiên trong ngày hôm nay, làm tôi thấy có gì nghèn nghẹn trong cổ họng, tôi không khóc, nhưng nôn nao. Tôi muốn giá như cha đã đi khỏi đây. Một cảm giác tồi tệ, nhưng tôi cảm nhận rõ rằng tôi không thể nghĩ điều gì khác về ông, và trong giây phút ấy tôi hết sức lúng túng. Ngay sau đó tôi đã có thể khóc, nhưng không còn thời gian nữa, vì nhà có khách.

Mẹ kể tôi đã nói về họ từ lúc nãy: chỉ toàn người thân trong gia đình, nên bà mới làm vậy. Thấy cha tôi làm một cử chỉ gì đó, bà nói thêm, “Nhưng, mọi người chỉ muốn đến chia tay ông. Đó là lẽ tự nhiên!” Còn chưa kịp nói gì thêm thì đã có tiếng chuông cửa: chị gái mẹ kể tôi và mẹ bà đến. Lát sau cả ông bà thân sinh ra cha tôi, tức ông bà nội tôi, cũng đến. Chúng tôi vội đỡ bà nội tôi ngồi xuống chiếc đi văng, vì cả với đôi mắt kính dày như kính lúp, bà cũng gần như chẳng nhìn thấy gì, và bà cũng điếc với mức độ ít nhất là như thế. Nhưng dù sao bà vẫn muốn tham gia và góp một tay vào các việc đang diễn ra quanh bà. Những lúc đó, đâm ra lại thêm nhiều việc, vì một đằng phải liên tục quát vào tai cho bà biết việc gì đang đến đâu, đằng khác phải khéo léo ngăn bà đừng can thiệp vào, vì bà chỉ làm rối tung mọi thứ.

Thân mẫu của mẹ kể tôi đội mũ chòm hình nón, rộng vành, phía trước còn gài ngang một chiếc lông chim. Nhưng bà bỏ mũ xuống ngay, để lộ mái tóc đẹp, thưa, trắng như tuyết, với một búi tóc nhỏ tết mảnh. Gương mặt bà mảnh dẻ, vàng vọt, đôi mắt to đen, trên cổ bà trễ xuống hai túm da nhăn nheo, nom bà giống một loài chó săn tinh khôn nào đó. Đầu bà lúc nào cũng hơi rung rung. Bà được giao việc xếp đồ vào ba lô cho cha tôi, vì bà rất thạo việc này. Bà bắt tay vào làm ngay, theo danh mục mà mẹ kể tôi đưa cho.

Nhưng chẳng có việc gì cho chị gái mẹ kế tôi làm. Bác ta già hơn em gái nhiều, và nom hai người cứ như không phải là chị em: bác nhỏ người, béo và mặt bác cứ như gương mặt một con búp bê đang ngỡ ngàng. Bác nói rất nhiều, còn khóc nữa, và ôm khắp lượt mọi người. Khó khăn lắm tôi mới thoát khỏi bộ ngực mềm mềm sức nức mùi phấn xoa của bác. Khi bác ngồi xuống, toàn bộ khối thịt trên người như trút xuống đôi chân ngắn ngủn của bác. Và xin nói về ông nội tôi đôi lời: ông đứng nguyên một chỗ, bên cạnh đi vắng bà nội tôi ngồi, kiên nhẫn nghe những lời ca cẩm của bà. Đầu tiên bà khóc vì cha tôi; đến khi những phiền muộn khác làm bà lãng quên việc của cha tôi. Bà kêu đau đầu, và than thở vì có tiếng ầm ào trong tai do chứng huyết áp gây nên. Ông nội tôi đã quên: ông cũng không trả lời bà. Tuy nhiên ông không rời khỏi chỗ đang đứng, từ đầu đến cuối. Không hề thấy ông cất tiếng nói, lần nào nhìn về phía ấy, tôi cũng thấy ông vẫn đứng nguyên một chỗ, trong góc phòng bắt đầu mờ mờ tối vì chiều đã muộn, chỉ còn một chút ánh sáng yếu ớt, vàng vọt đọng trên vầng trán và cánh mũi ông, trong khi hai hốc mắt và phần dưới gương mặt của ông đã lặn vào bóng tối. Nhưng ánh mắt nhấp nháy phát ra từ đôi mắt bé xíu của ông tiết lộ rằng ông vẫn lặng lẽ dõi theo những gì đang diễn ra trong căn phòng.

Ngoài ra, còn đến thêm một người chị họ của mẹ kế tôi, cùng đi với chồng. Tôi gọi ông này là bác Vili, vì đó là tên ông. Chân bác bị một dị tật, nên một bên bác đi giày đế cao hơn, cũng nhờ thế mà bác được ưu tiên không phải vào trại lao động. Đầu bác hình quả lê, phía trên to tròn và hói, hai bên má hóp dần xuống dưới cằm. Trong gia đình mọi người tôn trọng ý kiến bác, vì trước khi mở văn phòng đua ngựa, bác đã từng viết báo. Ngay lúc này bác cũng muốn kể các tin tức đáng chú ý bác có “từ những nguồn tin cậy” mà bác gọi là “tuyệt đối xác tín.” Bác ngồi xuống một chiếc ghế bành, duỗi thẳng chân về phía trước, xoa đôi bàn tay khô khốc vào nhau, bác cho chúng tôi biết “không lâu nữa tình cảnh của chúng tôi sẽ thay đổi tận gốc rễ,” vì “các cuộc mật đàm” về chúng tôi đã bắt đầu “giữa người Đức và các cường quốc Đồng minh, thông qua các nhân mối trung lập.” Người Đức, theo cách giải thích của bác Vili, “nay chính họ cũng đã nhận ra tình trạng tuyệt vọng của họ trên các mặt trận.” Theo cách nhìn nhận của bác thì chúng

tôi – “cộng đồng người Do Thái” ở Budapest, trên thực tế chính là một “cơ hội đến đúng lúc” cho họ “sử dụng thử trực lợi phe Đồng minh,” và dĩ nhiên phe Đồng minh sẽ làm mọi việc có thể để cứu giúp chúng tôi; đến đây bác nhắc tới, theo bác, “một yếu tố quan trọng” mà bác biết qua kinh nghiệm làm báo, và bác gọi nó là “dư luận thế giới”; bác nói rằng những sự kiện xảy ra với chúng tôi sẽ làm “chấn động” dư luận thế giới. Cuộc ngã giá đương nhiên sẽ rất căng thẳng, – bác tiếp tục, – và đây chính là lời giải đáp cho tính nghiêm trọng của những biện pháp chống lại chúng ta hiện thời; và những vụ việc này là hệ quả tất yếu của “ván bài lớn trong đó thực chất chúng ta là công cụ của một mưu đồ ngã giá quốc tế có tầm cỡ khủng khiếp”; nhưng bác bảo, tuy nhiên, là người biết rõ những gì “diễn ra sau hậu trường,” trước hết bác chỉ coi đó là một “trò bịp ngoạn mục” mà thôi, để đạt được sự ngã giá có lợi hơn, bác chỉ yêu cầu chúng tôi một chút nhẫn nại, trong khi chờ “các sự kiện tự chúng diễn biến.” Nghe vậy, cha tôi liền hỏi liệu điều đó có thể diễn ra trong ngày mai chẳng, hay ông có thể coi cái giấy gọi cũng “chỉ là trò bịp” thậm chí ông chẳng cần vào trại lao động nữa. Nghe cha tôi nói, bác Vili hơi lúng túng. “Không, dĩ nhiên là không” bác trả lời. Nhưng bác nói bác hoàn toàn yên tâm vì không bao lâu cha tôi sẽ trở về. “Ta đang ở giờ thứ mười hai,” bác bảo, xoa xoa hai tay vào nhau. Rồi bác còn thêm, “Giá như tôi có thể chắc chắn trong những dự đoán bất kỳ nào khác tương tự như trong việc này, thì bây giờ tôi không là một gã kiết xác thế này!” Bác ta còn định nói nữa, nhưng mẹ kể tôi và thân mẫu bà vừa gói ghém đồ đạc vào ba lô xong, và cha tôi đã đứng dậy khoác thử xem nó nặng chừng nào.

Anh trai cả của mẹ kể tôi, bác Lajos, đến sau cùng. Bác giữ một vị trí hết sức quan trọng trong gia đình tôi, mặc dù tôi không thể nói chính xác vị trí đó là gì. Ngay lập tức bác muốn nói chuyện riêng với cha tôi. Tôi cảm thấy cha tôi khó chịu vì việc này, dù rất tế nhị, nhưng có vẻ ông gắng cho xong càng nhanh càng hay. Rồi bác bất chợt gọi tôi. Bác bảo muốn “trò chuyện với cháu một lát.” Bác lôi tôi lại một góc phòng trống, để tôi đứng sát tủ, đối diện với bác. Bác mở đầu rằng, chắc tôi đã biết ngày mai cha sẽ “xa chúng tôi.” Tôi bảo: cháu biết. Bác bảo bác muốn nghe tôi nói tôi có nhớ cha không. Tôi đáp, hơi bực mình vì câu hỏi của bác, “Tất nhiên là có.” Và

cảm thấy chưa đủ tôi còn nói thêm, “Cháu sẽ rất nhớ.” Nghe thế bác chỉ gật gật đầu một lát, nét mặt có vẻ phiền muộn.

Sau đó bác cho tôi biết vài việc thú vị và bất ngờ. Chẳng hạn bác bảo, một giai đoạn nhất định trong cuộc đời tôi, bác gọi là “những năm niên thiếu vô tư và hạnh phúc,” vào cái ngày đáng buồn hôm nay, đối với tôi đã khép lại. Có lẽ, bác nói, tôi chưa nghĩ đến nó dưới hình thức như thế. Tôi thú nhận: chưa. Chắc là, bác tiếp, vì thế mà những lời bác nói cũng không gây bất ngờ đặc biệt cho tôi. Tôi lại đáp: không. Khi đó bác cho biết, với sự ra đi của cha tôi, mẹ kế tôi sẽ mất chỗ dựa, và mặc dù gia đình “sẽ để mắt đến bà,” chỗ dựa chính của mẹ kế từ nay sẽ là tôi. Đúng thế đấy, bác nói, và tôi phải sớm nhận thức được “nỗi lo và thiếu thốn là gì.” Vì rõ ràng từ nay cuộc sống của tôi sẽ không dễ dàng như trước, bác không muốn giấu tôi điều này, vì bác nói chuyện với tôi “như với một người lớn.” “Giờ đây,” bác bảo, “cháu cũng chia sẻ số phận chung của người Do Thái,” rồi bác nói rõ hơn về chuyện này, bác bảo số phận này là “sự xua đuổi liên tục kéo dài hàng ngàn năm,” nhưng người Do Thái phải “chấp nhận với sự an nhiên và kiên nhẫn hy sinh,” bởi Chúa đã trừng phạt họ vì những tội lỗi của họ trong dĩ vãng, chính vì thế chỉ có thể chờ đợi sự ân xá từ chính Người; nhưng cho đến lúc đó Người mong mỗi chúng ta, trong tình hình khó khăn này, hãy vững vàng trên vị trí mà Người đã chỉ định cho chúng ta, “theo năng lực và khả năng của mình.” Chẳng hạn như tôi, theo bác, phải đứng vững trong vai trò người chủ gia đình. Rồi bác hỏi tôi có cảm thấy mình có đủ nghị lực và sự chuẩn bị sẵn sàng để đóng vai trò đó chưa. Dù không hiểu hết mạch suy nghĩ của bác, đặc biệt những điều bác nói về người Do Thái, về tội lỗi và Chúa của họ, nhưng những lời bác nói đã tác động mạnh đến tôi. Tôi đáp, “Vâng.” Bác có vẻ hài lòng. Tốt lắm, bác nói. Bác vẫn biết tôi là cậu bé thông minh, “có tình cảm sâu sắc và ý thức trách nhiệm nghiêm túc,” và giữa bao nhiêu tai họa thì đây là một niềm an ủi nhất định đối với bác, như đã rõ qua những gì bác nói. Rồi bác đưa mấy ngón tay, mặt ngoài có những nút lông, mặt trong phủ đầy nốt bạch huyết, xuống dưới cằm nâng mặt tôi lên, nói nhỏ, giọng hơi run: “Cha cháu chuẩn bị đi một chuyến xa. Cháu đã cầu nguyện cho cha chưa?” Trong ánh nhìn của bác có cái gì đó nghiêm khắc, và có lẽ điều này đã đánh

thức trong tôi cảm giác ân hận vì đã bỏ lỡ một việc có thể làm cho cha tôi, bởi tự mình tôi không nghĩ ra nổi việc này. Nhưng giờ đây, khi bác nhắc tới, tôi bỗng cảm thấy có một gánh nặng, giống như một món nợ vậy, và để giải thoát khỏi nó, tôi thú thật, “Cháu chưa.” “Lại đây với ta!” bác bảo.

Tôi phải cùng bác vào căn phòng trông ra sân. Chúng tôi cầu nguyện ở đây, giữa vài thứ đồ gỗ lâu không dùng đã xộc xệch. Đầu tiên bác Lajos đặt một chiếc mũ màu đen nhỏ hình tròn, vãi lụa bóng lên phía sau đầu, chỗ có một khoảng trống nhỏ giữa mái tóc màu xám lưa thưa. Tôi cũng phải lấy mũ của mình từ phòng ngoài vào. Rồi bác rút trong áo khoác một cuốn sổ bìa đen có viền đỏ, lấy kính từ túi trên ra. Sau đó bác bắt đầu đọc kinh, còn tôi thì nhắc lại lời bác đọc, mỗi lần một đoạn đúng bằng đoạn bác đọc trước đó. Lúc đầu mọi việc đều ổn, nhưng chẳng bao lâu sau tôi bắt đầu thấy mệt, và hơn nữa, tôi hơi lúng túng là tôi không hiểu, dù chỉ một từ, những gì chúng tôi đang nói với Chúa, vì chúng tôi phải cầu Chúa bằng tiếng Hebrew⁴, mà tôi lại không biết ngôn ngữ này. Thế là để theo kịp, tôi buộc phải để ý đến cái miệng mấp máy của bác Lajos, nên cuối cùng trong tôi chỉ còn lưu lại hình ảnh cặp môi dày, ướm át cử động và âm thanh vô nghĩa của thứ ngôn ngữ xa lạ mà chúng tôi lầm nhấm. À, còn thêm một hình ảnh mà tôi có thể thấy phía trên vai bác Lajos, qua cửa sổ: cô chị lớn nhà trên đúng lúc ấy đang đi lướt qua trên dãy hành lang treo, đối diện với chúng tôi ở tầng trên, về phía căn hộ của họ. Hình như lúc đó tôi hơi lúng túng khi nhắc lại đoạn kinh cầu. Nhưng cầu nguyện xong, bác Lajos có vẻ hài lòng, thái độ qua gương mặt bác làm chính tôi cũng bắt đầu tin rằng chúng tôi đã làm được một điều gì đó cho việc của cha. Và quả là, xét cho cùng, thế này dù sao cũng khá hơn so với cảm giác nặng nề bị đòi hỏi lúc trước.

Hai bác cháu quay lại căn phòng sát đường phố. Đã nhập nhoạng tối. Chúng tôi đóng những cánh cửa sổ có dán giấy phòng không, ngoài kia là bầu trời màu xanh thẫm, ẩm ướt của mùa xuân. Mọi thứ giam kín chúng tôi trong căn phòng. Tiếng âm ỉ đã làm tôi mệt mỏi. Khói thuốc khiến mắt cay sè. Tôi ngáp liên hồi. Bà cụ thân sinh ra mẹ kế tôi dọn bàn ăn. Bà đã mang đồ ăn tối đến cho chúng tôi trong một chiếc túi xách lớn. Bà kiểm được cả

thịt ngoài chợ đen. Bà bảo từ này, khi mới đến. Cha tôi lấy tiền trong chiếc ví da, trả bà ngay lúc đó. Tất cả chúng tôi đã ngồi vào bàn ăn, thì bỗng nhiên bác Steiner và bác Fleischmann tới. Hai bác cũng muốn chia tay với cha tôi. Bác Steiner vào đề ngay, để khỏi “làm phiền mọi người.” Bác nói: “Tôi là Steiner, xin cả nhà cứ yên vị.” Bác vẫn đi đôi dép rách, áo gi lê không cài khuy để hở cái bụng phệ, miệng vẫn ngậm đầu đũa xỉ gà hôi sì muôn thuở. Bác có cái đầu to, mái tóc đỏ rể ngôi kiểu trẻ con nom ngồ ngộ. Bác Fleischmann gần như mất hút bên cạnh bác Steiner, vì vóc người nhỏ thó, bề ngoài tươm tất, mái tóc bạc trắng, da xám chì, đeo kính mắt như mắt cú mèo và nét mặt lúc nào cũng có vẻ lo âu. Bác chỉ im lặng gật gù bên cạnh bác Steiner và cứ nặn bóp các ngón tay, vẻ như cáo lỗi vì bác Steiner. Tuy nhiên, điều này tôi không dám đoán chắc. Hai ông già gần bó với nhau không thể tách rời tuy rằng họ tranh cãi thường xuyên, vì hầu như không nhất trí với nhau trong bất cứ vấn đề gì. Họ lần lượt bắt tay cha tôi. Bác Steiner còn vỗ vỗ lên lưng cha. Bác gọi cha tôi là “ông bạn già,” và bác pha trò bằng câu nói cũ rích: “Hãy cứ cúi đầu và đừng bao giờ đánh mất sự thất vọng của chúng ta.” Bác còn nói thêm rằng từ nay trở đi các bác sẽ để ý giúp đỡ tôi và “bà trẻ” (cách bác gọi mẹ kế tôi) – nghe nói thế bác Fleischmann lia lịa gật đầu. Đôi mắt bé xíu của bác chớp liên hồi. Rồi bác kéo cha tôi sát vào bụng bác và ôm lấy ông. Sau khi hai người đi khỏi, tất cả chìm trong tiếng lách cách thìa nĩa chạm vào nhau, tiếng trò chuyện, mùi thức ăn và khói thuốc. Chỉ còn thấy những mảnh vỡ rời rạc của một gương mặt hoặc một cử chỉ từ màn sương bao phủ quanh tôi, đặc biệt là mái đầu rung rung, tóc vàng, gầy guộc của bà thân sinh ra mẹ kế tôi đi lại tiếp thức ăn vào đĩa mọi người; rồi đôi bàn tay bác Lajos giơ ra trước ngực như ngăn cản, vì đức tin của bác cấm ăn món ăn chế biến từ thịt lợn; đôi má béo mạp, cái cằm cử động và đôi mắt rớm lệ của bác gái chị mẹ kế tôi; rồi đột nhiên cái đầu trọc lóc hồng hào của bác Vili hiện lên dưới quầng sáng đèn và tôi lại nghe loáng thoáng những lời bình luận đầy lạc quan của bác; tôi còn nghe thấy những lời trịnh trọng của bác Lajos được mọi người đón nhận trong im lặng, trong đó bác xin Chúa cứu giúp chúng tôi để “tất cả có thể mau đoàn tụ quanh bàn gia đình, trong yên hàn, trong tình thương yêu và sự bằng an.” Tôi gần như

không nhìn thấy cha tí nào, nhưng vẫn trông thấy mẹ kể tôi chỉ vì mọi người quan tâm đến bà còn nhiều hơn đến cha, một lần bà kêu đau đầu, mấy người hỏi bà muốn uống thuốc viên hay chườm khăn ấm, nhưng bà bảo không cần. Thình thoảng tôi phải để ý đến bà nội, lúc lúc lại phải dẫn bà trở lại chiếc đi vắng, chú ý đến vô khối lời than phiền và đôi mắt chẳng nhìn rõ thứ gì của bà, hai mắt kính dày đã mờ vì nước mắt. Rồi cũng đến lúc tất cả mọi người rời khỏi bàn. Đó là khi bắt đầu cuộc chia tay lần cuối. Bà nội và ông nội tôi ra về trước gia đình mẹ kể tôi một lúc. Và có lẽ ấn tượng đặc biệt nhất trong buổi tối hôm ấy còn lại trong tôi là hành động duy nhất của ông nội, làm mọi người để ý đến ông: khi chỉ trong một khoảnh khắc duy nhất, nhưng mạnh mẽ và gần như vô thức, ông ngả mái đầu nhỏ nhắn lên ngực cha tôi. Cả người ông co lại và rung lên. Rồi ông khoác tay bà tôi, vội vã bước ra. Mọi người đều tránh sang bên nhường lối cho hai người. Nhiều người ôm tôi, và tôi cảm thấy những vết ướm vương trên mặt. Cuối cùng căn phòng bỗng yên lặng, vì mọi người đã về hết.

Và đến lúc tôi cũng chia tay cha. Hay đúng hơn là ông chia tay tôi. Tôi không còn nhớ chính xác từng chi tiết; hình như cha tôi ra ngoài tiễn khách, vì có một lúc còn lại mỗi mình tôi bên cái bàn la liệt thức ăn thừa, và tôi chỉ sực tỉnh khi cha tôi quay lại. Ông trở lại có một mình. Ông muốn chia tay tôi. Sớm mai sẽ không còn thời gian nữa, ông bảo thế. Đại khái ông cũng nói những điều tương tự về trách nhiệm và sự trưởng thành của tôi, những điều tôi đã nghe bác Lajos nói một lần vào buổi chiều, chỉ không có Chúa, không có những mỹ từ và ngắn hơn nhiều. Cha cũng nhắc đến mẹ tôi: theo ông, bây giờ chắc mẹ sẽ cố “lôi kéo con ra khỏi nhà để về với bà ấy.” Tôi thấy ý nghĩ này làm ông thật sự lo lắng. Cha mẹ tôi đã giằng co một thời gian dài để tranh quyền sở hữu tôi, cho đến cuối cùng khi phán quyết của tòa ưu tiên cho cha tôi, giờ đây, tôi cảm thấy mình có thể hiểu được, ông không muốn mất đi quyền được nuôi tôi chỉ bởi tình thế bất lợi của ông. Nhưng ông không vin vào luật pháp, mà dựa vào sự suy xét của tôi, và vào sự khác biệt giữa mẹ kể tôi, người đã tạo cho tôi “không khí ấm cúng gia đình,” với mẹ đẻ tôi, người đã “bỏ rơi” tôi. Tôi bắt đầu chú ý nghe ông nói, vì về tình tiết này mẹ tôi kể khác: theo mẹ, cha là người có lỗi. Vì vậy mẹ buộc phải chọn

một người chồng khác, là bác Dani (thực ra là Dénes), tuần trước bác bất ngờ phải đi, cũng vào trại lao động. Nhưng trên thực tế, tôi không bao giờ được biết chính xác hơn, còn ngay lúc này cha tôi cũng lại nói về mẹ kế, ông bảo nhờ có bà mà tôi được rời trường nội trú, và chỗ của tôi là “ở trong gia đình, bên cạnh bà.” Cha còn nói nhiều về mẹ kế, giờ thì tôi đã lờ mờ hiểu vì sao bà không có mặt vào lúc này: chắc bà sẽ khó xử. Còn tôi thì bắt đầu thấy mệt mỏi. Và tôi không nhớ đã hứa với cha những gì khi ông mong muốn ở tôi điều đó. Một phút sau tôi bỗng thấy mình trong vòng tay cha tôi, ông ghì siết làm tôi bất ngờ và lúng túng sau những lời nói. Tôi không biết vì thế hay đơn giản chỉ vì mệt quá mà nước mắt tôi cứ ứa ra, hay có lẽ vì ngay từ khi mẹ kế tôi nhắc nhở lần đầu vào sáng sớm nay, bằng cách nào đó tôi đã chuẩn bị để đúng thời điểm này nhất thiết phải rơi lệ; bất kể vì lý do gì thì sự việc diễn biến như thế này là tốt, vì tôi cảm thấy cha rất hài lòng khi nhìn thấy tôi khóc. Sau đó ông giục tôi đi nằm. Tôi cũng đã quá mệt. Nhưng, tôi nghĩ, dù có thế nào, thì ít nhất chúng tôi đã tiễn cha vào trại lao động bằng kỷ niệm về một ngày tốt lành.

2.

Chúng tôi tiễn cha đi đã được hai tháng. Mùa hè mới bắt đầu. Nhưng trường trung học cho nghỉ hè từ lâu rồi. Người ta lấy cớ đang có chiến tranh. Máy bay thường xuyên ném bom xuống thành phố, và từ đó đến nay đã có những đạo luật mới về người Do Thái được ban hành. Từ hai tuần nay tôi cũng phải đi làm. Trên tờ giấy chính thức người ta thông báo tôi “được phân về nơi làm việc thường xuyên.” Mục người nhận ghi: “thanh niên phụ việc học nghề Köves György,” qua đó tôi biết ngay trong vụ này có bàn tay của hội Levente⁵. Nhưng tôi còn nghe nói dạo này trong các nhà máy hay những nơi tương tự họ đưa cả người chưa đến tuổi lao động chính thức vào làm việc, như tôi chẳng hạn. Cùng với tôi có mười tám thiếu niên khác, vì những lý do giống nhau, đều trạc tuổi mười lăm. Chỗ làm việc nằm trên đảo Csepel⁶, có tên là “Các xưởng tinh chế dầu mỏ Shell.” Như vậy, thực chất là tôi còn được ưu tiên, vì với ngôi sao vàng, cấm không được ra khỏi đường biên thành phố. Mà tôi được nhận giấy chứng nhận hẳn hoi, với con dấu của chỉ huy binh xưởng và lời phê: “Được phép đi qua đường biên thuế quan Csepel.”

Về công việc, không thể nói là quá nặng nhọc, và như vậy, đám con trai còn khá vui vẻ: chúng tôi chỉ phụ việc cho thợ nề. Vì xưởng tinh chế dầu bị đánh bom, nên chúng tôi phải khôi phục các hư hại do oanh tạc cơ gây ra. Ông thợ cả phụ trách cũng đối xử với chúng tôi đúng mực: cuối tuần ông còn tính công trả chúng tôi, cũng như cho thợ chính thức của ông. Nhưng mẹ kể tôi chủ yếu mừng vì cái thẻ chứng nhận. Vì từ trước đến nay, hễ tôi cứ ra đường lần nào là bao giờ bà cũng rất lo lắng, không biết khi cần tôi sẽ chứng minh nhân thân thế nào. Còn từ nay bà không có gì phải lo ngại nữa vì cái thẻ chứng nhận sẽ chứng tỏ tôi không sống theo ý thích của tôi, mà tôi làm công việc có ích lợi quân sự trong nhà máy, và điều này hiển nhiên được đánh giá theo một cách khác hoàn toàn. Đây cũng là ý kiến của cả gia đình.

Chỉ có bác chị gái mẹ kể tôi là ít nhiều than thở, bác bảo thế nghĩa là tôi phải làm việc chân tay, và bác nhìn tôi gần như với đôi mắt mọng nước: thế liệu tôi có còn đến trường trung học nữa hay không? Tôi bảo bác công việc chỉ làm tôi khỏe ra. Cả bác Vili cũng lập tức cho rằng tôi nói phải, bác Lajos thì nhắc: chúng ta phải chấp nhận sự sắp đặt của Chúa, rồi bác im lặng. Bác Lajos còn gọi riêng tôi ra, và nói với tôi vài câu nghiêm túc: trong đó bác nhắc tôi chớ quên rằng, ở nơi làm việc tôi không chỉ đại diện cho bản thân mình, mà còn đại diện cho “cả cộng đồng Do Thái,” và do vậy, vì họ, tôi phải chú ý tới thái độ ứng xử của mình, bởi qua đó người ta sẽ phán xét tất cả chúng tôi. Thực lòng tôi chưa nghĩ tới chuyện này. Nhưng dĩ nhiên, có thể bác nói đúng.

Thư cha tôi gửi từ trại lao động vẫn về đúng hẹn: ơn Chúa, ông vẫn khỏe mạnh, ông chịu đựng được công việc, và cách đối xử, theo ông viết, cũng con người. Gia đình cũng bằng lòng với nội dung những bức thư. Theo ý kiến của bác Lajos thì cho tới nay Chúa vẫn ở bên cha tôi, và bác nhắc tới việc phải cầu nguyện hằng ngày, để Chúa tiếp tục phù hộ cho ông, vì Người là đấng quyền năng trên tất cả. Bác Vili thì đoán chắc rằng bây giờ chúng tôi chỉ phải cầm cự “một thời gian quá độ ngắn” nữa thôi, vì, theo lời bình của bác, các cuộc đổ bộ của những cường quốc Đồng minh đã “vĩnh viễn quyết định số phận” của nước Đức.

Cho đến lúc này tôi cũng sống được với mẹ kế mà không có bất đồng quan điểm gì. Còn bà thì trái lại, bà buộc phải trở nên nhân nhả: người ta đã ra lệnh cho bà đóng cửa hiệu, vì người có dòng máu không trong sạch không thể làm nghề buôn bán. Nhưng có vẻ như con bài mà cha tôi đặt vào tay bác Sütő đã gặp may, và thế là tuần nào bác cũng đem đến cho mẹ kế tôi phần lời sinh ra từ cơ sở kia của chúng tôi, đúng như bác đã hứa với cha tôi. Lần vừa rồi bác cũng đúng hẹn, và đặt lên bàn một khoản kha khá, tôi thấy có vẻ thế. Bác hôn tay mẹ kế và với tôi, bác cũng có đôi lời thân tình. Như thường lệ, bác hỏi han kỹ lưỡng về tình hình “ông chủ”. Đã đến lúc sắp chia tay, thì bác chợt nhớ ra điều gì.

Bác lấy từ trong cặp ra một cái bọc. Nom bác hơi lúng túng. “Thưa bà,” bác nói, “tôi hy vọng cái này sẽ hữu ích cho gia đình ta.” Trong bọc có mỡ, đường và vài thứ khác. Tôi ngờ là bác kiếm được những thứ đó ngoài chợ đen, có lẽ vì bác cũng đã đọc được quyết định: người Do Thái phải bằng lòng với khẩu phần thực phẩm cung cấp ít ỏi hơn. Ban đầu mẹ kể tôi cố từ chối, nhưng bác Sütő rất cương quyết, và cuối cùng, tất nhiên bà không thể khước từ thiện ý của bác. Khi chỉ còn hai chúng tôi, bà hỏi theo tôi bà có hành động đúng không khi nhận gói quà. Tôi bảo đúng, vì bà không thể làm mất lòng bác Sütő bằng việc không nhận, xét cho cùng bác ấy chỉ muốn điều tốt. Bà cũng nghĩ như vậy, và bà còn nói, bà tin rằng cha tôi cũng đồng ý với việc làm của bà. Đúng vậy, tôi cũng không hề nghĩ khác. Hơn nữa, bà là người biết rõ điều đó hơn tôi.

Mỗi tuần tôi vẫn đến thăm mẹ hai lần, vào những buổi chiều tôi thuộc về mẹ, như thường lệ. Với mẹ, tôi gặp nhiều khó khăn hơn. Đúng như cha tôi dự đoán trước, mẹ không thể nào chịu chấp nhận chỗ của tôi là ở bên cạnh mẹ kế. Mẹ bảo tôi “thuộc về mẹ đẻ.” Nhưng tôi được biết tòa đã xử cho tôi ở với cha, và như vậy quyết định của tòa có hiệu lực. Nhưng Chủ nhật này mẹ lại căn vặn tôi muốn sống thế nào, vì theo mẹ chỉ có duy nhất ý muốn của tôi là quan trọng, và điều này nữa: tôi có yêu mẹ hay không. Tôi trả lời: tất nhiên là tôi yêu mẹ! Nhưng mẹ giải thích, yêu có nghĩa là “gắn bó với người nào đó,” thế mà mẹ thấy tôi lại gắn bó với mẹ kế tôi. Tôi cố làm cho mẹ hiểu, mẹ nghĩ nhầm, vì không phải tôi gắn bó với mẹ kế, mà – như mẹ cũng biết – đó là quyết định của cha. Nghe thế mẹ lại bảo, đây là chuyện cuộc đời tôi, chính tôi phải quyết định chuyện này, hơn nữa “không phải là lời nói, mà việc làm mới chứng minh” tình yêu với mẹ. Tôi ra về trong cảm giác trĩu nặng: tất nhiên tôi không thể để mẹ nghĩ là tôi không yêu bà, mặt khác tôi không coi những điều mẹ nói về tầm quan trọng của ý muốn của tôi, và về việc tôi phải tự quyết định, là nghiêm chỉnh. Xét cho cùng, đây là cuộc tranh cãi của cha mẹ tôi. Trong việc này, tôi là người khó phân xử. Hơn nữa, tôi không thể nuốt lời với cha đúng vào lúc này, khi ông đang ở trong trại lao động. Nhưng dù sao, tôi vẫn bước lên tàu điện với ý nghĩ nặng nề, vì dĩ

nhiên tôi gắn bó với mẹ, và tất nhiên tôi khổ tâm vì hôm nay cũng chẳng làm được gì cho bà.

Có thể cảm giác khổ tâm ấy là nguyên nhân khiến tôi cứ nấn ná mãi mới chia tay mẹ. Chính mẹ phải giục tôi về kẻo muộn, vì buổi tối người đeo sao vàng chỉ được ở ngoài đường đến tám giờ. Tôi giải thích cho mẹ, bây giờ đã có giấy chứng nhận, tôi không cần tuân thủ quá nghiêm ngặt mọi quy định.

Mặc dầu vậy tôi vẫn leo lên ngăn cuối cùng của toa phụ móc thêm trên tàu điện, cẩn thận đúng như quy định trên tàu. Tôi về đến nhà lúc gần tám giờ, dù tối mùa hè trời còn sáng, một vài ô cửa sổ đã được bật kín bởi những tấm bảng màu đen và xanh. Mẹ kể tôi cũng đã sốt ruột, nhưng đúng hơn chỉ là do thói quen, vì tôi đã có thẻ chứng nhận. Buổi tối, như thường lệ, chúng tôi ngồi bên nhà bác Fleischmann. Hai ông già vẫn khỏe, luôn tranh cãi, nhưng cả hai đều cho việc tôi đi làm là đúng, dĩ nhiên vì cái thẻ chứng nhận. Tôi và mẹ kể không thông thạo đường đi về phía đảo Csepel, nên lần đầu tiên phải hỏi đường các bác. Bác Fleischmann khuyên nên đi tàu điện ngoại ô, bác Steiner thì bảo đi xe bus, vì theo bác, bến xe bus ở gần ngay xưởng dầu, trái lại từ bến xe điện còn phải đi bộ nhiều – sau này chứng tỏ điều bác nói đúng như vậy. Nhưng lúc đó chúng tôi còn chưa biết, và bác Fleischmann rất bực mình: “Bao giờ cũng chỉ ông là đúng” bác làu bàu. Cuối cùng hai bà vợ béo phải đứng ra can thiệp. Tôi và Annamária được một trận cười thỏa thích.

Với cô bé, tình cờ tôi rơi vào một tình huống hơi khác thường. Chuyện xảy ra lúc có báo động phòng không tối hôm kia, dưới hầm trú ẩn, đúng hơn là trong một ngách hầm tối lờ mờ dẫn ra từ hầm lớn. Lúc đầu tôi chỉ muốn chỉ cho cô nàng thấy có thể quan sát những gì diễn ra bên ngoài từ chỗ này một cách rất thú vị. Nhưng sau một phút, chúng tôi nghe có tiếng một trái bom nổ gần, toàn thân nàng bắt đầu run rẩy. Tôi cảm thấy rõ ràng, vì trong lúc sợ hãi nàng đã quàng tay ôm lấy cổ tôi, và úp mặt lên vai tôi. Rồi tôi chỉ còn nhớ tôi đã lần tìm đôi môi nàng. Chỉ còn ấn tượng mờ nhạt về sự tiếp xúc ấm nóng, ươn ướt, hơi dập dính còn lại trong tôi. Và sự ngạc nhiên như

mừng rỡ, vì dấu sao đó cũng là nụ hôn đầu tiên của tôi với một đứa con gái, lại đúng vào thời điểm tôi không hề tính đến.

Hôm qua, ngoài cầu thang tôi mới biết, chính nàng cũng rất bất ngờ. “Tất cả chỉ là do quả bom,” nàng kết luận, về cơ bản nàng nói đúng. Rồi sau đó chúng tôi lại hôn nhau, và đó là lúc tôi học được ở nàng cách làm cho cái hôn trở nên có ấn tượng đáng nhớ lâu hơn, nhờ việc cả hai cùng dành cho lưỡi mình một vai trò nhất định.

Tối nay tôi và nàng cũng vào một phòng khác, để xem bể cá cảnh của bác Fleischmann, vì đúng là vào những dịp khác chúng tôi cũng thường xem cá cảnh. Lúc này tất nhiên chúng tôi vào đây không chỉ vì điều đó. Chúng tôi còn sử dụng lưỡi. Nhưng phải quay ra mau, vì Annamária sợ các bác có thể nghi ngờ. Sau này, qua trò chuyện, tôi được biết vài điều thú vị liên quan đến những suy nghĩ của nàng về tôi: nàng bảo trước đây nàng không tưởng tượng nổi có lúc tôi lại có ý nghĩa khác đối với nàng, hơn là một người “bạn tốt.” Khi mới quen, nàng xem tôi chỉ như một thiếu niên mới lớn. Sau này, nàng bảo, nàng có chú ý hơn, và tôi đã đánh thức ở nàng những cảm thông nhất định, có lẽ, nàng nghĩ, do sự giống nhau trong mối quan hệ với cha mẹ của hai chúng tôi, và qua những ý kiến của tôi nàng suy ra rằng trong một vài việc cách suy nghĩ của chúng tôi giống nhau, nhưng khi đó nàng chưa nghĩ đến điều gì hơn thế. Nàng có vẻ dăm chiêu, điều này thật kỳ lạ, và nàng còn bảo: “Đường như việc phải xảy ra như thế.” Nom nét mặt nàng rất lạ, gần như nghiêm khắc, và tôi cũng không tranh cãi với nàng, mặc dù tôi đồng nhất với ý nàng nói hôm qua rằng, quả bom là nguyên nhân của tất cả. Nhưng tất nhiên tôi không thể biết, có điều tôi thấy nàng thích thế hơn. Rồi lát sau chúng tôi chia tay nhau, vì ngày mai tôi phải đi làm, và khi bắt tay nàng, tôi thấy hơi nhói đau trong lòng tay vì móng tay nàng. Tôi hiểu nàng nhắc đến bí mật của chúng tôi, và gương mặt nàng như bảo: “Tất cả đều ổn.”

Thế nhưng hôm sau thái độ ứng xử của nàng khá lạ lùng. Buổi chiều, khi đi làm về, trước hết tôi tắm rửa, thay áo, thay giày, rồi dùng lược ướm chải đầu thơm tắp, sau đó chúng tôi cùng lên nhà hai chị em – vì giữa chừng Annamária đã làm xong thủ tục giới thiệu tôi với họ theo kế hoạch từ trước

của nàng. Mẹ hai cô bé cũng tiếp chúng tôi rất xởi lởi. (Ông bố họ cũng đang đi lao động cường chế.) Nhà họ rộng, có ban công, trải nhiều thảm, có mấy phòng lớn và một phòng riêng nhỏ cho hai cô con gái. Có đàn dương cầm, nhiều búp bê và những đồ chơi con gái khác. Chủ yếu chúng tôi đánh bài, nhưng hôm nay cô chị không thích. Cô muốn chia sẻ với chúng tôi một nỗi lo, một câu hỏi gần đây cô hay nghĩ đến: ngôi sao vàng gây cho cô một nỗi lo ngại nhất định. Đúng ra “ánh mắt nhìn của mọi người” làm cô thay đổi – vì cô thấy mọi người đối với cô thay đổi và từ cái nhìn của họ, cô thấy họ “căm thù” cô. Sáng nay cô cũng nhận thấy thế khi cô được sai đi mua đồ. Nhưng tôi thì nghĩ cô nhìn nhận hơi quá. Trải nghiệm của tôi ít ra không hẳn thế. Chẳng hạn ở chỗ tôi làm cũng có những tay thợ nề mà ai cũng biết là không thể chịu nổi người Do Thái, nhưng với lũ con trai chúng tôi họ vẫn thân thiện. Đương nhiên việc đó không mấy may thay đổi quan niệm của họ. Rồi tôi còn nhớ đến trường hợp lão bán bánh mì, và tôi cố giải thích cho cô hiểu, thực ra họ không thù ghét cá nhân cô – vì xét cho cùng họ đâu có quen biết cô, mà đúng hơn họ chỉ thù ghét cái tư tưởng “là Do Thái.” Cô liền bảo cô cũng vừa mới nghĩ đến điều đó, bởi vì trước khi chú ý tới nó, cơ bản cô cũng chẳng biết “là Do Thái” nghĩa là gì. Annamária nói với cô rằng chuyện ấy thì ai chẳng biết: đó là một tôn giáo. Nhưng cô không quan tâm đến nó, mà đến ý nghĩa của nó. “Cuối cùng người ta cần biết vì sao họ căm ghét mình chứ,” – cô bảo. Cô thú nhận ban đầu cô chẳng hiểu gì hết, và cô rất đau đớn khi thấy người ta ghét “chỉ vì mình là Do Thái”; khi đó lần đầu tiên, theo lời cô, cô cảm thấy một điều gì đó chia rẽ cô với mọi người, và cô thuộc về một thế giới khác so với họ. Sau đó cô đã suy nghĩ, cô đã thử tìm trong sách vở và qua các cuộc trò chuyện cô thử tìm hiểu vấn đề này, và cô nhận ra rằng người ta thù ghét chính cái đó ở cô. Theo quan niệm của cô, thực tế là “chúng ta – người Do Thái – chúng ta khác mọi người,” và sự khác biệt đó là cơ bản, đó là lý do người ta thù ghét người Do Thái. Cô còn bảo sống trong “ý thức về sự khác biệt” này là điều rất lạ lùng, và có lúc cô cảm thấy nó như một niềm tự hào, có khi lại thấy như một dạng hổ thẹn nào đó. Cô muốn biết tôi và Annamária nghĩ về sự khác biệt của chúng tôi như thế nào, và cô hỏi liệu chúng tôi tự hào hay hổ thẹn vì điều đó. Cô em gái và

Annamária không biết lắm về việc này. Cả tôi cho đến giờ cũng chưa thể nghĩ ra nguyên nhân của những cảm xúc này. Hơn nữa, một con người không thể tự quyết định cho chính anh ta về sự khác biệt ấy: xét cho cùng, ngôi sao vàng là để làm chuyện đó, theo những gì tôi biết được. Tôi đã nói với cô như thế. Nhưng cô khẳng định: “Chính chúng ta mang trong mình” sự khác biệt. Theo tôi thì dấu sao cái ta mang trên người vẫn quan trọng hơn. Chúng tôi tranh cãi khá lâu, tôi không biết vì sao, bởi thực lòng, tôi không thấy tầm quan trọng của vấn đề. Nhưng trong cách suy nghĩ của cô bé, tôi thấy có điều gì đó làm tôi khó chịu, theo tôi tất cả đơn giản hơn nhiều. Ngoài ra, tất nhiên tôi còn muốn là kẻ chiến thắng trong cuộc tranh luận. Một vài lần, hình như Annamária cũng muốn lên tiếng, nhưng rồi chẳng có dịp nào, vì cả hai chúng tôi đều không để ý đến nàng.

Cuối cùng tôi nêu cho cô chị một ví dụ. Thỉnh thoảng, chỉ là để giết thời gian, tôi đã suy nghĩ đến việc này, và giờ đây tôi bỗng nhớ ra. Cách đây không lâu tôi có đọc một cuốn sách, một dạng giống như tiểu thuyết; về một người ăn xin và một Hoàng tử, hai người có gương mặt và vóc dáng giống nhau như hai giọt nước, vì hiếu kỳ họ đã đánh đổi số phận cho nhau, tới khi người ăn xin hóa thành Hoàng tử thật, còn chàng Hoàng tử thì hóa ra người ăn xin thật. Tôi bảo cô, hãy thử tưởng tượng chuyện đó xảy ra với mình. Tất nhiên là không có nhiều khả năng thực tế, nhưng xét cho cùng mọi chuyện đều có thể xảy ra. Chẳng hạn chuyện xảy ra từ khi cô còn bé tí, khi chưa biết nói, cũng không còn nhớ điều gì, và dù điều đó đã xảy ra thế nào, nhưng – giả dụ như – bằng cách nào đó người ta đã đánh tráo cô với con của một gia đình khác, một gia đình mà về mặt chủng tộc giấy tờ đều ổn thỏa: trong trường hợp giả định ấy, lúc này cô gái kia sẽ cảm thấy sự khác biệt, và cô ta sẽ mang ngôi sao vàng, trong khi cô, với những dữ kiện về bản thân, sẽ thấy mình – và cả những người khác cũng thấy cô – đúng như mọi người, cô sẽ chẳng hề nghĩ và không hề biết đến sự khác biệt. Tôi thấy cách lập luận này có vẻ tác động đến cô. Lúc đầu cô chỉ im lặng, và dần dần, rất chậm rãi, nhưng tôi cảm thấy đôi môi cô hé mở, như thể cô muốn nói một điều gì đó. Nhưng không phải, một việc khác hẳn thế đã xảy ra: cô khóc. Cô úp mặt lên vòng tay đặt trên mặt bàn, đôi vai cô rung lên từng đợt nhỏ. Tôi quá bất ngờ,

mục đích của tôi đâu phải muốn làm cho cô khóc, hơn nữa tôi trở nên lúng túng trước tình cảnh này. Tôi thử cúi xuống, chạm nhẹ vào mái tóc, vào vai và cánh tay cô, như muốn xin cô đừng khóc. Nhưng với giọng cay đắng và mỗi lúc một thêm nghẹn ngào, cô kêu lên rằng nếu như những phẩm chất của chúng ta không dự phần trong đó, thì tất cả chỉ thuần túy là sự ngẫu nhiên và nếu như cô có thể là người khác với người mà cô sinh ra, thì “tất cả chẳng có nghĩa gì hết,” và rằng đây là một ý nghĩ, mà theo cô, “không thể chịu đựng nổi.” Tôi cảm thấy bối rối, vì tôi là người có lỗi, nhưng tôi đâu biết, ý nghĩ này quan trọng với cô đến thế. Lời nói đã trên đầu lưỡi, thiếu chút nữa tôi đã nói ra: cô đừng bận tâm về chuyện ấy, vì trong mắt tôi điều đó chẳng có nghĩa gì, tôi không ghét bỏ cô vì nòi giống của cô, nhưng ngay lúc đó tôi cảm thấy mình nói thế thì hơi nực cười, và tôi đã im lặng. Chỉ có điều tôi vẫn khó chịu vì không nói ra được, vì trong lúc đó đúng là tôi cảm thấy như thế, hoàn toàn độc lập với tình cảnh của mình, chứ chưa muốn nói: một cách tự do. Dù có thể trong một tình huống khác ý kiến của tôi cũng khác. Tôi không biết. Và tôi cũng công nhận tôi không có cách gì để thử nghiệm điều đó. Dẫu sao điều này vẫn làm tôi ái ngại. Và tôi không biết chính xác vì lý do gì, nhưng đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy một điều gì đó mà tôi nghĩ hơi giống sự hổ thẹn.

Nhưng chỉ khi ra đến cầu thang tôi mới biết: bằng cảm giác ấy của mình tôi đã làm Annamária bực, vì tôi thấy nàng xử sự rất lạ lùng. Tôi hỏi nhưng nàng không đáp lại. Tôi thử nắm tay, nhưng nàng bứt ra khỏi tay tôi và bỏ mặc tôi trên cầu thang.

Chiều hôm sau tôi cũng hoài công đợi nàng xuất hiện. Thế là tôi cũng không thể lên chỗ hai chị em gái, vì cho tới nay chúng tôi bao giờ cũng đi cùng, nếu tôi lên một mình chắc hẳn họ sẽ cản vịn vì sao. Hơn nữa, giờ đây tôi đã nhận ra những điều cô chị nói hôm Chủ nhật là có lý.

Buổi tối nàng đã đến nhà bác Fleischmann. Nhưng ban đầu chỉ bắt chuyện với tôi rất dè dặt, và gương mặt nàng chỉ dịu đi đôi chút, khi đáp lại lời nàng bảo nàng hy vọng tôi đã có một buổi chiều vui vẻ ở nhà hai chị em gái, tôi nói tôi không lên chỗ họ. Nàng tỏ ra tò mò: sao lại không, tôi bảo – và đúng

thế thật, – không có nàng tôi không muốn. Tôi nhận ra câu trả lời này của tôi cũng đã làm nàng hài lòng. Sau một lúc nàng đồng ý cùng tôi vào phòng trong xem cá cảnh, và khi ở đó quay ra chúng tôi đã làm lành hẳn với nhau. Sau nữa trong buổi tối đó, nàng buông một câu duy nhất về chuyện này: “Đó là cuộc va chạm đầu tiên của chúng ta.”

3.

Hôm sau xảy ra với tôi một việc hơi lạ. Buổi sáng tôi dậy đúng giờ, cũng như mọi khi, tôi đi đến chỗ làm việc. Có vẻ trời sẽ nóng, và hôm nay xe bus cũng nêch chật ních người. Chúng tôi đã rời khỏi những căn nhà ở ngoại vi thành phố, và đã đi qua một cây cầu ngăn ch÷ơ v÷ơ dẫn sang đảo Csepel, từ đây con đường chạy qua một khoảng trống, những cánh đồng, bên trái là những mái thấp nom như nhà để máy bay, bên phải là vườn t÷ơc xen lẫn nhà kính nằm rải rác. Sự việc diễn ra ở đoạn đường này: xe bus phanh đột ngột, rồi từ phía ngoài tôi nghe thấy loáng thoáng một giọng nói như ra lệnh, sau đó người soát vé và vài hành khách truyền miệng đến tôi rằng nếu trong xe có hành khách là người Do Thái, hãy bước xuống. Được thôi, tôi nghĩ, chắc họ muốn kiểm tra giấy phép trước khi qua địa giới thành phố.

Đúng thế, trên quốc lộ, đứng đối diện với tôi là một cảnh binh. Không nói gì, tôi chìa ngay tấm thẻ chứng nhận. Nhưng trước hết bằng một động tác vẩy tay nhẹ, anh ta ra hiệu cho xe bus tiếp tục chạy. Tôi đã tưởng anh ta không nhận ra cái thẻ chứng nhận, và đang định giải thích cho anh ta thấy tôi làm việc trong binh xưởng, và rõ ràng tôi không có thời gian; đúng lúc ấy thì bọn con trai – cùng làm trong xưởng Shell – ầm ỹ vây quanh tôi trên mặt đường. Chúng từ sau một bờ cao ùa tới. Hóa ra chúng bị tay cảnh binh chặn lại từ chuyển xe trước, và chúng cười vì tôi cũng đã tới. Cả viên cảnh binh cũng hơi mỉm cười, cứ như anh ta cũng gián tiếp can dự vào trò đùa vui này không bằng. Tôi nhận ra ngay anh ta không ghét bỏ gì chúng tôi, dĩ nhiên chẳng có lý do nào. Dù sao tôi vẫn hỏi lũ bạn xem có chuyện gì, nhưng trước mắt chúng cũng chẳng biết gì hơn.

Sau đó viên cảnh binh còn chặn tiếp những xe bus khác đi ra từ phía thành phố bằng cách bước ra đứng trước đầu xe cách một khoảng nhất định, với bàn tay lia lên ngang mặt, còn chúng tôi thì anh ta bắt nấp sau bờ đất. Hoạt cảnh này lặp đi lặp lại nhiều lần như thế: mọi người mới đến đều bị bắt

ngờ, sau đó là một trận cười. Viên cảnh binh có vẻ hài lòng. Tất cả mất chừng một phần tư giờ. Một sáng mùa hè trong lành, bên bờ đất, khi nấp xuống, chúng tôi cảm thấy ánh nắng đã sưởi ấm mặt cỏ. Xa xa sau làn sương xanh mờ, nhìn rõ những bể chứa lớn của xưởng dầu. Phía sau là những ống khói nhà máy, xa hơn nữa thấy thấp thoáng một gác chuông nhà thờ có chóp nhọn. Từ các xe bus, từng nhóm hoặc có khi chỉ một gã con trai bước xuống. Trong số mới xuống có cả cậu bé rất được quý mến nhanh nhẹn, mặt tàn nhang, tóc cắt ngắn tủa ra như bàn chải, “thợ làm đồ da” – như mọi người vẫn gọi cậu, vì khác với những đứa kia đến từ các trường học, cậu ta đã lựa chọn nghề này. Sau đó là một đứa nghiện thuốc, gần như không khi nào thấy cậu ta rời điều thuốc. Đúng là hầu hết những đứa khác đều hút, và để theo kịp chúng, mới đây tôi cũng đã hút thử; nhưng tôi thấy cậu ta thì khác, gần như cậu ta theo đuổi thói quen này với sự thèm khát cháy bỏng. Mắt cậu ta cũng lạ, ánh mắt như lên cơn sốt. Cậu ít nói và tính tình có vẻ khó gần; cậu không được bọn con trai ưa lắm. Mặc dầu vậy, có lần tôi vẫn hỏi xem cậu mê gì trong khói thuốc mà đốt nhiều thế. Cậu chỉ đáp cụt ngủn, “Thuốc rẻ hơn đồ ăn.” Tôi hơi kinh ngạc, vì tôi không thể nghĩ đến lý do này. Nhưng tôi còn ngạc nhiên hơn bởi cái nhìn giễu cợt, một thái độ gần như khinh thị, khi cậu ta nhận ra sự lúng túng của tôi; tôi cảm thấy khó chịu và không hỏi thêm gì nữa. Giờ đây tôi đã hiểu hơn sự dè dặt của đám con trai đối với cậu. Sau đó lại nghe tiếng hò reo thoải mái hơn chào đón một gã trai khác: tất cả các bạn thân thiết đều gọi cậu là “chàng trai lụa.” Tôi cảm thấy cách gọi này rất trúng, vì mái tóc đen mượt bóng, đôi mắt to màu xám, và nhìn chung ở cậu toát ra vẻ mềm mại đáng yêu; chỉ sau này tôi mới biết trên thực tế biệt hiệu này còn mang một ý nghĩa khác, mà chủ yếu vì thế mọi người gán nó cho cậu, chẳng là ở nhà cậu ta khá khéo xoay xở trong đám con gái. Một chuyến xe bus đưa cả “Rozi” tới, tên thật cậu ta là Rozenfeld, nhưng tất cả đều gọi tắt như thế. Vì một lẽ nào đó cậu rất có uy tín trong đám con trai, trong những vấn đề cùng quan tâm, chúng tôi thường hay dựa vào quan điểm của cậu; cũng chính cậu hay đại diện chúng tôi đến gặp ông thợ cả. Nghe đâu cậu đang học trường thương nghiệp. Một chàng trai giỏi giang, dù với gương mặt hơi quá dài, với mái tóc vàng lượn sóng, với đôi mắt nhỏ

nhìn thẳng, màu xanh như nước, cậu làm người ta nhớ đến những bức tranh cổ trong bảo tàng, bên dưới đề dòng chữ “Hoàng tử và con chó” hay đại loại thế. Cả Moskovics cũng đã tới, một anh chàng nhỏ thó, khuôn mặt thiếu cân đối, có thể nói là xấu xí, với cái mũi to hơi hếch kèm thêm cặp mắt kính dày như đít chai – giống của bà nội tôi, và lần lượt những đứa khác. Nhìn chung, ý kiến của cả bọn cũng gần giống cách nhìn của tôi: toàn bộ vụ này có vẻ hơi bất thường, nhưng hẳn là có sự nhầm lẫn hay một cái gì đại loại như thế. Sau khi được mấy đứa cổ vũ, “Rozi” đã đến hỏi viên cảnh binh: liệu việc chúng tôi đến chỗ làm muộn có gây phiền toái gì không, và khi nào anh ta định cho chúng tôi đi làm công việc của mình. Viên cảnh binh không hề bực mình vì câu hỏi, nhưng anh ta bảo, việc này không tùy thuộc vào bản thân anh ta hay vào quyết định của anh ta. Hóa ra anh ta cũng chẳng biết nhiều hơn chúng tôi bao nhiêu: anh ta nhắc đến việc “chờ lệnh tiếp theo” nào đó sẽ thay thế lệnh cũ, theo đó trước mắt cả anh ta, cả chúng tôi đều phải chờ – đại thể anh ta giải thích thế. Tất cả mặc dù không hoàn toàn rõ ràng, nhưng về cơ bản – theo nhìn nhận của chúng tôi – có vẻ chấp nhận được. Hơn nữa chúng tôi có nghĩa vụ chấp hành yêu cầu của cảnh binh. Và chúng tôi cũng dễ dàng chấp nhận hơn, trong tay có thể chứng nhận, cũng như có con dấu của binh xưởng, chúng tôi không thấy có lý do gì phải lo ngại vì viên cảnh binh, đó là chuyện dễ hiểu. Còn anh ta thì cho rằng – theo lời anh ta – anh đang đứng trước những “chàng trai thông minh” anh còn nói thêm: anh hy vọng tới đây chúng tôi sẽ vẫn “có kỷ luật” như đến giờ phút này; tôi cảm thấy anh ta có vẻ khoái chúng tôi.

Đã bảy giờ, trong xưởng dầu lúc này công việc đã bắt đầu. Không còn gã trai nào đến theo các chuyến xe bus nữa, và viên cảnh binh hỏi có ai vắng mặt trong số chúng tôi không. “Rozi” đếm số có mặt và báo với anh ta là chúng tôi đã đủ. Khi đó viên cảnh binh cho rằng dù sao chúng tôi cũng đừng đứng chờ ở đây, ven đường quốc lộ. Nom anh ta có vẻ lo lắng, và tôi có cảm giác anh ta cũng không chuẩn bị để đón chúng tôi, giống như chúng tôi bất ngờ trước sự có mặt của anh. Anh ta thậm chí còn hỏi: “Tôi biết làm gì với các cậu đây?” và dĩ nhiên chúng tôi không giúp được anh ta trong việc này. Chúng tôi vui vẻ vây quanh anh ta, cười nói, chẳng khác gì vây quanh thầy

giáo trong một chuyến đi dã ngoại, anh ta đứng giữa đám đông, lúc lúc lại đưa tay lên xoa cằm với vẻ lưỡng lự. Cuối cùng anh ta đề nghị chúng tôi vào ngôi nhà của sở thuế quan.

Chúng tôi theo anh vào một ngôi nhà cũ tróc lở, trơ trọi, một tầng, đứng ngay gần quốc lộ; đó chính là “Sở Thuế Quan”, đúng như dòng chữ trên một tấm biển rách nát treo phía ngoài. Viên cảnh binh lấy ra một chùm chìa khóa, và lựa một chiếc vừa ổ khóa. Bên trong là một không gian mát mẻ, rộng rãi, tuy hơi trống trải, vài chiếc ghế băng đặt quanh một cái bàn dài cũ kỹ. Viên cảnh binh còn mở thêm cánh cửa khác vào một phòng nhỏ hơn, có vẻ như một văn phòng. Nhìn qua khe hở trên cánh cửa, tôi thấy căn phòng trải thảm, có bàn viết bên trên đặt điện thoại. Chúng tôi nghe thấy viên cảnh binh gọi điện, rất ngắn, nhưng không nghe rõ anh ta nói gì. Nhưng tôi nghĩ có lẽ anh ta thử hỏi mệnh lệnh của cấp trên, vì khi ra (anh ta đã cẩn thận khóa kín cửa) anh ta bảo: “Không có gì cả. Vô ích. Phải chờ thôi.” Anh ta động viên chúng tôi cứ nghỉ ngơi thoải mái. Anh ta còn hỏi chúng tôi có biết trò chơi tập thể nào không. Một đứa, nếu tôi nhớ không nhầm là tay “thợ làm đồ da”, đề xuất trò chơi “đuổi bắt”. Nhưng viên cảnh binh không thích trò này, anh ta bảo, với “những chàng trai thông minh thế này,” anh ta tưởng chúng tôi phải có trò gì hay hơn thế. Anh ta còn nói đùa với chúng tôi một lúc, khi đó tôi có cảm giác anh ta đang cố gắng giải khuây cho chúng tôi để chúng tôi không có thời gian vô kỷ luật, như anh ta đã nhắc tới ngoài đường; nhưng anh ta hơi non kém trong chuyện này. Chẳng bao lâu sau anh ta bỏ mặc chúng tôi, sau khi bảo phải ra ngoài có việc. Khi anh ta ra, chúng tôi nghe tiếng khóa cửa từ phía ngoài.

Tôi không biết kể gì nhiều về những việc diễn ra sau đó. Có vẻ như chúng tôi còn phải đợi lệnh lâu. Nhưng về phần mình, chúng tôi thấy chẳng có gì phải vội: xét cho cùng chúng tôi đâu có mất thời gian của chúng tôi. Cả bọn đều nhất trí: ở trong chỗ mát mẻ thế này còn thoải mái hơn phải lao động toát mồ hôi. Ngoài xưởng dầu hầu như không có bóng mát. “Rozi” đã xin ông thợ cả cho lũ chúng tôi cởi áo. Đúng là việc này không phù hợp với những điều ghi trong quy định, vì như thế sẽ không thấy ngôi sao vàng trên

người chúng tôi, nhưng vì tốt bụng, ông thợ cả vẫn đồng ý. Chỉ có nước da trắng bóc như giấy của Moskovics là hơi khô, vì chẳng mấy chốc lưng cậu ta đã đỏ như tôm rang, và chúng tôi cười thoải mái vì những vết dài mờ mờ trên vai, do da cậu bị tróc đi từng mảng.

Thế là cả bọn nằm ngòai ngả ngón trên những chiếc ghế băng hay ngay trên nền nhà, nhưng tôi thật khó nói chúng tôi đã giết thời gian bằng cách nào. Dầu sao cũng được nghe vô khối chuyện tiểu lâm; thuốc lá, rồi các gói đồ ăn cũng được lôi ra. Chúng tôi còn nhắc đến ông thợ cả, chắc hẳn sáng nay ông rất ngạc nhiên không hiểu sao chúng tôi không đi làm. Các đinh đóng móng ngựa cũng được đưa ra chơi trò “Jacks”². Trò chơi này tôi học được từ bọn con trai ở đây: mỗi người chơi sẽ ném một chiếc đinh lên cao và người thắng là người nhặt được nhiều đinh ở trước mặt mình nhất trong khoảng thời gian cần để bắt được chiếc đinh đầu tiên. “Chàng trai lựa”, với những ngón tay dài mảnh dẻ, đã thắng tất cả các ván. Còn “Rozi” thì dạy chúng tôi một bài hát mà chúng tôi đã hát đi hát lại nhiều lần. Điều thú vị là lời bài hát có thể chuyển thành ba thứ tiếng, nếu thêm đuôi *es* là thành tiếng Đức, thêm đuôi *io* là thành tiếng Ý, thêm đuôi *taki* là thành tiếng Nhật. Dĩ nhiên tất cả chỉ là những trò vớ vẩn, nhưng tôi vẫn thấy thích thú.

Sau đó tôi thấy có cả những người lớn tuổi. Họ cũng do viên cảnh binh đưa vào từ các chuyến xe bus như chúng tôi. Vậy là tôi hiểu, khi bỏ chúng tôi lại đây, anh ta ra quốc lộ, và làm đúng công việc mà buổi sớm anh ta đã làm. Dần dần đã tập trung được khoảng sáu, bảy người, toàn là nam giới. Nhưng tôi thấy những người này gây cho viên cảnh binh nhiều việc hơn: họ không chịu hiểu, họ lắc đầu, giải thích, chĩa chứng minh thư, xoay anh ta bằng hàng loạt câu hỏi. Họ hỏi cả chúng tôi: chúng tôi là những ai, là loại người gì? Nhưng rồi họ chỉ trò chuyện với nhau, chúng tôi nhường cho họ vài chiếc ghế, họ ngồi túm tụm hoặc đứng quanh những chiếc ghế. Họ nói đủ thứ chuyện, nhưng tôi không chú ý đến họ lắm. Chủ yếu họ thử đoán xem lý do việc làm của viên cảnh binh có thể là gì, và sự kiện này có thể kéo theo những hậu quả ra sao đối với họ, mà như tôi nghe được, thì về chuyện này ý kiến của họ mỗi người mỗi khác. Tóm lại, tôi thấy các ý kiến chủ yếu phụ

thuộc vào việc họ được cấp loại giấy tờ gì, theo tôi hiểu thì tất nhiên mỗi người đều có một loại giấy tờ nào đó để ra đảo Csepel, người có việc riêng, người thì đi làm việc công ích như chúng tôi.

Tôi cũng đã ghi nhận được vài khuôn mặt thú vị hơn. Chẳng hạn tôi thấy một người trong số họ không tham gia câu chuyện; từ khi mới vào ông chỉ đọc một cuốn sách, có vẻ như ông đã đem theo người. Đó là một người cao, gầy, mặc áo khoác dài màu vàng, trên khuôn mặt râu ria xồm xoàm, giữa hai nếp nhăn hằn sâu là cái miệng rộng. Ông chọn cho mình chỗ ngồi ở đầu mút một chiếc ghế đẩu, cạnh cửa sổ, hai chân bắt chéo nhau, nửa quay lưng lại với những người khác: có thể đó là lý do ông làm tôi liên tưởng tới một hành khách đã quen đi khoang riêng trên toa xe lửa, nên coi mọi lời nói, câu hỏi hoặc màn làm quen thông thường của người bạn đường tạm thời đều là vô nghĩa, và chịu đựng sự chờ đợi với vẻ chán ngán, chùng nào chưa tới đích – ít nhất ông đã gây cho tôi ấn tượng như vậy.

Tôi chú ý ngay đến một người đàn ông vẻ ngoài tươi tắn, đứng tuổi hơn, tóc hai bên thái dương chớm bạc và hói trên đỉnh đầu ngay từ khi ông mới đến, lúc gần trưa: khi viên cảnh binh đưa vào, ông tỏ ra rất bức mình. Ông hỏi ở đây có điện thoại không, và ông “có thể sử dụng hay không.” Nhưng viên cảnh binh bảo ông: rất tiếc, điện thoại “chỉ được sử dụng vào mục đích công vụ,” thế là ông cau có nhăn mặt, rồi im lặng. Sau đó, từ những câu đáp rất kiệm lời cho các câu hỏi của những người khác, tôi được biết rằng cũng như chúng tôi, ông làm việc trong một nhà máy nào đó trên đảo Csepel, ông bảo mình là “chuyên gia,” nhưng không nói cụ thể hơn. Nom ông có vẻ rất tự tin và tôi có thể nói, ông nhìn nhận sự việc đại thể là giống chúng tôi, cái khác là ông có vẻ bất mãn vì bị giữ lại đây. Tôi thấy ông luôn có vẻ coi thường khi nói về viên cảnh binh. Theo ông, viên cảnh binh “nhận được một mệnh lệnh chung chung nào đó” và có lẽ anh ta “đã thực hiện quá hăng hái.” Nhưng ông cho rằng, rõ ràng rồi “các nhà chức trách” sẽ xử lý vụ này, và ông hy vọng, ông nói thêm, điều đó sẽ sớm xảy ra. Sau đó tôi không nghe ông nói nữa, và cũng quên bẵng ông. Chỉ đến tầm chiều ông mới lại làm tôi chú ý, nhưng lúc đó tôi đã mệt, và chỉ nhận thấy ông rất sốt

ruột: hết ngồi xuống, lại đứng lên, khi khoanh tay trước ngực, lúc chấp tay sau lưng, chốc chốc lại liếc đồng hồ.

Rồi còn một ông vóc người nhỏ bé nom rất kỳ quặc, có cái mũi khá khác thường, khoác chiếc ba lô to kèn, mặc đồ “chơi golf,” đi giày cao cổ quá cỡ, ngay cả ngôi sao vàng ông đeo cũng có vẻ to hơn bình thường. Một người đầy những lo âu. Ông than vãn với tất cả mọi người về “sự rủi ro” của mình. Tôi gần như thuộc lòng câu chuyện của ông, vì nó cũng đơn giản và ông đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Ông định đi thăm bà mẹ “ốm to” ở Csepel, ông kể. Ông đã xin nhà chức trách cấp giấy phép riêng; ông có đem theo đây và chìa ra cho mọi người xem. Giấy phép có hiệu lực đến hai giờ chiều nay. Nhưng giữa chừng đột nhiên ông lại có một việc, ông bảo, “không thể trì hoãn” – “vì công chuyện” ông nói thêm. Nhưng ở chỗ công đường đông người quá, ông chờ rất lâu mới đến lượt. Ông bảotưởng đã phải hủy chuyến đi. Nhưng rồi ông vẫn leo lên tàu điện để tới bến xe bus cuối. Nhưng giữa đường ông đã tính toán thời gian cả đi lẫn về đối chiếu với thời hạn cho phép, và ông tính đi như thế thì thật mạo hiểm. Đến bến xe bus cuối, ông thấy chuyến xe buổi trưa vẫn còn đậu đó. Thế là – ông cho chúng tôi biết – ông dẫn đo: “Mình đã mất bao công sức vì cái mảnh giấy còn con này!... Hơn nữa,” ông nói thêm, “bà cụ đáng thương cũng đang mong.” Ông còn bảo hai vợ chồng ông đến vất vả vì bà cụ. Từ lâu họ đã khẩn khoản mời bà cụ chuyển về ở với họ trong thành phố. Nhưng bà cụ cứ lần lữa mãi, cho đến giờ thì đã muộn. Ông lắc lắc đầu liên tục, vì theo ý ông, bà cụ cứ khư khư giữ lấy ngôi nhà “bằng mọi giá.” “Mà cái nhà có tiện nghi gì cho cam,” ông than thở. Nhưng, ông tiếp tục, mình là con thì phải hiếu cho bà cụ. Khổ thân bà cụ, già rồi lại đau ốm. Ông bảo có lẽ ông “không khi nào tha thứ được” cho mình, nếu ông bỏ qua dịp này. Và thế là ông cứ trèo lên xe bus. Kể đến đây ông dừng lại một phút. Ông giơ tay lên rồi lại từ từ buông tay xuống, động tác vu vơ, trên trán ông cả ngàn nếp nhăn như những dấu hỏi, nom ông đau buồn, như một con thú gặm nhấm sa chân vào cạm bẫy. “Các vị nghĩ sao?” sau đó ông hỏi mọi người. Vụ này liệu rồi có gì rắc rối không? Liệu họ có lưu ý đến việc giấy phép quá hạn không phải là lỗi tại ông? Rồi mẹ ông, ông băn khoăn, ông đã báo cho bà cụ biết ông sẽ đến thăm bà sẽ

nghĩ thế nào, rồi ở nhà vợ ông và hai đứa bé sẽ ra sao nếu sau hai giờ ông không về đến nhà? Qua ánh mắt ông, tôi nhận ra, chủ yếu ông chờ ý kiến hay lời tuyên bố từ vị “chuyên gia” bề ngoài khả kính đã nói tới ở trên cho những câu hỏi vừa nêu. Tuy nhiên tôi thấy người kia không chú ý đến ông lắm: ông ta vừa rút ra một điều thuốc, và giờ đây đang gõ gõ đầu điều thuốc lên nắp cái hộp đựng thuốc lấp lánh ánh bạc, có khắc nổi mấy chữ cái và vạch kẻ. Nét mặt ông đăm chiêu và có vẻ như ông đang suy nghĩ gì lung lắm, có khi ông chẳng nghe được tẹo nào từ câu chuyện. Thế là ông nhỏ người lại quay về với sự rủi ro của mình; giá như ông chỉ đến bến xe bus chậm hơn năm phút, thì ông đã không kịp đi chuyển xe bus buổi trưa; giá không kịp chuyển xe ấy thì ông đã không chờ chuyển xe sau; và như thế nghĩa là – cứ cho là “chỉ chênh nhau có năm phút” – thì bây giờ ông “đã không ngồi ở đây, mà đang ở nhà với vợ con,” ông cứ day đi day lại mãi.

Tôi còn nhớ cả một người có khuôn mặt như hải cẩu: to béo, để ria mép đen, dày và đeo kính mũi gọng vàng, liên tục muốn “thừa chuyện” với viên cảnh binh. Tôi còn chú ý cả tới chuyện ông luôn cố ý làm việc đó hơi cách xa mọi người, trong một góc nhà hay bên cửa ra vào. “Thưa ngài,” – thỉnh thoảng tôi nghe thấy giọng rè rè của ông, “liệu tôi có thể thừa chuyện với ngài?”

Hay: “Ngài sĩ quan, tôi chỉ xin ngài một phút, nếu có thể được...” Cuối cùng viên cảnh binh cũng hỏi xem ông muốn gì. Lúc đó lại thấy ông ngáp ngừng. Ông ngược cặp kính mũi nghi ngại nhìn xung quanh. Và mặc dù khi đó họ đứng ở một góc nhà cách tôi khá gần, nhưng tôi không nghe được ông lắm lắm cái gì: ông đang muốn khẳng định một điều gì đó. Rồi trên mặt ông hiện lên một nụ cười có vẻ tin cậy và thân thiện. Cùng lúc đó lần đầu tiên ông hơi xích lại gần, rồi từng tí một ông ngả hẳn đầu vào viên cảnh binh. Đồng thời, tôi thấy ông có một cử chỉ lạ. Tôi không thật rõ ông định làm gì, thoát tiên tôi tưởng ông định cho tay vào túi trong để lấy một thứ gì đó. Tôi còn nghĩ chắc ông muốn trình cho viên cảnh binh một thứ giấy tờ, hay một loại thẻ đặc biệt nào đó. Tôi hoài công chờ mãi không thấy ông rút gì ra, vì cuối cùng cử chỉ này dừng lại giữa chừng. Nhưng ông cũng không thôi hẳn,

đúng hơn là ông chỉ bỗng nhiên dừng lại, như quên mình đang định làm gì, và đúng lúc cao trào thì ông bỏ lửng. Thế là cuối cùng bàn tay ông chỉ rà nấn bên ngoài, phía ngang ngực, như một con nhện lớn lông thưa, hay như một loài quái vật biển đang lần tìm khe hở để chui vào trong áo khoác của ông. Trong khi đó ông vẫn nói liên tục, trên mặt vẫn giữ nụ cười kia. Tất cả chỉ diễn ra trong khoảng vài giây. Rồi tôi thấy viên cảnh binh bằng một động tác dứt khoát, nhanh chóng kết thúc câu chuyện, thậm chí tôi thấy anh ta có vẻ khó chịu; đúng là tôi không hiểu đầu đuôi câu chuyện, dường như hơi khó xác định, nhưng cách hành xử của ông theo tôi cũng có vẻ đáng ngờ.

Những gương mặt và sự kiện khác thì tôi không còn nhớ lắm. Hơn nữa, thời gian càng trôi đi, các quan sát kiểu này của tôi càng thiếu rõ nét. Tôi có thể nói thêm rằng đối với lũ con trai chúng tôi, viên cảnh binh vẫn tỏ ra dễ chịu. Nhưng với mấy người lớn, tôi nhận thấy, dường như anh ta kém thân thiện hơn. Về chiều, cả anh ta cũng đã có vẻ mệt mỏi. Anh ta thường ngồi nghỉ với chúng tôi hay vào trong văn phòng, chẳng để ý đến những chiếc xe bus chạy qua nữa. Tôi nghe thấy anh ta thử gọi điện thoại vài lần, thỉnh thoảng còn thông báo kết quả: “Vẫn chưa có gì!” nét mặt lộ rõ vẻ bức bối. Tôi còn nhớ một tình tiết nữa. Trước đó một lát, lúc sau buổi trưa: một anh bạn – một cảnh binh khác – đến thăm anh ta bằng xe đạp. Anh kia dựa xe đạp vào bức tường phía trước, rồi cả hai vào văn phòng cẩn thận đóng kín cửa. Một lúc lâu sau họ mới bước ra. Khi chia tay họ còn đứng trước cửa nắm tay nhau mãi. Họ không nói, nhưng gật đầu và nhìn nhau theo cách như ngày xưa thỉnh thoảng tôi vẫn thấy những bạn hàng nhìn nhau trong văn phòng của cha tôi, sau khi đã trao đổi với nhau về tình hình khó khăn, về việc buôn bán yếu kém thế nào. Tất nhiên, phải công nhận rằng điều đó khó có thể diễn ra giữa hai viên cảnh binh, nhưng về mặt họ vẫn gợi cho tôi nhớ đến kỷ niệm kia, cũng sự lo lắng, chán chường ấy, cũng vẻ cam chịu bất đắc dĩ ấy – về sự an bài không thể thay đổi được của mọi việc. Nhưng tôi bắt đầu thấm mệt, suốt từ đó đến cuối tôi chỉ còn nhớ mình thấy nóng quá, thấy chán và hơi buồn ngủ nữa.

Tự trung lại, có thể nói, đã hết một ngày. Cuối cùng thì cũng có lệnh, khoảng vào lúc bốn giờ chiều, đúng như viên cảnh binh đã hứa. Theo lệnh, chúng tôi phải đi đến chỗ “cấp trên” để xuất trình giấy tờ, viên cảnh binh thông báo với chúng tôi. Về phía anh ta, thì đã được thông báo qua điện thoại, vì trước đó chúng tôi nghe thấy tiếng sắp xếp hồi hả như chuẩn bị có một sự thay đổi nào đó trong phòng anh ta: tiếng chuông điện thoại giống giả như thúc giục, sau đó anh ta cũng tìm ai đó, và xử lý nhanh gọn vài việc qua điện thoại. Viên cảnh binh còn bảo anh ta cũng không được thông báo chính xác, nhưng theo anh ta chỉ có thể là chuyện thủ tục ngăn gọn, ít nhất là xét ở góc độ pháp luật đối với những vụ rõ ràng và không có nghi vấn gì như trường hợp của chúng tôi.

Các toán người xếp hàng ba, cùng lúc đi ngược về phía thành phố, từ tất cả những điểm nằm trên đường biên quanh vùng – đây là khi đi ngang đường tôi mới biết. Chẳng là khi qua cầu, tại chỗ ngoặt hay ngã giao nhau, chúng tôi gặp các toán người khác, đông có, ít có, gồm những người đeo sao vàng với một, hai, thậm chí có toán có tới ba cảnh binh đi cùng. Trong một toán như vậy tôi nhận ra cả viên cảnh binh đi xe đạp lúc nãy. Tôi còn nhận thấy các cảnh binh lúc này chào nhau bằng những câu ngắn kiểu nghề nghiệp, cứ như họ đã tính trước đến các cuộc gặp gỡ này, và lúc đó tôi mới hiểu rõ hơn ý nghĩa những cuộc trao đổi điện thoại lúc trước của viên cảnh binh đi cùng chúng tôi: hóa ra họ đã thống nhất thời gian với nhau, có vẻ như vậy. Cuối cùng tôi nhận ra mình đang đi giữa một hàng người dài, thỉnh thoảng, cách quãng không đều ở hai bên dòng người, lại có một cảnh binh áp giải. Chúng tôi cứ đi khá lâu như thế trên đường ô tô. Một buổi chiều mùa hè đẹp trời, quang đãng, những con phố đông đúc pha trộn đủ sắc màu như vào giờ này vẫn thế; tuy nhiên tôi chỉ còn thấy tất cả hơi nhạt nhòa. Chẳng mấy chốc tôi mất luôn cả phương hướng, vì hầu hết chúng tôi đi qua những đường phố mà tôi chưa biết. Rồi số lượng phố xá, người qua lại, và chủ yếu sự dịch chuyển chậm chạp của một đoàn người khép kín – trong những điều kiện thế này – đã chiếm hết tâm trí và nhanh chóng làm sao nhãng sự chú ý của tôi. Suốt cả chặng đường dài thực ra tôi chỉ còn nhớ tới sự hiếu kỳ có vẻ vội vàng, ngần ngại, gần như vụng trộm của dân chúng đi

lại trên hè đường khi nhìn thấy đoàn chúng tôi (lúc đầu tôi còn thấy vui vui, nhưng sau một lúc tôi không để ý đến nữa), và một phút lộn xộn diễn ra sau đó. Chúng tôi đang đi trên một đường phố lớn, đông đúc ở ven đô, xung quanh là sự ồn ào không thể chịu nổi của dòng người xe chen chúc, đến một chỗ, không biết bằng cách nào, một đoàn tàu điện đã cắt ngang đoàn người, ngay phía trước tôi không xa. Chúng tôi buộc phải dừng lại chờ tàu điện đi qua – và đúng lúc ấy tôi thoáng thấy bóng một chiếc áo vàng vụt biến mất ở phía trước, trong đám bụi, trong âm thanh náo nhiệt và làn hơi khói xe cộ, chính là vị “khách đi tàu”. Loáng cái ông đã mất hút, lẫn vào dòng xe cộ và đám đông. Tôi thật sự kinh ngạc: việc diễn ra không ăn nhập với thái độ của ông trong trạm thuế quan, tôi thấy vậy. Nhưng tôi cũng đồng thời cảm nhận được một cái gì đó khác nữa, có thể nói là một cảm giác bất ngờ thú vị, vì sự đơn giản của hành động: thật thế, tôi thấy một vài người bạo gan phía trước lập tức lao theo ông. Tôi cũng ngó nghiêng xung quanh, dù chỉ là để có thêm trò vui – vì tôi thấy không có lý do gì phải chạy trốn – và tôi nghĩ mình có đủ thời gian để trốn, nhưng dẫu sao cảm giác trọng danh dự trong tôi đã tỏ ra mạnh mẽ hơn. Sau đó đám cảnh binh nhanh chóng lập lại trật tự, hàng người lại khép kín quanh tôi.

Chúng tôi còn đi một lúc nữa, sau đó tất cả diễn ra rất nhanh, bất ngờ và hơi đáng kinh ngạc. Chúng tôi rẽ ngoặt vào đâu đó, tôi thấy có vẻ như đã đến đích, vì con đường dẫn qua hai cánh cổng sắt lớn mở sẵn. Đến lúc đó tôi mới nhận ra, từ sau cổng những người khác đã đồng loạt thay thế đám cảnh binh, họ vận đồ như quân phục, trên mũ lưỡi trai có gài lông chim nhiều màu: họ là những hiến binh. Họ dẫn chúng tôi qua những con đường góc ngách len lỏi giữa các tòa nhà xám xịt, vào sâu mãi bên trong thì chợt hiện ra một khoảng trống rải sỏi trắng – giống như sân của một trại lính, tôi nghĩ. Ngay lúc đó tôi thấy một dáng người cao, vẻ oai vệ, từ ngôi nhà đối diện tiến thẳng về phía chúng tôi. Anh ta đi ủng cao và mặc quân phục bó sát người có gắn những ngôi sao vàng, trên ngực vắt chéo một sợi dây da. Một bên tay anh ta tôi thấy cầm cây gậy mảnh, kiểu như roi quất ngựa, thỉnh thoảng anh ta lại vút nhẹ vào cánh ủng bóng loáng. Một phút sau, khi chúng tôi đã đứng im lặng đứng thành các hàng người bất động, tôi nhận thấy đó là

một người nom rất phong độ, rắn chắc, với các đường nét nam tính gợi nhớ đến những người hùng quyến rũ trên phim ảnh, để bộ ria nâu cắt tỉa mảnh đúng một rất hợp với nước da sạm nắng trên khuôn mặt. Khi anh ta lại gần, đám hiến binh lệnh cho chúng tôi đứng nghiêm. Sau đó tôi chỉ còn nhớ hai ấn tượng liên tiếp nhau: giọng nói the thé chối tai giống giọng rao hàng ngoài chợ của người cầm roi ngựa làm tôi bất ngờ đến nỗi có lẽ vì thế mà tôi chẳng nhớ được bao nhiêu những điều anh ta nói. Tôi chỉ biết anh ta bảo: ngày mai anh ta mới có ý định tiến hành cuộc “điều tra” – anh ta dùng khái niệm này – về vụ của chúng tôi, rồi quay sang đám hiến binh, bằng giọng oang oang, ra lệnh cho họ hãy đem “cả lũ Do Thái” nhốt vào chỗ theo anh ta là xứng đáng với chúng tôi, nghĩa là chuồng ngựa, và khóa trái chúng tôi lại suốt đêm nay. Ấn tượng thứ hai của tôi tiếp ngay sau đó là tiếng quát tháo hỗn loạn, không thể hiểu nổi của đám hiến binh bỗng sức tỉnh, xua chúng tôi đi. Đến nỗi, thoát tiên tôi chẳng biết quay về hướng nào, và chỉ còn nhớ lúc đó mình hơi buồn cười, phần ngạc nhiên vì sự nhốn nháo, vì cảm giác giống như tôi bất chợt rơi vào giữa một màn kịch phi lý nào đó, trong đó tôi không biết đích xác vai diễn của mình, phần khác bởi một ý nghĩ vừa thoáng xuất hiện trong tâm trí: đó là gương mặt của mẹ kế tôi, khi bà biết rằng tối nay bà đã hoàn công đợi tôi về bên bàn ăn tối.

4.

Trên tàu hỏa thiếu nhất là nước. Đồ ăn dự trữ được tính đếm từng thứ, có vẻ đủ cho một thời gian dài; hiềm một nỗi chẳng có gì để uống, và như thế rất khổ sở, chắc chắn vậy. Những người trên tàu nói ngay: cơn khát đầu tiên sẽ chóng qua. Cuối cùng đến lúc hầu như ta đã quên thì nó lại đến, chỉ có điều lần này nó không cho ta cơ hội để quên, họ giải thích. Sáu, bảy ngày là thời gian, những người am hiểu khẳng định, mà trong trường hợp cần thiết, đã tính đến thời tiết nóng nực, ta có thể nhịn được nước, với điều kiện ta khỏe mạnh, không mất quá nhiều mồ hôi và nếu có thể thì không ăn thịt và gia vị. Họ động viên chúng tôi: hãy còn thời gian; tất cả tùy thuộc vào việc chuyến đi kéo dài đến khi nào, họ nói thêm.

Thật vậy, tôi cũng tò mò muốn biết: khi ở nhà máy gạch người ta chưa cho chúng tôi biết. Họ chỉ thông báo rằng ai muốn làm việc thì có thể đăng ký, cụ thể là sang nước Đức. Ý tưởng này, khi ở nhà máy gạch, cũng như đám con trai và nhiều người khác nữa, tôi cũng lập tức cho là hay. Nếu không, một vài người, có thể nhận biết qua tấm băng họ đeo trên tay, thuộc một nhóm gọi là “Hội đồng Do Thái” nói, đăng nào thì, dù tình nguyện hay bắt buộc, trước sau họ cũng đưa tất cả số người bị nhốt trong nhà máy gạch sang Đức, những người tình nguyện đi trước sẽ có chỗ tốt hơn, hơn nữa còn được ưu tiên chỉ có sáu mươi người trong một toa xe, còn sau này, một toa phải nhồi nhét ít nhất tám mươi người, do thiếu toa xe, – như người ta giải thích với tất cả: không có quá nhiều khả năng để lựa chọn, tôi cũng thấy như vậy.

Tôi cũng không thể phủ nhận sự xác đáng của những lý lẽ khác, về sự chật chội ở nhà máy gạch, về những hậu quả phát sinh trong lĩnh vực sức khỏe, cũng như các khó khăn ngày càng tăng trong khâu cung cấp thực phẩm: tất cả đúng như thế, và tôi cũng thấy thế. Ngay khi chúng tôi đến trại hiến binh (nhiều người lớn cho biết cái trại ấy gọi là “trại hiến binh An-

drássy”), tất cả các góc ngách của nhà máy gạch đã chật ních những người. Tôi thấy trong số họ có cả đàn ông và đàn bà, trẻ em ở mọi lứa tuổi, và rất nhiều người già. Bước đến đâu tôi cũng vấp phải chần, ba lô, đủ loại va li, túi đựng, đồ đạc. Tất cả những thứ đó, cùng với những bực bở vật vãnh, những nỗi khó chịu và phiền toái không thể tránh khỏi của cuộc sống chung đụng đông người, dĩ nhiên đã nhanh chóng làm cả tôi cũng trở nên mệt mỏi. Thêm vào đó là cảm giác trì độn của cảnh ăn chực nằm chờ, không biết làm gì và nỗi chán chường; tôi chẳng nhớ nổi cụ thể một ngày nào trong năm ngày ở đó, mà chỉ nhớ một vài tình tiết từ cái đám hỗn độn ấy. Dù sao tôi cũng thấy dễ chịu hơn vì tất cả bọn con trai đều ở quanh tôi: “Rozi”, “chàng trai lựa”, “thợ làm đồ da”, cậu nghiện thuốc, Moskovics và tất cả những đứa khác. Tôi có thể nói là đủ cả không thiếu một ai, chứng tỏ chúng đều tử tế. Với đám hiến binh trong nhà máy gạch, chúng tôi cũng chẳng có gì liên quan trực tiếp: chỉ thấy họ đứng gác phía ngoài hàng rào, đây đó xen lẫn vài cảnh binh. Trong nhà máy gạch người ta bảo đám cảnh binh dễ gần hơn hiến binh, họ cũng có tình người hơn, nếu có sự thỏa thuận trước nào đó, có thể là tiền, hay bất cứ thứ gì có giá trị. Chủ yếu, tôi nghe nói, người ta hay nhờ họ chuyển thư từ, tin nhắn ra ngoài, thậm chí một vài người còn đoan chắc trong một hai vụ bỏ trốn cũng có bàn tay họ, mặc dù – người ta nói thêm – chỉ ít khi có dịp và cũng rất mạo hiểm; về việc này tôi cũng khó biết đích xác. Nhưng lúc đó tôi chợt nhớ và lời mờ hiểu, lão mặt hải cẩu đã có thể rất muốn nói gì với viên cảnh binh trong trạm thuế quan. Và nhờ thế mà tôi biết viên cảnh binh ấy là một người có lòng tự trọng. Điều đó sau này cũng giải thích việc khi đi lang thang ngoài sân hoặc lúc chờ đến lượt vào bếp công cộng, giữa sự nhốn nháo của bao gương mặt xa lạ trong khu nhà máy gạch, một đôi lần tôi vẫn nhận ra khuôn mặt hải cẩu của lão.

Trong số những người ở trạm thuế quan tôi còn nhìn thấy ông già thiếu may mắn: ông hay ngồi giữa “đám thanh niên” chúng tôi “cho vui vẻ chút” – ông bảo thế. Hình như ông còn tìm được chỗ nằm gần chúng tôi, ở một trong vô số những ngôi nhà giống nhau trong khu sân, mái lợp gỗ, nhưng bốn bề bỏ ngỏ, mà tôi nghe nói ban đầu vốn là nhà sấy gạch. Nom ông có vẻ mệt mỏi, mặt ông sưng vù và đầy những vết thâm tím, ông cho chúng tôi

biết đó là kết quả cuộc điều tra của đám hiến binh: họ đã tìm thấy thuốc và thức ăn trong ba lô của ông. Ông đã hoài công giải thích đó chỉ là đồ cũ còn lại từ trước mà ông muốn đem đến cho bà mẹ đang ốm nặng, họ đã khép tội ông: rõ ràng ông định mang chúng ra buôn bán ngoài chợ đen. Ông có giấy phép cũng vô ích, cả chuyện bản thân ông luôn tôn trọng pháp luật và không bao giờ vi phạm dù chỉ một chữ cái, đúng như lời ông, cũng vô nghĩa. “Các anh có nghe ngóng được gì không? Chuyện gì sẽ đến với chúng ta?” ông thường xuyên hỏi. Ông lại nói về gia đình và sự rủi ro, bất hạnh của mình. “Tôi đã mất bao công sức và vui mừng đến thế nào vì cái giấy phép ấy,” ông nhớ lại, “nhưng tôi đâu có ngờ sự việc lại kết thúc thế này. Chỉ có năm phút, sự thế đã đảo ngược. Nếu không gặp rủi ro... Nếu lúc ấy chiếc xe bus...” tôi nghe thấy ông nói ra lời những suy nghĩ ấy. Nhưng xét cho cùng ông bằng lòng với sự trừng phạt. “Tôi đến lượt cuối cùng, và có lẽ thế lại may,” ông kể, “lúc đó họ đã vội.” Nhìn chung “sự việc lẽ ra có thể tồi tệ hơn đối với tôi,” ông kết luận, và nói thêm rằng ông còn thấy “những trường hợp còn tệ hơn thế” ở phòng điều tra của hiến binh. Và quả đúng thế, chính tôi cũng nhớ vậy. Đừng có một ai nghĩ rằng, đám hiến binh cảnh cáo chúng tôi vào buổi sáng trong cuộc điều tra, có thể giấu được họ các tội lỗi, tiền nong hay vàng bạc và những thứ giá trị khác. Cả tôi, khi đến lượt, cũng phải đặt hết lên bàn trước mắt họ toàn bộ tiền, đồng hồ, dao nhíp và các đồ dùng khác của mình. Một gã hiến binh cao lớn còn nắn dọc từ hai bên nách xuống tận ống quần lột tôi bằng những động tác khá nhanh và có vẻ chuyên nghiệp. Phía sau bàn tôi cũng nhìn thấy viên trung úy lần nữa – đến lúc đó, qua những lời trao đổi của đám hiến binh với nhau tôi đã được biết, tên thật của viên sĩ quan cầm roi ngựa này là trung úy Szakál. Bên tay trái viên trung úy tôi thấy lờ mờ một hiến binh mặc áo sơ mi, để ria ngạnh trên, cơ bắp như một gã đồ tể, trong tay hắn là một vật hình trụ, thoạt nhìn nom hơi tức cười, vì nó giống như chiếc gậy cán bột của các bà đầu bếp. Viên trung úy có vẻ thân thiện: anh ta hỏi tôi có giấy tờ gì không, dù sau đó tôi không thấy một dấu hiệu gì, hay ít nhất một tia sáng lóe lên trong ánh mắt anh ta khi nhìn thấy cái thẻ chứng nhận. Tôi ngạc nhiên, nhưng chủ yếu vì thấy động tác giục đi ra thật nhanh, bao hàm một hứa hẹn không thể hiểu khác của gã ria

ngành trê trong trường hợp ngược lại – nên tôi thấy khôn ngoan nhất có lẽ là không phản đối bất cứ điều gì.

Sau đó đám hiến binh đưa tất cả chúng tôi ra khỏi trại lính, đầu tiên dồn chúng tôi lên các toa tàu điện, đến một địa điểm trên bờ sông Duna⁸ thì chuyển chúng tôi sang tàu thủy, sau khi lên bờ chúng tôi còn phải đi bộ một đoạn nữa, và đã đến nhà máy gạch như thế, chính xác hơn – như khi đến nơi tôi được biết – đó là “Nhà máy gạch Budakalász”.

Vào buổi chiều đăng ký tôi còn nghe nhiều thứ khác về chuyến đi. Những người tay đeo băng cũng có mặt và vui vẻ trả lời mọi câu hỏi. Trước hết họ tìm những người còn trẻ, hăng hái, những người đến đây một mình. Nhưng họ còn bảo đảm, như tôi nghe thấy, với những người chạy đến hỏi han, rằng sẽ có chỗ cho cả phụ nữ, trẻ em, người già, và còn có thể đem theo tất cả hành lý nữa. Nhưng theo họ có một vấn đề chính yếu nhất là: tự chúng tôi hãy giải quyết với nhau một cách có tình, trong phạm vi có thể, hay là chờ đám hiến binh thi hành quyết định đối với chúng tôi? Theo họ giảng giải: bất luận thế nào các chuyến tàu cũng phải đầy, nếu danh sách họ lập ra còn thiếu thì cảnh binh sẽ điền thêm tên chúng tôi vào cho đủ. Đa số mọi người, trong đó có cả tôi, đều cho rằng rõ ràng cách thứ nhất thuận lợi cho chúng tôi hơn.

Về người Đức, có nhiều cách nhìn nhận khác nhau lọt đến tai tôi. Rất nhiều người, mà chủ yếu là những người có tuổi đã từng trải, cho rằng dù quan điểm của họ về người Do Thái ra sao, dân Đức là những người sạch sẽ, trọng danh dự, thích trật tự, chính xác và chăm chỉ, họ sẽ tôn trọng nếu bắt gặp những tính cách tương tự ở người khác; đúng là về cơ bản hiểu biết của tôi về họ cũng đại thể phù hợp với điều này, và tôi nghĩ chắc chắn tôi sẽ có chút lợi thế khi sang bên đó, vì ở trường trung học tôi đã học được ít nhiều ngôn ngữ của họ. Nhưng cái chính là qua công việc, tôi hy vọng cuối cùng sẽ học được sự ngăn nắp, nghề nghiệp và những ấn tượng mới, nói vui một chút: cả cách sống có ý nghĩa hơn ở đây và phù hợp với ý thích của tôi hơn, đúng như người ta đã hứa và bọn con trai chúng tôi đã bàn luận với nhau, một cách tự nhiên; bên cạnh đó tôi còn nghĩ như thế mình ít nhiều sẽ được

nhìn thấy thế giới. Và thú thật, nếu nghĩ đến một vài sự kiện của những ngày vừa qua: như việc làm của đám hiến binh, mà đặc biệt là cái giấy chứng nhận, thì sự thật là lòng yêu nước cũng chẳng khiến tôi lưu luyến, nếu như xét đến cả tình cảm này.

Và có những kiểu người hoài nghi hơn, nhận được thông tin theo chiều hướng khác, họ tuyên bố biết các khía cạnh khác của tính cách Đức; vài người khác liền hỏi họ, vậy trong trường hợp đó, thì họ có ý kiến gì hay hơn chẳng; và lại có những người khác nữa, cho rằng thay vì dẫn vật, tốt hơn là nghe theo tiếng nói của lý trí, họ thể hiện một thái độ mẫu mực, cốt làm vừa lòng nhà chức trách – tất cả những lý lẽ và những quan niệm trái ngược nhau ấy, cùng nhiều tin tức, tình hình và những điều cần biết khác được mấy nhóm người lớn nhỏ, hết tụ lại tan ngoài sân, tranh cãi không dứt xung quanh tôi. Tôi còn nghe nhắc tới cả Chúa, giữa những điều khác, đến “ý muốn không thể nào nắm bắt được của Người,” như một người nói. Như bác Lajos bữa trước, ông cũng nói về số phận, về số phận của người Do Thái, và cũng như bác Lajos, ông cho rằng “chúng ta đã rời bỏ Chúa,” và đó là lời giải thích cho những tai họa giáng xuống chúng tôi. Nhưng dẫu sao ông ta vẫn làm tôi chú ý, vì đó là một người có dáng vóc vạm vỡ và khỏe mạnh, có khuôn mặt hơi khác thường với cái mũi mỏng hơi khoằm, đôi mắt sáng ướt át, bộ ria mép ngả bạc nối liền với hàm râu quai nón ngắn chạy vòng tròn. Tôi thấy đông người đứng vây quanh, tò mò nghe ông nói. Sau đó tôi được biết ông là một thầy tu, vì tôi nghe người ta gọi ông là “ngài rabbi”⁹. Tôi còn ghi nhớ được vài lời hay vài đoạn ông nói, chẳng hạn ông bảo “vì con mắt nhìn thấy và con tim cảm nhận được” khiến ông phải thừa nhận rằng “ở đây trên mặt đất này có lẽ chúng ta có thể tranh luận về phán quyết nghiêm khắc của Ngài” – và giọng nói trong, vang xa của ông ngắt ngứ và nghẹn lại một phút ở chỗ này, đồng thời hai mắt ông nhòa đi hơn cả lúc bình thường; không biết vì sao, nhưng tôi có cảm giác là lạ, cứ như ban đầu ông chuẩn bị nói ra một điều gì đó khác, và những lời vừa nói ra làm chính ông cũng hơi bất ngờ. Nhưng dẫu sao ông vẫn tiếp tục nói, và ông bảo ông không muốn “tự huỷ hoại mình.” Ông biết rõ, chỉ cần “nhìn quanh mảnh đất khổ ải và những gương mặt đau khổ này” – ông bảo thế, và sự thương cảm của ông

khiến tôi kinh ngạc, vì chính ông cũng đang có mặt ở đây – là ông đủ thấy sứ mạng của mình nặng nề như thế nào. Nhưng mục đích của ông không phải là “giành những linh hồn cho Đấng Tối cao,” bởi linh hồn của mỗi chúng ta đều từ Ngài mà có, ông nói. Tuy nhiên ông vẫn khuyến cáo chúng tôi: “Đừng oán trách Ngài!” chủ yếu không phải vì như thế là tội lỗi, mà vì con đường đó sẽ dẫn đến “sự phủ nhận ý nghĩa cao cả của cuộc sống”; mà theo ý ông, với sự “phủ nhận này trong con tim” chúng ta không thể sống trung thực. Có thể một trái tim như thế sẽ được nhẹ nhàng, nhưng chỉ bởi nó trống rỗng như sa mạc hoang vu, ông nói; tuy rất nhọc nhằn, nhưng con đường duy nhất của sự an nhiên là cả trong tai ương vẫn nhìn thấy sự thông thái vô biên của Đấng Tối cao, vì, đúng theo lời ông nói: “Sẽ đến thời khắc chiến thắng của Ngài, và những kẻ lãng quên quyền năng của Ngài sẽ trở thành cát bụi và sẽ gọi tên Ngài từ cát bụi.” Do vậy, nếu bây giờ ông bảo chúng tôi phải tin rằng sự khoan dung cuối cùng của Ngài sẽ đến (“và niềm tin này hãy là chỗ dựa của chúng ta và là cội nguồn sức mạnh không bao giờ cạn kiệt của chúng ta trong giờ phút thử thách”), thì Ngài đồng thời cũng chỉ ra phương cách duy nhất để chúng ta hoàn toàn có thể sống. Ông gọi phương cách ấy là “phủ định của phủ định,” bởi vì không có hy vọng thì “chúng ta sẽ chết” – nên chỉ có thể nuôi hy vọng duy nhất bằng niềm tin, và với niềm tin vững chắc rằng Ngài sẽ đoái thương chúng ta, rồi chúng ta có thể sẽ nhận được ân sủng của Ngài. Phải công nhận cách lập luận của ông rõ ràng, mặc dù tôi nhận ra là rốt cuộc ông cũng không nói chính xác chúng tôi phải làm gì, và ông cũng không thể đưa ngay ra lời khuyên cho những người muốn xin ý kiến ông: bây giờ họ nên đăng ký đi hay tốt hơn cả là nên ở lại? Tôi nhìn thấy cả ông già không may mắn mấy lần, lúc thấy ông ở nhóm này, lúc ở nhóm khác. Tôi còn nhận thấy cái nhìn lo lắng trong đôi mắt vẫn còn hơi tụ máu của ông khi ông đi từ nhóm này sang nhóm khác không biết mỗi, từ người nọ đến người kia. Lúc lúc lại nghe tiếng ông, khi ông chặn một ai đó, với gương mặt dò hỏi căng thẳng, vừa bẻ đốt ngón tay vừa xoa xoa hai bàn tay, hỏi họ: “Xin lỗi, quý ông có đi không?” hay: “Tại sao?” hay: “Các vị nghĩ như thế sẽ tốt hơn sao, cho tôi xin phép hỏi?”

Đúng lúc ấy – tôi nhớ – một người quen khác từ trạm thuế quan cũng vừa đến xin đăng ký: ông “chuyên gia”. Trong những ngày ở nhà máy gạch tôi cũng đã nhiều lần nhắc thấy ông. Mặc dù quần áo nhàu nát, chiếc cà vạt cũng đã biến đâu mất, và mặt ông phủ đầy râu ria màu xám, nhưng vẫn thấy được những dấu vết không thể chối cãi từ vẻ ngoài khả kính trước đây của ông. Ngay lập tức, việc ông đến đã gây chú ý, một vòng người hồi hộp vây quanh ông, và ông không kịp trả lời những câu hỏi dồn dập. Không bao lâu sau tôi được biết rằng ông đã có cơ may nói chuyện với đích thân một sĩ quan Đức. Sự kiện này diễn ra ngay ở phía trước, chỗ gần khu văn phòng của ban chỉ huy, đội hiến binh và các cơ quan điều tra khác, nơi trong những ngày này, đúng là cũng đôi lần có một, hai người Đức mặc quân phục vội vã biến mất hay xuất hiện, mà cả tôi cũng nhận thấy. Trước đó – tôi suy đoán – ông đã thử gặp mấy tay hiến binh. Ông còn nói ông đã cố “liên hệ với công ty” nơi ông làm việc. Nhưng chúng tôi được biết đám hiến binh “liên tục phủ nhận” quyền được gặp của ông, trong khi “đó là xưởng quân sự,” và “việc chỉ đạo sản xuất sẽ không thể tưởng tượng nổi” nếu thiếu ông, điều đó các nhà chức trách cũng công nhận, mặc dù các giấy tờ về việc này, cũng như về tất cả những việc khác, cảnh binh đã “tịch thu.” Tôi gần như không theo dõi kịp câu chuyện vì ông nói đứt đoạn, trong lúc vẫn liên tục phải trả lời nhiều câu hỏi cắt ngang. Đúng là trông ông có vẻ phẫn nộ. Nhưng ông nói thêm rằng ông “không muốn đi vào chi tiết vụ việc.” Mặt khác chính vì thế mà ông tìm đến viên sĩ quan Đức. Đúng lúc viên sĩ quan chuẩn bị đi. Ngẫu nhiên, ông cho chúng tôi biết, ông cũng đang có mặt ở gần đó vào lúc ấy. “Tôi bước tới trước mặt anh ta.” Có nhiều người chứng kiến vụ này, và họ nhắc đến sự can đảm của ông. Nhưng ông chỉ nhún vai bảo không mạo hiểm thì không thể đạt được kết quả và chẳng nào thì ông cũng muốn trao đổi “với một người có thẩm quyền.” “Tôi là kỹ sư,” ông tiếp tục, “nói tiếng Đức hoàn hảo,” ông nói thêm. Ông cũng nói vậy với viên sĩ quan Đức. Ông cho hẳn biết “xét về khía cạnh đạo đức và cả trên thực tế nữa, họ đã khiến công việc của tôi trở nên bất khả,” mà hơn nữa, theo cách nói của ông là “không hề có lý do và cơ sở luật pháp nào, thậm chí trong phạm vi những quy định hiện hành.” “Đây là vì lợi ích của ai?” ông đặt câu hỏi cho viên sĩ quan Đức.

Ông nói với hân, hệt như bây giờ đang nói với chúng tôi đây: “Tôi không đòi hỏi quyền lợi và ưu đãi cho riêng mình. Tôi chỉ là một người nào đó, và am hiểu một đôi điều; tôi chỉ muốn làm việc theo chuyên môn của mình, đó là toàn bộ cố gắng của tôi.” Lời khuyên ông nhận được từ viên sĩ quan là hãy ghi tên cùng số người tình nguyện. Hân ta không “hứa điều gì to tát,” ông nói, nhưng bảo đảm rằng trong những nỗ lực hiện tại, nước Đức cần đến tất cả mọi người, đặc biệt cần đến hiểu biết của những người có trình độ cao như ông. Do đó, ông cho biết, vì “thái độ khách quan” của viên sĩ quan, ông cảm thấy những gì hân ta nói là “hợp tình hợp lý và thực tế,” ông kết luận với những lời như vậy. Cả về “phong cách” của viên sĩ quan ông cũng dành vài lời: trái với đám hiến binh “thô lỗ,” ông miêu tả viên sĩ quan là “tĩnh táo, đúng mực và không thể chê trách xét ở mọi khía cạnh.” Trả lời một câu hỏi khác, ông công nhận rằng “tất nhiên không có sự bảo đảm nào khác,” ngoài ấn tượng của ông về viên sĩ quan, nhưng hiện tại ông phải bằng lòng với chừng đó, và ông tin là mình không lầm. “Nếu giả định rằng cách nhìn nhận con người của tôi không phản lại tôi,” ông nói thêm, “nhưng về phần mình, ít nhất hãy cho tôi được hy vọng rằng khả năng này khó có thể xảy ra.”

Khi ông vừa rời đi, bỗng nhiên tôi thấy ông “rủi ro” từ một đám đông nhảy bật ra như con búp bê lò xo, cắt chéo đường, đi tới, hay nói đúng hơn là lao tới trước mặt ông kia. Nhìn sự hấp tấp và cả quyết của ông, tôi còn nghĩ chắc ông sẽ hỏi thẳng ông kia chứ không như hôm ở trạm thuế quan. Nhưng ông vội vàng đến mức đâm sầm cả vào một người to cao đeo băng tay, cầm tờ danh sách viết bằng bút chì đang đi về cùng phía. Cú chạm làm ông khựng lại, lùi về phía sau, nhìn người kia từ đầu xuống chân, rồi cúi đầu hỏi anh ta gì đó, nhưng tôi không biết có gì diễn ra sau đó, vì “Rozi” đã gọi: đến lượt chúng tôi.

Sau đó tôi chỉ còn nhớ rằng khi tôi đi ra phía sau về hướng chỗ ở của chúng tôi cùng với cả bọn con trai vào cái ngày cuối cùng ấy, không khí thật thanh bình, ấm áp, bầu trời hoàng hôn mùa hè đã rực đỏ trên những quả đồi. Phía xa kia, về hướng dòng sông, tôi nhìn thấy nóc những toa xe lửa ngoại vi lướt nhanh trên mép hàng rào; tôi đã mệt, và hoàn toàn tự nhiên là sau thủ

tục đăng ký, tôi cũng hơi tò mò. Những đứa con trai khác có vẻ hài lòng. Ông “rủi ro” cũng nhập bọn với chúng tôi từ lúc nào, ông nói, hơi long trọng, nhưng đồng thời cũng có vẻ thăm dò, rằng ông cũng đã có tên trong danh sách. Chúng tôi tán thành, và tôi thấy điều này làm ông rất vui, nhưng sau đó tôi không chú ý lắm đến ông nữa. Ở khu phía sau này, nhà máy gạch cũng yên tĩnh hơn. Mặc dù ở đây tôi vẫn thấy những nhóm nhỏ tụ tập bàn tán, có một số đã chuẩn bị đi nghỉ đêm, hoặc đang ăn uống, trông nom đồ đạc, hay đơn giản là họ chỉ ngồi im lặng trong bóng tối. Chúng tôi vừa đến chỗ một cặp vợ chồng. Tôi đã thấy họ nhiều lần, và đã quen mặt họ. Chị vợ có dáng người nhỏ nhắn, đường nét thanh tú, mảnh dẻ, anh chồng gầy, đeo kính, hàm răng lỗ chỗ, suốt ngày chạy đôn chạy đáo, vẻ sẵn sàng, trán lúc nào cũng lấm tấm mồ hôi. Lúc này anh ta cũng đang mài quỳ trên mặt đất, với sự trợ giúp hăng hái tích cực của chị vợ, họ vùi vàng gói ghém đồ đạc và dùng một dây đai bó chặt tất cả vào một khối, và có vẻ như anh ta chỉ tập trung vào việc này, chứ không để ý đến điều gì khác. Ông già “rủi ro” đứng sững lại phía sau anh ta, có vẻ như ông quen anh ta, vì lát sau ông hỏi: phải chăng họ cũng đã quyết định lên đường? Khi đó anh chồng chỉ ngược nhìn lại phía sau trong một tích tắc từ sau cặp kính, anh nheo nheo mắt, khuôn mặt đầm mồ hôi nhăn nhó dưới ánh sáng buổi tối, thay vì câu trả lời anh ta chỉ hỏi lại câu duy nhất: “Thì buộc phải đi chứ, hay là không?” Và tôi cảm thấy điều này thật đơn giản, xét cho cùng thật đúng như thế.

Hôm sau, từ sáng sớm họ đã cho chúng tôi lên đường. Đoàn tàu, trong tiết trời mùa hè tuyệt đẹp, xuất phát từ sân ga của tuyến đường sắt ngoại vi, ở ngay trước cổng – gồm các toa xe hàng màu đỏ gạch, nóc toa và cửa đều kín. Bên trong là sáu chục người chúng tôi, đồ đạc, và hàng hóa của mấy người đeo băng trên cánh tay: những đồng bánh mì lớn, hộp thịt loại to, tôi phải công nhận so với ở nhà máy gạch thì đó là những của quý. Nhưng ngay từ hôm qua tôi đã nhận thấy nói chung người ta đối xử với chúng tôi – những người ra đi – một cách chăm chút, ưu đãi, có thể nói là ở mức độ trọng thị nhất định, và sự dư giả này có lẽ cũng là một kiểu phần thưởng, theo cảm nhận của tôi. Đám hiến binh cũng có mặt, tay lăm lăm súng, mặt mũi khó khăn, trang phục chỉnh tề – nom như thể đang canh giữ thứ

hàng hóa hết sức quý hiếm mà họ không được phép đựng vào nữa, và tôi nghĩ chắc vì có một quyền lực còn cao hơn: người Đức. Rồi cánh cửa kéo được đóng lại, và phía ngoài có những tiếng gõ mạnh trên thành toa, tiếng hiệu lệnh, tiếng còi, tiếng các nhân viên nhà ga bận rộn, con tàu lắc mạnh và bắt đầu chuyển bánh. Đám con trai chúng tôi ổn định chỗ trong khoảng phần ba cuối toa mà chúng tôi đã chiếm ngay sau khi vừa lên tàu, mỗi bên thành có một cửa sổ nhỏ được che cẩn thận bằng dây thép gai nhọn. Chẳng bao lâu sau vấn đề nước, và cùng với nó là thời gian đi đường cũng đã được đề cập đến trong toa xe của chúng tôi.

Tôi không thể nói gì nhiều về chuyến đi. Cũng như trước đây, trong trạm thuế quan, và sau đó trong nhà máy gạch, ở trên tàu chúng tôi cũng phải giết thời gian bằng cách nào đó. Tất nhiên, do điều kiện trên tàu, việc đó giờ đây có khó khăn hơn. Nhưng mặt khác, ý thức về một cái đích, ý nghĩ rằng tất cả, dù chậm chạp, dù lắc lư, dồn đẩy, chờ đợi mệt mỏi thì đoạn đường đi được, cuối cùng cũng đưa chúng tôi đến gần hơn, đã giúp chúng tôi vượt qua những khó khăn, trở ngại. Đám con trai chúng tôi không đánh mất kiên nhẫn. “Rozi” luôn động viên chúng tôi: con đường chỉ kéo dài đến khi ta tới đích. “Chàng trai lựa” cũng bị trêu chọc khá nhiều, vì một cô gái đi cùng bố mẹ mà cậu đã làm quen từ trong nhà máy gạch, vì cô bé ấy, nhất là trong thời gian đầu, cậu hay biến mất về phía giữa toa, và bọn con trai đồn đại rất nhiều về chuyện này. Ở đây còn có cả anh chàng nghiện thuốc: từ trong túi cậu, thật đáng ngờ, vẫn lòi ra một nhúm sợi, một mẫu giấy, và một que diêm, cậu cúi mặt sát ngọn lửa, thèm khát như một loài chim ăn thịt, đôi khi vào cả ban đêm. Tôi vẫn còn nghe thấy một đôi lời đùa vui, hay vài lời nhận xét, ngay cả khi đã sang hôm thứ ba, từ cậu Moskovics (lúc nào cũng có những vệt mồ hôi lẩn bụi chảy thành dòng từ trán qua cặp kính, qua cái mũi tẹt, xuống đôi môi dày – giống tất cả chúng tôi, như một điều tất nhiên) và từ những gã trai khác, cả những câu chuyện tiểu lâm uế oải nữa, dù không được lưu loát lắm, từ cậu “thợ làm đồ da”. Tôi không biết bằng cách nào, một vài người lớn đã moi được tin này: đích chuyến đi của chúng tôi chính xác hơn là một vùng núi có tên là Waldsee; dù khát nước, dù nóng nực, bản thân viễn cảnh mà cái tên này mang lại lập tức làm tôi thấy dễ chịu.

Mấy người than phiền về sự chật chội trên tàu cũng được nhiều người khác nhắc nhở, và họ nói đúng: hãy nhớ rằng trên những chuyến tàu sau sẽ là tám mươi người đi trong một toa. Mà căn bản, nếu nghĩ lại, tôi đã từng ở chật hơn thế này: hôm ở trong chuồng ngựa của trại hiến binh chúng tôi phải ép sát vào nhau trên mặt đất, như “kiểu ngồi Thổ Nhĩ Kỳ.” Trên tàu tôi được ngồi thoải mái hơn thế. Nếu muốn tôi còn có thể đứng dậy, thậm chí đi lại vài bước – chẳng hạn về phía cái nôi đặt ở góc bên phải, tận cuối toa. Ban đầu chúng tôi cùng quyết định chỉ sử dụng nó vào việc tiểu tiện. Nhưng sau một thời gian, nhiều người trong chúng tôi buộc phải nhận ra rằng mệnh lệnh của tự nhiên còn mạnh hơn cam kết của chúng tôi, và đã hành động theo mệnh lệnh đó, cả bọn con trai, đàn ông, đàn bà, bằng cách có thể, dĩ nhiên.

Gã hiến binh cuối cùng cũng không gây phiền hà gì đáng kể. Lúc đầu gã làm tôi hơi hoảng, khuôn mặt gã bỗng xuất hiện ở ô cửa sổ bên trái, ngay trên đầu tôi, và gã còn chiếu đèn pin lên người chúng tôi vào buổi tối đầu tiên, hay đúng hơn lúc ấy đã là đêm đầu tiên trong một lần dừng tàu lâu hơn. Lát sau chúng tôi biết, té ra gã đến với ý định tốt, đến để báo tin: “Các người, chúng ta đã đến biên giới Hungary!” Gã muốn thông báo với chúng tôi một lời kêu gọi, đúng hơn là một yêu cầu. Ý gã là nếu bất cứ ai trong chúng tôi còn giữ tiền hoặc đồ có giá trị khác thì hãy trao cho gã. “Nơi các người đến” gã thuyết phục, “ở đó không bao giờ còn cần đến những thứ ấy. Và nếu có còn sót lại gì thì người Đức cũng sẽ thu hết” gã nói. “Thế thì,” gã tiếp tục từ phía trên ô cửa, “tại sao lại không để chúng rơi vào tay người Hung, đúng không?” Và sau một lát im lặng mà tôi cảm thấy có vẻ gì đó long trọng, bằng giọng nói mỗi lúc thêm vồn vã, kiểu như người trong nhà dẫu có gì thì hãy quên đi hãy bỏ quá cho nhau, gã nói thêm: “Vì xét cho cùng các người cũng là những người Hung!” Một giọng nói, một giọng đàn ông trầm đục từ giữa toa xe, sau một chút rì rầm, lưỡng lự, công nhận lý lẽ của gã, với điều kiện gã phải mang nước đến đổi cho chúng tôi, và gã cũng có vẻ ửng thuận, dù gã nói thêm như thế là “vi phạm lệnh cấm.” Tuy nhiên sau đó hai bên không thỏa thuận nổi với nhau, vì tiếng nói kia muốn nhận được nước trước, gã hiến binh thì muốn cầm trong tay đồ vật trước. Cuối

cùng gã phát cáu: “Lũ Do Thái bán thiu, các người buôn bán cả điều thiêng liêng nhất!” gã quát. Bằng giọng tức nghẹn vì bức mình và khinh ghét, gã cầu chúc cho chúng tôi: “Thế thì chúng mày cứ việc chết khát!” Điều đó về sau cũng đã xảy ra – ít nhất là trong toa xe chúng tôi người ta bảo thế. Đúng là từ toa xe phía sau thường vẳng tới một cái giọng đặc biệt, từ chiều ngày thứ hai, chính tôi cũng nghe thấy: không dễ chịu chút nào. Một bà già đau ốm – mà có thể là bà đã phát điên, chắc hẳn vì khát nước. Lời giải thích có vẻ tin được. Chỉ đến lúc này tôi mới thấy sự đúng đắn của mấy người ngay từ đầu chặng đường đã khẳng định: trong toa xe của chúng tôi không có trẻ quá nhỏ, không có người cao niên, và hy vọng không có người mang bệnh, là một điều thật may mắn. Vào buổi sáng ngày thứ ba, cuối cùng thì bà già đã im lặng. Trong toa chúng tôi người ta bảo: bà cụ đã chết vì không có nước. Nhưng chúng tôi biết: bà cụ bệnh tật và cũng đã già, trường hợp của bà cụ, mọi người, kể cả tôi, đều coi là bình thường, xét cho cùng là thế.

Tôi có thể khẳng định: sự chờ đợi không mang lại niềm vui – đó ít ra là kinh nghiệm của tôi khi chúng tôi đã thật sự tới đích. Có thể do tôi đã mệt, và có thể sự cố gắng gồng mình để chờ tới đích cuối cùng đã làm tôi quên bớt đi ý nghĩ đó, nhưng nhiều phần hơn là do tôi đã trở nên thờ ơ. Tôi đã hơi bỏ qua toàn bộ sự kiện này. Tôi nhớ mình đột nhiên thức dậy, có lẽ do tiếng còi báo động loạn xạ ở gần đó; ánh sáng yếu ớt rọi vào từ bên ngoài báo hiệu rạng đông của ngày thứ tư. Tôi thấy hơi đau ở xương cụt, nơi tiếp xúc với sàn tàu. Đoàn tàu cũng đang dừng, như nó vẫn hay dừng vào lúc khác hay như trong những lần có báo động. Các ô cửa sổ đã kín người, như những lúc thế này thường vẫn thế. Mọi người đều tưởng mình nhìn thấy một cái gì đó, như gần đây vẫn thế. Lát sau tôi cũng kiếm được một chỗ, nhưng không nhìn thấy gì. Không khí sớm mai ngoài kia lạnh và có hương thơm, trên những cánh đồng rộng là đám sương mù, rồi bất chợt, giống như hồi kèn đồng, một tia nắng hồng, sắc, mỏng mảnh chiếu từ phía sau chúng tôi, và tôi hiểu: tôi đang thấy bình minh. Tất cả thật lộng lẫy và kỳ thú, giờ này ở nhà chắc tôi còn đang ngủ. Tôi đã nhìn thấy một ngôi nhà, không biết là tín sứ của một ga hẻo lánh nơi khi ho cò gáy nào hay của một nhà ga lớn, ngay phía bên trái trước mặt tôi. Đó là một ngôi nhà nhỏ, màu xám và hoàn toàn

không có người ở, với những cửa sổ nhỏ đóng kín và mái dốc đến nực cười mà hôm qua tôi cũng đã thấy ở vùng này. Ngôi nhà hiện dần lên thành những đường nét cứng cáp ngay trước mắt tôi qua làn sương mù đang tan, rồi từ màu xám nó chuyển sang màu tím, những ô cửa sổ lóe lên đỏ tía khi những tia nắng đầu tiên vừa rọi tới. Một vài người khác cũng trông thấy nó, tôi liền bảo cả cho những người tò mò đứng phía sau tôi biết. Họ hỏi tôi có nhìn thấy tên địa danh hay không. Tôi có thấy, đó là hai từ hiện lên trong nắng sớm, trên một tấm bảng hẹp đối diện hướng đi đến của chúng tôi, ngay bên dưới mái nhà: “Auschwitz-Birkenau”¹⁰ – tôi đọc hai từ ấy, viết bằng những chữ cái loằng ngoằng của người Đức, nối với nhau bởi cái gạch nối đúp lượn sóng, về phần mình, tôi đã cố hoài công lục lợi vô ích trong mớ kiến thức địa lý của mình, và những người khác cũng chẳng chứng tỏ họ am hiểu hơn tôi. Sau đó tôi ngồi xuống, vì phía sau tôi những người khác đã đòi nhường chỗ, và vì trời còn sớm mà tôi cũng buồn ngủ, nên tôi lại ngủ thiếp đi.

Cho đến lúc sự nhốn nháo, hốt hoảng đánh thức tôi dậy. Bên ngoài lúc ấy nắng đã chói chang. Đoàn tàu lại đi. Tôi hỏi bọn con trai xem chúng tôi đang ở đâu, chúng bảo vẫn ở chỗ cũ, tàu vừa chuyển bánh; lần này hình như những toa tàu lắc lư đã đánh thức tôi. Nhưng không nghi ngờ gì nữa, chúng nói thêm, đã có thể thấy các nhà máy, những nhà cửa na ná khu dân cư ở phía trước chúng tôi rồi. Một phút sau những người đứng bên cửa sổ thông báo, và qua sự thay đổi của ánh sáng lướt trên sàn tàu, tôi cũng nhận thấy chúng tôi đang lao qua một cổng vòm hình cánh cung. Một phút sau nữa con tàu dừng hẳn, họ hồi hộp thông báo đã nhìn thấy nhà ga, lính tráng và dân thường. Nhiều người sửa soạn hành lý, cài khuy áo, một số khác, đặc biệt là phụ nữ, bắt đầu dọn dẹp, trang điểm, chải qua loa đầu tóc. Từ phía ngoài nghe tiếng gõ, tiếng cửa mở, lẫn với sự ồn ào của hành khách ứa ra khỏi toa xe, và lúc này tôi phải công nhận, không còn nghi ngờ gì nữa, chúng tôi đã đến đích thật rồi. Tôi vui mừng, dĩ nhiên, nhưng tôi cảm thấy theo một cách khác với sự vui mừng của ngày hôm qua, hay còn hơn thế, của ngày hôm kia chẳng hạn. Sau đó nghe tiếng dụng cụ đập cả vào cửa toa xe của chúng tôi,

rồi một ai đó, hay đúng hơn là những ai đó đã kéo cánh cửa nặng nề sang một bên.

Đầu tiên tôi nghe thấy tiếng nói của họ. Họ nói tiếng Đức hoặc một thứ tiếng gì rất giống thế, tất cả cùng một lúc. Theo như tôi hiểu: họ muốn chúng tôi xuống. Nhưng trái lại, hình như chính họ đã nhảy vào giữa chúng tôi; trước mắt tôi vẫn chưa nhìn thấy gì. Nhưng nghe nói va li, túi xách phải bỏ lại. Sau đó, họ giải thích, người ta dịch lại và truyền cho nhau, rằng tất cả sẽ được nhận lại tài sản của mình, tất nhiên, nhưng trước hết đồ đạc phải được khử trùng, chúng tôi thì phải tắm rửa – đúng là cũng đến lúc, tôi cũng nghĩ vậy. Vừa lúc ấy họ đến gần tôi, trong đám đông nhốn nháo, và thế là cuối cùng tôi đã nhìn thấy những người ở đây. Tôi rất bất ngờ, vì đây là lần đầu trong đời tôi nhìn thấy – ít nhất là thấy gần như thế này – những tù phạm, những kẻ độc ác trong áo kẻ sọc, đầu cắt trọc, đội mũ khoanh tròn. Tôi hơi giật mình lùi về phía sau khi nhìn thấy họ, tất nhiên. Một vài người trong số họ trả lời các câu hỏi của mọi người, một số khác nhìn quanh trên toa xe, mấy người khuôn vác đã bắt đầu chuyển các gói đồ ra khỏi toa, bằng kỹ năng thành thục của các phu khuôn vác, và tất cả đều với một vẻ nhanh nhẹn, lạ lùng, lợc lỏi nào đó. Trên ngực họ, ngoài số tù như thường thấy trên áo tù phạm, tôi còn thấy một hình tam giác màu vàng, và mặc dù giải đáp ý nghĩa của màu này đối với tôi dĩ nhiên là không khó khăn gì, nhưng bỗng nhiên nó vẫn đập vào mắt tôi bằng cách nào đó; suốt dọc đường tôi gần như đã quên hẳn chuyện này. Bộ mặt họ trông cũng không thật đáng tin cậy: tai vênh sang hai bên, mũi nhô cao ra phía trước, đôi mắt sâu, nhỏ, giáo hoạt. Họ có vẻ đúng là những người Do Thái ở tất cả mọi phương diện. Tôi cảm thấy họ đáng ngờ và xa lạ. Khi nhận ra đám con trai chúng tôi, họ có vẻ hoảng hốt. Họ thì thầm với nhau vội vã, và đó là lúc tôi khám phá ra điều bất ngờ rằng có vẻ như người Do Thái không chỉ nói tiếng Hebrew như cho tới nay tôi vẫn nghĩ: “*Reds di jidis, reds di jidis, redsdi jidis?*”¹¹ tôi từ từ hiểu ra câu hỏi của họ. Đám con trai, cả tôi, đều đáp: “*Nein*”¹² Tôi thấy họ không vui lắm. Thế rồi đột nhiên – nhờ vốn tiếng Đức của mình, tôi hiểu ra một cách dễ dàng – họ bỗng nhiên quan tâm đến tuổi chúng tôi. Chúng tôi bảo: “*Viezehn, fünfzehn,*”¹³ tùy theo từng đứa. Ngay tức khắc họ phản đối rất

mạnh, bằng tay, bằng đầu, bằng cả cơ thể: “Zescájń,”¹⁴ họ thăm thì từ mọi phía, “zescájń.” Ngạc nhiên quá, tôi liền hỏi một trong số họ: “Warum?”¹⁵ Người đó đáp: “Willstdi arbeiten?”¹⁶ cái nhìn trống rỗng từ đôi mắt ông rọi thẳng vào mắt tôi. Tôi bảo: “Natürlich,” tất nhiên, vì tôi đến đây là để làm việc mà, tôi nghĩ. Thế là ông ta không chỉ cầm lấy cánh tay tôi bằng bàn tay vàng vọt, xương xẩu, khô cứng của ông ta, mà còn lắc mạnh, nói rằng thế thì “Zescájń... vertajsztdi”¹⁷ Zescájń!...” Tôi thấy ông ta có vẻ bức tức, hình như chuyện đó rất quan trọng đối với ông ta. Lũ con trai chúng tôi lập tức trao đổi với nhau về chuyện này, cảm thấy vui vui, nhưng tôi cũng đồng ý: ừ thì tôi mười sáu tuổi. Chúng tôi phải nhớ – nói gì thì nói, dù có sai sự thật – giữa chúng tôi không ai có anh, hay em ruột, và thêm nữa – tôi thực sự ngạc nhiên – không có anh em sinh đôi; nhất là: “Jeder arbeiten, nist ká mide, nist ká krenk,”¹⁸ tôi được họ cho biết thêm chừng ấy nữa trong khoảng chưa đầy hai phút, khi giữa dòng người chen chúc tôi dịch chuyển được từ chỗ đứng ra tới cửa toa, cuối cùng tôi nhảy đại xuống đất, ra ngoài ánh sáng và không khí tự do.

Trước hết tôi thấy một vùng đất có vẻ bằng phẳng, rộng rãi. Đột nhiên, tôi hơi lóa mắt bởi sự trống trải bất ngờ, bởi bầu trời và vùng bãi bằng phẳng, trắng sáng đến tức mắt. Nhưng tôi không có thời gian để quan sát: xung quanh tôi là sự huyên náo, chen chúc, sự hỗn độn của tiếng nói, của các sự kiện, của sự bố trí sắp đặt. Phụ nữ, tôi nghe nói, phải tách riêng, vì không thể tắm chung với chúng tôi dưới cùng một mái nhà; còn những người già cả, đau yếu, các bà mẹ có con nhỏ, cả những người đã kiệt sức sau chuyến đi thì đã có các xe đứng chờ phía xa xa. Tất cả những điều này do những phạm nhân mới đến cho chúng tôi biết. Tôi nhận thấy ngoài này giờ đây đã là những người lính Đức đội mũ xanh, cổ áo viền xanh, để mắt đến mọi thứ, giơ tay chỉ đường rất dứt khoát; nhìn họ tôi cảm thấy nhẹ nhõm một chút, vì họ gọn gàng, sạch sẽ, tựa như những chiếc neo duy nhất của sự bình thản và vững vàng trong toàn bộ khung cảnh hỗn loạn này. Tôi nghe nhiều người lớn trong số chúng tôi nói, và tôi cũng nhất trí với nhắc nhở của họ, là chúng tôi hãy cố gắng làm vừa ý người Đức, ít hỏi han, hãy chia tay

nhau nhanh gọn, và đừng để họ thấy đây chỉ là một đám ô hợp. Những gì diễn ra sau đó tôi thật khó kể ra: một cái gì đó loãng như cháo, một dòng xoáy cứ cuốn, đẩy, lôi kéo tôi đi. Phía sau tôi một giọng đàn bà liên tục hét lên vì một “chiếc túi nhỏ,” để thông báo với một ai đó là nó đang ở chỗ mình. Phía trước tôi khật khưỡng một người đàn bà bơ phờ, và tôi nghe thấy lời giải thích của một anh chàng thấp lùn còn trẻ: “Mẹ ơi, mẹ hãy nghe con, vì chẳng mấy chốc ta sẽ lại gặp nhau. – *Nicht war, Herr Officier,*” anh chàng quay sang người lính Đức đang thi hành phận sự gần đó một cách tin cẩn, nở nụ cười thân thiện kiểu người lớn, “*wir werden uns bald wieder...*”¹⁹

Nhưng sự chú ý của tôi bỗng bị cắt ngang bởi tiếng khóc ré lên, một cậu bé lấm láp, tóc xoăn, ăn mặc như búp bê bày trong tủ kính, đang giãy giụa, nhào người tụt khỏi tay một phụ nữ tóc vàng, chắc là mẹ cậu. “Con muốn đi với bố! Con muốn đi với bố cơ!” cậu hét lên, gào lên, đôi chân đi giày trắng quẫy đạp rất buồn cười, lồng lộn trên nền sỏi và bụi trắng. Cùng lúc tôi vẫn cố theo kịp bọn con trai, theo tiếng gọi oang oang và tín hiệu của “Rozi,” trong khi một bà to lớn mặc áo hoa cộc tay mùa hè chen lấn tất cả mọi người, vượt lên cả tôi, lao về phía người ta chỉ đám ô tô đang đỗ. Một ông già thấp bé, đội mũ đen, thắt cà vạt đen loay hoay, chen chúc phía trước tôi một lúc, ông nhìn quanh lo lắng và kêu lên: “Ilonka! Ilonka của anh ơi!” Rồi một người đàn ông cao, khuôn mặt xương xẩu cứ áp môi, áp mặt, và cả thân thể vào một phụ nữ tóc dài đen, làm cả đám đông thoáng chút bức mình, cho đến lúc cuối cùng người phụ nữ – hay đúng hơn chỉ là một thiếu nữ – bị làn sóng người không ngừng vây bủa tách ra, cuốn đi và mất hút, mặc dù tôi còn một hai lần nhìn thấy cô cố vươn lên và vẫy tay tiễn biệt, mỗi lúc một rời xa.

Tất cả những hình ảnh, âm thanh, diễn biến ấy làm tôi bối rối, thậm chí hơi choáng váng trong dòng người hỗn tạp tạo nên một ấn tượng duy nhất, đầy màu sắc, mà tôi có thể nói là hơi điên loạn; chính vì thế mà tôi ít để ý được tới những việc khác, có thể còn quan trọng hơn. Chẳng hạn như tôi khó nói rằng do chúng tôi, do đám lính, do những tù phạm hay do cố gắng chung của tất cả mà cuối cùng vẫn hình thành một dòng người, giờ đây toàn là đàn

ông, năm hàng xung quanh tôi, di chuyển chậm nhưng đều đều từng bước về phía trước. Ở đằng trước kia, người ta lại khẳng định, là nhà tắm, nhưng trước đó, tôi được biết, tất cả chúng tôi còn phải qua kiểm tra y tế. Người ta bảo, nhưng tất nhiên tôi cũng thấy dễ hiểu: đó là một kiểu phân loại, kiểm tra sức khỏe xem có thích hợp hay không, dưới góc độ công việc, hiển nhiên là thế.

Cho tới lúc đó thì tôi có thể xả hơi chút đã. Bên cạnh, đằng trước, đằng sau tôi bọn con trai vầy gọi nhau: chúng tôi đủ cả. Trời nóng. Tôi cũng có thể nhìn quanh, định hướng một lát xem chúng tôi đang ở đâu. Một ga tàu đơn sơ. Dưới chân chúng tôi, như ở những chỗ như thế này thường thấy, rải đá vụn, xa hơn chút là một vệt cỏ, trên có những khóm hoa màu vàng, một con đường rải nhựa trắng nhẵn bóng chạy xa tít tắp. Tôi nhận thấy ngăn cách giữa con đường và tất cả vùng đất bao la bắt đầu từ sau nó là một hàng cột cong giống hệt nhau, giữa các cây cột chằng dây thép gai nom sáng lấp lánh ánh kim loại. Tôi dễ dàng đoán ra, một cách rõ ràng, hẳn những tù phạm phải sống trong khu đó. Lúc này tôi bắt đầu quan tâm đến họ hơn, có lẽ vì bây giờ tôi mới có thời gian nghĩ về họ, và tôi tò mò muốn biết về tội lỗi của họ.

Khi nhìn ra xung quanh, sự bao la, rộng dài của vùng đồng bằng này lại làm tôi kinh ngạc. Tuy nhiên, giữa đám đông người và trong ánh nắng chói chang, tôi không thể có được bức tranh xác thực: gần như không thể phân biệt nổi những ngôi nhà mái thấp phía xa, lác đác những ngôi nhà nhỏ nom như chòi rình thú của dân đi săn, những góc tường, chòi canh, ống khói. Máy người đứng quanh tôi, bọn con trai và vài người lớn tuổi, còn chỉ trở một cái gì đó phía trên: một vật thể dài, bất động, sáng lấp lánh, lẫn trong làn hơi trắng đục của bầu trời không mây nhưng vẫn mờ nhạt. Một khinh khí cầu, đúng thế. Những lời giải thích quanh tôi nhìn chung đều thống nhất: nó được dùng vào mục đích phòng không, tôi chợt nhớ ra tiếng còi báo động lúc sáng sớm. Không thấy dấu hiệu sợ hãi, lúng túng nào nơi những người lính Đức quanh chúng tôi. Tôi nhớ đến cơn hốt hoảng vào những lúc như thế ở bên nhà, và sự bình tĩnh đến mức coi thường, vẻ ngoài không thể xâm

phạm này làm tôi bỗng hiểu rõ hơn sự tôn trọng khi nói về người Đức của những người ở bên nhà. Cũng chỉ đến giờ tôi mới nhận ra hai vạch hình tia chớp trên ve áo họ. Nghĩa là tôi có thể khẳng định họ thuộc đội SS khét tiếng mà tôi đã nghe nói tới nhiều từ khi còn ở nhà. Có thể nói tôi không thấy họ có vẻ gì nguy hiểm: họ ung dung đi đi lại lại giữa các hàng cột, họ trả lời các câu hỏi, gật gật đầu, thỉnh thoảng còn vỗ vỗ vào lưng một vài người trong chúng tôi.

Tôi còn nhận ra một điều khác nữa, trong những phút chờ đợi rồi rảnh này. Ở trong nước, tất nhiên tôi cũng đã nhiều lần nhìn thấy lính Đức. Nhưng lúc nào họ cũng có vẻ mặt vội vã, lạnh lùng, tất bật, bao giờ họ cũng ăn mặc tề chỉnh. Ở đây thì khác, họ ăn mặc xoàng xĩnh hơn, đi lại có vẻ thoải mái hơn. Tôi còn nhận thấy những khác biệt nhỏ nữa là họ đội mũ cứng hay mềm, những chiếc lưỡi trai bóng loáng hay gần gần như thế, toàn các kiểu mũ, ủng, hay đồng phục để đi làm. Bên sườn người nào cũng mang vũ khí, xét cho cùng điều đó là dĩ nhiên vì họ là lính. Nhưng tôi còn thấy nhiều người trong số họ tay cầm cả gậy, kiểu đầu có móc khoằm như gậy dạo chơi, tôi hơi bất ngờ vì họ không phải người đi lại có khuyết tật, nom họ rõ ra là những trai tráng khỏe mạnh. Nhưng rồi sau đó tôi được nhìn vật này kỹ hơn, gần hơn. Tôi chú ý thấy một người trong số họ đang đứng đằng trước, hơi quay lưng về phía tôi, bỗng đưa chiếc gậy ra sau hông, và cầm hai đầu uốn cong nó lại bằng một động tác hững hờ. Cùng với hàng người, tôi cũng tiến gần tới phía anh ta hơn. Và khi đó tôi thấy nó không phải bằng gỗ mà bằng da, không phải gậy mà là một cây roi. Tôi có cảm giác hơi lạ, nhưng tôi chưa thấy họ sử dụng nó lần nào, và cũng phải công nhận là ở đây có khá đông tù phạm.

Giữa chừng tôi nghe thấy, nhưng không chú ý lắm tới những lời kêu gọi, khi có một lần người ta yêu cầu – tôi nhớ – ai là thợ máy hãy bước ra, lúc khác họ yêu cầu những anh em sinh đôi, người dị tật, thậm chí – giữa một trận cười nhỏ – cả những người lùn nếu có trong chúng tôi, rồi họ yêu cầu trẻ em, nghe nói số này được đối xử theo cách riêng, được học tập thay vì lao động, được ưu đãi đủ kiểu. Có vài người lớn trong hàng cổ vũ chúng

tôi đừng bỏ lỡ cơ hội. Nhưng dĩ nhiên, tôi còn nhớ đến lời căn dặn của những tù phạm trên toa xe, vả lại tôi cũng muốn làm việc, chứ không mong tiếp tục sống như trẻ con.

Trong khoảng thời gian đó chúng tôi đã tiến lên phía trước một đoạn xa. Tôi thấy lính và tù phạm bỗng đông đúc hẳn quanh chúng tôi. Tại một điểm nhất định, năm hàng người biến thành một hàng dọc. Cùng lúc đó người ta bảo chúng tôi cởi áo khoác, sơmi, thân trên để trần cho bác sĩ khám. Nhịp bước – tôi cảm thấy – cũng nhanh dần. Ngoài ra tôi thấy hai chỗ tụ lại thành nhóm ở phía trước. Tôi cũng đã nhìn thấy một đám đông hơn, lẫn lộn đủ hạng người ở phía bên phải, một nhóm nhỏ hơn, trong đó có cả mấy đứa con trai trong bọn chúng tôi, tụ tập từ phía bên trái. Có thể thấy những người trong nhóm sau – ít nhất là trong mắt tôi – là số thích hợp hơn. Trong khi đó, mỗi lúc một gấp gáp hơn, tôi tiến thẳng về phía đám người chuyển động hỗn loạn qua lại, giờ đây đã thấy một điểm vững chãi, một người mặc đồng phục hoàn hảo cũng thoáng hiện với chiếc mũ lưỡi trai sĩ quan Đức cong vênh lên cao; sau đó tôi chỉ còn bất ngờ về việc mình đến lượt quá nhanh.

Việc kiểm tra tất cả chỉ diễn ra trong hai, ba giây (áng chừng là vậy). Ngay trước tôi là đến lượt Moskovics, nhưng bác sĩ đã dùng một ngón tay chỉ cậu về hướng khác. Tôi còn nghe cậu ta cố giải thích: “*Arbeiten... Sechzehn...*”²⁰ nhưng một bàn tay đã lôi cậu ta đi và tôi thế vào chỗ cậu. Tôi thấy bác sĩ nhìn mình kỹ hơn, bằng cái nhìn cân nhắc, dẫn đo và cẩn thận. Tôi cũng hơi ưỡn người để ông ta thấy lồng ngực mình, và – tôi nhớ – mình còn hơi mỉm cười, ngay sau Moskovics. Tôi cũng cảm thấy tin cậy ngay ông bác sĩ, ông có vẻ ngoài dễ coi và thân thiện, khuôn mặt dài cạo nhẵn, đôi môi mỏng, mắt xanh hay xám, dù sao cũng là cặp mắt có cái nhìn sáng sủa, tốt bụng. Tôi có thể nhìn rõ ông, trong khi ông đưa hai bàn tay đi gãi tựa lên hai bên mặt tôi, lấy ngón cái kéo chỗ da dưới hai tròng mắt xuống phía dưới, bằng động tác quen thuộc của các bác sĩ mà tôi đã biết từ bên nhà. Đồng thời bằng giọng nhỏ nhẹ nhưng rõ ràng, tỏ ra là người có học, ông hỏi: “*Wie viel Jahre alt bis du?*”²¹ gần như chỉ để mà hỏi vậy thôi.

Tôi đáp: “*Sechzen*.” Ông khẽ gật đầu, nhưng hình như chỉ vì câu trả lời thích hợp, chứ không phải vì sự thật – lúc đó ít ra tôi bất chợt có cảm giác ấy. Một điều khác mà tôi nhận thấy, đúng hơn chỉ là cảm nhận thoáng qua, có khi không đúng, nhưng dường như ông hài lòng, gần như ông dễ chịu; tôi cảm thấy hình như ông có vẻ thích tôi. Rồi một tay đẩy vào mặt tôi, tay kia ông chỉ tôi sang bên kia đường, phía những người thích hợp. Bọn con trai đón tôi, vui vẻ cười như mừng thắng lợi. Nhìn những gương mặt rạng rỡ của chúng, có thể tôi đã hiểu ra sự khác biệt thực chất đã tách nhóm chúng tôi và nhóm bên kia: đó là thành công, nếu cảm giác của tôi là đúng.

Tôi mặc lại áo, nói với bọn con trai vài câu, rồi lại chờ. Từ chỗ này giờ đây tôi nhìn tất cả công việc diễn ra bên kia đường qua một góc độ khác. Dòng sông người cứ dồn đến liên tục, chảy vào một khe hẹp, chảy nhanh hơn, rồi tách làm đôi trước ông bác sĩ. Bọn con trai lần lượt đến, tất nhiên tôi cũng cùng chào đón chúng. Phía xa tôi thấy một dòng người khác đó là đám phụ nữ. Quanh họ cũng thấy lính, các tù phạm, phía trước họ cũng là một bác sĩ, và bên đó mọi việc cũng diễn ra đúng như vậy, ngoại trừ việc họ không cần cởi áo, và tôi nghĩ điều này cũng dễ hiểu, dĩ nhiên. Tất cả đều chuyển động, mọi người đều ở đúng chỗ và làm việc của mình, chính xác, vui vẻ, trơn tru. Tôi thấy nhiều khuôn mặt đang mỉm cười, có vẻ kiềm chế hơn hay tự tin hơn, không nghi ngại hay dự đoán trước kết quả – về cơ bản hầu như vẫn cùng một tâm trạng, gần như cảm giác tôi vừa trải qua lúc nãy. Một phụ nữ tóc nâu, nhìn từ xa khá xinh, đeo vòng tai hình tròn, tiến đến hỏi một người lính bằng nụ cười như thế, chiếc áo mưa màu trắng ôm trước ngực, một người đàn ông tóc đen, mặt dễ coi đang bước lại gần bác sĩ cũng với nụ cười như thế: ông cũng là người thích hợp. Không bao lâu sau tôi hiểu ra cách làm việc của bác sĩ. Người già đến – chắc chắn: sang bên kia. Trẻ tuổi hơn – sang đây, phía chúng tôi. Một người khác bụng to, dù đã cố thót lại: vô ích – nhưng không, ông bác sĩ vẫn lại cho sang phía bên này, về phần mình, tôi không hoàn toàn hài lòng lắm vì cảm thấy ông hơi già. Tôi còn xác định được rằng, đa số đàn ông đều râu ria xồm xoàm, và không gây ấn tượng tốt cho lắm. Như vậy, bằng con mắt của viên bác sĩ, tôi buộc phải xem xét trong số họ có bao nhiêu người già và bao nhiêu người vì những lý

do khác mà không sử dụng được. Người thì gầy quá, người thì béo quá, có một người cặp mắt đảo lia lịa, mũi, mồm nhả nhúm liên tục như một con thỏ đánh hơi khiến tôi nghĩ anh ta bị mắc bệnh thần kinh – dù anh ta biết nghĩa vụ của mình, cố cười hết cỡ trong khi lạch bạch bước đến đám người không thích hợp. Lại một người – áo khoác và áo sơ mi đã cầm trong tay – dải quần buông thõng xuống hai bên đùi, trên cánh tay, trên ngực đôi chỗ da đã chảy sệ xuống. Khi đến chỗ bác sĩ – dĩ nhiên ông bị gạt ngay sang phía những người không thích hợp – những biểu hiện trên khuôn mặt có bộ râu quai nón rậm của ông, vẫn nụ cười mỉm như những người khác nhưng có vẻ quen quen trên đôi môi khô nứt nẻ của ông đã đánh thức trí nhớ của tôi: như thể ông còn muốn nói với bác sĩ một điều gì đó nữa, tôi thấy thế. Nhưng bác sĩ không để ý đến ông nữa, mà đến người tiếp theo, và khi đó một bàn tay, có lẽ chính là bàn tay lúc này đã lôi Moskovics đi, gạt ông ra. Ông làm một cử chỉ ngoảnh lại, trên mặt lộ vẻ kinh ngạc và bất bình: đúng rồi, chính là ông “chuyên gia”, tôi không thể lầm.

Sau đó chúng tôi chờ thêm một, hai phút nữa. Phía trước ông bác sĩ vẫn còn rất đông người, trong khi nhóm chúng tôi, cả bọn con trai và mọi người, đã có chừng bốn chục, theo ước đoán của tôi, rồi người ta bảo chúng tôi đi tắm. Một người lính bước lại gần chúng tôi, không biết từ đâu, người thấp lùn, đã có tuổi, nom hiền lành, tay cầm một khẩu súng lớn – xem ra ông chỉ là một người lính trơn. “*Los, ge' ma' vome!*”²² Ông nói đại loại như thế, bằng thứ tiếng không theo quy tắc trong các sách giáo khoa ngôn ngữ, tôi khẳng định chắc chắn như vậy. Dù sao, tôi cũng thấy sướng lỗ tai, vì cả bọn con trai chúng tôi đã hơi sốt ruột, nói đúng ra không phải vì mong chờ xà phòng, mà nói thật sự, hơn bất kỳ thứ gì, chính là nước, tất nhiên rồi. Lối dẫn vào trong chạy qua một cổng cuốn bằng dây thép gai, diện tích sau hàng rào còn dẫn đi đến đâu đó, chắc là đến nơi có nhà tắm. Từng nhóm nhỏ, chúng tôi thông thả bước đi, vừa trò chuyện, vừa nhìn quanh. Phía sau chúng tôi, người lính bước lặng lẽ đều đều. Dưới chân chúng tôi lại là một con đường rộng rãi nhựa trắng, đằng trước là cả một vùng bằng phẳng xa tít nhìn đã thấy mỗi mét, cái nóng hầm hập thành từng đợt như sóng phả trong không khí. Tôi còn lo lắng không biết liệu con đường có quá xa, nhưng sau đó mới

biết nhà tắm chỉ cách ga có chừng mười phút đi bộ. Những gì nhìn thấy xung quanh đoạn đường ngắn này khiến tôi hứng thú. Đặc biệt một sân bóng đá nằm ngay trên một bãi rộng phía bên phải con đường, làm tôi rất thích. Thảm cỏ xanh, những khung thành màu trắng, những đường vạch vôi trắng – tất cả như mời gọi, tinh tươm, chu đáo trong trật tự gọn gàng nhất. Bọn con trai chúng tôi bảo nhau: Xem kìa, sau giờ làm việc chúng ta sẽ đá bóng ở đây. Chúng tôi còn sung sướng hơn khi sau vài bước nữa, ở phía bên trái chúng tôi nhìn thấy vòi nước, không nghi ngờ gì nữa, một loại giếng tự bơm có cần nén. Bên cạnh là một bảng cảnh báo có ghi dòng chữ đỏ: “Kein Trinkwasser”²³ – nhưng trong giờ phút này, tất nhiên nó không ngăn được ai trong chúng tôi. Có thể nói người lính khá kiên nhẫn, đã từ lâu chưa bao giờ tôi uống nước ngon như thế, dù sau đó trong miệng còn đọng lại dư vị riêng, khó chịu, hơi buồn nôn của một thứ hóa chất nào đó. Trên đường đi tiếp chúng tôi còn thấy những ngôi nhà trông giống những căn nhà chúng tôi đã thấy ngoài ga. Quả tình nhìn gần chúng vẫn là những ngôi nhà kỳ lạ, thấp, dài, màu sắc khó xác định, dọc theo mái nhô lên các thiết bị thông gió hay chiếu sáng gì đó. Quanh mỗi ngôi nhà là những lối đi rải sỏi đỏ, ngăn cách với đường chính là thảm cỏ được chăm chút cẩn thận, giữa những thảm cỏ, tôi thú vị nhận ra những khu vườn nhỏ, trồng bắp cải, và các luống hoa đủ màu sắc. Tất cả đều sạch sẽ, gọn và đẹp – thật vậy, tôi phải công nhận chúng tôi đã lựa chọn đúng từ khi còn ở nhà máy gạch. Chỉ thiếu một thứ gì đó, và tôi nhận ra ngay: tịnh không thấy một bóng người đi lại quanh những khu vườn. Nhưng tôi nghĩ, điều này cũng có thể là lẽ tự nhiên, vì đối với những cư dân ở đây, hiện đang là giờ làm việc.

Trong nhà tắm (mà chúng tôi đã đến sau một lần rẽ trái, qua một hàng rào thép gai, lại một cổng cuốn dây thép mở vào một khu sân), tôi có thể thấy họ đã chuẩn bị sẵn để đón chúng tôi, tất cả đều được giải thích trước, sẵn sàng. Đầu tiên chúng tôi bước vào một phòng nền lát đá, kiểu như tiền sảnh. Trong phòng đã khá đông người, tôi nhận ra những người đi cùng chuyến tàu. Từ đó tôi suy ra rằng có lẽ công việc ở đây vẫn đang tiếp diễn không ngừng, từ nhà ga người ta liên tục đưa các toán người đến nhà tắm. Ở đây, cũng lại là một tù phạm giúp đỡ chúng tôi, một người – cần phải nói là

– một tù nhân rất kỹ tính. Anh ta cũng mặc bộ kẻ sọc của phạm nhân, chỉ có điều hai vai nhồi cứng, thắt lưng áo được thu hẹp mà tôi có thể nói là một bộ đồ đẹp, nổi bật, được cắt may và là phẳng, gần như theo một mới nhất, hơn nữa anh có mái tóc đen gọn gàng, chải bóng mượt, chẳng khác gì chúng tôi, những người tự do. Anh đứng đón chúng tôi ở phía cuối bên kia của căn phòng, bên phải anh là một người lính ngồi sau cái bàn nhỏ. Người lính dáng vóc nhỏ, béo mập, bề ngoài vui vẻ, với cái bụng bắt đầu từ cổ, cái cằm sệ xuống quanh cổ áo, trên khuôn mặt nhiều nếp nhăn, nhãn thín không râu là đôi mắt ti hí nom rất khô hời: ông gợi nhớ đến những người lùn mà người ta đã tìm trong số chúng tôi lúc ở ngoài ga. Trên đầu ông đội một cái mũ lớn, trên bàn để chiếc cặp da mới bóng lộn, bên cạnh là cây roi tết bằng da màu trắng, mà tôi phải công nhận là một tác phẩm đẹp, có thể thấy đó là những thứ đồ cá nhân của ông ta. Tôi có thể quan sát thoải mái tất cả những thứ đó qua vai và qua khe hở giữa những mái đầu phía trước, trong khi chúng tôi – những người mới đến – đang loay hoay ổn định chỗ đứng ở khu vực đã chật cứng người. Giữa lúc đó anh chàng phạm nhân cứ vội vã đi ra, đi vào qua khung cửa đối diện, rồi anh ta kín đáo thông báo điều gì đó với người lính, gần như ghé sát vào tai. Người lính tỏ vẻ hài lòng, và có thể nghe thấy giọng nói mạnh, sắc, hỗn hển, giống như giọng trẻ con hay phụ nữ của ông ta đáp lại người tù vài câu. Khi ông ta đứng dậy và đưa một tay lên cao, người tù cũng đồng thời yêu cầu chúng tôi “yên lặng và chú ý” – và lúc đó, tôi đã lần đầu trải qua cảm giác thường được nhắc tới, đó là ý nghĩa của niềm vui bất ngờ khi nghe thấy tiếng Hung thân quen trên đất lạ: như vậy đứng trước chúng tôi là một người đồng bào. Ngay lúc đó tôi hơi cảm thấy thương anh, vì tôi nhận thấy anh là một tù nhân còn rất trẻ, thông minh, ngoài ra còn buộc phải công nhận anh có gương mặt thiện cảm, và tôi rất muốn biết anh từ đâu tới, vì tội lỗi gì và đã rơi vào tù tội như thế nào; nhưng trước mắt anh chỉ thông báo với chúng tôi rằng “*Herr Oberschar-führer*”²⁴ muốn phổ biến cho chúng tôi những việc cần làm, muốn cho chúng tôi biết những mong muốn của ngài đối với chúng tôi. Nếu như chúng tôi cố gắng, và đó cũng là điều người ta đòi hỏi ở chúng tôi, anh ta nói thêm, thì tất cả sẽ diễn ra “nhanh chóng và trôi chảy”, đó thực ra cũng là vì lợi ích của chúng tôi,

nhưng anh ta đảm bảo đó cũng là mong muốn của “*Herr Ober*” sau khi đã gạt phép tắc chính thức sang một bên, đó là cách anh ta xưng hô ngắn gọn và thân mật hơn, tôi cảm thấy như thế.

Sau đó chúng tôi được anh ta thông báo một vài việc đơn giản, hiển nhiên trong tình huống như thế này, trong khi người lính lia lịa gật đầu đồng ý, để chứng tỏ độ tin cậy của những điều anh ta nói, vì dù sao anh ta cũng chỉ là một phạm nhân, và bằng vẻ mặt thân thiện, đôi mắt vui vẻ, lúc ông ta nhìn người tù, lúc lại quay về phía chúng tôi. Ví dụ chúng tôi được biết trong phòng tiếp theo, nghĩa là “phòng thay đồ”, chúng tôi phải cởi bỏ hết áo quần và treo cẩn thận lên những móc có sẵn trong đó. Các móc treo quần áo có đánh số. Trong khi chúng tôi tắm, quần áo sẽ được khử trùng. Có lẽ anh ta không cần giải thích thêm, anh ta bảo, và tôi cũng cho rằng anh ta nói đúng, tại sao việc mọi người phải nhớ kỹ số móc áo của mình là rất quan trọng. Ngay cả việc anh ta khuyên chúng tôi nên buộc hai chiếc giày lại với nhau “để tránh có thể xảy ra lẫn lộn,” tôi cũng dễ dàng công nhận là hữu ích. Sau đó anh ta hứa những người thợ cạo sẽ săn sóc chúng tôi, và cuối cùng chúng tôi có thể vào phòng tắm.

Nhưng trước hết, anh ta tiếp tục, những ai còn tiền, vàng, đá quý hay bất cứ đồ giá trị nào khác hãy bước lên trước, và tự nguyện “gửi *Herr Ober*,” vì đây là cơ hội cuối cùng “các bạn có thể giải thoát khỏi những đồ vật kia mà không bị trừng phạt.” Như anh ta giải thích, mọi hình thức mua bán, từ đó suy ra việc sở hữu và mang các đồ vật có giá trị, đều bị “cấm ngặt trong *Lager*”²⁵ – anh ta đã sử dụng khái niệm đối với tôi là mới này, nhưng về mặt tiếng Đức có thể hiểu ngay. Sau khi tắm, tất cả mọi người sẽ được “chiếu tia Röntgen” bằng thiết bị “chuyên dùng vào mục đích này” – anh ta cho biết, và người lính cũng gật đầu, với vẻ phấn khích và nhất trí không thể hiểu theo cách khác để nhấn mạnh hai từ “Röntgen,” mà rõ ràng là ông ta cũng hiểu. Tôi chợt nhớ ra: vậy là lời cảnh cáo của gã hiến binh trên toa xe lửa là chính xác. Riêng về phần mình, anh ta nói thêm rằng việc buôn lậu, giấu giếm có thể kéo theo “sự trừng phạt nặng nhất,” còn tất cả chúng tôi có thể đánh mất danh dự của mình trước các nhà chức trách Đức, và do đó, theo

anh ta, là “không có mục đích và vô nghĩa.” Không nghi ngờ gì, dù vấn đề không mấy liên quan đến bản thân tôi, tôi cho rằng có lẽ anh ta nói đúng. Một khoảng thời gian im lặng, theo cảm giác của tôi thì về cuối sự im lặng đã ít nhiều trở nên khó chịu. Sau đó ở phía trước thấy có động đậy: một người xin đi ra, đặt một vật gì đó lên bàn, rồi vội vàng quay lại. Người lính nói gì đó, vẻ khen ngợi. Trước khi gạt cái vật nhỏ ấy – mà từ xa tôi không nhìn rõ – xuống ngăn kéo, ông ta đã nhìn nó với vẻ xét đoán bằng một cái liếc mắt thoáng qua. Tôi thấy ông ta có vẻ hài lòng. Rồi lại một khoảng im lặng, lần này ngắn hơn, rồi lại thấy động đậy, rồi một người khác – và từ đây trở đi không có khoảng trống, càng ngày người ta càng mạnh dạn và nhanh nhẹn bước ra phía trước hơn, theo nhau đến bên bàn, và đặt hoặc một vật sáng lấp lánh, hoặc kêu đánh cộp, hay leng keng, hay sột soạt lên mặt bàn, vào khoảng trống nhỏ giữa chiếc roi và cái cặp da. Tất cả những sự việc này – ngoại trừ tiếng những bước chân, tiếng động của các đồ vật, và thỉnh thoảng giọng nói mảnh, ngắn cùn, lần nào cũng vui vẻ tỏ thái độ khích lệ của người lính – đều diễn ra trong yên lặng hoàn toàn. Tôi còn nhận ra rằng đối với mỗi đồ vật, người lính đều có cách xử lý giống hệt nhau. Như vậy, nếu có ai đó cùng lúc đặt hai vật lên bàn, thì ông ta cũng xem xét từng thứ một – thỉnh thoảng kèm theo một cái gật đầu công nhận – rồi đầu tiên ông ta mở ngăn kéo đặt một vật vào trước, sau đó, đa số lần ông ta dùng bụng, đóng ngăn kéo lại, rồi chuyển sang quan sát vật kia, và lặp lại chính xác như lần trước. Tôi hết sức kinh ngạc, vì vẫn còn bao nhiêu thứ được đưa ra, cả sau khi đám cảnh binh đã vỡ vét rồi. Nhưng ngay cả sự vội vã, hăng hái của đám người cũng làm tôi hơi ngạc nhiên, sau khi họ đã chấp nhận mọi phiền toái, lo lắng đến tận lúc này với việc cất giấu những đồ vật kia. Có lẽ chính vì thế mà tôi thấy, sau khi từ chỗ cái bàn quay lại, trên gương mặt ai cũng có biểu hiện của một chút hổ thẹn, một chút gì long trọng, nhưng nhìn chung hầu như đều là một cảm giác nhẹ nhõm nào đó. Hơn nữa, xét cho cùng thì ở đây chúng tôi đứng trước ngưỡng cửa của một cuộc sống mới, và tôi hiểu, dĩ nhiên đây là một tình huống hoàn toàn khác so với ở Sở Hiến Binh. Tất cả những sự kiện trên chỉ diễn ra trong vòng ba, bốn phút, nếu tôi muốn nói cho chính xác.

Tôi không biết nói gì nhiều hơn về những việc sau đó: về cơ bản tất cả diễn ra như hướng dẫn của người tù. Cánh cửa đối diện mở ra, và chúng tôi vào một chỗ có nhiều ghế băng dài, dọc bên trên có lắp các móc treo quần áo. Tôi tìm ngay ra số và tự nhắc đi nhắc lại kéo lại quên đi mất. Hai chiếc giày cũng được tôi buộc lại, đúng như anh tù phạm đã khuyên. Tiếp theo là một căn phòng rộng, trần thấp, đèn chiếu sáng rực: ven các bức tường bàn cạo râu, máy cắt tóc chạy điện chạy rần rần, đám thợ cắt tóc đang mài một hành sự – tất cả đều là tù phạm. Tôi đến chỗ một người ở phía bên phải. Ngồi xuống, tôi đoán anh ta bảo thế, vì không hiểu thứ tiếng anh nói, tôi ngồi xuống cái bục nhỏ phía trước anh ta. Anh ta đã gí cái máy vào cổ tôi, cắt tóc tôi – cắt hết không chừa một sợi, trọc lốc. Sau đó anh ta cầm máy cạo: đứng dậy, giơ hai tay lên, anh ta ra hiệu rồi dùng nó cào cào cái gì đó dưới nách tôi. Tiếp theo anh ngồi xuống bục, đối diện với tôi. Chẳng nói chẳng rằng, anh ta túm lấy bộ phận nhạy cảm nhất của tôi, dùng lưỡi cạo lia một vòng, hết sạch xung quanh không còn sợi nào, niềm tự hào đàn ông còn con của tôi vừa mọc cách đây không lâu. Có thể là phi lý, nhưng sự mất mát này còn đau đớn hơn mất mái tóc. Tôi bất ngờ và còn hơi bực mình, nhưng rồi cũng thấy, xét cho cùng, vì một việc còn con con ấy mà mình hậm hực thì thật nực cười. Hơn nữa tôi thấy bọn con trai khác xung quanh cũng rơi vào tình cảnh giống tôi, và chúng tôi lập tức trêu “chàng trai lưa”: Này, bây giờ chuyện gì sẽ xảy ra với bọn con gái nhỉ?

Nhưng người ta đã giục: tiếp tục, đi tắm. Ở cửa, một tù phạm vừa nhét vào tay “Rozi” đi ngay trước tôi một miếng xà phòng nhỏ màu nâu, gã vừa nói vừa ra hiệu: ba người một miếng. Trong phòng tắm, dưới chân chúng tôi là lưới gỗ trơn, trên đầu là hệ thống ống và trên đó chúng tôi thấy rất nhiều vòi hoa sen. Trong phòng số người trần truồng đã đông, và quả thật toàn người tỏa ra mùi không dễ chịu. Tôi thấy một điều thú vị là nước tự động chảy xuống hoàn toàn bất chợt, sau khi chúng tôi hoài công tìm tay vặn ở đâu đó. Tia nước không lớn, nhưng tôi thấy nước mát lạnh, trong cái nóng nực này, thật là dễ chịu. Trước hết tôi uống cho đã, và tôi lại cảm thấy cái vị giống như vị nước giếng ngoài kia, sau đó tôi mới tận hưởng chút khoái cảm do nước mang lại trên da mình. Xung quanh tôi là những âm thanh vui nhộn,

tiếng vỗ, tiếng phun, tiếng hít hà – đó là những giây phút háo hức, không phiền muộn. Bọn con trai chúng tôi trêu chọc nhau liên mồm, chủ yếu vì những cái đầu trọc lốc. Về miếng xà phòng thì phải nói: đáng tiếc nó không ra bọt nhiều cho lắm, mà bên trong còn toàn những hạt sắc dễ làm xước da. Thế nhưng, bên cạnh tôi một người béo tốt – trên lưng, trên ngực ông mọc dày những đám lông màu đen, có vẻ như họ đã để lại không cạo – vẫn dùng miếng xà phòng xát từng vệt dài với động tác rất trịnh trọng, tôi có thể nói như thế là một nghi lễ. Ở ông – tất nhiên ngoài mái tóc ra – tôi thấy còn thiếu một thứ gì đó. Chỉ sau đó tôi mới nhận ra cằm và vùng quanh miệng của ông trắng hơn những chỗ khác, và da ông đầy những vết xước còn mới, màu đỏ. Ông chính là vị cha cố Do Thái ở nhà máy gạch – tôi đã nhận ra, thế là ông cũng đã đến đây. Không có bộ râu, nom ông bớt đi vẻ đạo mạo: vẻ mặt chất phác, mũi hơi to, về cơ bản tôi thấy ông là một người có bề ngoài bình thường. Ông còn đang xát xà phòng vào chân thì – cũng đột ngột như khi đến – nước đồng loạt tắt, ông bất giác nhìn lên, rồi lập nhìn xuống thân mình, nhưng rồi ông buông xuôi, như người đã hiểu ra và chấp nhận, cúi đầu trước ý muốn của một phán quyết từ bên trên.

Nhưng chính tôi cũng không thể làm gì hơn: người ta đã kéo, đã đẩy, đã xô lẫn tôi ra phía ngoài. Chúng tôi lọt vào một căn phòng chiếu sáng yếu ớt, một tù phạm ấn vào tay mỗi người, cả tôi, một chiếc khăn tay – không phải, hóa ra là một chiếc khăn lau, và ra hiệu dùng xong phải trả lại. Một người khác dùng một vật mỏng tựa như bàn chải bôi lên đầu tôi, hai bên nách và vào cả cái bộ phận nhạy cảm kia của tôi thứ chất lỏng chắc là chất khử trùng, có màu đáng ngờ, gây cảm giác ngứa và xộc mùi hăng lên mũi, bằng những động tác bất ngờ, cực nhanh nhẹn và khéo léo. Sau đó là một hành lang, với hai cửa sổ chiếu sáng ở phía bên phải, rồi là một phòng thứ ba, không có cánh cửa: mỗi nơi đều có một phạm nhân chia quần áo. Tôi nhận được – cũng như mọi người – một chiếc sơ mi vào lúc nào đó đã từng có nền xanh, kẻ sọc trắng, không cúc, không cổ như kiểu áo từ thời ông nội tôi, tương tự như thế, một cái quần bất quá cũng chỉ hợp với một ông lão, có xẻ dọc chỗ mắt cá chân và hai dây quần cộc, bộ áo khoác cũ nát, nhưng giống hệt của các tù phạm bằng vải thô và kẻ sọc xanh-trắng – đúng là quần áo tù,

dù tôi có ngắm nghía thế nào đi nữa; sau đó ở trong căn phòng bỏ ngõ tôi còn được tự chọn một đôi trong một đồng giày lạ kiểu: đế gỗ, lót vải, không dây, bên sườn đơm ba chiếc cúc, và tôi nhanh chóng tìm ngay được một đôi khá vừa chân. Rồi phải kể đến hai miếng vải xám nhỏ, tôi nghĩ chắc dùng làm khăn tay, và một phụ kiện không thể thiếu được là chiếc mũ tù vải mềm, hình tròn, cũ kỹ, có kẻ sọc ngang. Tôi hơi chần chừ, nhưng có tiếng giục giã từ mọi phía, người ta vội vã mặc áo quần xung quanh khiến tôi cũng không thể chờ thêm nếu không muốn bị chậm so với mọi người. Cái quần – vì quá rộng và không có thắt lưng hay dây đeo – tôi vội vàng buộc túm lại, còn đôi giày thì hóa ra có một tính chất không biết trước: đế nó cứng đơ. Trong khi đó, để hai tay được tự do, tôi chụp chiếc mũ lên đầu. Đám con trai cũng đã xong cả: chúng tôi nhìn nhau, không biết nên cười hay tốt hơn là nên ngạc nhiên. Nhưng cũng không có thời gian cho cả hai chuyện ấy: chúng tôi lại thấy mình đã ở ngoài trời. Tôi không biết ai đã điều hành, không biết cả điều gì đã xảy ra – tôi chỉ nhớ có một áp lực nào đó đè nặng lên tôi, một sức mạnh nào đó xô đẩy tôi đi, tôi bước tập tễnh trong đôi giày mới, trong bụi mù và những tiếng động là lạ từ phía sau, nghe giống như người ta đang đập lên lưng ai đó, cứ đi mãi về phía trước; lại những khu sân, những cổng cuốn dây thép, những hàng rào thép gai mở ra rồi khép lại, cuối cùng tôi chỉ thấy đang đi về phía một đám bông bong rỗng mù và hỗn độn ở trước mặt.

5.

Có lẽ không một tù nhân nào – tôi nghĩ – ban đầu lại không có chút ngạc nhiên trong tình hình này: trên khu sân mà chúng tôi ra sau khi tắm dở dang, lúc đầu bọn con trai chúng tôi nhìn nhau, ngắm nghía và xoay nhau khá lâu. Tôi còn chú ý đến một người đứng gần, nom bề ngoài còn trẻ, anh ta xem xét, sờ nắn từ đầu đến chân bộ quần áo trên mình một cách kỹ lưỡng, gần như bản thân, cứ như anh chỉ muốn biết về chất lượng vải, cũng như về mức độ thật của nó. Sau đó anh ta nhìn lên, như người muốn nói một điều gì đó, nhưng khi thấy xung quanh cũng chỉ có một kiểu quần áo ấy, cuối cùng anh im lặng – ít nhất là trong lúc ấy, đương nhiên có thể lầm lẫn, nhưng tôi cảm thấy như thế. Dù cái đầu trọc và bộ quần áo tù hơi cộc bởi cái dáng cao cao, tôi vẫn nhận ra, từ nét mặt gãy xương của anh, đó là anh chàng đang yêu, người cách đây một giờ – vì chừng ấy thời gian đã trôi đi từ khi chúng tôi tới đây đến khi thay đổi về bề ngoài – khó nhọc lắm mới buông cô gái tóc đen khỏi tay mình. Nhưng tôi bỗng cảm thấy rất ân hận vì một điều gì đó ở chỗ này. Khi còn ở nhà có lần tôi đã lấy hủ họa từ trên giá xuống một cuốn sách nằm kín đáo hơn, đầy bụi bặm – tôi nhớ – đã từ lâu không đọc. Tác giả cuốn sách là một người tù, sau đó tôi cũng không đọc hết, vì không theo kịp luồng suy nghĩ của tác giả, hơn nữa các nhân vật đều có tên dài lê thê, ít nhất gồm ba thành phần không thể nhớ nổi, và cuối cùng vì tôi chẳng quan tâm tẹo nào, hơn nữa thú thực tôi còn hơi ngán cuộc sống của các tù nhân: thế là đến lúc cần thì tôi mù tịt. Tôi chỉ còn nhớ rằng người tù, tác giả của cuốn sách này, theo khẳng định của ông, nhớ đến ngày đầu tiên ở tù – nghĩa là ngày đã cách xa hơn – kỹ hơn là nhớ đến những ngày sau đó – nghĩa là những ngày gần với thời điểm ông viết cuốn sách hơn. Khi ấy tôi cho rằng điều này khá mơ hồ, thậm chí còn hơi phóng đại. Thế mà giờ đây tôi nghĩ có thể ông đã viết sự thật: bản thân tôi cũng nhớ đến hai ngày đầu tiên chính xác hơn những ngày tiếp sau.

Lúc đầu, có thể nói, tôi mới chỉ cảm thấy mình như một người khách trong tù, điều này có thể giải thích được, và về cơ bản mỗi chúng ta, xét cho cùng, đều có xu hướng dễ bị ảo tưởng của bản chất con người, tôi nghĩ thế. Khu sân năng chang chang này ở đây nom có vẻ hơi trơ trụi, tịnh không thấy bóng dáng sân bóng đá, vườn rau, bãi cỏ đâu. Chỉ có một ngôi nhà gỗ đơn sơ, bề ngoài giống một nhà kho lớn: có vẻ đó là chỗ ở của chúng tôi. Tôi được biết: chúng tôi chỉ được vào đó trước khi đi ngủ vào ban đêm. Phía trước, phía sau là hàng dài những nhà kho giống như thế, chạy xa tít tắp, và phía bên tay trái cũng là một dãy đúng như thế, mặt trước, mặt sau, bên cạnh các nhà cách nhau một khoảng đều tăm tắp. Phía sau, một con đường nhựa rộng, chói mắt – lại một con đường nhựa nữa, vì từ sau khi ra khỏi nhà tắm, đường sá, những quảng trường và những tòa nhà giống hệt nhau trên khu đất rộng bằng phẳng này đã không thể phân biệt nổi, ít nhất là dưới cái nhìn của tôi. Ở những chỗ đường chính cắt qua những con đường chạy ngang nằm giữa các nhà ở, một thanh chắn đường nom giống đồ chơi, xinh xắn, sọc trắng đỏ, mảnh mai chắn ngang lối qua lại. Còn phía bên phải là hàng rào dây thép gai đã rất quen thuộc, như tôi bất ngờ được biết có mắc điện, và đúng vậy, lúc đó tôi nhận ra trên đỉnh những cột bê tông là các trụ sứ trắng, giống như ở nhà tôi đã thấy trên các đường dây tải điện và dây điện thoại. Người ta đảm bảo điện có thể giết chết người; chỉ cần bước lên con đường cát nhỏ chạy dọc theo chân hàng rào là từ chòi canh (người ta đã chỉ cho tôi thấy, và tôi nhận ra đó chính là những cái chòi mà từ ngoài ga tôi tưởng là chòi canh thú), không cần một âm thanh hay một lời nhắc nhở duy nhất, lính gác có thể bắn chết – những người đã thông thạo hơn cảnh báo từ mọi phía, làm ra vẻ quan trọng và rất hăng hái. Chẳng bao lâu nhóm người tình nguyện cũng đến, giữa những âm thanh náo nhiệt, lặc lè dưới sức nặng của những cái nồi lớn màu đỏ gạch. Từ trước đó tin đã được loan ra, chỗ nào cũng thấy kháo nhau, thấy nhắc đến, thấy truyền miệng trên khắp khu sân: “Chúng ta sắp được chia xúp!” Khỏi phải nói, tôi cũng cho là đã đến lúc, tuy nhiên bao nhiêu gương mặt rạng rỡ, sự biết ơn, niềm vui đặc biệt có vẻ gần như con trẻ khi đón nhận tin này làm tôi thấy có chút kinh ngạc: tôi cảm thấy như thể niềm vui ấy không phải vì món xúp, mà chủ yếu là vì sự quan

tâm – cuối cùng đã tới sau bao nhiêu bất ngờ ban đầu – ít ra cảm giác của tôi là như thế. Tôi còn nhận thấy rất có thể thông tin này xuất phát từ người tù có vẻ như là người hướng dẫn chúng tôi kể từ đây, chứ tôi chưa muốn nói: chủ nhà của chúng tôi. Cũng như người tù trong nhà tắm, anh ta mặc bộ quần áo hợp với vóc người, mái tóc anh ta đối với tôi quả thực đã có vẻ bất thường, bên trên chụp một chiếc mũ may từ loại nỉ dày, màu xanh đen mà ở bên nhà thường gọi là “mũ hàm ếch,” chân đi đôi giày khá đẹp màu vàng, trên cánh tay đeo chiếc băng đỏ chứng tỏ uy quyền của anh ta, và tôi bắt đầu phải công nhận: tôi phải cải chính cái hình ảnh lý tưởng vẫn được dạy dỗ ở bên nhà, rằng “không phải quần áo làm nên con người.” Trên ngực anh ta còn có một tam giác màu đỏ – để ngay lập tức cho mọi người thấy anh ta có mặt ở đây không phải vì dòng máu, mà chỉ vì cách suy nghĩ của anh ta, như không lâu sau đó tôi được biết. Đối với chúng tôi, anh ta có phần chừng mực và kiệm lời, nhưng thân thiện, anh vui vẻ giảng giải những điều cần thiết, và khi đó tôi cũng không thấy như thế có gì lạ, vì dẫu sao anh đã ở đây trước, tôi nghĩ. Nom anh cao, gầy, hơi bơ phờ, luộm thuộm, nhưng nhìn chung là một người có vẻ mặt thân thiện. Tôi còn nhận thấy anh hay đứng riêng ra một chỗ, và từ xa, đôi lần tôi bắt gặp một cái nhìn khác lạ, khó hiểu nào đó, và trên khóe miệng anh nở một nụ cười bất giác, như thể anh ngẩn ngơ nhìn chúng tôi, tôi không hiểu vì sao. Sau này người ta bảo anh là người gốc Slovakia. Một vài người trong chúng tôi nói được ngôn ngữ của anh, và họ thường tụ tập quanh anh thành một nhóm nhỏ.

Chính anh chia xúp cho chúng tôi bằng một chiếc thìa gỗ cán dài nom rất lạ, hình dạng nom đúng như một cái phễu. Hai người khác, có vẻ là phụ việc và cũng không thuộc số chúng tôi, chia cho chúng tôi những chiếc đĩa son đỏ và những chiếc thìa ăn cũ mòn, méo mó – hai người một chiếc, họ bảo vì số lượng không đủ, ăn xong phải trả ngay dụng cụ ăn – họ nói thêm. Một lát sau tôi cũng đến lượt. Tôi nhận được xúp, đĩa và thìa chung với tay “thợ làm đồ da”: tôi không hào hứng lắm vì không quen ăn chung đĩa chung thìa với người khác, nhưng hoàn cảnh bắt buộc – tôi nhìn nhận – đôi khi đưa đến những tình cảnh như thế. Đầu tiên cậu ta ném trước, sau đó liền đưa thìa cho tôi. Nom mặt cậu ta rất kỳ quặc. Tôi hỏi món xúp thế nào, cậu ta bảo tôi

cứ ném thử đi. Nhưng đến lúc đó tôi đã thấy ở quanh tôi bọn con trai đứa thì sững sờ, đứa thì nhin cười nhìn nhau. Thế là tôi cũng ném thử: phải công nhận rằng đáng tiếc là không thể ăn nổi. Tôi hỏi cậu “thợ làm đồ da” xem nên làm thế nào, cậu ta bảo phần của cậu ta thì tôi có thể đổ bỏ. Đúng lúc đó phía sau lưng tôi vang lên một giọng nói vui vẻ: “Món này gọi là tạp pí lù,” giọng nói giải thích. Tôi liếc thấy một người đầy đà, đã có tuổi, dưới cánh mũi là vết trắng hơn của bộ ria nhọn vừa cạo, khuôn mặt ông toát ra vẻ phúc hậu. Ông đang nói với mấy người mặt mũi nhăn nhó còn đứng quanh chúng tôi, tay vẫn cầm cặp lồng và thìa. Ông kể ông đã từng tham gia cuộc chiến tranh trước, hơn nữa từng là sĩ quan. “Tôi đã có đủ dịp để tìm hiểu kỹ về thứ xúp này,” ông bảo, cùng với các chiến hữu người Đức trên mặt trận, “những người mà bây giờ chúng tôi cùng sát cánh chiến đấu” ông nói. Theo ông đây thực chất không là gì khác ngoài món xúp “rau sấy khô.” Dĩ nhiên, ông nói thêm một cách thông cảm, và nở nụ cười với vẻ rộng lượng nhất định, đối với dạ dày người Hung thì nó hơi lạ. Nhưng ông khẳng định, có thể quen, thậm chí cần phải quen với nó, vì trong đó “có nhiều chất dinh dưỡng và vitamin,” được đảm bảo, ông giải thích, bằng phương pháp sấy khô và sự thông thạo của người Đức trong công việc này. “Hơn nữa,” ông nói thêm và lại mỉm cười, “với một người lính tốt, nguyên tắc đầu tiên là: ăn tất cả những gì hôm nay được cấp phát, vì không biết ngày mai người ta có cho ăn nữa không,” đó là những gì ông đã nói. Sau đó đúng là ông đã ăn hết suất xúp của mình, bình thản, đều đều, không hề nhăn nhó, đến giọt cuối cùng. Nhưng tôi thì dầu sao cũng đã hắt phần xúp của mình vào chân tường, giống như tôi nhìn thấy một vài đứa con trai và người lớn đã làm. Nhưng tôi trở nên lúng túng khi liếc thấy cái nhìn từ xa của người phụ trách chúng tôi, và tôi ngại liệu anh ta có khó chịu vì điều đó, nhưng tôi chỉ nhận ra cách thể hiện rất đặc biệt, tựa như lại thấy nụ cười khó xác định kia thoáng qua trên nét mặt anh. Rồi tôi đem trả đĩa, thế vào đó tôi nhận được một lát bánh mì dày, bên trên là một miếng màu trắng giống viên trò chơi xếp hình và cả về độ lớn cũng xấp xỉ bằng ấy: một miếng bơ – không, bơ thực vật, như người ta nói. Tôi đã ăn hết chỗ thức ăn này, mặc dù chưa hề nhìn thấy loại bánh mì như thế: lát bánh mì hình vuông, từ trong ra ngoài như được nướng từ bùn

đen, bột bánh lẫn cả những sợi rơm và sạn, khi nhai thấy lạ xạ, nhưng dầu sao cũng là bánh mì, vả lại sau chặng đường dài tôi cũng đã đói meo. Vì không có dụng cụ ăn, tôi dùng ngón tay quét miếng bơ thực vật lên bánh mì, theo kiểu Robinson, đúng như tôi nhìn thấy những người khác đã làm. Ăn xong tôi ngó quanh tìm nước, thật khó chịu nhưng té ra không có: hừ, tôi bực mình, rồi chúng tôi lại có thể bị khát như trên tàu hỏa thôi.

Lúc đó, cuối cùng chúng tôi mới để ý hơn đến một thứ mùi. Thật khó xác định: nó ngòn ngọt nhưng dính dấp, hơi lẫn thứ mùi hóa chất đã quen thuộc, đến nỗi tôi sợ miếng bánh mì vừa nuốt sẽ trào ngược ra khỏi cổ. Không khó khăn lắm chúng tôi đã phát hiện ra: thủ phạm là một ống khói, nằm bên trái về phía con đường, nhưng xa hơn nhiều. Có thể thấy ngay đó là ống khói của một nhà máy, và người phụ trách chúng tôi cũng cho mọi người biết như vậy, anh còn nói thêm: đó là của nhà máy thuộc da, cũng như nhiều người đã biết ngay từ đầu. Tôi chợt nhớ: trước đây vào Chủ nhật đôi khi tôi cùng cha đi xem bóng đá ở sân Újpest²⁶, tàu điện cũng chạy ngang qua một nhà máy thuộc da, và trên đoạn đường đó bao giờ tôi cũng phải bịt mũi lại. Mọi người còn bảo, thật may là chúng tôi sẽ không làm việc trong nhà máy ấy: nếu mọi việc tiến triển tốt, nếu chúng tôi không bị tả, kiết lỵ hay dịch bệnh khác thì, chúng tôi được trấn an, chẳng bao lâu nữa chúng tôi sẽ được đi nơi khác dễ chịu hơn. Chính vì thế mà chúng tôi chưa đeo số trên quần áo, và nhất là trên da, giống anh chàng chỉ huy của chúng tôi, “chỉ huy Block”²⁷, như mọi người gọi anh ta bây giờ. Nhiều người đã thấy tận mắt chữ số này: nó có màu mực xanh lá cây nhạt, họ đồn nhau, được viết lên cổ tay, được xăm, chạm bằng kim chuyên dụng, không thể rửa sạch. Gần như đúng vào lúc đó tôi nghe tiếng mấy người tình nguyện chia xúp nói chuyện với nhau. Họ cũng đã nhìn thấy những con số xăm trên tay các tù phạm cũ, trong nhà bếp. Một câu trả lời đặc biệt được truyền miệng từ người nọ sang người kia mà người ta còn cắt nghĩa và nhắc đi nhắc lại quanh tôi mãi, là câu trả lời của một tù phạm khi một người trong chúng tôi hỏi đó là cái gì: “Himmlische Telephonnummer”²⁸ – tức “số điện thoại của Trời,” hình như phạm nhân ấy đã nói thế. Tôi thấy việc này nhìn chung đã làm mọi người suy nghĩ rất lung, và mặc dù không hiểu hết những từ này, rõ ràng tôi cũng

lấy làm lạ. Mọi người bắt đầu vây quanh “chỉ huy *Block*” và hai người phụ việc, họ đi tới đi lui, căn vặn, tra vấn bằng đủ các câu hỏi, chẳng hạn như có dịch bệnh không? “Có,” đó là câu đáp; điều gì xảy ra với những người bệnh? “Họ chết.” Thế những người chết thì sao? “Họ bị thiêu,” chúng tôi được biết. Sự thật là, không rõ bằng cách nào, vì không theo dõi chính xác câu chuyện, nhưng tôi dần dần nhận ra, cái ống khói đối diện bên kia không phải của nhà máy thuộc da, mà là của một *Crematorium*, một lò thiêu xác như chúng tôi được nghe cắt nghĩa của từ này. Nếu vậy thì tôi cũng phải nhìn kỹ hơn: một cái ống khói lùn, có góc cạnh, miệng loe rộng, trên đỉnh như bị bất chợt phạt ngang một nhát. Có thể nói rằng ngoài sự kính nể nhất định, và tất nhiên ngoài cái mùi mà thực sự chúng tôi đã ngập ngụa ở trong như một thứ bùn nhão trong đầm lầy ra, tôi không cảm thấy điều gì khác. Nếu không nói là ở phía xa, chúng tôi liên tục bất ngờ khi nhìn thấy thêm một cái, rồi thêm một cái nữa và ở phía chân trời sáng rực lại thêm một cái ống khói như thế nữa, trong số đó hai cái đang nhả lên bầu trời thứ khói giống hệt như cái ở gần chúng tôi, và có lẽ những người nghi ngờ rằng còn một đám khói nữa đang cuộn lên từ phía sau một khu bãi có nhiều bờ bụi thấp kia có lý, và theo tôi, họ có quyền nghĩ: chẳng lẽ dịch bệnh lại lớn tới mức nhiều người chết đến thế?

Tôi có thể tuyên bố rằng từ buổi tối của ngày đầu tiên còn chưa tới, về cơ bản tôi đã biết đại thể mọi việc. Đúng là giữa chừng chúng tôi cũng đã đi qua nơi đi vệ sinh của khu nhà – một nơi có ba cái bệ đặt theo hàng dọc, trên mỗi bệ có hai hàng lỗ tròn, tổng cộng là sáu hàng lỗ: phải ngồi lên trên hay đi đứng lỗ, tùy từng người, tùy cảnh. Nhưng đâu có nhiều thời gian, vì chỉ lát sau đã xuất hiện một phạm nhân rất nóng nảy, tay đeo băng đen, cầm một cây gậy có vẻ nặng, thế là tất cả phải đi ngay. Thêm vài phạm nhân cũ, ăn mặc đơn giản cũng đi lại gần đó: họ có vẻ hiền lành hơn, còn vui vẻ chỉ dẫn vài lời. Với sự chỉ đạo của anh chàng “chỉ huy *Block*”, chúng tôi phải đi lại trên một đoạn đường dài, con đường chạy bên cạnh một khu nhà ở rất lạ: sau hàng rào dây thép gai là những nhà giống nhà kho như đã biết, giữa các ngôi nhà là những phụ nữ nom rất kỳ quái (tôi phải lập tức quay mặt đi khi trông thấy một người, qua vạt áo để hở một đứa bé đầu trọc nhẵn bóng dưới ánh

nặng đang cố bám vào một cái gì đó thông xuống lưng lẳng) và những người đàn ông còn kỳ quái hơn, nhìn chung đều mặc áo quần rách mướp, nhưng vẫn giống như quần áo người ta mặc ngoài đời thường, tôi phải nói như vậy. Khi quay lại thì tôi cũng đã nhận thấy: đó là trại của người Digan. Tôi hơi ngạc nhiên: ở bên nhà gần như tất cả mọi người, kể cả tôi, đều nhận xét rất thận trọng đối với người Digan, tất nhiên, nhưng cho đến giờ tôi chưa bao giờ nghe nói họ cũng có tội. Đúng lúc đó thì một chiếc xe đi đến, phía sau hàng rào của họ, chiếc xe do bọn trẻ con kéo, trên vai lũ trẻ quàng dây cương, nom chúng giống như những chú ngựa nhỏ; một người có bộ ria mép rậm bước đi bên cạnh, cầm trong tay cây roi. Hàng trên xe được phủ bằng chăn dạ thô, nhưng qua khe hở thấy lộ ra những chiếc bánh mì, mà là bánh mì trắng, tròn dài, không thể nhầm lẫn được: từ đó tôi suy ra rằng có vẻ như dẫu sao họ cũng đứng hàng trên chúng tôi. Còn một hình ảnh khác nữa cũng lưu lại trong trí nhớ tôi trong lúc đi lại ấy: ở hướng khác, có một người mặc đồ trắng trên đường, hai bên ống quần trắng viền những sọc đỏ rộng, đội một chiếc mũ nồi to, đen, kiểu mũ mà nhân vật trong tranh các họa sĩ thời Trung cổ thường đội, tay ông ta cầm một chiếc ba toong lớn, từ đầu đến cuối ông cứ vừa đi vừa nhìn trái nhìn phải suốt, và tôi thật khó tin rằng – theo lời người ta – con người khả kính ấy cũng là một tù nhân như chúng tôi.

Tôi có thể thề rằng trên đoạn đường này tôi không hề nói chuyện với bất kỳ một người lạ nào. Thế nhưng từ khi đó trở đi, đúng là tôi có thể coi như mình đã có những hiểu biết chính xác. Ở phía bên đối diện kia, trong giây phút này, những người bạn đồng hành với tôi trên một chuyến tàu đang bị thiêu cháy, tất cả những người xin lên ô tô, những người già cả hoặc vì những lý do khác tỏ ra không thích hợp trước mặt bác sĩ, cũng như bọn trẻ con và những bà mẹ đi cùng chúng hay những người sắp làm mẹ, những người đã thấy dấu hiệu có thai, như người ta nói. Từ nhà ga họ cũng đi vào nhà tắm. Họ cũng được phổ biến về các móc treo quần áo, về những con số, về cách thức tắm đúng như chúng tôi. Đám thợ cạo cũng có mặt đúng như thế, – như người ta nói, – và người ta cũng gí xà phòng vào tay họ. Rồi sau đó họ cũng vào tới nhà tắm, trong đó, tôi nghe nói, cũng có các đường ống và vòi hoa sen: chỉ có điều từ các vòi hoa sen ấy người ta không xả nước,

mà là xả hơi gas xuống đầu họ. Tất cả những điều đó không phải tôi biết ngay một lúc, mà biết dần dần từng tí một, mỗi lúc lại thêm vài tình tiết, có điều biết qua những cuộc tranh cãi, có điều phải chấp nhận và bổ sung thêm những cái mới. Giữa chừng, tôi được biết, rằng từ đầu đến cuối người ta đối đãi với họ rất vui vẻ, họ được lo lắng, được chăm sóc tử tế, bọn trẻ con chơi bóng và hát hò, và nơi họ bị xả hơi ngạt nằm giữa những thảm cỏ, vườn cây, luống hoa rất đẹp: chính vì thế tất cả những điều đó đã gây cho tôi cảm giác hơi giống trò đùa, hoặc như một trò tình quái học trò nào đó. Thêm nữa, nếu nghĩ lại, thì tất cả, chẳng hạn việc họ đã thay đổi áo quần cho chúng tôi một cách khéo léo như thế nào, chỉ bằng sáng kiến về những chiếc móc áo và con số, hay dọa những người có tư trang bằng việc chiếu tia Röntgen, cuối cùng đều là những lời nói suông cả. Dĩ nhiên, tôi phải công nhận rằng tất cả không phải là trò đùa, nếu như nhìn từ khía cạnh khác – xin được nói như vậy – dưới con mắt tôi, và chủ yếu tôi cũng đã khẳng định được điều này qua cái dạ dày mỗi lúc như muốn lộn mửa của mình; tuy nhiên đó là ấn tượng của tôi, và về cơ bản – hoặc ít nhất tôi cũng tưởng tượng như vậy – thì điều này hẳn không thể diễn ra theo cách khác cho lắm. Rốt cuộc chỉ ở đây họ mới ngồi lại với nhau, có thể nói có lẽ họ đã chụm đầu lại với nhau, dù họ không phải là lũ học trò, mà là những người đã trưởng thành, cũng có thể, thậm chí gần như chắc chắn – tôi nghĩ – họ là những người khả kính, ăn mặc chững chạc, miệng ngậm xì gà, có cấp bậc, có khi toàn là các cấp chỉ huy, những người giờ đây không thể bị làm phiền nữa – tôi tưởng tượng thế. Một người trong số họ nghĩ đến khí gas, một người khác nghĩ ngay đến nhà tắm, người thứ ba nghĩ đến xà phòng, người thứ tư thêm vào những luống hoa, và cứ thế tiếp tục. Cũng có khi họ còn có thể tranh cãi lâu hơn về một ý tưởng nào đó, họ có thể sửa đổi, trong khi những người khác ngay lập tức sững phát điên lên, và họ nhảy cẫng lên (không hiểu tại sao, nhưng tôi cứ đinh ninh: họ đã nhảy cẫng lên) đập lòng bàn tay vào nhau – mọi chuyện đều có thể được suy diễn ra rất cụ thể, ít nhất là đối với tôi. Sau đó, những gì các bậc chỉ huy tưởng tượng ra đã trở thành hiện thực bởi nhiều bàn tay mẫn cán và công việc hối hả, và tôi phải công nhận rằng không thể nghi ngờ thành công của các ý tưởng đó. Không còn nghi ngờ gì nữa, bà cụ già nghe

lời con ngoài sân ga, cậu bé đi đôi giày trắng và bà mẹ tóc vàng, bà có vóc người to lớn, ông già đội mũ phớt đen hay người bị thần kinh khi đứng trước ông bác sĩ đều đã bị như thế. Tôi nhớ đến cả ông “chuyên gia”: thật đáng thương, chắc hẳn ông ta rất kinh ngạc. “Rozi” cũng vừa lắc đầu thương hại vừa bảo: “Khổ thân Moskovics!” và tất cả chúng tôi đồng tình với cậu ta. “Chàng trai lựa” cũng kêu lên: “Jesus Maria!” Cậu tiết lộ với chúng tôi, đúng như bọn con trai đã đoán: giữa cậu và cô gái ở nhà máy gạch quả là “đã xảy ra mọi chuyện,” và giờ đây cậu nghĩ đến hậu quả việc làm của mình, với thời gian biết đâu sẽ biểu hiện trên cơ thể cô gái. Chúng tôi công nhận cậu lo ngại hợp lý, mặc dù ngoài nỗi lo lắng, trên mặt cậu còn thấy một điều gì đó khác nữa, một biểu hiện tình cảm khó xác định, và bọn con trai – trong giây phút ấy – đã nhìn cậu với vẻ tôn trọng nhất định, điều đó đối với tôi, dĩ nhiên, không khó hiểu chút nào.

Một việc khác cũng làm tôi có đôi chút suy nghĩ vào ngày hôm đó là sự việc tôi biết được rằng, nơi này, công trình này đã có từ nhiều năm nay, nó tồn tại, hoạt động ngày này qua ngày khác giống nhau; và mặc dù tôi thấy ý nghĩ này có thể hơi thái quá – nhưng dù sao vẫn có vẻ như nó đã chờ tôi tới. Bất luận thế nào, thì “chỉ huy *Block*” của chúng tôi – nhiều người nhắc với sự công nhận đặc biệt nào đó, có thể nói là gần như hãi hùng – đã sống ở trại này từ cách đây bốn năm. Bấy giờ tôi mới sức nhớ ra rằng năm đó cũng là năm rất quan trọng đối với tôi, bởi vì đúng năm đó tôi ghi tên vào trường trung học. Tôi còn nhớ khá kỹ cả về buổi lễ khai giảng – hôm ấy tôi mặc bộ đồ màu xanh thẫm, nẹp áo đính dải gấp khúc, kiểu Hung, còn gọi là trang phục “Bocskai”²⁹. Tôi cũng còn nhớ những lời của thầy hiệu trưởng – bây giờ nghĩ lại, thấy ông quả là một con người khả kính, đáng vẻ bề ngoài hơi giống một vị chỉ huy, với đôi kính mắt nghiêm nghị và bộ ria trắng rất đẹp. Để kết thúc bài nói, tôi nhớ ông đã trích lời một nhà thông thái cổ đại: “*non scolae sed vitae discimus*” – “không học cho nhà trường, mà cho cuộc đời.” Nếu như thế thì, tôi nghĩ, lẽ ra tôi phải học về Auschwitz từ đầu chí cuối. Lẽ ra người ta phải giảng giải công khai, tử tế, có ý nghĩa về tất cả. Chỉ có điều ở trong trường, suốt bốn năm, tôi không nghe nói về nó dù chỉ một từ. Nhưng tất nhiên, tôi thấy nếu nói về nó thì chỉ gây lo ngại mà thôi, vả lại nó

cũng không thuộc về những kiến thức chung. Thiếu sót đó khiến cho đến giờ tôi mới được khai trí ở nơi này, chẳng hạn như chúng tôi đang sống trong “*Konzentrationslager*,” một “trại tập trung.” Các trại này cũng không giống nhau, người ta giải thích thế. Ví dụ trại này là “*Vernichtungslager*,” nghĩa là “trại hủy diệt”. Còn “*Arbeitslager*,” nghĩa là “trại lao động,” người ta nói thêm, thì hoàn toàn khác: ở đó cuộc sống dễ chịu hơn, các điều kiện sinh hoạt và ăn uống, nghe đồn, không thể so sánh được, và điều này cũng là lẽ tự nhiên, vì xét cho cùng, mục đích ở đó khác. Chúng tôi cũng sẽ được tới một nơi như thế, nếu như giữa chừng không xảy ra chuyện gì, mà ở Auschwitz, – xung quanh tôi người ta đều công nhận, – chuyện gì đó có thể xảy ra. Bất luận thế nào cũng không nên báo ốm, người ta tiếp tục khuyên. Khu bệnh viện nằm phía đằng kia, ngay dưới chân một ống khói, như những người thông thạo khi nói với nhau chỉ gọi ngắn gọn: ở chân “Số 2.” Mỗi họa chủ yếu tiềm ẩn trong nước, nước không đun sôi, ví dụ như thứ nước mà tôi cũng đã uống trên đường từ nhà ga về tới nhà tắm – nhưng lúc đó thì tôi chưa thể biết. Chắc chắn, ở đó đã có biển báo, không cần bàn cãi, nhưng lẽ ra tay hiến binh cũng phải nói chứ, tôi nghĩ. Nhưng dù sao đi nữa, tôi sức nhớ, cũng phải biết kết quả cuối là quan trọng: may nhất, ơn Chúa, là tôi cảm thấy người khỏe khoắn, và tới giờ tôi cũng chưa nghe thấy bọn con trai phàn nàn.

Sau đó, trong ngày hôm ấy tôi còn làm quen với nhiều điều cần biết, nhiều khung cảnh, và các thói quen khác. Tựa trung lại, có thể nói là buổi chiều tôi nghe được khá nhiều tin tức, quanh tôi người ta nói về những viễn cảnh, khả năng và hy vọng liên quan đến tương lai của chúng tôi nhiều hơn về cái ống khói. Có những lúc, tựa như nó không hề đứng đó, vì chúng tôi chỉ để ý đến luồng hơi của nó: tất cả phụ thuộc vào hướng gió, như nhiều người nhận ra. Ngày hôm ấy lần đầu tiên tôi còn nhìn thấy đám phụ nữ. Một nhóm người hồi hộp tụ tập gần hàng rào dây thép chỉ cho tôi đúng là họ ở đó, dù tôi nhận ra họ rất khó khăn, mà chủ yếu là không nhận ra nổi họ là những phụ nữ, đang ở bên kia khoảng đồng đất sét mở ra xa xa phía trước chúng tôi. Tôi cũng hơi giật mình vì họ, và nhận thấy xung quanh tôi, sau niềm vui ban đầu, sau cảm giác hồi hộp của phát hiện, mọi người đều trở

nên khá im lặng. Chỉ có một nhận xét cộc lốc, hơi khàn khàn ở rất gần đập vào tai tôi: “Họ trọc đầu.” Rồi đúng lúc đó, giữa tĩnh lặng, lần đầu tiên tôi nghe trong từng đợt gió nhẹ chiều mùa hè, rất mỏng manh, phập phồng và gần như mơ hồ không thực, nhưng không nghi ngờ gì nữa: đó là tiếng nhạc đem lại nét thanh bình, rộn rã, thứ nhạc trong khung cảnh này, cùng với những gì đập vào mắt, đã làm tất cả mọi người, kể cả tôi, hết sức kinh ngạc. Lần đầu tiên tôi đứng, lúc đó còn chưa biết để chờ điều gì, trong một hàng phía cuối khối mười hàng người trước cửa nhà của chúng tôi – cũng như trước cửa tất cả những nhà khác – toàn bộ tù nhân đều đang đứng chờ, hai bên, phía trước, phía sau, nhìn đâu cũng thấy như vậy, lần đầu tiên tôi bỏ mũ xuống khỏi đầu, đúng theo yêu cầu được phát ra, trong khi phía ngoài đường chính, có đúng ba người lính đi xe đạp, lướt qua chậm chạp, êm nhẹ không tiếng động trong làn không khí loãng của buổi hoàng hôn: tôi cảm thấy đó là một hình ảnh đẹp, trang nghiêm theo cách nào đó. Cũng lúc đó tôi nghĩ: ô hay, đúng là đã từ lâu tôi không gặp những người lính. Chỉ có điều tôi cần ngắm kỹ, những người ấy đứng phía bên kia thanh chắn đường, nghe những điều “chỉ huy Block” của chúng tôi (anh ta cũng bỏ mũ cầm tay) nói với họ từ phía bên này, họ nghe với vẻ lạnh lùng, băng giá, từ một độ cao không thể gần gũi nổi – một người trong số họ còn ghi chép gì đó vào một quyển sổ dài. Tôi thật khó nhận ra – những con người không hề đáp lại bằng một lời hay một cử chỉ nào trên con đường lớn vắng hoe kia, ở một tầm uy quyền gần như một diêm dữ kia, lại chính là thành viên của cái đơn vị hòa nhã, vui vẻ vừa đón chúng tôi sáng nay ngoài ga tàu. Cùng lúc ấy tôi nghe có tiếng động nhỏ, một giọng nói, và ở bên phải, tôi thấy một nét mặt hướng ra phía trước, thấy đường viền vồng lên của một lồng ngực: đó là ông cựu sĩ quan. Ông lẩm bẩm, giữa chừng đôi môi gần như không động đậy: “Điểm danh buổi tối.” Ông khẽ gật đầu, với một nụ cười, bằng nét mặt của người biết rằng mọi việc đang diễn ra đối với ông đều dễ hiểu, hoàn toàn sáng tỏ, và ở một mức độ nào đó đã gần như theo ý thích của ông vậy. Rồi đúng lúc đó, lần đầu tiên tôi nhìn thấy – vì bóng tối đã ập xuống với chúng tôi – màu đêm ở đây, và cả một hiện tượng này nữa: pháo hoa, pháo hoa thực sự của những ngọn lửa và tia sáng trên nền chân trời phía bên trái. Quanh tôi nhiều người

thì thầm, lẩm bẩm nhắc đi nhắc lại: “Những lò thiêu!...” mà sự thực, tôi có thể nói rằng những lời này giờ đây chỉ còn như sự ngạc nhiên trước một hiện tượng tự nhiên. Sau đó là: “abtreten,”³⁰ và hình như tôi đã hơi đói, nhưng rồi tôi được biết bữa ăn tối chính là miếng bánh mì mà tôi đã ăn lúc sáng, về dãy nhà, về “Block” thì đã rõ là bên trong hoàn toàn trống rỗng, không có đồ gỗ, không trang thiết bị, thậm chí đèn cũng không, nền nhà bằng xi măng, trên cái nền này việc nghỉ đêm chỉ có thể được giải quyết giống như trong chuồng ngựa của cảnh binh: tựa lưng vào gióng chân một cậu nào đó ngồi phía sau tôi, còn người ngồi trước thì tựa vào đầu gối tôi; và vì tôi cũng đã mệt và buồn ngủ sau bao nhiêu ấn tượng, trải nghiệm và cảm giác mới, chẳng bao lâu tôi chìm vào giấc mơ.

Những ngày tiếp theo – cũng gần như những ngày trong nhà máy gạch – chỉ đọng lại trong tôi một ít chi tiết, đúng hơn là sắc thái của chúng, một cảm giác, có thể nói là một ấn tượng chung. Chỉ có điều ấn tượng này rất khó xác định. Trong những ngày này vẫn còn những điều mới biết, mới thấy và mới trải nghiệm. Thỉnh thoảng trong những ngày này, một cảm giác lạnh lẽo kỳ quặc và xa lạ đã chạm đến tôi, tôi bắt gặp cảm giác này lần đầu tiên khi nhìn thấy đám phụ nữ, một vài lần tôi thấy mình giữa đám người bơ phờ, những khuôn mặt vêu vao, những con người ngơ ngác nhìn nhau, những người cứ hỏi nhau hoài: “Thế nào? Ông thấy thế nào?” – và câu trả lời thường là im lặng, hoặc chỉ là: “Kinh khủng.” Nhưng không phải là từ này, không hẳn là ấn tượng này – tất nhiên là đối với tôi – là những gì mà tôi có thể dùng để đặc tả chính xác về Auschwitz. Trong số mấy trăm người ở cùng Block với tôi có cả ông già thiếu may mắn nọ. Nhìn ông hơi ngộ trong bộ quần áo tù rộng thùng thình, với chiếc mũ rộng lúc lúc lại trượt xuống trán. “Các vị thấy thế nào?” ông hỏi, “Ý các vị thế nào?...” nhưng dĩ nhiên chúng tôi không thể nói điều gì. Sau đó tôi không còn theo kịp những lời lắp bắp và lộn xộn của ông nữa. Ông không được suy nghĩ, hay là có những lúc nào cũng chỉ có thể và cần phải nghĩ tới một điều, tới những người mà ông đã “bỏ lại ở nhà,” và vì họ ông “phải trở nên cứng rắn,” vì họ đợi ông về: vợ ông và hai đứa con – đó gần như là tất cả những gì tôi có thể nhớ. Nhưng điều lo ngại nhất ở đây của ông về cơ bản cũng như ở trong trạm thuế quan,

trên tàu hỏa và trong nhà máy gạch: đó là độ dài của ngày. Ngày giữa mùa hè bắt đầu rất sớm, ngay sau lúc mặt trời mọc buổi sáng một lúc. Đến bây giờ tôi mới biết những buổi sáng mùa hè ở Auschwitz lạnh như thế nào: bọn con trai chúng tôi tụm lại ở hướng trông ra hàng rào dây thép gai của dãy nhà, ép sát vào nhau, sưởi ấm cho nhau, đối diện với vầng mặt trời đỏ rực, méo mó vừa nhô lên. Mấy tiếng sau thì chúng tôi đã phải tìm đến chỗ có bóng mát rồi. Dầu vậy thời gian ở đây vẫn cứ trôi; tay “thợ làm đồ da” cũng có mặt ở đây với chúng tôi, và vẫn còn nghe thấy một đôi câu chuyện tiếu lâm; ở đây cũng có – không phải những đinh đóng móng ngựa mà là sỏi, để “chàng trai lựa” thắng hết của chúng tôi: và ở đây thỉnh thoảng cũng vẫn thấy giọng nói của “Rozi”: “Bây giờ ta hát bằng tiếng Nhật nhé!” Ngoài ra mỗi ngày hai lần đi vệ sinh, buổi sáng vào nhà tắm (một chỗ giống nhà vệ sinh, nhưng thay cho các bức đặt suốt dọc theo chiều dài là những bồn tráng kẽm, bên trên chạy ống thép có khoan các lỗ nhỏ sát nhau, từ những lỗ ấy nước ri rỉ chảy ra), chia thức ăn, điểm danh buổi tối, và dĩ nhiên, cả tin tức nữa – tôi phải bằng lòng với chừng ấy, đó là trình tự của một ngày. Thêm vào đó là những ấn tượng: như sự kiện “Blocksperrre,” hoặc “đóng Block,” vào tối hôm thứ hai – đó là lần đầu tiên tôi thấy chỉ huy của chúng tôi sốt ruột, thậm chí có thể nói là bức tức – với những âm thanh hỗn độn từ xa vọng lại, mà lắng tai nghe kỹ chúng tôi cho rằng mình đã nghe thấy tiếng la hét, tiếng chó sủa và tiếng súng nổ trong bóng tối hơi ngột ngạt của dãy nhà; hay một cảnh nữa, cũng phía sau hàng rào thép gai, một đoàn người đi làm về như người ta bảo, và tôi cũng phải tin, vì chính tôi cũng nhìn thấy trên các đồng rách nát mà những người đi phía sau lúi về, không nghi ngờ gì nữa, đúng là những xác người, như mọi người xung quanh tôi khẳng định. Những ấn tượng đó, trong một thời gian dĩ nhiên đã đánh thức trí tưởng tượng của tôi. Tuy nhiên, tôi khẳng định, chúng không đủ để giết hết thời gian nhàn rỗi trong suốt một ngày dài. Tôi đã nhận ra: ngay cả ở Auschwitz có vẻ như cũng có thể buồn chán, cho dù ta có được ưu đãi. Chúng tôi cứ chờ đợi, chờ đợi, mà tôi nghĩ thực ra là để đừng xảy ra chuyện gì. Sự chán chường này, cùng với sự chờ đợi kỳ quặc này, tôi nghĩ, cái ấn tượng này, phải, gần như là chính nó thực sự có nghĩa là Auschwitz, tất nhiên là trong mắt tôi.

Còn một điều nữa tôi phải công nhận: ngày hôm sau tôi đã ăn hết, thậm chí ngày thứ ba tôi còn mong món xúp. Nói chung, ở Auschwitz tôi cũng phải ngạc nhiên vì trật tự ăn uống. Buổi sáng chẳng mấy chốc người ta đã mang đến một thứ nước gị đó, mà họ bảo là cà phê. Bữa trưa, nghĩa là món xúp, được đưa đến sớm bất ngờ, mới khoảng chín giờ. Nhưng sau đó không xảy ra điều gì về mặt này, cho đến tận lúc chia bánh mì và bơ thực vật vào chiều tối, trước giờ điểm danh: thế là đến ngày thứ ba tôi đã buộc phải làm quen với cảm giác khó chịu của cái đói, và tất cả bọn con trai đều ca cẩm. Chỉ có cậu nghiện thuốc bảo cảm giác ấy đối với cậu ta chẳng có gì mới, và cậu chỉ thêm thuốc – ngoài cái kiểu cách cộc lốc, lạ lùng thường thấy ở cậu ta, trên mặt cậu ta còn biểu lộ của một vẻ mãn nguyện nào đó khiến giờ tôi hơi bức mình, và cả bọn con trai, tôi nghĩ vì thế mà phẩy tay nhanh chóng cho qua.

Thật ngạc nhiên, khi tính lại vẫn là sự thực: tôi mới chỉ ở Auschwitz được đúng ba ngày. Tối ngày thứ tư tôi đã ngồi trên tàu hỏa, trong một toa xe chở bò đã quen thuộc. Đích đến, như chúng tôi được biết, là “Buchenwald”³¹, và dù giờ đây tôi đã thận trọng hơn đôi chút với những cái tên đầy hứa hẹn như thế, nhưng sự thân thiện, có thể nói là sắc thái khó nhầm lẫn được ở mức độ nào đó của sự ấm áp, sắc thái của cảm thức dịu dàng, mơ mộng, chút ghen tị nhất định của một vài người trong đám tù phạm đi tiễn chúng tôi, không thể chỉ là sự nhầm lẫn, tôi cảm thấy như thế. Tôi cũng phải công nhận, trong số họ có nhiều phạm nhân cũ, thông thạo, cũng như nhiều người được trọng thị, thể hiện ở các băng đeo tay, mũ và giày họ mang trên người. Ở trên tàu tất cả cũng do họ điều hành, tôi chỉ nhìn thấy vài người lính đứng phía xa, trên đường ke. Và ở nơi yên tĩnh này, trong các sắc màu hiền hòa của buổi tối mùa hè thanh bình này, không một điều gì – bất quá chỉ có sự rộng lớn của nó – gợi cho tôi nhớ đến cái nhà ga náo nhiệt bởi sự hồi hộp, bởi ánh sáng, bởi sự chuyển động, bởi âm thanh, chỗ nào cũng phập phồng, dồn dập, nơi mà tôi đã đáp xuống cách đây đúng ba ngày rưỡi.

Về chuyến đi này, giờ đây tôi có thể kiệm lời hơn: tất cả diễn ra theo cách đã biết. Lần này chúng tôi gồm không phải sáu mươi, mà là tám mươi người, tuy nhiên bây giờ chúng tôi không có đồ đạc và cũng không phải chăm lo đến phụ nữ. Vẫn có chiếc nồi, chúng tôi vẫn chịu nóng và khát, nhưng chúng tôi ít phải chịu đựng sự căm dỗ hơn, ý nói là về mặt đồ ăn: khẩu phần – bánh mì được nhiều hơn, hai miếng bơ thực vật và một thứ gì đó, một mẫu bề ngoài gợi nhớ đến món xúc xích nhỏ nhồi thịt bò xay ở nhà, gọi là “wurst”³² – được chia trên tàu, và tôi chén liền, trước hết vì tôi đói, sau nữa vì trên tàu cũng không biết để vào đâu, và cũng vì người ta không thông báo chuyến đi lần này sau đó cũng sẽ kéo dài ba ngày.

Chúng tôi cũng đến Buchenwald vào buổi sáng, trong tiết trời nắng nhưng nhiều mây và có những đợt gió mát nhẹ thổi, tươi mát, trong lành. Ga xe lửa ở đây, ít nhất cũng xếp sau Auschwitz, chỉ như một nhà ga tỉnh lẻ, hiền hòa. Tiếp đón đã kém phần thân thiện – ở đây không phải các phạm nhân mà là bọn lính mở cửa toa, thậm chí – tôi nhớ – phải nói đây là lần đầu tiên, một cách thực sự, tôi mới có dịp trực tiếp liên quan đến họ gần sát như thế, tiếp xúc với họ cận kề như thế. Tôi chỉ nhìn mọi việc diễn ra nhanh chóng ra sao, với sự chính xác chuẩn tắc thế nào. Một vài khẩu lệnh ngắn: “Alle raus!”³³ – “Los!”³⁴ – “Fünferreihen!”³⁵ – “Bewegt euch!”³⁶, mấy tiếng kêu lịch bạch, mấy tiếng va đập, tiếng đập ứng, tiếng thúc của một mũi súng, vài tiếng kêu ngắn – và thế là đoàn người chúng tôi đã hình thành, đã di chuyển như được lên dây cót. Đến cuối đường ke, lần nào cũng bằng nửa vòng xoay giống hệt nhau, từ hai phía áp tới mỗi bên một tên lính, tôi để ý thấy cứ cách năm người một theo hàng năm, nghĩa là hai mươi lăm người mặc áo kẻ thì có hai tên lính đi cách hàng người chừng một mét, không rời mắt giây nào, hoàn toàn câm lặng, chỉ định hướng và giữ nhịp bằng bước chân, duy trì cho tất cả vận hành đều đặn – giống như thời trẻ con tôi vẫn dùng các mẫu giấy và que dẫn lỗ nhộng đi vào hộp diêm – thành một dòng người chuyển động và lượn sóng không ngừng; tất cả có vẻ gì đó làm tôi hơi choáng váng, và hoàn toàn thán phục. Tôi còn hơi mỉm cười, khi nghĩ đến kiểu áp tải cầu thả, có thể nói hơi với vẻ ái ngại của đám cảnh binh ở bên nhà, vào hôm họ dẫn đoàn chúng tôi về trại cảnh binh. Nhưng ngay cả

những gì thái quá của đám cảnh binh, tôi công nhận, cũng chỉ có thể coi là trò làm bộ quan trọng ầm ĩ so với tính chuyên nghiệp lâm lì, thích hợp một cách hoàn hảo đến từng chi tiết này. Và mặc dù, tôi nhìn rõ mặt họ, màu mắt hay màu tóc họ, một vài nét riêng, thậm chí khiếm khuyết của họ, một nốt mụn trên da chẳng hạn, nhưng tôi vẫn không thể nào nắm bắt được, đến nỗi tôi đã nghi ngờ; bất chấp tất cả những gì đã thấy, liệu những kẻ đi bên cạnh chúng tôi kia có phải là những sinh linh về cơ bản giống như chúng tôi, liệu có phải dù sao họ cũng được cấu thành đại loại từ những chất liệu con người bình thường như chúng tôi? Nhưng tôi chợt nhớ ra, cách nhìn nhận của tôi như thế là sai lầm, vì tôi không thể giống như họ, dĩ nhiên.

Dù vậy tôi vẫn để ý thấy chúng tôi đang từng bước, từng bước đi dần lên một con dốc thoải thoải, trên một con đường khá tốt, nhưng không thẳng tuột như ở Auschwitz, mà vòng vèo. Những vùng phụ cận quanh tôi có nhiều vật xanh tự nhiên, những ngôi nhà xinh xắn, xa hơn là những biệt thự ẩn sau lùm cây, những công viên, vườn tược, tất cả cảnh sắc, mọi kích thước, tỉ lệ đều khiêm nhường, tôi có thể mạnh dạn nói rằng phong cảnh nom rất thiện cảm, ít nhất là đối với những con mắt đã quen với Auschwitz. Ở bên lề đường phải, chúng tôi chợt nhận thấy một vườn thú nhỏ: cư dân là những chú hoẵng, lũ thú gặm nhấm và những loài thú khác, trong đó có cả một chú gấu nâu trụi lông xơ xác, nghe tiếng bước chân của chúng tôi nó vội vàng ngồi ở tư thế xin ăn, rồi biểu diễn ngay vài động tác gây cười trong cũi, nhưng lần này tất nhiên cố gắng của nó là vô ích. Sau đó chúng tôi đi qua một pho tượng dựng trên khoảng trống nơi con đường tách vòng ra hai ngã. Bức tượng đặt trên một bệ màu trắng và cũng được tạc từ thứ đá trắng, mềm, hạt thô và không bóng như đá làm bệ tượng, theo tôi thì đó là một tác phẩm hơi thô và câu thả về mặt nghệ thuật. Từ những đường rãnh trên quần áo, từ cái đầu trọc lóc, mà đặc biệt từ tổng thể hình dáng có thể thấy ngay nó muốn mô tả một tù phạm. Cái đầu cúi về phía trước, một chân vung ra phía sau như đang chạy, hai tay co quắp luôn xuống dưới cổ nhắc một tảng đá hình khối vuông cực lớn lên lòng. Lúc đầu tôi chỉ nhìn nó với con mắt thường thức nghệ thuật – như đã được học trong nhà trường – chứ không có bất kỳ chủ ý gì, nhưng rồi tôi chợt nghĩ pho tượng chắc hẳn phải có ý nghĩa của nó,

và thực chất có thể coi nó là một dấu hiệu không mấy tốt lành. Nhưng đã thấy mạng lưới dây thép gai dày đặc, rồi hai cổng sắt nằm giữa hai cột đá lớn mở ra, phía trên đập vào mắt tôi một công trình ốp kính, nom tựa cây cầu chỉ huy trên tàu thủy, liền sau đó tôi đi qua bên dưới nó: tôi đã vào trại tập trung Buchenwald.

Trại Buchenwald nằm ở lưng chừng một vùng cao đồi núi và thung lũng. Không khí trong lành, nhìn phía nào cũng thấy cảnh sắc rất đa dạng, xung quanh đâu cũng thấy rừng, dưới các thung lũng là những ngôi nhà nông dân lợp ngói đỏ. Nhà tắm nằm phía bên trái. Tù nhân đa số đều thân thiện, dù theo kiểu khác so với ở Auschwitz. Sau khi đến, ở đây cũng có nhà tắm, thợ cạo, và khử trùng, thay quần áo là những việc đã chờ sẵn chúng tôi. Các đồ lễ trong phòng thay quần áo cũng đúng như ở Auschwitz. Chỉ tội ở đây phòng tắm nóng hơn, đám thợ cạo cũng làm việc cẩn thận hơn, và người phát quần áo, dù chỉ nhìn liếc qua, nhưng cũng cố gắng để ý đến kích cỡ của bạn. Sau đó bạn ra một hành lang, đứng trước một cửa đẩy bằng kính, và người ta hỏi bạn có răng vàng hay không. Rồi một người đồng bào của bạn, đầu có tóc, đã ở đây từ trước, ghi tên bạn vào một cuốn sổ lớn, rồi anh ta phát cho bạn một hình tam giác màu vàng, một miếng vải xé rộng – một tấm băng, cả hai đều bằng vải thô. Ở giữa tam giác vàng, để đánh dấu bạn cũng là dân Hungary có một chữ U³⁷, trên băng vải bạn có thể đọc thấy hàng chữ số in hoa, chẳng hạn của tôi là 64921. Tôi được biết, nên học phát âm rõ ràng, dễ hiểu và rành mạch cả bằng tiếng Đức, thế này: “Vier-un-sechzig, neun, ein-un-zwanzig”³⁸ vì từ nay trở đi đây luôn là câu trả lời của tôi, nếu được hỏi về sự hiện diện của mình. Nhưng con số này ở đây người ta không ghi lên da bạn, và nếu như vì vậy mà bạn lo lắng hỏi từ trước, lúc vào nhà tắm, thì người tù già sẽ giơ tay lên và ngược mắt lên trần nhà phản đối: “Aber Mensch, um Gotteswillen! Wir sind doch hier nicht in Auschwitz!”³⁹ ông nói. Đồng thời, cả chữ số, cả miếng tam giác này đến tối bạn phải đeo lên ngực áo, với sự giúp đỡ những người duy nhất sở hữu kim chỉ: thợ may; nếu bạn chán ngán cảnh phải đứng xếp hàng đến tối, thì bằng một phần nhất định của suất bánh mì và bơ thực vật bạn có thể làm cho họ dễ tính hơn,

nhưng không có nó thì họ vẫn vui vẻ làm, vì xét cho cùng đó là trách nhiệm của họ, họ bảo thế.

Ở Buchenwald thời tiết lạnh hơn ở Auschwitz, ban ngày thường u ám và lất phất mưa. Nhưng tại Buchenwald có khi họ làm ta bất ngờ vì món xúp bột nấu với mỡ ngay từ sáng; cũng ở đây tôi học được thêm rằng suất bánh mì tử tế là một phần ba, có ngày là một nửa – chứ không phải một phần tư hay một phần năm như ở Auschwitz, rằng xúp buổi trưa đặc, trong đó có thể thấy những vẩn thịt, thậm chí gặp trường hợp may mắn có khi là cả một mẩu thịt còn nguyên, cũng tại đây tôi đã làm quen với khái niệm “Zulage”⁴⁰ – từ dùng của viên sĩ quan có mặt ở đây, và vào những lúc thế này ông ta luôn luôn tỏ vẻ miễn nguyện – mà bạn có thể xin thêm ngoài một mẩu ba thực vật hoặc một thìa mứt quả. Ở Buchenwald chúng tôi sống trong các lều, trong “Zeltlager” – “trại lều,” hay theo cách gọi khác là “Kleinslager” – “trại nhỏ,” và ngủ trên chỗ nằm trải rơm, dù không có phân cách và hơi chật, nhưng bằng phẳng. Ở đây hàng rào dây thép gai phía sau không có điện, nhưng kẻ nào bước ra khỏi lều vào ban đêm sẽ bị chó sói xé nát – người ta cảnh cáo, và sự nghiêm trọng của lời nhắc nhở ấy dù thoát nghe có thể gây bất ngờ, nhưng xin bạn đừng hoài nghi. Còn cạnh hàng rào thép gai kia, nơi những con đường lát đá của khu trại chính, những dãy nhà đơn sơ màu xanh lá cây và những ngôi nhà đá một tầng trải ra trên sườn đồi, tối nào cũng có thể mua thìa, dao, cặp lòng và quần áo của các tù phạm địa phương và những cư dân gốc vẫn ra buôn bán. Một người trong số họ đã gạ tôi mua chiếc áo len, giá chỉ có nửa cái bánh mì, anh ta mời chào, ra hiệu, giải thích mãi – nhưng rồi tôi cũng không mua vì mùa hè tôi đâu cần tới áo len, còn mùa đông thì – tôi nghĩ – còn lâu mới tới. Vào các buổi tối đó, tôi còn thấy có rất nhiều tam giác màu khác nhau và trên các hình tam giác có vô số kiểu chữ cái, mà rốt cuộc chẳng mấy khi tôi xác định được: vậy thì Tổ quốc của ai là ở đâu? Nhưng ở ngay quanh chỗ tôi đây cũng nghe thấy nhiều giọng nói tiếng Hung lơ lơ tỉnh lẻ, thậm chí nhiều lần tôi còn nhận ra thứ ngôn ngữ lạ hoắc mà lần đầu tôi nghe thấy ở Auschwitz, trên toa xe lửa. Ở Buchenwald không có điểm danh đối với những người sống trong Zeltlager, chỗ rửa ráy ở ngoài trời, chính xác hơn là ở dưới bóng cây, cũng bố trí như ở Auschwitz, nhưng

các chậu rửa bằng đá có nước nhỏ ra, phun ra hay ít nhất rỉ ra suốt ngày qua các lỗ trên đường ống, và kể từ khi rơi vào nhà máy gạch, lần đầu tiên đã xảy ra chuyện kỳ lạ ở đây là tôi có thể uống nếu khát, thậm chí ngay cả khi nào bỗng thấy hứng lên muốn uống. Ở Buchenwald cũng có Crematorium, dĩ nhiên, nhưng tất cả vồn vện có một, và nó cũng không phải là mục đích, bản chất, linh hồn, ý nghĩa của trại này – tôi có thể khẳng định như vậy – mà người ta chỉ dùng nó để thiêu người đã chết trong trại, trong những điều kiện sống bình thường của trại. Tại Buchenwald – có lẽ lời đồn này bắt nguồn từ những tù phạm cũ và cũng truyền đến tôi – phải thận trọng nhất với mỏ đá, mặc dù người ta nói thêm, bây giờ nó gần như đã hết hoạt động, chứ không như ngày trước, lúc họ còn làm việc trong đó. Trại này, tôi được biết, đã hoạt động bảy năm nay, nhưng còn có những trại cũ hơn nữa, trong số đó tôi được làm quen với những cái tên như “Dachau”⁴¹, hay “Oranienburg”⁴² và “Sachsenhausen”⁴³. Cũng vào thời gian đó tôi đã hiểu nụ cười có vẻ bao dung khi nhìn thấy chúng tôi trên gương mặt của một vài nhân vật khả kính ăn vận chu tất đứng phía bên kia hàng rào thép gai, trên người họ tôi nhìn thấy những con số mười ngàn, hai mươi ngàn, cả những số có bốn và ba chữ số. Tôi được biết gần trại chúng tôi là thành phố Weimar, một nơi nổi tiếng về văn hóa, giáo dục mà tất nhiên về tiếng tăm của nó tôi đã được học từ khi còn ở nhà: tại đây, bao nhiêu người đã sống và sáng tạo, trong đó có một người mà thi phẩm “Wer reitet so spät durch Nacht und Wind”⁴⁴ của ông tôi đã thuộc lòng, và – như người ta đồn – cái cây tự tay ông trồng – từ đó đến nay đã thành cổ thụ, được gắn bằng tường niệm và quây rào thép gai để ngăn cách chúng tôi, những tù phạm – cũng nằm đâu đó trong khu trại chúng tôi – người ta bảo thế. Nói tóm lại không khó chút nào để hiểu được những gương mặt ở Auschwitz ấy: công bằng mà nói thì chẳng bao lâu sau tôi cũng đã thích Buchenwald.

Zeititz, hay đúng hơn là trại tập trung mang tên địa danh này, cách Buchenwald một dặm đi tàu hàng, sau đó thêm hai mươi phút đi bộ, có lính áp tải trên con đường chạy qua những ruộng cày được chăm sóc cẩn thận, những phong cảnh làng quê, như chính tôi đã có cơ hội trải nghiệm. Giờ đây, ít nhất chỗ này sẽ là nơi an cư cuối cùng dành cho chúng tôi – người ta đảm

bảo – chính xác hơn là cho những người nào trong số chúng tôi có tên gọi theo thứ tự ABC đứng trước chữ M; những người khác sẽ tới trại lao động ở thành phố Magdeburg mà nhờ vào những hiểu biết lịch sử, tên gọi của nó đối với tôi khá quen thuộc – chúng tôi được thông báo như vậy, khi còn ở Buchenwald, cũng vào tối ngày thứ tư, trên một bãi rộng khủng khiếp được chiếu sáng bằng đèn hồ quang, – bởi các phạm nhân ăn vận đủ các đồ khảm kính khác nhau, trong tay cầm những bản danh sách dài. Tôi chỉ tiếc rằng thế là tôi phải chia tay vĩnh viễn với nhiều đứa con trai, đặc biệt là với “Rozi”, và rồi sự ngẫu nhiên của những cái tên mà theo đó chúng tôi được xếp ngồi lên chuyến tàu nào, đáng tiếc đã tách tôi ra khỏi những người khác nữa.

Có thể nói không có gì khổ sở, không có gì ngao ngán hơn những mệt nhọc khó chịu mà chúng tôi phải trải qua mỗi lần đến một trại tập trung mới, ít nhất sau Auschwitz và Buchenwald tôi đã nghiệm thấy như thế. Tuy nhiên, ngay lập tức tôi nhận ra lần này mình đã đến một trại tập trung nhỏ, sơ sài, hẻo lánh, có thể nói chỉ như một trại tập trung nhà quê. Tìm kiếm nhà tắm hay thậm chí là một lò thiêu ở nơi này chỉ vô ích: dường như những thứ trang hoàng đó chỉ thuộc về các trại tập trung có tầm quan trọng hơn. Xung quanh trại lại là một vùng đất trơ trụi buồn tẻ, chỉ từ phía cuối trại mới nhìn thấy một vệt màu xanh mờ – “vùng núi Thüringia,” tôi nghe ai đó nói. Hàng rào dây thép gai, với bốn góc là chòi canh, nằm ngay sát đường quốc lộ. Bản thân trại thì hình vuông, về cơ bản là một khu bãi bụi bặm, mặt phía cổng trông ra con đường, còn ba phía kia bao bọc bởi những ngôi nhà lớn hoặc các lều bạt như rạp xiếc. Việc tính đếm kéo dài, sắp xếp, xô đẩy, chen lấn té ra là để phân nhóm và dồn đến cho các lều, các “Block” – như người ta gọi chúng – theo trật tự hàng mười, những nhân khẩu tương lai của các lều. Tôi cũng bị xô đẩy về lều, chính xác hơn là đến cái lều ngoài cùng bên phải của dãy cuối cùng, nếu đứng quay mặt về phía cổng và quay lưng về phía lều để định hướng, như tôi đã đứng khá lâu, tới khi chân tê dại, dưới ánh nắng mỗi lúc một trở nên khó chịu. Tôi lướt mắt tìm bọn con trai, nhưng vô ích, quanh tôi toàn người lạ. Bên trái tôi là một người cao gầy, hơi kỳ cục, luôn lăm bắm gì đó và thân trên cứ nhip nhàng gật gù từ trước ra sau, từ sau ra trước,

còn bên phải tôi là một người thấp lùn vai rộng, giết thời gian bằng cách cứ sau một khoảng thời gian đều đặn lại nhổ một bãi nước bọt nhỏ, nhọn, rất chính xác xuống đám cát bụi trước mặt. Anh ta cũng nhìn tôi, lúc đầu chỉ lướt qua, rồi sau đến lần thứ hai đã soi mói hơn, bằng đôi mắt xếch, sắc lẹm. Bên dưới đôi mắt, tôi thấy một cái mũi nhỏ đến nực cười, gần như không xương, anh ta tinh nghịch đội chiếc mũ tù lệch về một bên. Lần thứ ba anh ta hỏi, và tôi nhận ra anh thiếu mấy chiếc răng cửa, tôi từ đâu đến? Khi tôi bảo từ Budapest thì thấy anh hoạt bát hẳn lên: Đường Körút⁴⁵ còn không và tàu điện số 6 có còn chạy như “lần cuối cùng anh ra đi” hay không, anh hỏi liền. Sao lại không, tôi đáp, tất cả vẫn y nguyên như thế. Anh ta có vẻ hài lòng. Anh còn tò mò muốn biết tôi đã bị “lưu lạc sang đây” thế nào, và tôi bảo: “Đơn giản thôi. Họ bắt xuống khỏi xe bus.” “Thế rồi sao?” anh hỏi tiếp, và tôi bảo: “Thế thôi, có gì hơn nữa: họ chở đến đây.” Anh có vẻ hơi ngạc nhiên, tựa như không hiểu lắm những diễn biến của cuộc sống bên nhà, và tôi muốn hỏi anh ta... nhưng không kịp, vì đúng lúc ấy tôi bị một cú tát từ phía bên kia.

Thực ra tôi đã ngã ngồi xuống đường rồi mới nghe tiếng bộp của cái tát, mạnh đến nỗi làm tôi thấy nửa mặt bên trái bỏng rát. Một người đứng trước mặt tôi, từ đầu đến chân trong bộ quần áo đi ngựa màu đen, mũ nồi đen, tóc, thậm chí cả bộ ria mép mỏng trên khuôn mặt nâu sẫm cũng màu đen, một mùi gì đó làm tôi ngạc nhiên: không nghi ngờ gì nữa, đúng là mùi nước hoa có hương ngọt ngào. Trong tiếng quát hỗn loạn tôi chỉ nghe ra được từ “Ruhe,” nghĩa là “im lặng” vang lên nhiều lần. Nói gì thì nói, nom ông ta có vẻ đáng nể, điều đó được nhấn mạnh bằng con số thấp sang trọng, cũng như chữ “Z”⁴⁶ bên trong hình tam giác màu xanh lá cây, ngực bên kia được trang trí bằng chiếc còi bạc lung lẳng trên sợi dây chuyền kim loại, thêm nữa trên cánh tay có hai cái “LA” màu trắng có thể nhìn thấy từ xa. Nhưng dẫu sao tôi cũng rất bức mình, vì tôi không quen bị người ta đánh, và dù đó là ai đi nữa, và dù tôi đang ngồi và chỉ trên nét mặt, nhưng tôi đã cố thể hiện dấu hiệu của sự giận dữ này. Có thể ông ta đã nhận ra điều đó, tôi nghĩ, vì tôi thấy, dù vẫn quát tháo liên hồi, nhưng ánh nhìn của đôi mắt to đen như bơi trong dầu của ông ta dần dần dịu lại, cuối cùng đã gần như có

biểu hiện thanh minh, trong khi ông ta chăm chú nhìn tôi khắp lượt, từ chân lên mặt: một cảm giác khó chịu, lúng túng thế nào đó. Rồi ông ta biến mất theo lối mà mọi người dẫn ra cho ông ta đi, cũng đột ngột như khi ông ta đến lúc này.

Sau khi tôi lò dò đứng dậy, người đứng bên phải hỏi ngay có đau không. Tôi trả lời anh ta, chủ ý và đồng dục: không hề đau tẹo nào. “Thế thì” anh ta bảo, “tốt nhất là cậu hãy lau mũi đi.” Tôi đưa tay lên mũi: đúng là ngón tay vậy đó. Anh ta chỉ cho tôi cách ngả đầu ra sau để máu ngừng chảy, anh còn nói về người mặc bộ đồ đen: “Lão Digan,” rồi sau một giây suy nghĩ anh khẳng định thêm: “Một gã đồng tính, chắc chắn.” Tôi không thật hiểu anh muốn nói gì, và tôi đã hỏi anh ý nghĩa của khái niệm này. Nghe thế anh mỉm cười, và nói: “Gã ái đấy!” Vậy là tôi đã rõ hơn về khái niệm này, tương đối đúng, tôi nghĩ thế. “Nào,” anh nói tiếp và còn đưa tay ra, “tớ là Citrom Bandi,” thế là tôi cũng nói với anh tên mình.

Anh cho tôi biết anh được đưa từ trại lao động tới đây. Người ta đã gọi anh đi ngay khi mới bắt đầu cuộc chiến, vì đúng lúc đó anh hai mươi một: tuổi tác, dòng máu, sức khỏe đều thích hợp với trại lao động, và từ bốn năm nay anh cũng chưa về nước. Anh từng đi gỡ mìn ở Ucraina. “Thế rằng anh làm sao thế?” tôi hỏi. “Chúng nó đánh gãy đấy” anh đáp. Đến lượt tôi ngạc nhiên: “Thế là thế nào?” Nhưng anh ta chỉ bảo “chuyện dài lắm” và không nói thêm nhiều về lý do. Chung quy lại là anh đã “cãi nhau với đội trưởng” và ngoài những thứ khác cả xương mũi anh cũng gãy vào dịp đó – anh cho tôi biết chừng ấy. Về công việc gỡ mìn, anh cũng đủ nói ngắn gọn: một cái xẻng, một đoạn dây thép, và cần thêm may mắn, theo cách nói của anh. Chính vì thế mà chỉ còn lại rất ít người trong “đại đội bị trừng phạt” khi người Đức đến thay thế các đơn vị lính Hung. Họ đã vui mừng, vì ngay lập tức người ta vẽ ra một viễn cảnh công việc nhẹ nhàng hơn và sự đối xử tốt hơn. Sau đó từ trên tàu hỏa, dĩ nhiên rồi, họ đã xuống Auschwitz.

Tôi đang tò mò muốn hỏi tiếp anh thêm chút nữa, thì đúng lúc ấy có ba người quay trở lại. Trước đó khoảng chừng mười phút, từ sự kiện diễn ra ở phía trước, đúng hơn là tôi chỉ chú ý đến một cái tên, chính xác hơn là đến

tiếng gọi đồng thanh ở phía trước, tất cả đều kêu một cái tên ấy: “Bác sĩ Kovács!” Nghe tiếng gọi, một người đàn ông béo tốt, mặt hơi sệ, xung quanh đầu nhẵn thín vì máy húi tóc, còn đỉnh đầu hói tự nhiên, khiêm nhường, ngần ngại bước ra, như chiều theo tiếng kêu giục giã của đám đông, sau đó còn hai người nữa thì đã do ông giới thiệu. Rồi cùng với người mặc bộ đồ đen, cả ba đi khỏi ngay, và chỉ sau này tôi mới biết, tin tức cũng lan đến cả những hàng sau rằng thực ra chúng tôi vừa chọn chỉ huy, mà họ gọi là “Blockältester,” và các “Stubendienst” – nghĩa là “hầu phòng,” như tôi vừa dịch qua loa cho Citrom Bandi hiểu, vì anh không biết tiếng Đức. Sau đó người ta muốn dạy cho họ vài khẩu lệnh và động tác họ sẽ thường dùng, những thứ mà – người ta nhắc họ, họ lại nhắc chúng tôi – sẽ không ai dạy chúng tôi thêm một lần nữa. Một vài từ như “Achtung!” “Mützen... ab!” và “Mützen... auf!”⁴⁷ thì về cơ bản theo kinh nghiệm đến lúc này tôi đã biết, còn “Korrigiert!” nghĩa là “Chỉnh lại!” – tất nhiên là chỉnh lại mũ, còn “Aus!”⁴⁸ – thì chúng tôi phải đập tay đánh bốp vào sát đùi, theo lời họ. Sau đó chúng tôi đã tập thử nhiều lần tất cả những động tác này. Viên Blockältester, chúng tôi được biết, những lúc như thế này còn có công việc riêng: báo cáo, việc này được ông ta thử nhiều lần trước mặt chúng tôi: Stuben-dienst, một gã mập, mặt đỏ như đang sốt phát ban, hai má màu tím – đóng vai người lính. “Block fünf,” – tôi nghe tiếng anh ta, – “ist zum Appel angetreten. Es soll zweihundert fünfzig, es ist...”⁴⁹ – và cứ tiếp tục thế, nhờ đó mà tôi biết tôi là nhân khẩu của Block 5, có quân số 250 người. Sau vài lần lặp đi lặp lại, tất cả đã rõ ràng, dễ hiểu và có thể trình diễn hoàn hảo, mọi người đều thấy thế. Rồi lại đến những phút chẳng có việc gì, và bởi vì giữa chừng tôi chú ý thấy một đồng đất trên khoảng trống phía bên phải lều của chúng tôi, bên trên đồng đất là một cây sào dài và có thể đoán phía sau nó là một hào sâu, tôi hỏi Citrom Bandi không hiểu thực chất nó được dùng vào việc gì. “Latrina”⁵⁰ anh đáp ngay sau một cái liếc mắt. Anh còn hơi lắc đầu, vì thấy tôi không hiểu từ này. “Đúng là có vẻ như từ trước đến nay cậu chỉ quen bám váy mẹ,” anh bảo. Anh còn nói thêm, tôi xin dẫn nguyên văn: “Này, khi nào ỉa đầy cái rãnh kia, thì chúng ta sẽ được tự do!” Tôi cười, nhưng anh thì giữ nguyên vẻ hơi nghiêm nghị, cứ như người đã biết chắc

chấn, chứ chưa muốn nói là cứ như anh đã quyết định thế. Nhưng anh không nói thêm gì về niềm tin này nữa, vì từ phía cổng đã thấy bóng ba người lính, nom ăn vận nghiêm chỉnh và tươm tất, thông thả nhưng rất đĩnh đạc, hàng ngang đang cùng tiến lại gần, thấy thế viên Blockältester liền hô – trong giọng anh ta có một sắc thái mới lạ, hăng hái và như hét lên – mà trong khi tập thử tôi chưa hề nghe thấy: “Achtung! Mützen... ab!” và dĩ nhiên, giống như mọi người, giống như tôi, anh ta cũng giật mũ xuống khỏi đầu.

6.

Chỉ ở Zeitz tôi mới nhận ra rằng ở tù cũng có những ngày bình thường, thậm chí cuộc sống tù đầy thực chất là những ngày thường âm đạm. Như tôi đã ở trong một tình huống na ná như thế này, một lần trên tàu hỏa, trên đường đến Auschwitz. Ở đó tất cả tùy thuộc vào thời gian và khả năng của mỗi người. Chỉ có điều ở Zeitz – cứ dừng lại ở ví dụ của bản thân tôi – tôi cảm thấy: con tàu đã dừng lại. Nhưng mặt khác – và điều này cũng đúng – bao nhiêu thay đổi đã diễn ra trước mắt tôi, xung quanh tôi và trong bản thân tôi, chúng vụt qua với tốc độ cao đến mức tôi cũng không theo kịp nổi. Nhưng ít nhất, tôi có thể nói thêm điều này nữa: về phần mình, tôi đã đi toàn bộ chặng đường, mọi cơ may có thể xuất hiện trên con đường này, tôi đã thử hết mình. Bất luận thế nào, khi bắt tay vào một việc mới, dù ở đâu chẳng nữa, thậm chí trong trại tập trung, trước hết phải làm với ý đồ tốt – ít nhất là tôi thấy như thế: trước mắt tôi cần trở thành tôi cần trở thành một tù nhân tốt, rồi trong tương lai điều gì đến sẽ đến – đại khái quan niệm của tôi là thế, tôi hình thành cách sống dựa vào đó, như nhìn chung tôi cũng thấy ở những người khác. Chẳng bao lâu sau, thật dễ hiểu, tôi nhận ra rằng những ý kiến tích cực về Arbeitslager mà tôi được nghe thấy khi ở Auschwitz chắc chắn ít nhiều dựa trên những thông tin phóng đại. Nhưng về tất cả mức độ của sự phóng đại, và chủ yếu về những suy diễn sinh ra từ đó thì tôi không – không thể lập tức xác định chính xác – cho bản thân mình, và tôi nhận thấy điều này cũng vậy ở những người khác, tôi dám khẳng định là như vậy ở toàn bộ gần hai ngàn tù phạm khác của trại này, tất nhiên trừ những người đã tự tử. Trường hợp của họ là cá biệt, và không thể nào có quy luật, không thể lấy đó làm chuẩn mực – mọi người đều công nhận. Tin tức về một vài vụ kiểu đó thỉnh thoảng cũng đến tai tôi, tôi nghe người ta tranh luận, bàn tán, một số người công khai phản đối, số khác tỏ ra thông cảm hơn, những người quen biết thì thương tiếc – nhưng nhìn chung mọi người đều luôn luôn cố gắng

coi đó là hành động hiểm hoi, xa lạ đối với chúng tôi, hơi khó giải thích, có chút gì nhẹ dạ và có lẽ cũng đáng trọng, nhưng hấp tấp.

Cái chính là chúng ta đừng buông thả bản thân mình: mọi việc dầu thế nào thì rồi đâu sẽ có đó, vì chưa bao giờ có chuyện mọi việc sẽ không trở nên ổn thỏa, Citrom Bandi giảng giải cho tôi, còn về cá nhân anh thì chính trại lao động đã dạy cho bài học khôn ngoan đó. Việc đầu tiên và quan trọng nhất trong mọi hoàn cảnh là phải tắm rửa (hàng chậu đặt song song với những ống thép đục lỗ ngoài trời, ở phía gần con đường chính của trại). Một vấn đề cốt yếu nữa – dù có, dù không – là phải chia tiết kiệm khẩu phần ăn. Bánh mì, dầu nguyên tắc này đối với bản thân chúng tôi là khắc nghiệt đến mức nào, thì vẫn cần phải dành một phần cho bữa cà phê sáng, thậm chí phải giữ một mẩu đến bữa trưa – bất chấp sự thèm thuồng, và chủ yếu phải giữ bàn tay chỉ chực thò vào túi – chỉ có thế chúng tôi mới tránh được chẳng hạn như ý nghĩ khổ sở là mình không có gì để ăn nữa. Cái thứ trong tủ áo quần mà cho tới nay tôi vẫn xem là khăn mùi soa chính là mảnh lót chân; còn khi điểm danh bao giờ cũng đứng ở giữa hàng là chắc chắn; khi chia xúp thì không nên đứng trước, mà tốt hơn nên cố gắng đứng về phía sau, lúc đó gần như chắc chắn là người ta sẽ chia xúp đặc hơn từ đáy nồi; phải lấy búa rèn cho một cạnh chuôi thìa ăn thành dụng cụ có thể dùng như lưỡi dao: tất cả những điều đó và nhiều thứ khác nữa, toàn những kiến thức cần thiết cho cuộc sống tù đầy, tôi đều học được từ Citrom Bandi, tôi nhìn anh làm và cố gắng làm theo.

Tôi chưa bao giờ nghĩ, dù đó là một thực tế: không ở đâu một nguyên tắc nhất định của lối sống, một sự mẫu mực nhất định, có thể nói là đức hạnh, lại quan trọng như trong tù, có thể thấy như vậy. Chúng tôi chỉ cần nhìn quanh Block 1, nơi ở của những tù phạm cũ, là đủ thấy. Ngôi sao vàng trên ngực họ cho ta thấy mọi thông tin chủ yếu, trong đó chữ “L” còn tiết lộ thêm họ từ Latvia xa xôi đến, chính xác hơn là từ thành phố Riga, tôi được biết. Trong số họ có những người kỳ quặc thoát tiên hơi làm tôi sửng sốt. Nhìn từ xa họ đều là những người già lão, đầu rụng xuống tận cổ, mũi khoằm dài trên mặt, đôi vai nhô cao trong chiếc áo tù bẩn thỉu, thậm chí giữa ngày

hè nóng nực họ cũng làm ta nhớ đến những chú quạ khoang rét mướt mùa đông. Cứ như chỉ bằng mỗi bước đi nặng nhọc của mình họ muốn hỏi: sự gắng sức như thế liệu có còn đáng hay không? Những dấu hỏi di động ấy – vì vẻ bề ngoài, và có lẽ vì cả vóc dáng đó của họ mà tôi không thể miêu tả họ khác hơn thế – sau này chúng tôi được biết trong trại tập trung dưới cái tên là “Hồi giáo”. Citrom Bandi cảnh báo tôi liên: “Chỉ cần nhìn họ thôi là cậu đã hết muốn sống rồi,” anh nghĩ vậy, và cũng có phần nào sự thật trong câu nói này, dù với thời gian, về sau tôi nhận ra: còn cần nhiều thứ khác nữa để người ta chán sống.

Chẳng hạn, phương châm đầu tiên là cố chấp: nó có thể có nhiều hình thái khác nhau, nhưng tôi có thể nói rằng ở Zeitz cái này cũng không thiếu, và đôi khi nó có thể trở thành sự trợ giúp to lớn cho chúng tôi, tôi nhận thấy thế. Ví dụ, tôi đã khám phá thêm qua Citrom Bandi, về cái đám người, về cái tổ chức, hay về nòi giống kỳ quặc hoặc tôi cũng không biết gọi là gì – một phiên bản của nó đang đứng phía bên trái tôi đây – mà ngay từ khi mới đến đã làm tôi hơi kinh ngạc. Tôi nghe anh bảo chúng ta gọi họ là “bọn Phần Lan.” Đúng như vậy, nếu bạn hỏi họ từ đâu đến, họ sẽ trả lời – nếu họ cho rằng bạn đáng được trả lời – rằng từ “Minkács Phần Lan” chẳng hạn, và phải hiểu đó là “Munkács”⁵¹; hay “Sadarada Phần Lan” chẳng hạn, thì phải đoán ra là “Sátoraljaújhely”⁵². Citrom Bandi biết tới hội của họ từ khi còn ở trại lao động, và anh không đánh giá cao cái hội này. Đâu đâu cũng có thể bắt gặp họ, ở nơi làm việc, trong dòng người đi lại hay trong hàng người khi điểm danh, họ cứ vừa gật gù vừa lăm bầm bài kinh cầu của họ không ngừng nghỉ như một món nợ không bao giờ trả hết. Nếu như giữa chừng họ khẽ nhếch mép để nói thầm, chẳng hạn: “Có con dao bán đấy,” đừng có nghe họ. Càng phải cẩn thận hơn, dù có bụi tai, đặc biệt vào buổi sáng, nếu họ mời: “Có xúp bán đấy” vì, dù kỳ quặc, nhưng họ không động đến món xúp, thỉnh thoảng cả wurst cũng không – không có gì là được phép theo tôn giáo của họ. “Thế họ sống bằng gì?” bạn có thể hỏi, và Citrom Bandi sẽ đáp: “Đừng bao giờ phải lo lắng cho họ.” Và đúng thế, như bạn thấy đấy, họ vẫn sống. Chỉ có họ với nhau, hay với những người Latvia, họ nói tiếng Do Thái, nhưng họ còn biết tiếng Đức, tiếng Slovakia, và ai mà biết tại sao: chỉ có

tiếng Hung là không, ngoại trừ khi buôn bán, tất nhiên. Một lần – vì không có cách nào có thể tránh được – vận may đã đưa đẩy tôi lọt vào một nhóm trong số họ. Câu hỏi đầu tiên của họ là “Reds di jiddis?” Khi tôi bảo rất tiếc là không, họ liền bỏ mặc tôi, coi như xong, họ nhìn tôi như một con số không. Tôi thử nói chuyện, thử làm cho họ chú ý, nhưng vô ích. “Di bist nist ka jid, dbist á segec,”⁵³ họ lắc đầu, và tôi chỉ còn nước đứng ngây ra nhìn, những người được coi là thạo buôn bán như họ lại khăng khăng giữ một điều vô lý đến mức ấy, điều gây tác hại cho họ nhiều hơn là có lợi, nếu chỉ nhìn kết quả. Vào cái lúc đó, trong ngày hôm ấy, tôi còn nhận thấy là ở giữa đám bọn họ, đôi khi tôi thấy lúng túng, ngứa ngáy khó chịu đúng như cái cảm giác tôi đã biết từ bên nhà, như thể bản thân tôi có điều gì đó không ổn, như thể tôi không hoàn toàn đồng thuận được với một ý tưởng tử tế, tóm lại là theo một kiểu gì đó, cứ như cảm giác mình là người Do Thái, và điều này dù sao cũng hơi kỳ quặc, vì xét cho cùng tôi đang ở giữa những người Do Thái, trong một trại tập trung, tôi nghĩ.

Những lúc khác thì Citrom Bandi lại là người khiến tôi kinh ngạc. Dù là lúc đang làm việc, hay lúc giải lao tôi thường nghe thấy anh hát, và chẳng mấy chốc tôi cũng học thuộc bài hát tử mà anh biết từ thời ở trại lao động cùng với “đại đội bị trừng phạt.” “Chúng tôi gờ mìn trên đất Ucraina/ Nhưng ở đó chúng tôi cũng không trở nên hèn nhát,” bài hát bắt đầu như thế, đặc biệt có đoạn cuối tôi rất thích: “Và nếu một đồng đội ngã xuống, một người bạn/ Chúng tôi sẽ nhả về quê hương/ Rằng/ Dù điều gì đến với chúng tôi/ Tổ quốc thân yêu ơi/ Chúng tôi không bội phản Người, không bao giờ, đất nước ơi.” Một bài hát hay, không thể phủ nhận, và buồn, nhịp điệu chậm rãi hơn là dồn dập, ca từ của bài hát, dĩ nhiên, cũng đã tác động đến tôi – tôi chợt nhớ đến gã cảnh binh trên tàu hỏa, khi gã nhắc chúng tôi là người Hung: xét cho cùng chính họ cũng bị Tổ quốc trừng phạt, nếu xét một cách nghiêm túc. Có lần tôi đã nói điều này với anh. Anh không thể tìm ra lý lẽ gì để phản bác, nhưng có vẻ như anh lúng túng, có thể nói anh bực dọc. Hôm sau không rõ vào dịp nào, anh lại huyết sáo, lại lẩm bẩm một cách say sưa, rồi anh bắt đầu hát như không còn gì nữa. Anh sẽ còn hát, anh có một ý nghĩ hay nhắc đi nhắc lại, đó là anh đã “đi mòn đường Nefelejcs,”⁵⁴ chẳng là khi

còn ở bên nhà anh sống ở phố ấy, và con phố này, kể cả số nhà được anh nhắc tới bao lần với bao nhiêu sắc thái, đến nỗi cuối cùng tôi biết mọi cảm dỗ của nó, tôi cũng đã mong được đến đó, mặc dù theo trí nhớ của tôi đó thực ra chỉ là một con phố nhỏ khá vắng vẻ ở đâu đó gần cửa ga Đông. Anh hay nói tới, hay mô tả và nhắc tôi nhớ đến những nơi, những quảng trường, đường phố, những ngôi nhà mà trên đỉnh nóc hay trong các cửa hiệu có những dòng chữ, những đoạn quảng cáo quen thuộc được chiếu sáng, mà anh gọi là “ánh sáng Pest,”⁵⁵ và tôi phải cải chính, tôi buộc phải giải thích cho anh biết rằng thứ ánh sáng ấy không còn nữa do luật cấm chiếu sáng, và rằng những trận bom đã thay đổi bộ mặt của thành phố ở một vài nơi. Anh nghe tôi, nhưng tôi thấy anh không có vẻ gì hứng thú với những gì tôi thông báo. Ngày hôm sau, hễ có dịp là anh lại bắt đầu nói về “ánh sáng Pest.”

Nhưng ai mà biết được hết những hình thái của sự bướng bỉnh, cố chấp, và phải nói rằng ở Zeitz tôi có thể lựa chọn giữa nhiều cách – nếu tôi biết. Tôi được nghe về quá khứ, về tương lai, và nghe nói rất nhiều, thậm chí có thể nói không ở đâu như giữa những người tù, chúng ta có thể nghe nói nhiều như thế về tự do, xét cho cùng điều này có thể lý giải được, tất nhiên tôi nghĩ như thế. Có những người khác thì tìm thấy niềm vui đặc biệt nào đó trong một câu ngạn ngữ, một câu chuyện tếu, hay một câu nói đùa. Đương nhiên, tôi cũng nghe thấy tất cả. Trong ngày có một giờ, từ khi ở nhà máy về cho đến lúc điểm danh, một giờ lúc nào cũng sôi động và thoải mái nhất, mà tôi luôn chờ đợi nhất ở trong trại này, và thường thì đó cũng là giờ ăn tối. Đúng lúc tôi đang luồn lách qua những nhóm người buôn bán, trò chuyện vẫn nhộn nhịp trên sân thì một người đâm sầm vào tôi, và từ dưới vành chiếc mũ tù rộng một đôi mắt nhỏ, lo lắng nhìn tôi qua cái mũi rất đặc biệt, trên một gương mặt độc đáo. “Hê, hê,” cả hai chúng tôi cùng lên tiếng, ông nhận ra tôi, tôi cũng nhận ra ông: đó chính là con người không may mắn. Ông tỏ vẻ mừng rỡ, hỏi tôi ở đâu. Tôi bảo ở Block 5. “Tiếc quá,” ông thở dài tiếc rẻ nói ông ở nơi khác. Ông phàn nàn “chẳng nhìn thấy ai quen,” và khi tôi bảo ông tôi cũng vậy, không hiểu sao ông có vẻ buồn. “Chúng ta đã thất tán cả,” – ông nói, đối với tôi có điều chi đó mơ hồ trong câu nói, trong cái lắc đầu của ông. Rồi ông hỏi: “Cậu có biết chữ U này,” ông chỉ lên ngực,

“có nghĩa là gì không?” Tôi bảo sao lại không: “Ungar, nghĩa là người Hung.” “Không,” ông bảo, “đó là Unschuldig, nghĩa là ‘vô tội,’ rồi ông cười, gật gật đầu với vẻ mặt tư lự, như thể bằng cách nào đó ông bằng lòng với ý nghĩa này, tôi cũng không rõ vì sao. Về sau tôi còn thấy cái vẻ đó trên nét mặt của những người khác khi nghe họ nói câu đùa vui này, khá nhiều lần trong trại vào lúc ban đầu: cứ như thể chỉ là từ đó họ có thêm cảm giác ấm áp, và nó mang lại sức mạnh – minh chứng cho điều đó là những nụ cười giống nhau, là vẻ thư giãn trên mặt, và biểu hiện của một nụ cười đau đớn nhưng vẫn có vẻ gì đó tuyệt vời những khi họ nói và nghe nó vô số lần, có chút gì tựa tựa như khi ta nghe một bản nhạc làm rung động con tim hay một câu chuyện đặc biệt xúc động.

Vì ở họ tôi cũng nhận ra sự cố gắng, nhận ra một mong muốn giống nhau: họ muốn chứng tỏ mình là một tù phạm tốt. Dẫu sao đi chăng nữa, thì đó chính là vì lợi ích của chúng tôi, hoàn cảnh đòi hỏi thế, có thể nói cuộc sống ở đây buộc người ta phải như vậy. Nếu các hàng đúng chuẩn theo quy định và quân số đầy đủ, thời gian điểm danh cũng ngắn hơn – ít nhất vào giai đoạn đầu. Nếu làm việc chăm chỉ, chúng tôi có thể tránh được chẳng hạn như là chuyện bị đánh đập – thường là vậy, trong đa số các trường hợp.

Thế nhưng, tôi nghĩ ít ra là lúc đầu, có lẽ hoàn toàn không chỉ riêng cái lợi này, không chỉ duy nhất điều này dẫn dắt ý nghĩ của mỗi chúng tôi, có thể nói danh dự như thế. Chẳng hạn như công việc, tôi xin bắt đầu bằng buổi chiều lao động đầu tiên: nhiệm vụ là xúc hết một toa xe sỏi màu xám. Citrom Bandi, sau khi – tất nhiên được sự cho phép của người lính gác đã đứng tuổi, thoát nhìn thấy ông ta là loại lính có vẻ vui tính – chúng tôi cởi áo (đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy làn da nâu hơi vàng và những cơ bắp nở nang cùng một vết chàm màu đen phía dưới ngực trái của anh), nói: “Nào, hãy cho bọn này biết dân Pest làm việc thế nào!” có vẻ như anh nghĩ tới điều này một cách hết sức nghiêm chỉnh. Và tôi có thể nói rằng nếu tính đến chuyện đây là lần đầu trong đời tôi dùng chữa xúc, thì người lính gác đang đi đi lại lại có bề ngoài như một ông thợ cả kia chắc hẳn cũng hài lòng, và điều đó tất nhiên càng gia tăng khí thế làm việc của chúng tôi. Nhưng giữa chừng

tôi có cảm giác rất bồng trong lòng bàn tay, và thấy các đầu ngón tay mọng đỏ. Người lính gác hỏi: – “Was ist den lost?”⁵⁶ Tôi cười và chìa bàn tay cho anh ta xem, bất ngờ anh ta tỏ ra cáu kỉnh, giật dây đeo súng một cái và hạ lệnh: “Arbeiten! Aber los!”⁵⁷ Thế là đương nhiên tôi cũng hướng sự quan tâm về phía khác. Từ lúc đó tôi chỉ chú ý tới một điều: khi nào anh ta không để mắt đến là tôi tranh thủ nghỉ một lát, và xúc vào xẻng, vào chĩa càng ít càng hay, và tôi có thể nói rằng về sau trong những thủ thuật kiểu này tôi đã tiến bộ khá nhanh, tôi trở nên thông thạo hơn nhiều trong mọi trường hợp, dù phải làm bất cứ công việc gì. Vì xét cho cùng thì ai có lợi trong việc này? – tôi nhớ có một lần, ông “chuyên gia” đã hỏi vậy. Tôi khẳng định: ở đây có điều gì đó không ổn, một cản trở nào đó, một sự trục trặc, một sự thất bại. Một lời quan tâm an ủi, một dấu hiệu, một tia sáng lóe lên ở chỗ này chỗ kia, một tí chút thôi, đối với tôi ít ra cũng có ích hơn. Vì nếu nghĩ kỹ ra thì về mặt cá nhân thực ra chúng tôi có gì phải khó chịu với nhau? Và ngay cả ở trong tù chúng tôi vẫn còn lại một cảm giác kiêu hãnh chứ, ai mà chẳng có nhu cầu thầm kín về một chút nhã nhặn, nhẹ nhàng, hơn nữa lời nói cảm thông sẽ đạt được nhiều hơn, tôi nghĩ thế.

Nhưng dẫu sao những trải nghiệm như thế cũng chưa làm tôi lung lay về cơ bản. Con tàu vẫn đi tới, nếu nhìn về phía trước tôi còn mừng tượng thấy cả mục tiêu ở đằng xa, và trong thời kì đầu, thời vàng son – như sau này tôi và Citrom Bandi thường gọi, thì Zeitz, với cách sống cần thiết và chút may mắn, tỏ ra là nơi có thể chịu được, trước mắt và tạm thời, cho đến khi tương lai không giải thoát cho chúng tôi, tất nhiên. Mỗi tuần hai lần một nửa, ba lần một phần ba, và chỉ có hai lần một phần tư chiếc bánh mì. Món Zulage thì thường có. Tuần một lần khoai tây luộc (sáu củ, cho vào mũ và kèm theo đó là không có món Zulage), tuần một lần mì sợi nấu sữa. Cảm giác khó chịu ban đầu vì bị đánh thức sớm đã được giải tỏa mau chóng bởi buổi sớm mai mùa hè ẩm sương, trời quang đãng và món cà phê bốc hơi (lúc đó phải nhanh nhẹn trong nhà cầu vì ngay lập tức sẽ vang lên những tiếng quát: “Appel!” “Atreten!” Điểm danh sáng bao giờ cũng ngắn gọn, vì công việc đang chờ, đang thúc giục. Một cái cổng phụ của nhà máy, mà đám tù nhân chúng tôi có thể sử dụng, nằm phía bên trái đường quốc lộ, rẽ vào

một con đường cát, cách trại chúng tôi chừng mười, mười lăm phút đi bộ. Từ xa đã nghe tiếng ầm ĩ, tiếng rú, tiếng gõ, tiếng thở, tiếng học ba, bốn lần của các miệng ống thép: tiếng chào đón của một nhà máy – với đường ngang ngõ dọc, với các cần cầu dịch chuyển nặng nề, những máy xúc đất, những đường ray và ống khói, những tháp làm lạnh, hệ thống đường ống, những nhà xưởng giống như một thành phố thực thụ. Nhiều hồ, rãnh tan hoang, những đường ống rách nát, những đồng cát lớn đứt tung tóe chứng tỏ sự thâm viếng của các oanh tạc cơ. Tên nó – tôi được biết ngay trong giờ giải lao ăn trưa đầu tiên – là “Brabag,” là cách gọi ngắn gọn của “Braun-Kohl-Benzin Aktiengesellschaft”⁵⁸ một thời từng có tên tuổi trên thị trường chứng khoán, tôi nghe người ta bảo, và họ còn chỉ cho tôi thấy một người to lớn, đang chống khuỷu tay thở mệt nhọc và lôi từ trong túi ra một miếng bánh mì đã gặm dở, chính là người đã tiết lộ thông tin đó, và sau này trong trại người ta thường nói về ông một cách vui vẻ rằng, dù chưa khi nào tôi nghe ông nói thế, có thời chính ông đã là chủ nhân của cái công ty cổ phần này. Tôi nghe nói – và cái mùi của nó cũng ngay lập tức gợi nhớ đến xưởng tinh chế dầu Csepel – ở đây người ta cũng đang sản xuất xăng, nhưng nhờ một phương pháp không phải tinh chế từ dầu mỏ, mà từ nguyên liệu là than nâu. Tôi thấy ý tưởng có vẻ hấp dẫn, nhưng tất nhiên là không ai cần biết đến ý kiến của tôi, tôi công nhận điều đó. Khả năng có thể rơi vào Arbeitskommando nào là vấn đề bao giờ cũng hấp dẫn. Người thì thích xẻng, người thì thích búa chim, một số khách thích việc đặt cáp, một số khác lại thích đứng phụ việc cho máy trộn vữa, và ai biết được vì lí do thâm kín nào, sự ưa thích đáng ngờ nào gán bó một số người vào công việc dưới cống rãnh, ngập đến thắt lưng trong bùn màu vàng hay trong dầu đen kịt – mặc dù không ai nghi ngờ sự tồn tại của một lí do như thế, vì đa số họ là người Latvia, và các bạn cùng khuynh hướng của họ – những người “Phần Lan.” Giọng điệu kéo dài, vang xa và mời gọi của từ “antreten” mỗi ngày chỉ vang lên một lần từ trên cao xuống, nghe ngọt và náo nức: đó là vào buổi tối, khi nó báo hiệu giờ trở về. Giữa đám hỗn độn quanh chỗ rửa ráy, Citrom Bandi hét lên: “Đẹp ra, dân Hồi giáo!” để tranh chỗ, và không có một chỗ nào trên cơ thể tôi thoát khỏi ánh mắt soi mói của anh. “Rửa cả chim đi, chỗ đấy hay

có rận ần nấp đấy!” anh bảo, và tôi vừa cười vừa nghe theo anh. Bây giờ là lúc bắt đầu của một giờ đồng hồ nhất định: làm những việc lật vạt, nói đùa hay phàn nàn, thăm nhau, trò chuyện, buôn bán, trao đổi thông tin, tất cả chỉ có thể chấm dứt bằng tiếng khua thân thuộc của nồi niêu, cái tín hiệu thôi thúc mọi người, khiến tất cả hành động thật mau lẹ. Rồi đến điểm danh, và chỉ tùy vận may mà nó kéo dài đến khi nào. Nhưng rồi, một, hai, bất quá là ba giờ sau (giữa chừng dây đèn pha đã bật sáng) là một đợt xô đẩy dọc theo con đường hẹp của lều trại, hai bên là những dãy hộp ba tầng, ở đây gọi và đây “box,” những chỗ ngủ. Sau đó một lúc nữa cả lều chỉ có lò mờ tối và tiếng hát thầm thì – đó là giờ trò chuyện, về quá khứ, về tương lai, về tự do. Tôi được biết rằng: khi còn ở bên nhà, ai nấy đều hạnh phúc đến mẩu mực, và đa số còn giàu có. Những lúc như thế này tôi còn biết thêm rằng họ thường ăn tối những gì, thậm chí thỉnh thoảng còn nghe cả những chuyện khác, các đề tài riêng tư của đàn ông. Cũng khi đó họ đã nhắc đến – điều này về sau tôi không bao giờ nghe nói tới nữa – theo giả thiết của một vài người, vì những lí do nhất định người ta còn trộn một loại an thần, chất bromua, vào xúp – họ khẳng định như vậy với vẻ mặt đồng tình và bao giờ cũng hơi bí ẩn. Những lúc như thế thể nào Citrom Bandi cũng nhắc đến phố Nefelejcs, đến ánh sáng hoặc “bọn con gái Pest” – đặc biệt vào những ngày đầu, và dĩ nhiên tôi cũng khó có thể nhận xét gì thêm về chuyện này. Một lần khác tôi bỗng nhận ra tiếng hát thầm thì, ngân nga, lúc lúc như nấc lên và ánh nến leo lét sáng từ phía một góc lều, nghe nói đang là thứ Sáu, và kia có một thầy tu, một giáo sĩ Do Thái. Tôi cũng bước lên đỉnh đồng ván giường và từ đó nhìn xuống, đúng là ông ta đứng giữa một đám người, ông giáo sĩ mà tôi đã biết. Ông hành đạo trong bộ quần áo và mũ phạm nhân như thế, và tôi cũng không chú ý được lâu, bởi thay vì cầu nguyện tôi muốn đi nằm ngủ hơn. Tôi và Citrom Bandi ở gác trên cùng. Chúng tôi chia sẻ box với hai người nữa, cả hai đều còn trẻ, dễ mến và cũng là dân Budapest. Đệm nằm là một tấm gỗ, trên trải rơm và lót vải bố. Hai người chung một tấm chăn, nhưng mùa hè thì thế cũng là nhiều. Chỗ nằm không được rộng rãi cho lắm: nếu tôi trở mình thì người nằm bên phải cũng xoay người, nếu người

nằm cạnh co chân lên thì tôi cũng phải co chân theo, nhưng giấc ngủ vẫn sâu và làm quên lãng tất cả – đúng là những ngày vàng.

Sau đó một thời gian ngắn tôi bắt đầu nhận thấy sự thay đổi – đầu tiên là về khẩu phần ăn. Chúng tôi chỉ có thể đoán già đoán non về việc thời kỳ nửa chiếc bánh mì đã biến đâu mất nhanh chóng thế, thay vào đó – không thể đảo ngược được – là giai đoạn một phần ba và một phần tư chiếc, và Zulage cũng không nhất thiết bao giờ cũng phải có. Cũng từ đó con tàu bắt đầu chậm dần, cuối cùng thì dừng hẳn. Tôi thử nhìn lên phía trước, nhưng chỉ thấy đến ngày hôm sau, ngày mai cũng sẽ là một ngày như thế này, nghĩa là đúng y hệt như ngày hôm nay – đó là trong trường hợp may mắn, dĩ nhiên. Tôi bắt đầu chán nản, sự hăng hái thuyên giảm, mỗi ngày thức dậy lại nặng nề hơn một chút, mỗi ngày đi nằm cũng mệt mỏi hơn một chút. Tôi đói hơn một chút, đi lại bất đắc dĩ hơn một chút, bằng cách nào đó tất cả nhọc nhằn hơn, sự chịu đựng ngay bản thân mình cũng bắt đầu trở thành một gánh nặng. Tôi (tất cả chúng tôi, tôi dám nói) không còn là những tù nhân tốt nữa, và dấu hiệu của điều này tất nhiên chúng tôi có thể nhanh chóng nhận ra nơi những người lính, những người phụ trách riêng của chúng tôi, trong số họ lần đầu tiên phải kể đến, dù chỉ bởi cấp bậc của gã, là *Lagerältester*.

Vẫn như trước đây, ở mọi lúc và mọi nơi chỉ thấy gã vận đồ đen. Gã thối còi đánh thức vào buổi sáng, gã kiểm tra mọi thứ lần cuối cùng vào buổi tối, và về căn phòng của gã ở đầu mé kia thì người ta đã đồn đại khá nhiều chuyện. Gã nói tiếng Đức, dòng máu Digan – giữa chúng tôi với nhau gã chỉ được gọi là “lão Digan” – và đây là lý do chủ yếu để người ta dành chỗ cư trú cho gã ở trại tập trung, lý do thứ hai là sự khác biệt với người bình thường mà Citrom Bandi đã khẳng định về gã ngay từ cái nhìn đầu tiên. Còn cái tam giác màu xanh lá cây thì cảnh tỉnh mọi người rằng gã đã giết và cướp một phụ nữ lớn tuổi hơn mình – tin đồn vậy – nghe đâu rất giàu có, đã nuôi nấng gã, như người ta nói. Thế cũng có nghĩa đây là lần đầu tiên tôi có thể nhìn thấy một tên giết người cướp của thực thụ. Nhiệm vụ của gã là luật pháp; công việc của gã là thi hành trật tự và công bằng trong trại chúng tôi –

không hoàn toàn là một ý nghĩa có thể an ủi khi thoát nghe, mọi người đều nghĩ vậy, không loại trừ tôi. Còn về mặt khác, tôi phải công nhận: ở một điểm nhất định những sắc thái có thể lẫn lộn. Cá nhân tôi chẳng hạn có nhiều phiền toái với một trong những Stubendienst hơn, mặc dù gã là một kẻ thành thực không chê vào đâu được. Chính vì thế mà những người biết rõ gã – cũng những người đã chọn Blockältester, doctor Kovács (danh hiệu doctor ở đây – theo tôi biết – không phải là bác sĩ, mà là luật sư) – đã lựa chọn gã, như tôi nghe nói, bọn họ đều đến từ một nơi: một vùng rất đẹp gần Balaton⁵⁹, thuộc khu Siófok⁶⁰. Đó chính là người có gương mặt như sốt phát ban, mà tên gã – ai cũng biết – là Fodor. Chẳng biết đúng hay không, nhưng có một ngày sự nhất trí chung là: gã Lagerältester khoái dùng gậy và nắm đấm, vì việc này, ít nhất là theo lời đồn đại trong trại, mang lại cho gã khoái cảm nhất định, và theo những người thông thạo, gã tìm kiếm một cái gì đó liên quan đến cả đàn ông, cả bọn con trai và đôi khi cả phụ nữ. Tuy nhiên, với Fodor, trật tự không phải là lý do, mà là điều kiện có thể thay đổi, và sự cần thiết bắt buộc gã phải hành xử như vậy, vì lợi ích chung – như gã không bao giờ quên nhắc nhở. Mặt khác thì trật tự không bao giờ và càng ít khi trọn vẹn. Chính vì thế mà gã dùng chiếc cán thìa múc xúp dài bằng sắt quật vào giữa hàng người chen chúc, và chúng tôi – nếu không biết cách lại gần nôi, đặt bát của mình vào một chỗ nhất định cạnh nôi – sẽ rất dễ rơi vào con số những nạn nhân có thể tuột tay đánh rơi cà men xúp ngay lúc đó, vì – rõ ràng là, và cả tiếng ồ lên ở phía sau gã cũng báo hiệu điều đó – như vậy sẽ làm chậm trễ công việc của gã, suy ra là làm chậm chúng tôi và những người đứng đằng sau hàng, đó là lý do khiến gã kéo chân những người lơ đãng, vì rốt cuộc là những người vô tội đang chịu tội thay cho một người. Dĩ nhiên – tôi nhận thấy – cần phải nhìn nhận sự khác biệt ở ý định, nhưng ở một điểm nhất định nào đó, tôi nói rằng, những sắc thái như thế có thể bị lẫn lộn, còn kết quả thì, theo kinh nghiệm của tôi, là tương tự, cho dù xem xét theo cách nào.

Ngoài hai kẻ đó ra, ở đây còn một gã Kapo⁶¹ Đức đeo băng tay màu vàng và bao giờ cũng mặc bộ quần áo kẻ sọc là phẳng phiu, cũng may là tôi ít khi thấy hắn, sau này tôi ngạc nhiên thấy một băng đen bắt đầu xuất hiện

giữa các hàng người chúng tôi, trên băng có hàng chữ khiêm tốn hơn là “Vorarbeiter”⁶². Đúng lúc tôi đang ở đó, khi lần đầu tiên xuất hiện một tay cùng Block với chúng tôi, trước tôi cũng không để ý lắm tới hăn và theo trí nhớ của tôi thì hăn cũng không được người khác đánh giá cao hoặc có tiếng tăm gì, mặc dù nom hăn lực lưỡng và kền càng, với một chiếc băng đeo tay mới tinh, vào bữa ăn tối. Nhưng bây giờ tôi phải công nhận hăn không còn là người vô danh như trước nữa: bạn bè và người quen hầu như không thể lại gần hăn nổi, từ mọi phía vang lên những tiếng nói mừng rỡ, những lời chúc mừng, chúc may mắn cho sự thăng tiến của hăn, những bàn tay chìa ra phía hăn, nhưng hăn chỉ bắt tay một số người, còn với một số khác – tôi nhìn thấy – thì không, những người này sau đó vội vã chuồn khỏi đó. Và chỉ đến cuối mới diễn ra – ít nhất là đối với tôi – giây phút trang trọng nhất, trong sự chú ý và yên lặng đến kính nể, có thể nói là sùng kính của những người xung quanh, một cách đĩnh đạc, không hề vội vàng, không một cử chỉ hấp tấp, giữa những ánh mắt chăm chú và ghen tị, hăn bước tới nhận suất ăn thứ hai, giờ đây phải tương xứng với chức vị của hăn, phải lấy từ dưới đáy xoong, và Stubendienst đã phải mức cho hăn với sự phân biệt dành cho những người được hưởng quyền này.

Có lần thấy một người có dáng đi thẳng đuồn, ngực vòng ra phía trước, tôi nhận ra ngay: từ trên cánh tay viên sĩ quan ở Auschwitz những chữ cái hiện rõ trước mắt tôi. Một hôm tôi cũng nằm trong nhóm lão ta phụ trách, và có thể nói, đúng là vì những người làm việc tốt gã có thể cho tay vào lửa, nhưng những kẻ biếng nhác vô dụng và những kẻ “cướp công tay trên của người khác” thì chớ có trông mong gì – theo cách nói của gã, khi mới bắt tay vào công việc. Hôm sau cùng với Citrom Bandi, chúng tôi cho rằng tốt nhất nên chuồn sang một nhóm khác.

Còn một sự thay đổi nhãn tiền nữa, và điều thú vị đó chủ yếu là những người ngoài cuộc, như những người trong nhà máy, những lính gác, và bất quá chỉ ở một vài người khả kính trong trại: tôi nhận thấy họ thay đổi. Lúc đầu tôi cũng không biết giải thích điều này ra sao: theo cách nào đó tất cả họ đều đẹp, ít ra là trong mắt tôi. Nhưng rồi qua một vài dấu hiệu tôi nhận ra

rằng có thể là do chúng tôi thay đổi, tất nhiên là thế, chỉ có điều tôi khó nhận ra hơn. Chẳng hạn nếu nhìn Citrom Bandi thì tôi không thấy trên người anh có gì đặc biệt. Nhưng tôi thử nhớ lại anh, và so sánh với hình ảnh đầu tiên khi anh xếp hàng bên phải tôi, hoặc trong buổi làm việc đầu tiên, với những cơ bắp nở nang, co bóp, gân guốc dẻo dai và rắn chắc, cử động lên xuống nhịp nhàng, và khi đó tôi đã hơi ngỡ vực. Chỉ đến lúc này tôi mới hiểu rằng thời gian đôi khi có thể lừa dối con mắt chúng ta, có vẻ như thế. Tôi đã bỏ qua không chú ý đến quá trình diễn ra trong cả một gia đình, ví dụ như gia đình Kollmann. Trong trại ai cũng biết họ. Họ đến từ một vùng có tên là Kisvárda⁶³, từ vùng ấy ở đây còn khá nhiều người nữa, và từ cách người ta xưng hô với họ tôi suy ra chắc họ có thể là những người có uy thế. Họ có ba người: ông bố đầu hói vóc người nhỏ bé, một con trai lớn và một cậu nhỏ hơn, cả hai không giống bố, nhưng mặt mũi giống hệt nhau – theo đó, tôi nghĩ có lẽ cả hai cùng giống mẹ – cùng tóc vàng, mắt xanh như nhau. Cả ba lúc nào cũng đi với nhau, và nếu có thể: tay nắm tay. Thế mà sau một thời gian, tôi nhận thấy ông bố hay tụt lại, và hai cậu con trai thường phải giúp, phải nắm tay kéo bố cùng đi. Một thời gian sau không thấy ông bố đi cùng với hai người con nữa. Rồi không bao lâu sau người anh phải đỡ cậu em út. Sau đó một dạo cậu út cũng mất hút, chỉ còn người anh kéo lê bản thân mình. Và đến giờ tôi không còn thấy anh ta nữa. Tất cả những chuyện này, phải nói, tôi đã nhận ra, chỉ có điều không phải theo cách mà sau này – nếu suy nghĩ về nó – tôi đã tóm tắt lại, đã kể ra tất cả, mà chỉ quen dần từng nấc, từng nấc một – và như thế, rồi thực chất tôi cũng chẳng nhận ra. Mặc dù có vẻ như chính tôi cũng có thể đã thay đổi, vì tay “thợ làm đồ da” mà một hôm tôi nhìn thấy đang hoảng đi từ lầu bếp bước ra – và tôi cũng được biết hẳn được phân công chỗ làm cùng những người gọt khoai tây đáng ghen tị – lúc đầu không thể nhận ra tôi. Tôi phải chứng tỏ mãi với cậu ta là tôi là dân từ xưởng “Shell”, và hỏi cậu xem liệu trong nhà bếp ngẫu nhiên có gì dứt miệng được không, một chút thức ăn thừa dưới đáy nồi chẳng hạn. Cậu ta bảo để cậu ta xem, và cậu không muốn gì cho bản thân mình, nhưng ngẫu nhiên tôi có thuốc lá không, vì gã Vorarbeier nhà bếp “chết vì thuốc,” như cậu ta nói. Tôi thú nhận: không có, thế là cậu ta đi. Chẳng mấy chốc sau đó

tôi nhận ra có đờn nữa cũng vô ích, và rằng tình bạn cũng chỉ là thứ hữu hạn, có vẻ như các quy luật của cuộc sống đặt ra cho nó những giới hạn – dĩ nhiên là như thế, khỏi cần bàn. Vào lúc khác thì tôi không nhận ra một sinh linh kì quặc: nó đang khật khưỡng đi về phía kia, tôi ngờ là ra phía cầu tiêu. Chiếc mũ trượt sang một bên tai, mặt đầy hốc lõm, góc cạnh, trên đỉnh cái mũi vàng vọt rung rung một giọt nước. “Chàng trai lựa!” tôi gọi, nhưng không thấy cậu ta nhìn lên. Cậu chỉ lết đi tiếp, một tay giữ quần, và tôi nghĩ: trời ơi, thật không thể tin nổi. Một lần khác, chỉ vàng vọt và còn gầy guộc hơn, đôi mắt to hơn và cháy rục hơn, nhưng tôi nghĩ mình đã nhận ra cậu trai nghiện thuốc. Cũng vào thời gian đó trong báo cáo của *Blockältester* lúc điểm danh tối và sáng bắt đầu xuất hiện cách diễn đạt sau này trở nên bất biến, chỉ thay đổi về mặt con số: “Zwei im Revier,”⁶⁴ hay: “Fünf im Revier,”⁶⁵ “Dreizehn im Revier,”⁶⁶ và tiếp tục như thế; rồi lại thêm một khái niệm mới là “Abgang,”⁶⁷ nghĩa là thiếu, hao hụt, rơi rụng. Không, trong những điều kiện nhất định chẳng có ý định tốt nào là đủ. Từ khi còn ở nhà tôi đã đọc được rằng với thời gian và nỗ lực cần thiết, con người có thể quen với cuộc sống tù đầy. Điều này có lẽ cũng đúng thôi, tôi không mấy may hoài nghi, giả dụ như ở trong nước, với một nhà tù đúng quy cách, kiểu nhà tù dân sự, hoặc đại loại. Chỉ có điều trong một trại tập trung, theo kinh nghiệm của tôi, đúng là không có cách nào để thực hiện việc đó. Và tôi có thể khẳng định chắc chắn rằng – ít nhất trong trường hợp của tôi – không khi nào thiếu sự cố gắng, thiếu ý đồ tốt: điều nguy hiểm là người ta không cho ta đủ thời gian, đơn giản vậy thôi.

Tôi biết có ba kiểu trốn thoát – vì tôi đã thấy, đã nghe hoặc đã trải nghiệm – trong một trại tập trung. Bản thân tôi đã dùng cách thứ nhất, cách khiêm nhường nhất, nhưng bản chất của chúng ta có một vùng – điều này tôi cũng đã học được – thuộc về sở hữu của con người trong mọi lúc và không thể tước đoạt được. Có một sự thật là: ngay cả trong tù, trí tưởng tượng của chúng ta vẫn tự do. Chẳng hạn tôi có thể thực hiện một chuyện như tay vẫn cầm xẻng hay búa chim – một cách tiết kiệm, chia đều sức, bao giờ cũng chỉ bó gọn trong những động tác cần thiết nhất, nhưng bản thân tôi, thì đơn giản là không có mặt ở đó. Tuy nhiên ngay cả trí tưởng tượng cũng không hoàn

toàn vô hạn, hoặc ít ra là vô hạn chỉ trong các giới hạn, tôi phát hiện ra như vậy. Vì cũng với sự cố gắng như thế tôi có thể hiện hữu ở bất cứ đâu, ở Calcutta, Florida, thậm chí ở những nơi đẹp nhất trên thế giới. Tuy nhiên điều đó xem ra không đủ sức thuyết phục, với tôi là không thể tin được, nếu như có thể nói vậy, và kết quả là hầu như trong mọi trường hợp tôi đều thấy mình đang ở nhà. Thực ra, nói cho cùng, bằng việc về nhà tôi cũng chẳng kém liều lĩnh hơn là đi Calcutta; chỉ có điều ở đây tôi đã tìm thấy một cái gì đó, một sự khiêm tốn nhất định, và có thể nói, một công việc cân bằng với nỗ lực của mình, và qua đó nó cũng ngay lập tức chứng thực cho sự cố gắng ấy. Ví dụ tôi mau chóng nhận ra: mình đã sống không hợp lý, không sử dụng tốt những ngày ở nhà, có nhiều, quá nhiều điều phải ân hận. Như vậy – tôi phải nhớ lại – có những món ăn mà tôi đã lựa chọn, đã khuấy lộn lên rồi gạt sang bên, chỉ đơn giản là vì không thích, và lúc này tôi cảm thấy đó là một sơ suất không thể hiểu và không thể sửa chữa nổi. Hoặc là sự tranh giành vô lý giữa cha và mẹ, vì cá nhân tôi. Nếu sau này về nhà, tôi nghĩ, bằng cách dùng những lời lẽ đơn giản và dễ hiểu như thế, thậm chí không chỉ dừng ở đó, như một người quan tâm đòi hỏi ở đây điều dĩ nhiên nhất, khi nào trở về nhà, dù thế nào tôi cũng chấm dứt chuyện đó, cần phải hòa thuận với nhau – tôi quyết định. Lúc còn ở nhà có những việc tôi rất lo ngại, thậm chí – thật nực cười – tôi còn sợ, như sợ một vài môn học nhất định trong chương trình, sợ thầy dạy các môn đó, sợ bị gọi lên không trả lời được, rồi cuối cùng còn sợ cha tôi, khi phải thông báo kết quả với ông. Giờ thì tôi nhớ lại tất cả những nỗi sợ ấy, tưởng tượng ra những cảnh ấy chỉ để giải khuây, sống lại chúng một lần nữa và mỉm cười. Nhưng cách giết thời gian ưa thích nhất của tôi bao giờ cũng là tưởng tượng ra cả một ngày trọn vẹn ở bên nhà, nếu có thể thì từ sáng đến tối, và vẫn tiếp tục chỉ với sự khiêm tốn như cũ. Vì xét cho cùng tưởng tượng ra một ngày đặc biệt, một ngày hoàn hảo nào đó cũng có thể mất nhiều sức lực – nên tôi thường chỉ mơ tưởng ra một ngày xấu, phải dậy sớm, đến trường học, lo sợ, ăn trưa dở, và bao nhiêu khả năng mà lúc đó tôi bỏ qua, thậm chí đã không nhận ra, có thể nói là vậy, và bây giờ, trong trại tập trung này, tôi cố gắng sửa sai mọi việc một cách hoàn hảo nhất có thể. Tôi đã được nghe, và giờ đây được chứng kiến: đúng là những bức

tường nhà giam chật hẹp không thể giới hạn trí tưởng tượng bay bổng. Trở ngại bất ngờ chỉ ở chỗ: nếu giữa chừng trí tưởng tượng đưa đi xa tới mức tôi quên cả bàn tay mình, thì chỉ những lý do bất chợt, chính đáng nhất, dứt khoát nhất mới đưa tôi trở lại thực tế – dù sao hiện thực vẫn ở nơi này.

Cũng từ khoảng thời gian đó bắt đầu nảy sinh tình trạng thiếu quân số khi điểm danh sáng, như hôm bên *Block 6*, ở cạnh chúng tôi. Ai cũng biết rõ, khi đó điều gì đã có thể xảy ra, vì trong một trại tập trung, hiệu lệnh báo thức chỉ không đánh thức những ai không bao giờ còn có thể dậy được nữa mà thôi, mà số đó thì có đấy. Nhưng đó là cách chạy trốn thứ hai, và liệu có ai tránh khỏi sự cám dỗ, một lần, ít ra là một lần duy nhất, ai có thể đứng vững mà không khi nào bị lay chuyển, đặc biệt khi thức giấc vào buổi sáng, khi ta nhận ra rằng đã lại một ngày mới, khi lều đã ồn ào, trong đám người xung quanh đã lục đục dậy – tôi thì không, và chắc chắn sẽ thử, nếu như không có Citrom Bandi liên tục ngăn cản. Cà phê không quan trọng lắm, rồi sẽ có mặt lúc điểm danh sáng – người ta nghĩ vậy, tôi cũng nghĩ vậy. Tất nhiên ta không nằm ì tại chỗ – vì không ai có thể trẻ con đến thế, mà ta thức dậy, bình thường, tử tế như những người khác, và rồi... ta biết một nơi, một xó xỉnh cực kì chắc chắn nào đó, ta có thể đặt cược một ăn một trăm. Đã từ hôm qua, có thể là từ trước đó ta đã nhắm sẵn, không hề có bất kỳ dự định, ý đồ nào, chỉ ví thử trong bản thân ta thế thôi. Bây giờ thì ta nhớ ra nó. Chẳng hạn ta chui xuống gầm các box ở dưới cùng. Hoặc ta tìm một khe hẹp, một chỗ lượn, một cái hõm chắc chắn nào đó, một góc bảo đảm. Ở đó ta lấy rơm, lấy lá, lấy chăn phủ lên mình. Giữa chừng ta phó thác mình cho ý nghĩ rằng đến giờ điểm danh ta sẽ có mặt – có thời kỳ tôi hiểu rõ, rất rõ điều này. Những kẻ táo tợn, liều lĩnh hơn thì còn có thể nghĩ một người chắc không sao: chẳng hạn họ có thể đếm nhầm – vì nói cho cùng chúng ta là những con người; rằng vắng một người duy nhất – hôm nay, chỉ đúng vào buổi sáng hôm nay – chưa chắc đã bị phát hiện, còn đến tối thì chúng sẽ lo liệu cho việc khớp quân số; những người liều nhất thì nghĩ ở chỗ đảm bảo ấy người ta sẽ không có cách gì tìm ra được. Còn những người quả cảm thực sự cũng chẳng cần nghĩ đến điều đó, vì đơn giản họ cho rằng – thỉnh thoảng tôi cũng

ngũ như thế – ngủ say trong một tiếng đồng hồ đáng chấp nhận tất cả mạo hiểm và đáng trả bằng mọi giá.

Nhưng ở đây không có nhiều cơ hội cho họ đến như vậy, vì buổi sáng mọi thứ diễn ra rất nhanh, và nhìn kìa, nhóm tìm người đã được cử ra: đi trước là gã *Lagäraltester* mặc đồ đen, bộ râu mới cạo, bộ ria vênh, thơm nức, theo sát gã là tay *Kapo* Đức, sau nữa là mấy tay *Blockältester* và *Stubendienst* lăm lăm cúi cùi, gậy hèo, gậy móc, cả bọn rẽ vào *Block 6*. Từ bên trong vọng ra tiếng la hét, âm ã, và một phút sau – hãy nghe kìa! – đã có tiếng hét vang đặc trưng của những kẻ lòng sục, lẫn với tiếng nấc nghẹn khực khặc, mỗi lúc một nhỏ dần rồi tắt hẳn. Chẳng bao lâu sau toán săn lùng xuất hiện. Thứ mà bọn họ đem ra từ trong lều – nhìn từ đây chỉ thấy như những đồng vật thể không sinh khí bất động, những túm giẻ rách lung nhùng, bị đặt, bị quăng xuống cạnh hàng người, tôi cố gắng không nhìn nữa. Nhưng có một tiểu tiết, một hình ảnh, đường nét, dấu hiệu gợi nhớ vẫn hút tôi nhìn về phía đó, và tôi nhận ra ông: đó chính là con người rủi ro trước đây. Rồi sau đó: “*Arbeitskommandos antreten!*”⁶⁸⁽¹⁾ và chúng tôi có thể dự đoán được ngày hôm nay bọn lính sẽ nghiêm khắc hơn.

Cuối cùng, là cách thứ ba, đúng theo nghĩa của từ này, và có lẽ là cách chạy trốn thật sự đáng phải suy nghĩ; cũng đã xảy ra một trường hợp, duy nhất chỉ một lần trong trại chúng tôi. Đám bỏ trốn là một bộ ba, đều là người Latvia, từng trải, thông thạo tiếng Đức và địa hình xung quanh, những tù phạm tự tin ở hành động của mình. Tin tức cứ thầm thì lan ra, và tôi có thể nói, sau sự thán phục ban đầu cùng sự khấp khởi ngấm ngấm cho bỏ ghét bọn lính gác, ở chỗ này chỗ nọ người ta còn tỏ ra hâm mộ và suy tính đến chuyện noi gương, sốt sắng cân nhắc các khả năng, thì chúng tôi bắt đầu oán trách họ. Hôm đó, đã chừng hai ba giờ đêm, bị trừng phạt vì tội lỗi của họ, chúng tôi phải đứng xếp hàng, đúng hơn là gật gà gật gù chờ điểm danh. Tối hôm sau, khi xếp hàng chuẩn bị vào lều, tôi lại cố gắng không nhìn sang phía bên phải. Ba chiếc ghế đặt đó, bên trên có ba người ngồi, ba dạng hình người. Nom họ chính xác như thế nào, dòng chữ nguệch ngoạc trên tờ giấy họ đeo trên cổ viết gì, tôi cho rằng đơn giản hơn là không nên quan tâm

(nhưng rồi tôi cũng vẫn biết, vì trong trại người ta còn nhắc mãi tới chuyện này: “*Hurrah! Ich bin wieder da!*” – nghĩa là “Hurra! Tôi lại có mặt đây!”) Tôi nhìn thấy một khung giàn đóng vội, nom giống như giàn rũ quần áo đặt trên các sân nhà ở trong nước, bên trên có ba dây thòng lọng – tôi hiểu như vậy là: treo cổ. Bữa ăn tối tất nhiên không hề được nhắc tới, mà ngay tức khắc: “*Appel!*” rồi: “*Das ganze Lager: Achtung!*”⁶⁹ vang lên ở phía trước, to hết cỡ, do chính gã *Lagäraltester* điều khiển. Những người thi hành hình phạt đã tụ tập đủ, sau một lát chờ đợi, các đại diện quân sự oai vệ cũng xuất hiện, rồi tất cả đã diễn ra theo đúng cách thức của nó, phải nói rằng cũng may là cách chỗ chúng tôi đứng khá xa ở phía trước, gần khu tắm rửa, và tôi tránh không nhìn về phía đó. Tôi chú ý hơn về phía bên trái, từ phía đó bỗng nghe thấy một giọng lầm rầm, như một điệu nhạc du dương nào đó. Tôi thấy một cái đầu run rẩy trên một cái cổ gầy nhẳng hướng về phía trước, đi trong hàng người – nổi bật lên là đôi mắt và cái mũi ướt át tắm trong thứ ánh sáng gần như phi lý trong giây phút ấy: ông giáo sĩ Do Thái. Lát sau tôi hiểu cả lời ông nói, hơn nữa nhiều người đứng trong hàng cũng nói theo ông. Chẳng hạn tất cả người Phần Lan, và còn nhiều người khác nữa. Thậm chí, tôi không rõ bằng cách nào, nhưng tiếng nói đã lan sang cả *Block* xung quanh, vì ở các nơi đó tôi cũng nhận thấy ngày càng nhiều những đôi môi mấp máy, những đôi vai, đầu, cổ dù chỉ khẽ gật gù, nhưng dứt khoát, từ trước ra sau, từ sau lên trước. Trong lúc đó, tiếng lầm rầm ở khu giữa hàng người chỉ vừa đủ nghe thấy, đều đều vọng đi vọng lại liên miên, như tiếng thì thầm dội lên từ lòng đất: “*Jiszkadal, vöjszkadal,*” đủ khiến tôi nhận ra chính là “*Kaddis,*” bài kinh cầu hồn của người Do Thái. Và nó hoàn toàn có thể cũng chỉ sự ương ngạnh, cố chấp, sau cùng, duy nhất mà có lẽ tôi không thể không nhìn nhận rằng hơi bắt buộc, có thể nói là áp đặt và theo một ý nghĩa nào đó là đã được xác định, đồng thời là phương cách vô ích của sự ương ngạnh (vì cũng chẳng có gì thay đổi ở phía trước: ngoại trừ vài cái quẫy đạp cuối cùng của những người bị treo cổ, không có gì chuyển động, không có gì rung chuyển theo những lời này); nhưng dầu vậy, bằng cách nào đó tôi có thể hiểu cái cảm giác mà nhờ đó gương mặt của ông giáo sĩ có vẻ gần như nhẹ nhõm, từ sức mạnh của nó cả hai cánh mũi ông phập phồng khác thường. Như thế

giây phút đã chờ đợi bao lâu giờ đây mới tới, cái giây phút chiến thắng mà ông đã nhắc, tôi nhớ, từ khi ở nhà máy gạch. Và đúng là cũng chỉ đến lúc này, tôi cũng không biết tại sao lần đầu tiên tôi có cảm giác thiếu hụt nhất định, lúc này lần đầu tiên tôi thấy hơi tiếc là mình không biết cầu nguyện – ít nhất là một vài câu – bằng tiếng Do Thái.

Nhưng cả sự ương ngạnh, cả cầu nguyện và bất cứ sự trốn chạy nào cũng không giải thoát tôi khỏi một điều: đó là cái đói. Ở nhà, tất nhiên tôi cũng đã từng đói – hay ít ra là tôi tin thế; tôi đã đói trong một nhà máy gạch, trên tàu hỏa, ở Auschwitz và cả Buchenwald nữa – nhưng cảm giác đói thế này, liên tục và kéo dài, phải nói là tôi chưa hề biết đến. Tôi đã biến thành một cái hố sâu, một vực thẳm nào đó, và mọi cố gắng của tôi đều hướng tới việc chấm dứt, lấp đầy, bịt miệng cái vực thẳm không đáy, càng lúc càng đòi hỏi này. Mắt tôi, toàn bộ tri giác tôi cũng là để làm việc này, việc này chỉ đạo mọi hành động của tôi, và nếu như tôi chưa ăn gỗ, sắt, hay đá sỏi, chỉ là vì không thể nhai nổi và tiêu hóa nổi những thứ đó. Nhưng tôi đã thử ăn cát, và nếu nhìn thấy cỏ, không khi nào tôi chần chừ – có điều đáng tiếc là tôi không nhìn thấy cỏ cả trong khu nhà máy và trong trại. Chỉ vì một nhánh hành nhỏ người ta đòi đổi hai lát bánh mì, và những người may mắn khăm khá hơn cũng bán một củ cải đường hay củ cải thường để lấy chừng ấy bánh mì, tôi thường thích loại sau hơn, vì chúng nhiều nước hơn và đa số kích thước cũng lớn hơn, mặc dù những người am hiểu thì cho rằng củ cải đường có giá trị hơn, chất lượng và bổ hơn, nhưng ai mà còn kén chọn nữa, dù chúng dai và có vị cay không dễ chịu lắm với dạ dày. Thành ra tôi tạm bằng lòng với chúng, và cũng có chút an ủi, vì ít ra là những người khác cũng ăn. Bữa trưa của lính gác bao giờ cũng được đưa vào nhà máy cho họ, và tôi không thể rời mắt khỏi những người này. Nhưng tôi có thể nói họ không mang lại cho tôi nhiều niềm vui: họ ăn nhanh, chẳng cần nhai, họ ăn ngấu nghiến, tôi thấy thực ra họ chẳng có khái niệm gì về việc họ đang làm. Một lần khác, lúc tôi ở cùng đội làm trong xưởng, và ở đây một tay thợ mở đồ ăn mà ông ta mang từ nhà đến, và – tôi nhớ – tôi đã nhìn rất lâu một bàn tay màu vàng nổi đầy gân đang lấy trong lọ thủy tinh dài ra những quả đỗ xanh, từng miếng một, thấy lóe lên một điều gì đó mong manh, có thể là chút hy vọng mơ hồ.

Nhưng bàn tay gân guốc sần sùi (tôi nhìn rõ tất cả những vết sần, tất cả những động tác có thể thấy trước của bàn tay ấy) cứ đưa đi đưa lại tiếp tục giữa mồm ông ta và cái miệng chai. Sau một lúc ông ta quay lưng lại, chắc không cho tôi nhìn thấy, và tôi hiểu ra, tất nhiên ông làm thế vì tình người, dù lúc ấy tôi định bảo ông cứ tự nhiên tiếp tục đi, vì đối với tôi chỉ cần nhìn thấy cũng đã quá tốt rồi, chắc hẳn còn hơn không. Tôi mua đầy một cà mèn vỏ khoai tây gọt từ hôm trước, lần đầu tiên từ một người Phần Lan. Anh ta lôi ra trong giờ nghỉ ăn trưa, rất thoải mái, và may là hôm ấy Citrom Bandi không cùng đội với tôi để có thể phản đối. Anh ta đặt trước mặt một gói giấy rách nát, moi muối hạt từ đó ra, rồi từ từ, chậm rãi dùng đầu ngón tay đưa lên miệng nếm một chút xiu, trước khi hững hờ nói: “Bán đấy!” Thông thường giá của nó là hai lát bánh mì hay một suất bơ thực vật, nhưng anh ta đòi nửa suất xúp buổi tối. Tôi thử mặc cả, tôi viện mọi lẽ, kể cả sự bình đẳng nữa. “*Di bist nist ká jid, dbist á ségec*”, mà không phải dân Do Thái,” anh ta lắc đầu theo kiểu thường thấy của người Phần Lan – đầu gật gật. Tôi hỏi vặn anh ta: “Thế tại sao tôi lại ở đây?” “Tao làm sao biết được?” anh ta nhún vai. Tôi bảo anh ta: “Đồ Do Thái bán thiu!” “Có thể đi nữa tao cũng không bán rẻ đâu,” anh ta đáp. Cuối cùng tôi đã mua đúng bằng giá anh ta đòi, và không biết buổi tối anh ta từ đâu xuất hiện đúng vào lúc người ta chia xúp cho tôi, và cũng không biết làm sao anh ta biết trước bữa tối là món mì sợi nấu nữa.

Tôi có thể khẳng định rằng chỉ ở trong trại tập trung ta mới có thể hiểu đầy đủ một số khái niệm. Chẳng hạn nhân vật thường thấy trong các truyện kể ngốc nghếch thời niên thiếu của tôi là “anh chàng lang thang” hay “anh chàng nhà nghèo,” người đến xin phục vụ nhà vua để cầu hôn công chúa, và chàng rất sẵn lòng vì cái giá phải trả chỉ là bảy ngày. “Nhưng đối với ta bảy ngày là bảy năm!” nhà vua nói với chàng trai; tôi cũng có thể nói đúng như thế về trại tập trung. Chẳng hạn tôi không bao giờ tin rằng mình có thể trở thành một người già lão tàn tạ nhanh đến thế. Ở bên nhà thì cần có thời gian, ít nhất là năm, sáu chục năm, để già, còn ở đây ba tháng cũng đủ để thân thể từ bỏ tôi. Tôi có thể công bố rằng không có điều gì khổ sở, ngấm ngấm hơn là ngày lại ngày quan sát thấy, ngày lại ngày nhận biết được ta lại bị hủy

hoại, lụi tàn thêm bao nhiêu. Ở bên nhà, mặc dù cũng không dành nhiều sự chú ý đến nó, nhưng bình thường tôi hài lòng với cơ thể mình, tôi thích – nói thế nào nhỉ – cái bộ khung ấy. Tôi nhớ một chiều mùa hè, tôi nằm đọc cuốn tiểu thuyết hấp dẫn trong căn phòng mờ tối, bàn tay tôi vô tình vuốt ve làn da đùi nâu trơn bóng, căng ra bởi những cơ bắp khỏe mạnh. Gần đây cũng làn da ấy nhưng đã trở nên nhăn nheo, vàng vọt và khô héo, chỗ nào cũng thấy mụn mủ, thấy phủ đầy những đốm tròn nâu, rách nát, nứt nẻ, mụn nhọt, vảy cứng, ngứa ngáy, khó chịu, nhất là ở các kẽ ngón tay. “Ghê!” Citrom Bandi gật gù xác nhận khi tôi chìa ra cho anh xem. Tôi chỉ ngây ra chứng kiến cái tốc độ, cái đà xuống dốc không phanh mà mỗi ngày lớp da bọc xương của tôi cứ hao khuyết, tan rữa, bay biến dần. Ngày nào cũng một bất ngờ mới, cũng nhận ra một khiếm khuyết mới, một dị tật xấu xí mới nào đó trên cái vật thể ngày càng xa lạ, đã có thời thân tình với tôi: đó là cơ thể mình. Tôi không thể nhìn nó mà không có một cảm giác đổ vỡ, một sự kinh tởm nào đó; vì thế sau một thời gian tôi đã không cởi quần áo để tắm rửa, không xém xĩa đến mọi bất cứ của bản thân với những nỗ lực thừa kiểu đó, với cái lạnh, rồi tất nhiên đối với cả việc tháo bỏ đôi giày của tôi nữa.

Vật dụng này, ít nhất đối với tôi, đã gây ra rất nhiều phiền toái. Nhìn chung tôi không thể hài lòng với số quần áo được trang bị trong trại tập trung, chúng ít tính tiện dụng và nhiều khiếm khuyết, thậm chí chúng trực tiếp trở thành nguyên nhân gây ra những khó chịu – tóm lại, có thể nói: chúng chẳng ra gì. Chẳng hạn khi trời lún phún mưa – trong thời tiết chuyển mùa, mưa rất dai dẳng – quần áo vải thô trở thành một ống cứng, mà lớp da nhạy cảm của chúng tôi kiểu gì cũng muốn tránh chạm vào – nhưng vô ích, tất nhiên rồi. Áo choàng tù phạm (thứ này được phát hành khá nhiều, phải công nhận như vậy) không có tác dụng gì, chỉ thêm trở ngại, một lớp ẩm ướt mới nữa mà theo tôi chẳng có gì xử lý được, ngay cả thứ giấy thô vò bao xi măng mà Citrom Bandi, như nhiều người khác, đã thó cho mình được một tấm mặc vào trong áo, bất chấp mọi mạo hiểm, vì tội này rất dễ bị phát hiện: chỉ cần một gậy đập lên lưng, một gậy nữa lên ngực, và tiếng kêu sẽ làm rõ ra tội trạng. Còn nếu nó đã không kêu nữa – thì xin hỏi – còn ích gì nếu cái

chất liệu ướm nhào ra đã thành một cực hình mới đó, và lại chỉ có thể âm thầm giải thoát khỏi nó?

Nhưng khó chịu nhất, xin nói, là cái giày đế gỗ. Thật ra tất cả bắt đầu với bùn đất. Nhưng ngoài ra tôi có thể nói rằng về mặt này các khái niệm đã có cho tới lúc này của tôi chưa hoàn toàn đủ. Tất nhiên ở nhà tôi cũng đã thấy, thậm chí đã lội bùn – nhưng tôi chưa hề biết rằng có lúc bùn có thể sẽ là mối lo chính, là địa bàn hoạt động trong cuộc sống của chúng tôi. Ngập đến bắp chân trong bùn, rồi bằng mọi cố gắng, bằng một động tác rút đến chụm một cái giải thoát bàn chân ra khỏi bùn, và chỉ để lại dầm chân vào trong bùn, tất cả chỉ hai, ba mươi xăng ti mét về phía trước: tôi không được chuẩn bị trước cho việc này và nếu có chuẩn bị trước cũng vô ích. Mà về đôi giày đế gỗ thì té ra sau một thời gian gót nó bị gãy, khi đó chúng tôi đành phải đi trên một cái đế phía trước dày hơn và sau một điểm nhất định nó bỗng nhiên mỏng hẳn và hơi cong lên. Trên cái đế giày như thế, chúng tôi cứ gật gù như những con lật đật. Hơn thế nữa ở chỗ đã từng có đế giày, khe hở giữa phần gót giày và đế càng ngày càng toác ra, qua đó cứ sau mỗi bước chân là bùn lạnh, sỏi vụn, đủ loại hạt sắc lạnh thoải mái chảy vào. Trong khi đó gót giày đã làm trầy hết mặt cá chân, và gây ra nhiều vết thương ở phần mềm phía dưới. Các vết thương này – theo đặc tính của chúng – sẽ rỉ nước, nước rỉ ra dấp dính và thế là sau một thời gian chúng tôi không làm cách nào giải thoát được khỏi đôi giày, không thể tháo ra nổi, nó cứ dính chặt vào chân như một bộ phận của cơ thể, cứ như là nó mọc ra từ bàn chân mình vậy. Tôi mang nó ban ngày, mang nó cả khi đi ngủ, chỉ để khỏi phải mất thời gian khi thức dậy, hoặc chính xác hơn là khi ban đêm phải nhảy từ chỗ nằm đến hai, ba, thậm chí có khi bốn lần. Vào ban đêm thì không sao: khó nhọc, vấp ngã, trượt bò trên bùn lầy bên ngoài, nhưng rồi dưới ánh sáng của các ngọn đèn pha chúng tôi cũng mò tới đích. Nhưng làm thế nào vào ban ngày, làm sao nếu ngay khi đang làm việc cơn tháo dạ ập đến, không thể tránh khỏi được? Những lúc như thế người ta lấy hết can đảm, bỏ mũ xuống và xin phép người lính gác: “*Gehorsamt zum Abort*,”²¹ tất nhiên với giả thiết ở gần đó có buồng mà tù phạm cũng có thể sử dụng. Nhưng giả dụ là có, giả dụ người lính gác tốt bụng và cho phép một lần, cho phép lần thứ hai nữa:

nhưng tôi thử hỏi ai còn đủ liều lĩnh, còn đủ can đảm để thử thách lòng kiên nhẫn của người lính gác lần thứ ba? Những lúc như thế chỉ còn lại cuộc đấu tranh thầm lặng, hai hàm răng nghiến răng vào nhau, hai bên hông run rẩy thót lại, đến khi thử thách ngã ngũ, và cuối cùng hoặc cơ thể ta, hoặc ý chí ta sẽ chiến thắng.

Và như một phương cách cuối cùng – biết trước hay bất chợt – cố tình hay né tránh, là chịu đòn – ở mọi lúc mọi nơi. Tất nhiên tôi cũng được dự phần nào vào những trận đòn, không hơn nhưng cũng không kém mức bình thường, một cách trung bình, thông thường, như bất kỳ ai trong chúng tôi, đơn thuần là tương ứng với những điều kiện thông thường của trại chúng tôi. Điều khác biệt có thể chỉ là, nếu tôi cần phải nói ra: thì đó là trong điều nói trên thực chất tôi bị đánh không phải bởi một nhân vật SS – nói thế nào nhỉ – dẫu sao cũng chuyên trách, hay đúng hơn là được ủy nhiệm, hay bắt buộc làm việc này, mà bởi một gã mang tên “Todt” nào đó có hành tung mập mờ – như tôi nghe nói – một lính áo vàng của bộ phận kiểu như giám sát công việc. Gã có mặt ngay ở đó – kèm theo một tiếng hét, một cú nhảy dài mau lẹ – chỉ vì tôi đã đánh rơi một bao xi măng. Giờ đây, công việc vác xi măng được bất cứ đội lao động nào chào đón – đúng là vậy, theo kinh nghiệm của tôi – với sự hân hoan chỉ dành cho những dịp hiếm có, gần như không thể thú nhận ngay cả giữa chúng tôi với nhau. Anh cúi thấp đầu xuống, một ai đó đặt lên cổ anh một bao, anh lặc lè vác bao xi măng ấy tới xe tải, đến đây một người nào đó nhắc bao xuống, rồi anh quay lại theo một đường vòng rộng mà giới hạn được xác định bởi các khả năng tức thời, và trong trường hợp may mắn thì còn có những người đứng trước anh, nghĩa là lại bớt xén thêm được chút thời gian cho tới bao tiếp theo. Cái bao vốn vẹn cũng chỉ khoảng mười, mười lăm ký – trong những điều kiện ở nhà thì nó như trò trẻ con, có khi còn chơi đá bóng với nó được, nhưng ở đây tôi đã vấp, đã đánh rơi nó xuống đất. Tệ hơn là cái vỏ bao giấy đã bị nứt, và qua kẽ nứt thứ vật liệu giá trị trong bao, xi măng quý giá, chảy ra đất. Gã đã ở sát bên cạnh, tôi cảm thấy quả đấm của gã trên mặt làm tôi ngã vật ra đất, cảm thấy mũi ủng của gã đá vào mạng sườn, thấy tay gã bóp cổ, dúi mặt tôi xuống đất, vào đồng xi măng: hãy vét lên, cào lên, liếm đi – như gã mong muốn một cách

rồ dại. Rồi gã lôi tôi đứng dậy; gã sẽ dạy cho tôi biết: “*Dir werde ich’s zeigen? Arschloch, Scheisskerl, verflucter Judehund,*”²² rằng tôi sẽ không đánh rơi thêm một bao nào nữa, gã hứa. Từ giờ phút đó trở đi chính gã chất từng bao xi măng mới lên cổ tôi, ánh mắt gã chỉ dõi theo mình tôi trên đường đến chiếc xe tải và quay lại, và gã gọi tôi lên trước ngay cả khi lẽ ra theo hàng đúng ra phải đến lượt những người khác. Cuối cùng đã đến mức như tôi và gã chơi trò chơi với nhau, cả hai đã biết nhau, tôi thấy trên mặt gã một sự mãn nguyện, sự khích lệ nào đó, chứ chưa muốn nói là vẻ kiêu hãnh, và từ một góc độ nào đó tôi phải công nhận gã hoàn toàn có lý; dù loạng choạng, dù cúi gập người xuống, dù tối sầm mắt mũi lại, nhưng tôi vẫn trụ được, vẫn đi lại, vẫn khuân vác trên lưng mà không hề đánh rơi một bao nào, và xét cho cùng điều đó – phải công nhận – đã chứng minh gã đúng. Mặt khác, cũng từ cuối ngày hôm đó tôi cảm thấy một điều gì đó đã đổ vỡ không thể cứu vãn nổi trong tôi, từ đó mỗi sáng thức dậy tôi đều tin rằng đó là buổi sáng cuối cùng mình còn thức dậy nổi, sau mỗi bước chân tôi đều tin rằng mình không bước thêm nổi một bước nữa, sau mỗi cử động tôi đều tin rằng mình không thực hiện nổi thêm một cử động nào hết; thế nhưng rồi, sau đó tôi vẫn thực hiện bao nhiêu lần nữa.

7.

Có thể xảy ra những trường hợp, có thể diễn ra những tình huống bằng bất cứ cách nào cũng không thể làm trầm trọng hơn, hình như thế. Tôi có thể nói rằng sau bao nhiêu cố gắng, sau nhiều thử nghiệm, nỗ lực không thành, với thời gian tôi cũng đã tìm được sự bình an, sự yên tĩnh, sự thanh thản. Chẳng hạn như một số việc mà trước đây tôi cho là rất quan trọng, gần như có ý nghĩa không thể hiểu nổi, thì nay có thể nói, trong mắt tôi, chúng đã mất hết mọi ý nghĩa. Chẳng hạn như khi đứng điểm danh, nếu một mỗi, tôi không còn nhìn xem ở đó là bùn hay vũng nước, đơn giản là tôi chiếm chỗ, ngồi bệt xuống đó cho tới khi nào những người bên cạnh chưa dùng sức kéo tôi đứng dậy. Lạnh, ẩm, gió hay mưa không còn làm tôi bận tâm: chúng không tác động nổi đến tôi, tôi cũng không cảm nhận được chúng. Ngay cả cái đói cũng đã qua đi; tôi vẫn đưa lên miệng tất tậ những gì kiếm được, có thể ăn được, nhưng có thể nói chỉ hờ hững, máy móc, theo thói quen. Công việc ư? Tôi không còn để tâm ngay cả đến vẻ bề ngoài nữa. Nếu họ không thích, bất quá thì họ đánh, và đánh cũng chẳng sao, tôi càng tranh thủ được thời gian: ngay sau đòn đầu tiên tôi đã vội ngã vật ra đất, và sau đó còn không còn cảm thấy những cú đánh tiếp nữa, vì giữa chừng tôi đã ngủ.

Chỉ có một thứ trở nên mạnh hơn trong tôi: nổi tức giận. Nếu ai đó làm tôi khó chịu, dù chỉ chạm vào tôi, nếu khi đi trong hàng tôi bị lỡ bước (là điều thường hay xảy ra), và ở phía sau một ai đó giẫm lên gót tôi, thì tôi có thể giết ngay người đó tại chỗ không mấy may chần chừ – dĩ nhiên là nếu tôi làm được, và nếu khi giơ tay lên tôi không quên mất mình vừa muốn làm gì. Tôi đã cãi nhau với Citrom Bandi đôi lần: anh ta trách tôi đã “buông thả bản thân,” trở thành gánh nặng cho đội, gây phiền toái cho mọi người, làm anh bị lây ghê. Nhưng hình như chủ yếu về mặt nào đó tôi làm anh khó chịu, làm phiền hà anh bằng cách nào đó. Tôi nhận ra điều này khi vào một buổi tối anh lôi tôi vào phòng rửa. Mặc tôi quấy đạp và phản đối, anh dùng sức lột

quần áo tôi ra, tôi đâm vào người, vào mặt anh cũng vô ích, anh xát nước lạnh lên làn da run rẩy của tôi. Tôi đã nói với anh hàng trăm lần: sự chăm sóc của anh làm tôi khó chịu, hãy để tôi yên, cắt mẹ anh đi. “Tôi muốn bỏ xác ở đây ư, không muốn về nhà ư?” anh hỏi tôi thế, và tôi không biết anh đã đọc được những gì trên nét mặt tôi, nhưng tôi thấy nét mặt anh sừng sốt, một sự hốt hoảng nào đó giống như người ta thường nhìn những kẻ đem đến hiểm họa không thể cứu vãn nổi, nhưng tội phạm đã bị kết án, hay những người mang bệnh lây nhiễm vậy. Lúc đó tôi chợt nhớ đến cách nhìn nhận khi trước của anh về những người Hồi giáo. Dẫu sao từ đó trở đi tôi thấy anh tránh xa tôi, và cuối cùng tôi cảm thấy nhẹ nhõm như vừa trút được một gánh nặng.

Nhưng tôi không có cách nào rũ bỏ cái đầu gối mình, cảm giác đau đớn cứ đeo bám liên miên. Mấy hôm sau tôi xem nó thế nào, và mặc dù cơ thể đã làm tôi quen với nhiều thứ nhưng sự bất ngờ mới này, cái bao đỏ lựng bọc quanh đầu gối phải của tôi này, tôi vẫn thấy tốt hơn hết nên che ngay tắp lự cho khuất mắt. Dĩ nhiên là tôi biết trong trại có cả trạm Revier, nhưng trước hết do giờ khám bệnh trùng vào giờ ăn tối, mà tôi cho là ăn tối cần kíp hơn chữa bệnh, và sau đó là một vài kinh nghiệm, sự hiểu biết về bản thân nơi chốn này và về cuộc sống, đôi khi cũng không hề củng cố niềm tin của bất cứ một ai. Thêm nữa cái trạm lại ở xa, cách chỗ chúng tôi những hai lều, và một đoạn đường xa như thế, nếu không nhất thiết phải bắt buộc, thì tôi không sẵn sàng đi, nhất là đầu gối tôi lại đang rất đau. Cuối cùng Citrom Bandi và một người cùng lều vẫn đưa tôi đi, họ dùng tay làm chỗ cho tôi ngồi, kiểu như “cò tha con,” và sau khi đặt tôi lên một cái bàn, họ nhắc trước: có thể là sẽ đau, vì không thể tránh khỏi việc mổ ngay, và vì thiếu thuốc tê, người ta buộc phải làm việc đó mà không có nó. Ở mức độ của tôi có thể theo dõi được: người ta dùng dao rạch hai đường cắt chéo nhau trên gối tôi, qua đó họ lấy từ trong đùi tôi ra bao nhiêu thứ, rồi dùng giấy quấn chặt lại. Ngay sau đó tôi hỏi đến bữa ăn tối, người ta đảm bảo sẽ có sự chăm sóc cần thiết, và chẳng mấy chốc tôi thấy đúng như vậy. Món xúp hôm nay nấu bằng củ cải và su hào là thứ tôi thích, và có thể cảm thấy người ta đã múc cho *Revier* chỗ đặc hơn. Đêm ấy tôi ngủ lại trong lều của Revier, ở tầng

trên cùng của một *box*, hoàn toàn một mình, chỉ có điều là rất khó chịu là đến giờ đi ngoài tôi không thể đi nổi, và ban đầu chỉ gọi thầm thì, sau tôi kêu to hơn và cuối cùng thì phải gào lên yêu cầu giúp đỡ, nhưng cũng vô ích. Sáng hôm sau, cùng với nhiều thân người khác tôi cũng bị ném lên sàn bằng sắt tây ướt át của một chiếc xe tải không nóc và được chở đến một nơi, nếu tôi hiểu đúng, có tên là “Gleina,” thực chất là nơi đặt nơi đặt nhà thương của trại chúng tôi. Ở phía sau, một người lính canh chừng chúng tôi dọc đường ngồi trên chiếc ghế chân gấp đơn giản trên đầu gối gác một khẩu súng trường ướt nước sáng loáng, nom anh ta có vẻ bất đắc dĩ, khuôn mặt dài thượt, thỉnh thoảng lại nhăn mặt khó chịu vì một mùi khó chịu bất chợt, có lẽ do tác dụng của sự chú ý không thể tránh khỏi, tôi phải công nhận rằng không phải là vô cớ. Chủ yếu tôi bức mình vì hình như bản thân anh ta đã đi đến một kết luận nào đó, đã suy diễn ra một sự thật hiển nhiên nào đó, và tôi thấy muốn thanh minh cho bản thân mình: không hẳn chỉ một mình tôi có lỗi, và rằng ban đầu đây thực ra không hẳn chỉ một mình tôi có lỗi, và rằng ban đầu đây thực ra không phải là bản chất của tôi, nhưng tất nhiên, tôi công nhận điều này rất khó chứng minh. Khi chúng tôi tới nơi, ở đây trước hết có một ống cao su, kiểu như vòi tưới vườn bất chợt phụt nước và tôi phải chịu đựng tia nước phun xối xả vào mọi nơi, rửa sạch tất tạt quần áo rách nát, những thứ dơ bẩn, và cả đám băng băng giấy khỏi người tôi. Sau đó người ta đưa tôi vào một căn phòng, cấp cho một chiếc áo sơ mi và chỉ vào tầng dưới của một chiếc giường gỗ hai tầng, tôi có thể nằm lên một cái đệm rơm còn trống đã bị người nằm trước tôi đè bẹp dí và khá cứng, đây đó thấy những vết bẩn đáng ngờ, bốc mùi đáng ngờ, có những vết màu loang lổ đáng ngờ, rồi họ bỏ mặc tôi ở đó muốn làm gì thì làm, và trước hết tôi có thể ngủ một trận đã đời.

Hình như chúng ta luôn đem các thói quen cũ đến những nơi ở mới, có thể nói ở nhà thương ban đầu tôi cũng phải đấu tranh với nhiều cố tật, thói quen từ trước. Chẳng hạn như lương tâm: thời gian đầu tôi bị nó đánh thức vào mọi buổi sáng sớm. Khi khác, tôi lại choàng tỉnh: sợ mình ngủ quên giờ điểm danh, ngoài kia người ta đã đi tìm mình, và tôi chỉ nhận ra sự nhầm lẫn với nhịp tim chậm lại rất từ từ, nhận ra hình ảnh mở ra trước mắt, nhận ra sự

thật rằng mình đang ở nhà, rằng tất cả đều ổn, cạnh đây có người đang ho, xa hơn chút người ta đang trò chuyện, đằng kia một người nào đó đang đóng mũi, căng mắt, há mồm nhìn lên trần nhà, rằng chỉ có vết thương của mình đang đau, và bất quá mình đang khát – như thường xuyên vẫn thế – rõ ràng có thể do cơn sốt. Tóm lại là tôi cần một thời gian nhất định để hoàn toàn tin rằng không có điểm danh, không phải nhìn thấy lính gác, và cái chính là không phải đi làm – và những lợi thế này, ít nhất là đối với tôi, không một hoàn cảnh vật vãnh nào, không bệnh tật nào có thể làm tổn hại về cơ bản. Thình thoảng người ta cũng đưa cả tôi lên phòng nhỏ trên gác, ở đó có hai bác sĩ làm việc, một trẻ hơn và một đứng tuổi hơn: tôi là bệnh nhân của người sau. Một người gầy, đen, dễ có cảm tình, ông mặc com lê, đi giày, tay đeo băng và có khuôn mặt tử tế, dễ phân biệt, thân thiện và gợi nhớ đến một con cáo già. Ông hỏi tôi người vùng nào, và ông cũng giới thiệu mình từ vùng Transylvania⁷³ tới. Trong cùng lúc đó, ông đã gỡ xong những vòng băng giấy rã nát, lúc nào cũng dính cứng lại và có màu vàng xanh quăn quanh đầu gối tôi, rồi ông dùng hai tay ấn những chất dịch dồn nén trong đùi tôi ra, và cuối cùng ông dùng một dụng cụ giống chiếc kim đan nhét một miếng gạc vào giữa lớp da và thịt đùi tôi, như ông giải thích “để nó thông thoáng,” để “quá trình tự sạch” tiến triển và để vết thương không lành quá sớm. Về phần mình nghe thấy thế tôi rất sảng khoái, vì xét cho cùng tôi chẳng có việc gì ở ngoài kia, tôi không gì phải vội vàng vì sức khỏe, nếu nghĩ cho kỹ, tất nhiên. Một nhận xét khác của ông làm tôi không mê lắm. Ông bảo số vết rạch trên đầu gối tôi còn ít. Theo ông phải mở thêm một vết ở bên cạnh, và nối vết mới này với vết cắt đầu tiên bằng một đường rạch thứ ba nữa. Ông hỏi tôi có dám quyết không, và tôi thật sự ngạc nhiên, vì ông nhìn tôi như chờ câu trả lời, hay sự đồng ý của tôi, chứ đừng nói sự ủy thác của tôi. Tôi bảo ông: “Tùy bác sĩ” và ông nói ngay tốt nhất thì không nên chậm trễ. Ông tiến hành ngay tại chỗ, nhưng tôi buộc phải phản ứng hơi to tiếng, và tôi thấy điều đó làm ông khó chịu. Nhiều lần ông nhắc: “Thế này tôi không thể làm việc được,” và tôi thử thanh minh: “Không phải tại tôi.” Cuối cùng sau vài xăng ti mét ông bỏ dở, không thực hiện đến hết dự định ban đầu. Nhưng chừng ấy cũng có vẻ làm ông tạm hài lòng, như ông bảo:

“Còn hơn không,” vì như thế này – theo ông – từ giờ đã có thể nặn mủ ra qua hai chỗ. Thời gian trong bệnh viện cũng trôi đi: nếu tôi không ngủ, thì đói, khát, đau đớn quanh vết thương, một câu chuyện hay những lúc đi khám vết thương cũng chiếm hết thời gian – nhưng không có việc gì làm, và có thể nói ý nghĩ thú vị rạo rức này, sự ưu đãi mang lại niềm vui không bao giờ với này cũng làm tôi sung sướng. Tôi còn hỏi han những người mới đến về tình hình trong trại, họ ở *Block* nào tới, và cụ thể họ có biết một người tên là Citrom Bandi ở *Block* 5 hay không, một người cao trung bình, mũi gãy, khuyết răng cửa, nhưng không một ai nhớ ra anh. Trong phòng điều trị tôi thấy đa số các vết thương cũng giống như tôi, cũng chủ yếu ở đùi hoặc bắp chân, mặc dù có những vết ở cao hơn, ở sườn, ở hông sau, ở cánh tay, thậm chí ở cổ hay cả sau lưng. Tên khoa học phổ biến của chúng là “*phelegmon*”²⁴ như tôi thường nghe thấy, nguồn gốc và tần suất xảy ra cao như vậy của chúng trong những điều kiện bình thường của trại tập trung không có gì là đặc biệt và kỳ lạ, như tôi được các bác sĩ bảo thế. Sau đó một thời gian bắt đầu đến những người phải cắt một, hai ngón chân, thậm chí có khi phải cắt hết, và họ kể: ngoài trại đang là mùa đông, chân họ bị đông cứng trong đôi giày đế gỗ. Một lần khác, có một người mặc com lê do thợ may dựng, nom rõ ra là người đáng trọng, mở cửa vào phòng thay băng. Tôi nghe thấy ông ta nói nhỏ, nhưng dễ hiểu từ này: “*Bonjour!*”²⁵ Từ đây và từ chữ F trong tam giác tôi đoán ra ngay ông là người Pháp, còn dựa trên chiếc băng đeo tay có chữ “*O.Arzt*” tôi biết ông là bác sĩ trưởng của bệnh viện này. Tôi ngắm ông mãi, vì đã từ lâu tôi không nhìn thấy người nào đẹp như ông: ông không thật cao, nhưng bộ com lê ông mặc vừa vặn tôn lên những đường nét của một cơ thể cường tráng, gương mặt ông đầy đặn với những đường nét riêng không thể lẫn với một ai khác, với những sắc thái thoáng qua gợi cảm xúc và dễ nhận ra, cái cằm tròn ở giữa có một đường rãnh, nước da nâu bóng lên dưới ánh sáng, như trước đây da người ta thường bóng lên khi tôi còn ở bên nhà, giữa mọi người. Tôi đoán ông còn trẻ, có lẽ khoảng ba mươi. Tôi thấy các bác khác cũng hoạt bát hẳn lên, họ cố gắng làm vừa lòng ông, giải thích cho ông tất cả, nhưng tôi nhận ra họ không làm theo những thói quen trong trại, mà đúng hơn là theo những tập tục cũ, gợi

nhớ đến những hồi ức ở bên nhà, một cách tinh tế, vui vẻ và sự cố gắng trong giao tiếp, giống như khi ta có cơ hội chứng tỏ rằng ta hiểu và nói tốt một thứ ngôn ngữ sang trọng nào đó, lúc này là tiếng Pháp. Tuy nhiên, tôi nhận thấy, những cố gắng đó chẳng có ý nghĩa gì đối với ông bác sĩ trưởng: ông xem xét mọi thứ, đáp lại đôi lời hay chỉ gật gật đầu, nhưng ông làm tất cả những việc đó một cách chậm rãi, nhỏ nhẹ, với vẻ buồn buồn, trên nét mặt và trong đôi mắt nâu sẫm của ông từ đầu đến cuối hiện lên một cảm giác chán chường, gần như sâu muện không thể thay đổi. Tôi chỉ kinh ngạc, vì không sao hiểu nổi điều gì gây nên vẻ u sầu ở một con người thành đạt và lịch lãm như thế, một con người hơn thế nữa còn đạt được vị thế cao. Tôi thử khám phá nét mặt ông, dõi theo từng động tác của ông, và chỉ dần dần tôi mới hiểu: nói gì thì nói, dĩ nhiên xét cho cùng, dầu sao ông vẫn phải ở đây, tôi chỉ nhận ra từ từ và không còn hoàn toàn kinh ngạc, một cảm giác xâm chiếm tôi không hề giống như một sự bất ngờ vui vẻ, tôi nhận ra rằng theo đó thì tình trạng này – nói tóm lại chính sự giam hãm này làm ông khó chịu, hình như thế. Tôi đã định bảo: ông đừng buồn nữa, vì cơ sự đã thế – nhưng tôi sợ, như thế thì liều lĩnh quá, vả lại, tôi chợt nhớ ra, mình đâu có biết tiếng Pháp.

Tôi đã ngủ gần như suốt cuộc di chuyển, từ đầu đến cuối. Từ trước đó tin này đã đến tai tôi: thế vào những nhà lều ở Zeitz người ta sẽ xây những căn nhà đá làm chỗ ở mùa đông, trong đó người ta không quên dành phần cho bệnh viện. Chúng tôi lại bị chất lên xe tải – từ bóng tối tôi thấy đó là vào buổi tối, dựa trên cái rét tôi đoán đã là khoảng giữa mùa đông, và sau đó chúng tôi được đưa vào tiền sảnh chiếu sáng của một không gian vô cùng lớn, và tôi thấy những bồn gỗ nông nặc mùi hóa chất: tôi phải ngâm mình vào bồn gỗ, ngập tới đỉnh đầu – dù có than vãn, xin xỏ, phản đối cũng vô ích – để gột rửa mình, ngoài thứ nước lạnh trong bồn, điều làm tôi rét run thêm là tôi thấy trước tôi cả những bệnh nhân khác cũng đã ngâm mình trong thứ nước màu nâu này – cả các vết thương, tất tậ như thế. Và sau đó, ở đây thời gian cũng trôi đi, về cơ bản cũng như thế, chỉ có một vài khác biệt so với ở chỗ trước. Chẳng hạn ở bệnh viện mới này những chiếc giường gỗ có ba tầng. Người ta cũng ít khi đưa tôi đến bác sĩ, và như vậy ở đây các vết

thương của tôi cũng tự sạch theo cách, theo khả năng có thể của nó. Hơn nữa, một thời gian ngắn sau đó bên sườn trái của tôi cũng bắt đầu đau, rồi nó nổi lên một bọc màu đỏ lựng như đã biết. Mấy hôm sau, tôi chờ nó khỏi hay điều gì đó diễn ra nhưng vô ích, thế là bất đắc dĩ tôi phải gọi hộ lý. Và sau khi giục giã, sau mấy ngày chờ đợi tôi cũng đến lượt, được đưa đến chỗ các bác sĩ ở phía cuối gian nhà. Thế là sau cái đầu gối, trên sườn trái tôi cũng thêm một miếng rạch khoảng gần bằng gang tay. Từ chỗ tôi nằm lại sinh ra một việc khó chịu, đối diện với giường có một lỗ cửa sổ nhỏ không bịt kính luôn luôn nhìn lên bầu trời màu chì, trên cái lưới sắt của nó lúc nào cũng có những thoi nước đá có lẽ do hơi ẩm từ trong nhà bốc ra và thường xuyên phủ những lớp băng mỏng như tờ. Tôi thì chỉ mặc có đồ dành cho bệnh nhân là áo cộc không cúc và chiếc mũ len đan màu xanh được phát vào mùa đông, khoét vòng tròn hở tai và có hình vòng cung trước trán, nom hơi giống mũ của một nhà vô địch trượt băng hoặc của một diễn viên đóng vai quỷ Satan trên sân khấu, tuy nó rất hữu ích. Thế là tôi bị lạnh nhiều, đặc biệt khi tôi bị mất một trong hai tấm chăn – cho đến lúc đó tôi vẫn dùng những búi rơm rách của nó để đắp thêm cho thiếu hụt của cái kia – mà một hộ lý hỏi mượn, bảo sẽ đem lại. Tôi đã cố giữ bằng cả hai tay, túm chặt bằng một đầu chăn nhưng vô ích, anh ta tỏ ra khỏe hơn. Bên cạnh tổn thất này, một ý nghĩ làm tôi hơi khó chịu: người ta chỉ lấy chăn của những người thông thường họ coi là đẳng nào cũng sắp đến hồi kết, họ chờ đợi điều đó, tôi có thể mạnh dạn nói như thế.

Một bạn khác đã thấy giọng nói giữa chừng đã trở nên quen thuộc đối với tôi nhắc nhở, cũng từ một giường ở tầng dưới, nhưng từ đâu đó phía sau: lại một tay hộ lý xuất hiện, lại với một bệnh nhân mới trên tay, và anh ta đang dò xét xem có thể đặt vào giường nào, vào cạnh ai trong số chúng tôi. Nhưng người bệnh – theo chúng tôi được biết – là một ca nặng và được phép bác sĩ cho nằm giường riêng, và cậu ta hét lên bằng một giọng kinh khủng, âm ỉ: “Tôi phản đối!” Cậu viện lời bác sĩ: “Tôi có quyền được giường riêng! Các người hãy hỏi bác sĩ!” rồi lại hét lên: “Tôi phản đối!” cuối cùng tay hộ lý, đúng ra là mấy lần bê cậu ta đi chỗ khác – đến đúng giường tôi, thế là tôi nhận ra được người nằm cùng là một gã trai cũng trạc

tuổi tôi. Hình như tôi đã thấy gương mặt vàng vọt và tôi mắt to cháy bỏng của cậu ta – nhưng thực ra ở đây mặt ai chả vàng vọt và mắt ai chẳng to và nóng như lên cơn sốt. Câu đầu tiên cậu hỏi là tôi có uống nước không, tôi bảo nếu có thì tôi cũng chẳng chê; câu thứ hai – ngay sau câu đầu: tôi có thuốc lá không?... và tất nhiên cả lần này cậu cũng không gặp may. Cậu gạ sẽ đổi bánh mì cho tôi, nhưng tôi bảo cậu đừng nói nữa, thế là cậu im được một lúc. Tôi ngờ là cậu đang sốt, vì cơ thể run bần bật của cậu tỏa ra hơi nóng, làm tôi thậm chí còn cảm thấy dễ chịu. Điều làm tôi hơi khó chịu là ban đêm cậu ta cựa quậy, xoay trở liên hồi, và phải nói là cậu ta không hề để ý đến những vết thương của tôi. Tôi phải bảo: “Này, đủ rồi đấy, nằm yên đi một chút!” rồi cuối cùng cậu ta đã nghe theo lời tôi. Chỉ đến sáng ra tôi mới biết vì sao: khi phát cà phê tôi đã đánh thức cậu mãi không nổi. Vì thế tôi vội chìa cả hăng gô của cậu ra cho tay hộ lý, và đúng lúc tôi định báo cho anh ta biết, thì anh ta yêu cầu tôi đưa hăng gô một cách cẩu kính. Sau đó tôi lấy cả suất bánh mì của cậu ta, cũng như suất xúp vào bữa tối, và tiếp đó cứ như thế có đến khi một hôm cậu ta bắt đầu trở nên rất lạ: thế là tôi buộc phải nói, không thể giữ mãi trên giường của tôi. Tôi hơi lo, vì sự chậm trễ đúng là đã có thể nhận ra, còn nguyên nhân thì chỉ cần có chút hiểu biết – điều tôi cũng đã lường trước – là có thể tìm ra dễ dàng, nhưng cậu ta đã được đem đi cùng với những người khác, ơn Chúa không thấy họ nói gì, và trước mắt họ đã để tôi một mình không có bạn.

Cũng ở đây tôi thực sự biết hết đến các loài rận rệp. Tôi không thể nào bắt nổi lũ bọ chét, chúng nhanh hơn vì xét cho cùng chúng được nuôi dưỡng tốt hơn tôi. Lũ rận thì dễ bắt hơn, chỉ có điều bắt chúng cũng chẳng tích sự gì. Nếu đã quá bức mình với chúng, tôi chỉ cần dùng móng tay cái di một vết bất kì trên làn vải áo đã căng trên lưng, là có thể trả thù chúng bằng những tiếng lép bép khá rõ, có thể tận hưởng thú vui hủy diệt – nhưng chỉ một phút sau tôi đã có thể lặp lại đúng chỗ cũ và đạt kết quả đúng như vậy. Chúng ở khắp mọi nơi, chúng chui vào mọi xó xỉnh, chiếc mũ màu xanh lá cây của tôi đã gần như chuyển động vì chúng. Thế mà, tôi vẫn bất ngờ nhất, kinh hoàng và sau đó là hoảng hốt, khi thấy buồn buồn ở bên sườn, và nâng tấm băng giấy lên tôi thấy chúng đang ăn thịt trên các vết thương của mình. Tôi

vội vã muốn giải thoát khỏi chúng, hay ít nhất gạt, gẩy chúng đi, ít nhất bắt chúng kiên nhẫn chờ chút nữa và thú thật chưa bao giờ tôi thấy cuộc chiến nào lại vô vọng đến thế, sự phản kháng nào lại ngoan cố đến thế. Sau một thời gian tôi đành bỏ cuộc, và chỉ nhìn sự phàm ăn, lúc nhúc, tham lam, ngẫu nhiên và niềm hạnh phúc không cần che đậy: cứ như thể tôi đã mơ hồ biết về điều này từ đầu đó. Khi chúng tôi nhận ra: ít nhiều tôi có thể hiểu được chúng, xét về mọi mặt. Đến nỗi cuối cùng tôi đã cảm thấy nhẹ nhõm, cả sự ghê rợn cũng đã qua. Tất nhiên sau đó tôi đã không vui mừng, tôi vẫn có chút cay đắng, và tôi nghĩ xét cho cùng có thể hiểu được, nhưng đúng hơn là theo một cách chung chung nào đó, không hề tức giận, có thể nói rằng với đôi chút ngấm ngấm ưng thuận chỉ vì quy luật của tự nhiên; dầu sao tôi cũng vội vàng đẩy lại, và từ đó tôi không chiến đấu với chúng nữa, không làm phiền chúng thêm nữa.

Tôi có thể khẳng định: không có ngần ấy kinh nghiệm, không có sự bình thản hoàn thiện đến thế, cũng không có sự thấu hiểu có sức nặng đến thế, thì dường như, ta sẽ không dành cho vận may của chúng ta một cơ hội cuối cùng vì lợi ích của bản thân – nếu như có phương cách, tất nhiên. Như vậy, khi mà tôi, cùng với tất cả những người khác đã không còn nhiều hy vọng được sắp xếp việc làm ở đây, tại Zeitz này nữa, thì họ chuyển trả tất cả lại cho nơi đã gửi đến: quay lại Buchenwald. Tôi chia sẻ niềm vui này với những người khác bằng tất cả khả năng còn lại của mình, tất nhiên, vì những ngày tốt lành ở đó, đặc biệt là tôi nhớ ngay đến những lần chia xúp buổi sáng. Nhưng phải công nhận, tôi đã không nghĩ đến chuyện là trước đó phải đến nơi đã, mà đi bằng tàu hỏa cùng với những điều kiện của các chuyến đi như đã biết. Dù sao tôi cũng có thể nói rằng có những sự việc mà cho đến lúc này không bao giờ tôi hiểu được, và cũng khó có thể tin được hoàn toàn. Chẳng hạn có một khái niệm có thời hay nghe nói như “di cốt” của ai đó, theo hiểu biết đến lúc đó của tôi thì nó chỉ thích ứng với một người đã khuất nào đó. Hơn nữa về phía bản thân mình tôi không thể hoài nghi, tôi đã sống, dù leo lét, dù vụn nhỏ hết cỡ, nhưng trong tôi vẫn cháy một thứ gì đó, ngọn lửa sống – như người ta thường nói, có nghĩa là cơ thể tôi đây, tôi biết rõ mọi điều về nó, chỉ có bản thân tôi không còn ở trong nó theo cách nào đó.

Tôi nhận ra không mấy khó khăn rằng cái thân xác này, với những thứ khác bên cạnh nó, bên trên nó đang nằm đây, trên lớp rơm lạnh lót sàn xe đang xóc nảy lên và nhót nhát từ mọi thứ ẩm ướt đáng gờm này, rằng lớp băng giấy đã rách tả tơi, đã rụng xuống, tan vữa ra từ lâu, rằng áo sơ mi, quần người ta mặc cho tôi đi đường đã dính chặt vào các vết thương của tôi – nhưng tất cả những điều đó không động chạm đến tôi trực tiếp, tôi không quan tâm đến chúng, chúng không còn ảnh hưởng đến tôi, thậm chí tôi khẳng định rằng đã từ lâu tôi không thấy mình nhẹ nhõm, thanh thản, gần như mơ màng, có thể nói là thoải mái như lúc này. Sau chừng ấy thời gian rồi cuộc lần đầu tiên tôi đã giải thoát khỏi sự hành hạ của nỗi bức tức: những thân thể chen lấn không làm tôi khó chịu nữa, bằng cách nào đó tôi còn lấy làm mừng vì chúng cũng ở đây, cùng với tôi, vì chúng gần gũi và cũng giống thân thể tôi đến mức ấy, và giờ đây lần đầu tiên tôi thấy một cảm giác bất thường, trái khoáy, lúng túng, có thể nói là vụng về nào đó – có thể là tình thương, tôi nghĩ thế. Và tôi nhận thấy ở cả những người khác điều đó. Họ không còn an ủi tôi, như lúc ban đầu, bằng hy vọng nữa. Cũng có thể, điều này khiến nảy ra những biểu hiện khác, chẳng hạn như vài lời động viên, an ủi mà đôi khi còn nghe thốt lên bên cạnh những tiếng thở than thông thường, những tiếng nghiến răng, những than phiền lặng lẽ, trở nên khê khàng đến thế, và gần gũi thế. Nhưng tôi có thể nói những con người đó vẫn còn có khả năng không dè sẻn hành động của họ, chẳng hạn như có những bàn tay nhân ái – ai mà biết được từ xa thế nào tới – đã đưa đến chỗ tôi một chiếc hộp đồng thau, khi tôi kêu cần đi tiểu. Và khi dưới lưng tôi – tôi cũng không hề biết bằng cách nào nữa, khi nào và nhờ bàn tay của ai hay những ai – thay vì những tấm gỗ lát sàn toa bỗng nhiên là những vũng nước băng giá trên nền đất lát đá, thì tôi có thể nói việc tôi đã trở lại Buchenwald an toàn không còn nhiều ý nghĩa đối với tôi, và tôi đã quên đi từ lâu rằng đây là nơi, xét cho cùng, tôi đã từng khao khát đến. Tôi cũng chẳng còn biết mình đang ở đâu, còn trên sân ga hay đã sâu vào trong; tôi không còn nhận ra xung quanh, không thấy cả con đường, những biệt thự và pho tượng mà tôi vẫn còn nhớ rõ.

Dù thế nào, có vẻ như tôi đã phải nằm như thế khá lâu, và tôi cứ nằm yên, thanh thản, hiền lành, không tò mò, nhẩn nại, ở chỗ này, nơi người ta đặt tôi xuống. Tôi không cảm thấy lạnh, thấy đau đớn, và đúng hơn là cũng chỉ có tri giác tôi, chứ không phải làn da tôi truyền đến cho tôi biết rằng một thứ tuyết và mưa bụi giá buốt đang rơi lên mặt mình. Tôi nghĩ đến điều này điều nọ, tôi nhìn – không một động tác thừa, không hề mệt mỏi – những thứ đập vào mắt: chẳng hạn bầu trời thấp, xám xịt và vẫn đục phía trên, chính xác hơn là những đám mây mùa đông màu chì, chậm chạp lướt qua trước tầm mắt. Đây đó những tầng mây như nứt rạn bất chợt để lộ ra một khe hở, một khoảng trống sáng chói xuất hiện trong chốc lát, như sự bí ẩn bỗng nhiên lóe ra từ sâu thẳm, từ đó một tia sáng rơi trên cao xuống chỗ tôi nằm, một cái nhìn chớp nhoáng, soi mói, một con mắt khó xác định màu, nhưng dấu sao vẫn sáng sủa, hơi giống con mắt của ông bác sĩ trước đây tôi gặp ở Auschwitz. Ngay cạnh tôi là một chiếc giày thô kệch, bên kia là chiếc mũ chụp giống mũ của tôi, lọt vào góc nhìn của tôi là một khuôn mặt giữa cái mũi và cái cằm nhọn là một rãnh sâu. Phía sau nữa là những cái đầu, những đồ vật, những thân thể – tôi đã hiểu ra, đó là những gì còn lại, nói bằng từ chính xác hơn là rác rưởi của chuyến hàng mà có lẽ họ tạm vứt xuống đây. Một khoảng thời gian sau, tôi không rõ một giờ, một ngày hay một năm sau, cuối cùng tôi nhận ra những âm thanh, những tiếng động, tiếng va chạm của việc xếp dọn. Cái đầu bên cạnh tôi chợt nhấc lên, và phía dưới ở chỗ vai thông xuống những cánh tay mặc áo tù đang chuẩn bị được ném lên một thứ xe bò hay xe cút kít gì đó, lên đỉnh một đồng xác người đã chất sẵn từ trước. Đúng lúc đó lọt đến tai tôi một giọng nói thoang thoảng, khó khăn lắm tôi mới phân biệt nổi, và trong cái âm thanh lao xao ấy, tôi nhớ ra giọng lè rè quen thuộc: “Tôi... ph...ản đ...ối.” Trong một khoảnh khắc, trước khi vắng tiếp đi, tôi cảm thấy tưởng chừng như cái thân xác ấy dừng lại giữa chừng trong không gian, như kinh ngạc, và ngay lúc đó tôi nghe thấy một giọng nói khác, rõ ràng là của người đang nhấc đôi vai kia lên. Một giọng đàn ông dễ chịu và thân thiện, cái giọng Đức hơi lạ thường thấy trong trại, theo cảm giác của tôi nó biểu hiện sự kinh hoàng, sững sốt hơn là khó chịu: “*Was? Du willst noch leben?*”⁷⁶ ông ta hỏi, và trong giây phút ấy chính tôi cũng cảm

thấy đây là việc lạ lùng, không thể lý giải, một việc nhìn chung là phi lý. Thế là tôi quyết định: về phần mình tôi sẽ khôn ngoan hơn. Nhưng người ta đã cúi xuống phía trên tôi, và tôi buộc phải nheo nheo mắt vì một bàn tay đang rờ nắn thứ gì đó quanh mắt tôi, trước khi ném cả tôi vào giữa cái đồng chất trên một xe cút kít nhỏ, và bắt đầu đẩy đến một nơi nào đó, mà tôi cũng chẳng mấy quan tâm là đến đâu. Tôi chỉ bận tâm đến một việc, chỉ có một ý nghĩ, một vấn đề nảy sinh trong đầu tôi trong giây phút ấy. Có thể đó là do lỗi của tôi mà tôi không biết, nhưng chưa bao giờ tôi là kẻ biết lo xa để hỏi han về những tập tục, cách thức, phương pháp ở Buchenwald, tóm lại là ở đây người ta làm như thế nào: bằng gas, như ở Auschwitz, có lẽ bằng sự trợ giúp của độc dược, hay bằng súng đạn, cũng có thể bằng một trong hàng ngàn cách khác, mà những kiến thức của tôi không đủ hiểu – tôi không thể biết. Dù thế nào tôi cũng hy vọng, nó sẽ không còn đau đớn, và có thể là kỳ quặc, nhưng điều này cũng là sự thật, nó cũng làm tôi suy nghĩ, giống như những niềm hy vọng có thật khác mà chúng ta gửi gắm vào tương lai, tôi có thể nói như thế. Và chỉ đến lúc đó tôi mới biết lòng kiêu hãnh là một cảm giác theo đuổi con người ta đến phút chót cuộc đời, vì thực tế dù sự mập mờ này có hành hạ đến mấy thì tôi cũng không hỏi, không xin một lời, thậm chí chỉ một cái liếc mắt về phía những người đang đẩy mình đi cũng không. Nhưng con đường đã đi tới một khúc quanh trên cao, và phía dưới tôi bỗng mở ra một góc nhìn rộng. Dưới kia là một khung cảnh dày xít phủ kín sườn dốc, những ngôi nhà đá nho nhỏ, các dãy nhà có lẽ mới dựng, nom buồn tẻ hơn, còn chưa sơn, làm thành một khu riêng, những hàng rào thép gai ngăn cách các khu riêng biệt, nom ngoằn ngoèo nhưng có trật tự, xa hơn là một mảng rừng cây lớn trơ trụi bao phủ bởi một lớp sương mù. Tôi không biết ở cạnh một ngôi nhà nhiều người Hồi giáo trần truồng đang đứng chờ điều gì, một vài người phụ trách đi đi lại lại, nếu tôi nhìn không nhầm thì đúng là từ những chiếc ghế thấp, từ những động tác của họ tôi bỗng nhận ra những tay thợ cạo, như thế nghĩa là đám đông đang chờ vào nhà tắm và sau đó rõ ràng là nhập trại. Nhưng phía trong nữa, trên những con đường rải đá trong trại cũng thấy những dấu hiệu nhộn nhịp, chuyển động, sinh hoạt – các tù phạm cũ, những người đau ốm, những người phụ trách, coi kho, những người may

mẫn được lựa chọn vào các đội lao động trong trại đi lại tấp nập, hay đang làm những việc thường ngày của họ. Chỗ này chỗ nọ có những đám khói đáng ngờ hòa lẫn các đám hơi thân thiện hơn, từ đâu đó có tiếng va chạm quen thuộc văng đến tai tôi, êm êm như tiếng chuông trong những giấc mơ, và ánh mắt tìm kiếm của tôi bắt gặp dưới kia một đoàn người đang khiêng những cây sào trĩu xuống dưới sức nặng của những chiếc nôi đang bốc hơi nghi ngút, và trong không khí ngai ngái từ phía xa xa, không nghi ngờ gì nữa, tôi nhận ra mùi xúp củ cải. Đáng tiếc, vì hình ảnh ấy, cái mùi ấy đã tạo ra – từ trong lồng ngực đã tê liệt của tôi – một cảm giác mà nhịp sóng tăng dần của nó đã làm ứa đôi mắt cạn kiệt của tôi vài giọt nóng hổi, chúng lẫn vào sự ẩm ướt lạnh lẽo trên mặt tôi. Và mọi sự cân nhắc, suy nghĩ, chấp nhận, tinh táo đều vô ích, tôi không thể làm khi nhận ra một khao khát đã len lỏi, một cảm giác hổ thẹn vì sự vô nghĩa của nó, nhưng vẫn càng lúc càng dai dẳng: tôi vẫn còn muốn sống thêm chút nữa trong cái trại tập trung đẹp đẽ kia.

8.

Phải công nhận, có những sự việc nhất định tôi không bao giờ có thể giải thích nổi, không hẳn vậy, mà là nếu tôi không nhìn chúng trong tổng thể những mong đợi của tôi, trong tổng thể của quy luật, hoặc của nguyên do – từ góc độ cuộc sống, nói tóm lại là từ trật tự của các sự việc, ít nhất là ở mức độ mà tôi đã làm quen. Như vậy khi người ta nhấc tôi từ xe cút kít, đặt tôi xuống đất ở một nơi nào đó, tôi không sao hiểu nổi mình còn có công chuyện gì để làm, chẳng hạn như với cái tông đơ xén tóc và bàn cạo. Cái căn phòng lèn kín đến ngạt thở và ngay từ lần đầu tiên giống hệt một buồng tắm mà người ta đã đặt cả tôi xuống lớp sàn gỗ trơn nhầy giữa vô số những gót chân, bàn chân giẫm đạp, những bắp chân, xương chân lở loét, về đại thể đã gần như phù hợp hơn với mong đợi của tôi. Tôi còn thoáng nghĩ trong đầu lần cuối cùng: vậy là có vẻ như thói quen ở Auschwitz cũng có hiệu lực cả ở đây. Tôi càng ngạc nhiên hơn khi sau một lúc chờ đợi, sau những âm thanh xì xoẹt, lục đục từ những vòi nước phía trên bất chợt có nước, nước nóng bắt đầu phun xối xả. Tôi không khoái lắm, vì lẽ ra tôi còn thích nằm trong không gian ấm áp một lúc nữa, nhưng tôi không thể làm bất cứ điều gì, khi một sức mạnh không thể cưỡng lại được nâng bổng tôi lên cao khỏi rừng chân người nhộn nhạo, rồi tôi được quấn trong một tấm giống như vải trải giường, bên trên là một tấm chăn dạ thô. Sau đó tôi nhớ mình được ai đó vác lên vai, đầu ngật ra sau, chân thông ra trước; tôi nhớ đã qua một cái cửa, một cầu thang hẹp và những bậc thang dốc, lại một cái cửa nữa, rồi đến một nơi, có thể gọi là một căn phòng rộng rãi và sáng sủa, trang thiết bị đập vào con mắt nghi hoặc của tôi đã gần sang trọng như một trại lính, và cuối cùng từ trên vai người vác, tôi được đặt xuống giường, một cái giường đơn tử tế, có thật với những bao rơm nhồi đầy và hai tấm chăn dạ màu xám. Tôi còn nhớ có hai người – những con người tử tế, đẹp, có mặt mũi, tóc tai, mặc quần trắng, áo ba lỗ, đi giày đế gỗ; tôi nhìn ngắm họ, còn họ nhìn lại tôi. Chỉ đến lúc ấy tôi mới chú ý đến miệng họ, và này giờ một thứ ngôn ngữ nghe như

hát đập vào tai tôi. Tôi có cảm giác như họ muốn biết ở tôi một điều gì đó, nhưng tôi chỉ biết lắc đầu: tôi không hiểu. Thế là tôi nghe tiếng một trong hai người nói tiếng Đức, với trọng âm rất lạ: “*Hast du Durchmarsch?*”²² nghĩa là tôi có bị tháo dạ hay không, và tôi bất ngờ nhận ra giọng mình đáp: “*Nein,*” tôi nghĩ ngay cả lúc này cũng lại chỉ vì sĩ diện, chắc vậy. Thế là – sau một lúc bàn bạc, chạy đi chạy lại – họ ấn vào tay tôi hai thứ. Một cái nồi có cà phê ấm, thứ kia là bánh mì, theo ước đoán của tôi là một phần sáu cái. Tôi có thể nhận, có thể ăn uống không cần trả giá, không cần trao đổi thứ gì. Sau đó bỗng nhiên nội tạng tôi bắt đầu phát tín hiệu sống, bắt đầu lục đục và không tuân theo ý muốn, làm tôi phải tập trung tất cả sự chú ý và chủ yếu là sức lực vào nó để nó khỏi phản lại lời tôi vừa nói lúc trước. Rồi tôi chợt tỉnh ra và thấy một người lại đến bên cạnh, nhưng lúc này ông ta đã đi ủng, mũ xanh thẫm gọn gàng, áo tù có gắn tam giác màu đỏ.

Tôi lại được vác lên vai, xuống cầu thang, lần này thì đi thẳng ra ngoài. Một lát sau chúng tôi vào một nhà gỗ lớn màu xám, kiểu như một trạm xá, một kiểu *Revier*, nếu tôi không nhầm. Nói gì thì nói, ở đây mọi thứ lại gần phù hợp với sự chờ đợi của tôi, xét cho cùng tôi thấy mọi thứ đều ổn, chứ chưa muốn nói là rất gần gũi, thân thiện – chỉ có điều bây giờ tôi không hoàn toàn hiểu cách cư xử lúc trước, sao tôi lại được nhận bánh mì và cà phê. Trên đường chúng tôi đi, dọc theo chiều dài của dãy nhà là dãy *box* ba tầng quen thuộc như chào đón. Cái nào cũng chật cứng, và với con mắt có đôi chút kinh nghiệm, có thể nói đôi mắt tôi cũng đã thuộc trong số đó, thì dựa trên cái tập hợp của những gương mặt biến dạng đến không thể phân biệt nổi, ghẻ lở, da thịt lở loét, những bộ xương, quần áo rách rưới, những tay chân gầy guộc, vẫn có thể nhận ra ngay trong mỗi ngăn có ít nhất là năm, ở một vài ngăn có tới sáu thân thể như thế. Bên cạnh đó, trên những tấm ván để trần, tôi hoài công tìm thứ rơm rãi ồ mà ngay đến ở Zeitz cũng được coi là thứ ước mơ – nhưng trong thời gian mà tôi có thể sẽ ở đây, điều này là chi tiết không quan trọng lắm, đúng thế, tôi công nhận. Lúc đó lại xảy ra một bất ngờ mới – trong khi chúng tôi dừng lại và nghe tiếng nói chuyện, trao đổi rõ ràng là giữa người vác tôi và một người nào khác. Lúc đầu tôi cũng không biết mình nhìn có rõ không, nhưng tôi không thể nhầm, vì ở đoạn này căn

nhà được chiếu bằng những ngọn đèn lớn, khá sáng sủa. Ở đây, từ phía bên tay trái tôi cũng thấy hai dãy *box* bình thường, chỉ có điều các tấm ván gỗ được phủ bởi những lớp mền màu đỏ, màu hồng, màu xanh, xanh lá cây và màu tím, bên trên còn một hàng nữa, cũng những tấm chăn như thế, và giữa hai lớp chăn, sát cạnh nhau tạo ra những cái đầu trẻ con cạo trọc lốc, lớn có, bé có, nhưng nhìn chung là bọn con trai trạc tuổi tôi. Và đúng lúc chỉ vừa nhận ra điều đó, thì tôi bị đặt xuống đất, và một ai đó đã giữ cho tôi dựa vào để tôi khỏi đổ gục, để họ tháo tấm chăn ra khỏi tôi, quần tằm lên đầu gối và mạng sườn tôi lớp bằng giấy, rồi mặc cho tôi một chiếc áo. Tôi được trượt vào giữa hai lớp chăn, vào chỗ mà hai cậu con trai hai bên vừa né ra nhường, ở tầng giữa.

Rồi họ bỏ mặc tôi ở đây, không một lời giải thích, và thế là tôi lại phải tự dựa vào khả năng suy đoán của bản thân. Dẫu sao, cần phải công nhận rằng tôi đang ở đây, và đó là một thực tế không thể phủ nhận, trong mỗi khoảnh khắc nó lại tái hiện, tái hiện nữa và tiếp tục duy trì. Sau này tôi còn hiểu rõ thêm một vài điều cần biết nữa. Chẳng hạn như chỗ này đúng hơn là đầu chứ không phải cuối của dãy nhà, phía đối diện có một cửa mở ra ngoài, hơn nữa khoảng sáng sủa rộng rãi phía trước tôi cho thấy đây là khu vực hoạt động của các bậc có chức sắc, thư ký, bác sĩ, ở vị trí dễ thấy nhất là một chiếc bàn được phủ tấm ga trắng. Những người nằm trong các hộp gỗ phía sau đa phần bị kiệt lực hoặc thương hàn, hay nếu không thì chắc chắn cũng sẽ bị. Triệu chứng đầu tiên – mà cái mùi không thể giảm nổi là một dấu hiệu – là *Durchfall*, nói cách khác là *Durchmarsh*, như những người trong đội làm việc ở buồng tắm đã hỏi tôi ngay lập tức, và theo đó – phải công nhận, lẽ ra nếu trả lời thật thà câu hỏi của họ, thì chỗ của tôi cũng là phải ở đằng kia. Những thứ được cấp phát hằng ngày và ăn uống, tôi thấy về cơ bản giống ở Zeitz: sáng cà phê, xúp đến từ lúc nửa buổi, suất bánh mì thường là một phần ba hay một phần tư, nếu một phần tư thì có thêm món *Zulage*. Do chiếu sáng đơn điệu thường xuyên, không bị ảnh hưởng bởi ánh sáng hay bóng tối ngoài cửa sổ từ bất cứ đâu, nên rất khó nhận ra đang là buổi nào trong ngày, chỉ có thể suy diễn qua các dấu hiệu nhất định không thể nhầm lẫn: như cà phê vào buổi sớm, giờ ngủ là lúc bác sĩ chia tay vào buổi tối.

Ngay từ buổi tối đầu tiên tôi cũng đã có cuộc làm quen. Tôi chú ý tới một người đứng ngay trước *box* của chúng tôi. Ông ta không thể là người cao lăm, vì đầu ông ta ngang tầm với đầu tôi. Mặt ông ta không chỉ đầy đặn, mà còn béo hăn hoi, nhiều chỗ trể xuống núng nính, và không chỉ có bộ ria mép uốn cong đã gần như muối tiêu hết, mà thật ngạc nhiên, vì trong trại tập trung chúng tôi chưa thấy điều này bao giờ: bộ râu quai nón cắt tỉa công phu gần như bạc hết, mảnh và nhọn về phía dưới cằm. Ông đội một cái mũ lớn, nom oai vệ và mặc quần vải tối màu, nhưng lại vận áo tù – dù chất vải tốt, với băng tay bên trên có ký hiệu đỏ, trong đó có chữ “F”. Ông nhìn tôi, như thường nhìn những người mới đến, và còn nói với tôi điều gì đó. Tôi nói với ông một câu duy nhất tôi biết bằng tiếng Pháp: “*Je ne kompran pas, Monsieur!*” “*Oui, Oui,*” ông đáp, bằng giọng cười mở, thân thiện và hơi khàn khàn “*bon bon, mo’fis,*” và ông đặt lên tấm chắn, trước mũi tôi, một viên đường, một viên đường thực sự, đúng như tôi còn nhớ từ thời ở bên nhà. Sau đó ông đến hết lượt bọn con trai, trong cả hai dãy *box*, cả ba tầng, và cũng lấy trong túi ra cho mỗi đứa một viên đường. Với một vài đứa thì ông chỉ đặt xuống trước mặt, với một số khác ông dừng lâu hơn, thậm chí một vài đứa còn có thể trò chuyện với ông, và ông còn vỗ nhẹ vào mặt, cù nhẹ lên cổ những đứa này, nói đôi lời âu yếm như người ta thường âu yếm chú chim hoàng yến cứng trong những giây phút dành cho nó. Tôi còn nhận ra rằng đối với một vài con cứng, chủ yếu là những đứa hiểu thứ ngôn ngữ của ông ta, ông còn có thêm một viên đường nữa. Đến lúc này tôi mới công nhận điều người ta vẫn dạy bảo từ bên nhà, hiểu biết mới hữu ích làm sao, đặc biệt là am hiểu ngôn ngữ, đúng thế thật.

Tất cả những điều này, phải nói là tôi đã hiểu, đã chấp nhận, nhưng chỉ với cảm giác, tôi có thể nói gần như với điều kiện rằng trong lúc đó tôi vẫn chờ đợi, dù tôi không thể biết là đặc biệt chờ gì, một sự thay đổi bước ngoặt, chiếc chìa khóa của bí mật, sự thức tỉnh, xin được nói như thế. Chẳng hạn như ngày hôm sau, khi trong lúc làm công việc của mình với những người khác, ông bác sĩ cũng đã chỉ vào tôi. Tôi được lôi ra khỏi chỗ nằm, và đặt tay lên bàn, trước mặt ông. Từ trong cổ họng ông, tôi nghe thấy vài lời thân thiện. Ông khám cho tôi, ông gõ gõ, áp cái tai lạnh, chạm cả đầu bộ ria nhọn

lên ngực, lên lưng tôi, ông ra hiệu bảo tôi ho, hít hơi thật dài. Rồi để tôi nằm ngửa, bảo người trợ lý hay giúp việc gì đó tháo đám băng giấy, khám các vết thương cho tôi. Ông xem xét, lúc đầu chỉ từ xa, sau rồi ông thận trọng rà nắn xung quanh, làm vết thương bắt đầu rỉ cả các thứ chất từ bên trong. Thấy ông lăm bằm điều gì đó, rồi ông lắc đầu lo lắng, có vẻ như điều đó làm ông chán nản, mất hết hứng thú, tôi cảm thấy thế. Ông băng bó lại ngay, như muốn cho khuất mắt ông, và tôi phải nhận ra rằng những vết thương không làm ông vui lòng cho lắm, không cách nào có thể làm ông được an ủi, thỏa mãn.

Nhưng ở một lĩnh vực khác, cuộc sát hạch của tôi cũng thất bại, tôi buộc phải nhận ra điều đó. Ví dụ như tôi không thể nào hiểu nổi mấy đứa con trai nằm bên cạnh. Còn chúng thì trò chuyện thoải mái với nhau, qua người, trên đầu, hay trước mặt tôi, cứ như qua một thứ vật cản chẵn ngang đường vậy. Trước đó chúng đã hỏi tôi là ai, là gì. Tôi bảo: “*Ungar*,” và nghe thấy chúng truyền nhau rất mau xung quanh: “*Vengerskij, vengrja, matiar, ongroa*,”⁷⁸ và nhiều cách nói khác nữa. Một đứa còn nói: “*Khenyir*,”⁷⁹ nghĩa là “bánh mì,” và cái cách nó cười khi nói, sau đó là cả một dàn đồng ca nói theo, làm cho tôi không mấy may nghi ngờ chút nào, rằng nó biết, và biết rất rõ nòi giống của tôi. Thật khó chịu, và bằng cách nào đó tôi muốn làm cho chúng hiểu: chúng đã nhầm, vì những người Hung thì không coi tôi thuộc về họ, và về đại thể tôi cũng chỉ có thể chia sẻ cách nhìn của chúng về họ, và rằng thật lạ, hơn nữa tôi còn thấy đây cơ bản là một việc không xứng đáng, rằng ở đây lại chính vì họ mà người ta nhìn tôi khó chịu, nhưng tôi nhớ ra trở ngại vớ vẩn kia, rằng tôi chỉ có thể nói điều này cho chúng hiểu bằng tiếng Hung, hay bất quá thì bằng tiếng Đức, và thế thì còn tồi tệ hơn, chính tôi cũng thấy vậy.

Và còn có một sai lầm khác, một cái tội nữa mà trong nhiều ngày tôi không sao che giấu thêm mặc cho tất cả mọi cố gắng. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng thỉnh thoảng nếu cần thiết phải gọi đến một anh chàng có vẻ chỉ nhiều tuổi hơn chúng tôi chút ít và nom giống như một cậu phụ việc hộ lý. Những lúc như thế anh ta xuất hiện với một cái nôi thấp có cán đủ dài, và

chúng tôi nhét nó xuống dưới chăn. Rồi lại phải gọi: “*Bitte! Fertig! Bitte!*”⁸⁰ cho tới khi anh ta quay lại lấy. Không một ai, kể cả anh ta có thể tranh cãi về quyền chính đáng của một yêu cầu như thế một, hai lần trong ngày. Chỉ có điều tôi buộc phải phiền anh ta ngày ba lần, có khi tới bốn lần, và tôi thấy điều đó làm anh ta bực mình – kể ra cũng dễ hiểu, tôi không thể phủ nhận được, dù nói gì đi chăng nữa. Có lần anh ta đã mang cái nôi tới cả chỗ ông bác sĩ, giải thích, lý sự cái gì đó, chỉ vào thứ đựng trong nôi, và ông bác sĩ thoáng dăm chiêu về tang vật một lát; nhưng sau đó ông lắc đầu xua tay phủ nhận một cách không thể nhầm lẫn. Buổi tối ông vẫn chia đường: như thế nghĩa là mọi việc đều ổn – tôi lại có thể yên tâm chui vào tấm chăn và vào sự chắc chắn vẫn đang duy trì, có vẻ như không thay đổi nổi, ít nhất là trong ngày hôm nay, của những cơ thể ấm nóng này.

Hôm sau vào khoảng giữa thời gian chia cà phê và xúp, một người bước vào từ thế giới bên ngoài, một nhân vật trong số hiếm hoi những người có quyền thế, tôi nhận ngay ra điều đó. Chiếc mũ nôi to may bằng dạ đen, chiếc áo choàng trắng tinh, ống quần là phẳng nếp sắc như lưỡi dao cạo, giày đánh xi bóng loáng, và khuôn mặt ông ta không chỉ là một tác phẩm thô thiển, nom đàn ông quá mức, với những đường nét như được tạc bằng dao chạm, mà lớp da mặt tím đỏ đã gần như bị lột làm tôi hơi hoảng sợ. Ngoài ra ông còn có thân hình cao, to, tóc hai bên thái dương đã chớm bạc, hai tay chấp tay ra sau nên từ chỗ tôi nằm không đọc được chữ cái trên băng đeo tay, nhưng đặc biệt là cái tam giác đó không có ký hiệu: nghĩa là biểu hiện của dòng máu Đức thuần khiết đáng ngại. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi được ngắm nhìn một người mà số tù không phải con số hàng vạn, không phải hàng nghìn, cũng không phải hàng trăm, mà tất cả vền vẹn chỉ có hai chữ số. Viên bác sĩ của chúng tôi vội vàng đến chào, bắt tay, vỗ vỗ lên cánh tay, tóm lại muốn lấy lòng ông kia, như đón một vị khách rất mong đợi làm sang trọng cho gia chủ bằng việc đến thăm của mình, và tôi thật sự kinh ngạc khi bỗng nhận ra rằng, không còn nghi ngờ gì nữa, theo mọi dấu hiệu thì ông bác sĩ bắt đầu nói về tôi cho ông kia nghe. Ông bác sĩ đã khoát tay một vòng rộng, chỉ vào tôi cho ông kia thấy, và từ câu nói tiếng Đức khá nhanh của ông ta, tôi nghe rõ từ này: “*Zu dir.*”⁸¹ Sau đó ông bác sĩ còn tiếp

tục, khẳng định, thuyết phục ông kia liên hồi, vừa làm những động tác giải thích, như người ta vẫn mời chào một món hàng, cố bán xong cho thật nhanh. Còn ông kia, lúc đầu chỉ im lặng lắng nghe, như thể bất cần, có thể nói như một khách hàng khó tính, nhưng cuối cùng có vẻ như ông đã bị thuyết phục – ít nhất là tôi cảm thấy thế qua ánh mắt nhanh, sắc, đã có vẻ như chiếm hữu theo một cách nào đó mà ông ta hướng về phía tôi bằng một đôi mắt đen bé xiu, và cả qua cái gật đầu nhẹ, qua cái bắt tay và tất cả cách thức mà ông quay đi, cả từ nét mặt hồ hởi, mãn nguyện của ông bác sĩ.

Tôi không phải chờ quá lâu, cửa lại bật mở, và chỉ trong nháy mắt tôi đã thấy một chiếc áo tù có hình tam giác màu đỏ, bên trong gắn chữ “P” – ai cũng biết đó là dấu hiệu chỉ người Ba Lan – và trên băng đeo tay là chữ “*Pfleger*”: nghĩa là người vừa bước vào là hộ lý. Đó là một người còn trẻ, khoảng ngoài hai mươi. Anh ta cũng có một chiếc mũ xanh, tuy nhỏ hơn, dưới vành mũ là mái tóc màu hạt dẻ mềm mại trùm lên hai tai, rủ xuống tận cổ. Tất cả những đường nét trên khuôn mặt dài nhưng đầy đặn của anh đều rất hài hòa, dễ chịu, nước da màu hồng, miệng hơi rộng với cặp môi mềm thân thiện: nói tóm lại anh là một người đẹp trai, và chắc là tôi còn ngấm anh, nếu như anh không tìm ngay ông bác sĩ và ông này không chỉ tôi cho anh, và nếu như trên tay anh không có một tấm chăn dạ mà ngay sau khi lôi tôi ra khỏi chỗ nằm anh dùng để quấn quanh tôi, và có vẻ như đây đã thành thói quen, anh liền vác tôi lên vai. Công việc của anh không phải không gặp trở ngại, vì tôi đã dùng cả hai tay bám chặt vào chiếc thang ngang phân cách hai *box* một cách hú họa, theo phản xạ. Tôi còn cảm thấy hơi ngượng vì chuyện này: khi đó tôi cũng đã nghiệm ra rằng vốn vẹn chỉ vài ngày sống có thể đánh lừa lý trí của chúng ta, có thể làm ta khổ sở tới mức nào. Nhưng anh tỏ ra khỏe hơn tôi, và dù tôi có quấy đạp, có đâm vào lưng vào sườn anh bằng cả hai nắm đấm cũng vô ích, anh chỉ cười – tôi cảm thấy thế qua nhịp rung của anh; thế là tôi dừng lại, mặc anh muốn đem tôi đi đâu thì đem.

Có những chỗ rất lạ ở Buchenwald. Bạn có thể đến một trong những ngôi nhà màu xanh đơn sơ ở phía sau một hàng rào thép gai, mà cho đến nay, nếu là cư dân của Trại Nhỏ, cùng lắm bạn chỉ có thể ngắm nhìn từ xa.

Giờ thì bạn có thể biết bên trong nó – ít nhất là trong cái nhà này – có một cái hành lang sạch sẽ, bóng loáng đến đáng ngờ. Từ hành lang mở ra những cánh cửa – những cánh cửa bình thường, màu trắng, có thật – sau mỗi cánh cửa là một căn phòng sáng sủa, với chiếc giường trống đã chuẩn bị sẵn như chỉ chờ bạn đến. Trên giường phủ một tấm chăn màu đỏ. Người bạn lún sâu vào tấm đệm rơm nhồi căng. Ở giữa, bạn có thể thấy, không thể lầm, đúng là một lớp ga trải giường màu trắng, mát lạnh. Dưới gáy bạn cũng có một cảm giác dễ chịu rất lạ: thủ phạm là một chiếc gối nhồi rơm bọc vải trắng. Người *Pfleger* gập cái chăn dạ đã dùng để quấn và vác bạn đến đây làm tư rồi đặt xuống phía chân: thế nghĩa là bạn có thể dùng nó, chắc là trong trường hợp bạn không hài lòng với nhiệt độ trong phòng. Rồi anh ta cầm một tờ giấy và cái bút chì ngồi xuống cạnh giường, và hỏi bạn tên gì. Tôi bảo: “*Vier-und-sechzig, neun, ein-un-zwanzig.*” Anh ta ghi lại, nhưng tiếp tục cật vấn, phải mất một lúc bạn mới hiểu ra, anh ta quan tâm đến cả tên thật, cả “*name,*” và bạn lại mất một lúc nữa, và điều này đã xảy ra cả đối với tôi, cho đến khi lục tìm xong trong kí ức bạn mới nhớ ra. Anh ta bắt tôi nhắc đi nhắc lại ba, bốn lần cho đến khi có vẻ đã nghe ra. Rồi anh ta chìa cho tôi xem cái anh đã viết, và trên đỉnh mặt tờ giấy kẻ dòng, kiểu tờ bệnh án, tôi đọc thấy: “*Kewischtjerd*”⁸². Anh ta hỏi “*dobro jesz*”⁸³ có “*gut*”⁸⁴ không, và tôi bảo, “*Gut,*” thế là anh ta đặt tờ giấy lên bàn và bỏ đi.

Sau đó thì, vì rõ ràng bạn có đủ thời gian, bạn có thể nhìn quanh, ngắm nghía, xem xét một chút. Chẳng hạn bạn có thể xác định được, nếu như đến lúc này chưa thấy, trong phòng còn có những người khác. Chỉ cần nhìn họ là bạn có thể đoán ra: tất cả họ cũng có thể là những bệnh nhân. Bạn có thể nhận ra cái màu sắc, cái ấn tượng làm dịu con mắt bạn, là một màu đỏ thẫm chủ đạo lẫn át tất cả, màu lờ mờ của chất liệu sơn trên những thanh gỗ dài lát nền, cả những tấm chăn được lựa chọn theo cùng một sắc độ trên tất cả các giường. Tổng số có chừng mười hai cái. Tất cả đều là giường một, và giường tầng cũng chỉ ở chỗ này, bên cạnh bức tường ngăn đóng bằng các thanh gỗ sơn trắng, nơi tôi nằm ở tầng dưới cùng, và phía trước tôi, cũng như hai cái sát bên phía tường ngăn đối diện. Bạn có thể lấy làm khó hiểu vì nhiều chỗ không dùng đến, vì những khoảng trống rộng hàng mét giữa các

giường theo hàng dọc, và có thể ngạc nhiên vì sự xa hoa, nếu thấy chỗ này chỗ nọ vẫn còn những giường bỏ trống. Bạn có thể phát hiện ra những ô cửa kính hình vuông chia nhỏ xinh xắn để cho ánh sáng chiếu qua, và có thể đập vào mắt bạn dấu triện hình con đại bàng mỏ quặp màu nâu nhạt trên vỏ gối, bên trong có chữ “*Waffen SS*”⁸⁵ mà rồi bạn có thể nhắm đọc từng chữ cái. Còn nếu bạn muốn thăm dò các gương mặt, bởi bạn có thể nghĩ rằng sự xuất hiện của bạn dù sao cũng là một sự kiện mới, để tìm một dấu hiệu, một biểu hiện của sự quan tâm, thất vọng, niềm vui, nỗi buồn hay chỉ để nhận ra sự tò mò thoáng qua, thì đều vô ích, và tình trạng này càng kéo dài sẽ càng làm bạn cảm thấy khó chịu hơn, thấy phiền lòng hơn, ở mức độ nhất định có thể nói bạn càng thấy sự im lặng này bí ẩn hơn, bạn sẽ cảm thấy như vậy, một cảm giác rõ ràng là rất kì quặc, nếu bạn vô tình rơi vào chốn này. Bạn có thể thấy trên khoảng trống vây quanh bởi các giường nằm có một chiếc bàn nhỏ phủ vải trắng, gần bức tường đối diện là một cái bàn to hơn, xung quanh đặt mấy chiếc ghế tựa, bên cạnh cửa ra vào có một lò sưởi bằng sắt đang bập bùng, sát bên là giỏ đựng đầy than đen nhánh.

Và rồi sau đó, bạn có thể vắt óc nghĩ: tất cả những thứ này là để làm gì, căn phòng này, trò đùa với chăn, giường và sự yên tĩnh này. Bạn có thể nhớ tới chuyện này chuyện khác, bạn thử hồi tưởng, suy diễn, chọn lựa từ những hiểu biết của mình. Cũng có thể, bạn sẽ suy ngẫm, ngẫm nghĩ, cũng như tôi, rằng đây có lẽ cũng là nơi giống như chúng tôi đã nghe nói ở Auschwitz, nơi người ta dùng bơ sữa để vỗ béo cho bệnh nhân, cho đến khi chẳng hạn họ từ từ lấy hết nội tạng của mình để nghiên cứu, vì mục đích khoa học. Nhưng tất nhiên, bạn phải công nhận rằng, đây cũng chỉ là một giả thiết, chỉ là một trong các khả năng; và cái chính là tôi cũng chưa thấy dấu vết, thấy mùi vị, thấy động tĩnh nào của sữa, của bơ. Thế những tôi vẫn nảy ra một ý nghĩ, cũng có thể là một ý nghĩ mơ hồ, nhưng ai có thể đánh giá được điều gì là có thể và đáng tin cậy, ai có thể khai thác hết, ai có thể đi đến tận cùng tất cả vô vàn những ý tưởng, sáng kiến, trò chơi, trò đùa không đếm xuể và những suy nghĩ cần xem xét, có thể thấy, có thể được thực hiện, có thể dễ dàng biến từ thế giới tưởng tượng thành hiện thực trong một trại tập trung. Thế mà giờ đây, tôi nghĩ đang nghĩ thế, khi họ đã đưa con người ta đến đúng một căn

phòng như thế này. Đã đặt xuống một cái giường chần đệm như thế này. Họ chữa trị, chăm bẵm, nuông chiều – chỉ có điều là chưa cho ăn, giả dụ thế. Cứ cho là còn có thể họ chú ý xem mỗi người sẽ chết đói như nào chẳng hạn – chắc hẳn điều đó cũng có thể có cái lý thú của nó, hay ích lợi mang ý nghĩa cao hơn của nó, sao lại không, tôi phải công nhận như vậy. Dù tôi xoay trở thế nào, ý nghĩ này càng lúc càng có vẻ sinh động hơn, càng có vẻ hữu ích hơn: thế có nghĩa là rõ ràng một người có chức trách hơn tôi cũng có thể nghĩ đến điều này, tôi cho là thế. Tôi nhìn sang người bên cạnh, một bệnh nhân nằm cách tôi chừng một mét về phía bên trái. Đó là một người đã có tuổi, đầu chớm hói, mặt ông ta còn lưu giữ những đường nét của một gương mặt cũ, đây đó còn thấy có da có thịt. Bên cạnh đó tôi nhận thấy tai ông ta bắt đầu hơi giống những chiếc lá bằng thạch lập của các bó hoa giả một cách đáng ngờ, tôi cũng đã nhận ra màu vàng nhất định trên chòm mũi và quanh mắt ông. Ông nằm ngửa, cái chần đắp trên người rung lên xuống nhẹ nhẹ: có vẻ như ông đang ngủ. Dầu sao tôi cũng thử thăm thì về phía ông, hỏi ông có hiểu tiếng Hung không? Im lặng, không những không hiểu, có vẻ như ông không nghe được gì cả. Tôi đã quay đi, và đang chuẩn bị theo dõi những ý nghĩ của mình, thì bất chợt có tiếng thăm thì, nhỏ nhưng đủ hiểu vọng đến tai: “Có...” Đúng là ông, không nghi ngờ gì nữa, dù ông vẫn nằm bất động, không hề mở mắt. Còn tôi thì, thật ngốc nghếch, mừng rỡ đến nỗi, không biết vì sao, nhưng trong vài phút tôi quên khuấy mất thực ra là mình muốn gì ở ông. Tôi hỏi: “Ông từ đâu đến?,” “Từ Budapest...,” ông đáp – sau một lúc – nhưng tôi có cảm giác rất lâu. Tôi lại hỏi “Khi nào?” và sau một lúc kiên nhẫn chờ đợi, tôi được biết: “Tháng Mười một...” Rồi cuối cùng thì tôi hỏi: “Ở đây người ta có cho ăn không?” và chỉ sau một thời gian cần thiết, không biết vì nguyên do gì lần nào cũng thế, ông đáp: “Không...” Tôi định hỏi nữa.

Nhưng đúng lúc ấy viên *Pfleger* lại tới, hơn nữa đi thẳng đến chỗ ông. Anh ta lật chần của ông lên, quấn ông trong chiếc chần dạ, và tôi thật ngạc nhiên thấy anh ta nhẹ nhàng đặt ông lên vai, rồi vác ra phía cửa cái cơ thể vẫn còn khá nặng của ông, từ khoảng bụng ông, một miếng gạc giấy rớt xuống như cử chỉ vẫy chào tạm biệt. Cùng lúc đó nghe có tiếng gõ cộc lốc,

tiếp đó đến tiếng loẹt xoẹt của chiếc loa điện. Rồi một giọng nói vang lên: “*Friseure zum Bad, Friseure zum Bad!*” nghĩa là “Thợ cạo vào buồng tắm, thợ cạo vào buồng tắm!” Một giọng nói hơi giòn, nghe dễ chịu và ve vuốt, có thể nói là êm tai, mềm mại và có nhạc điệu – như thể bạn có thể cảm thấy cả ánh nhìn của người nói, và đầu tiên thiếu chút nữa bạn đã bật ra khỏi giường. Có điều tôi thấy sự kiện này cũng chỉ tác động đến các bệnh nhân ở mức bất quá gần như sự xuất hiện của tôi trước đó, và tôi nghĩ việc này rõ ràng cũng có thể thuộc vào một số những sự kiện thường xuyên ở đây. Tôi còn phát hiện ra ở phía trên cửa ra vào, về bên phải, có một chiếc hộp màu nâu, một kiểu như cái loa thùng, và tôi cũng đã đoán rằng bọn lính thường truyền các mệnh lệnh của chúng qua đó, có vẻ như thế. Một lúc sau viên *Pfleger* lại quay vào, lại đến chiếc giường bên cạnh tôi. Anh ta gấp chăn và ga trải giường lại, thò tay qua một khe hở vào bao tải rơm, và từ trong đó sửa lại chiếc đệm rơm, rồi sửa lại ga trải giường và cả chiếc chăn đắp, tôi đã hiểu ra: gần như chắc chắn tôi không còn thấy lại ông già lúc trước nữa. Và tôi không thể làm gì vì chuyện đó, nhưng ý nghĩ của tôi lại cứ dấy dứt điều này: có thể ông bị trừng phạt chẳng vì đã tiết lộ ra điều bí mật, và điều đó – sao lại không thể nhỉ – biết đâu qua một thiết bị, cơ cấu giống như cái hộp điện đối diện kia, ai mà biết được nó là cái gì, có lẽ người ta đã nghe thấy, đã ghi lại được? Nhưng tôi lại chú ý đến tiếng nói khác, của một bệnh nhân nằm cách tôi ba giường, về phía cửa sổ. Một người bệnh rất gầy, còn trẻ, mặt trắng bệch, và để cả tóc, mái tóc dày màu vàng, gợn sóng. Anh ta nhắc đi nhắc lại hai ba lần cùng một từ, đúng hơn là rặn ra rất khó nhọc, kéo dài từng âm, một cái tên, như tôi dần dần nhận ra: “Pjetchka!... Pjetchka!...” Nghe thấy thế viên *Pfleger* đã đáp lại, cũng kéo dài giọng, và tôi cảm thấy giọng anh có vẻ thân mật: “*Co?*”⁸⁶ Rồi người bệnh nói điều gì đó dài hơn, và Pjetchka – vì tôi hiểu: đó là tên của viên *Pfleger* – đi lại chỗ giường người bệnh. Anh ta thì thầm với người ốm khá lâu, như khi an ủi phần hồn của một ai đó, khích lệ người ấy gắng kiên nhẫn thêm một chút, cố gắng chịu đựng thêm một lúc nữa. Đồng thời anh ta luồn tay xuống lưng nâng người bệnh lên một chút, xê lại cái gối, chỉnh lại tấm chăn, và anh làm tất cả những việc đó một cách thân thiện, vui vẻ, trù mẫn – điều đó đã làm đảo lộn, gần như

phản bác lại tất cả những giả thiết trước đó của tôi. Biểu hiện trên gương mặt lại ngả ra sau ấy tôi chỉ có thể cho là biểu hiện của sự an bài, nhẹ nhõm, những lời nói nhỏ dần như tiếng thở dài nhưng vẫn nghe khá rõ: “*Dizinkquie... dizinkquie bardzo...*”⁸⁷ chỉ có thể nói là lời cảm ơn của anh ta, nếu tôi không nhầm. Rồi cuối cùng, một thứ tiếng động nhẹ đang lại gần đã phá vỡ mọi cân nhắc tỉnh táo của tôi, sau đó là tiếng ồn, rồi tiếng khua gỗ ầm ỉ không thể nhầm lẫn từ phía hành lang vọng tới làm khuấy động cả bản ngã tôi, gây nên sự chờ đợi càng lúc càng tăng, càng không thể cưỡng chế nổi, và đã làm lãng quên toàn bộ sự khác biệt giữa bản ngã và tồn tại. Ngoài kia có tiếng ầm ỉ, tiếng người đi lại, tiếng gõ của những đế giày gỗ, rồi tiếng la sốt ruột của một giọng ồm ồm: “*Saal sechs! Essenholen!*” nghĩa là: “Phòng số sáu! Lấy thức ăn!” Viên *Pfleger* đi ra ngoài, rồi với sự trợ giúp của ai đó mà tôi chỉ nhìn thấy cánh tay qua khe cửa, kéo vào một nồi nặng, và cả phòng liền tràn ngập trong mùi xúp, dù hôm nay cảm thấy rõ chỉ là món xúp rau tầm ma, nghĩa là tôi đã đoán nhầm cả trong việc này.

Sau này tôi còn chú ý đến nhiều thứ hơn nữa, hàng giờ, hàng buổi, rồi nhiều ngày qua đi, tôi đã rõ thêm bao nhiêu điều. Dầu sao, sau một thời gian, dù từng tí một, dù ngần ngại, dù thận trọng, nhưng tôi phải nhận ra, phải chấp nhận sự hiển nhiên của các sự kiện, rằng – như ta thấy – điều này cũng có thể xảy ra, điều này cũng có thể tin được, và rằng nó chỉ bất thường hơn, và dễ chịu hơn, dĩ nhiên, nhưng về cơ bản nó cũng không kỳ quặc hơn bất kỳ sự kỳ quặc nào khác có thể xảy ra và có thể tin được trong một trại tập trung, cả theo cách này hay cả theo cách ngược lại, rất tự nhiên, nếu nghĩ cho cùng. Nhưng mặt khác chính điều này làm tôi lúng túng, căng thẳng, bằng cách nào đó nó làm tôi cảm thấy bất an: xét cho cùng, nếu tỉnh táo nhìn, tôi không thấy một nguyên nhân nào, không thể tìm ra bất kỳ một lý do hợp lý, quen thuộc nào có thể chấp nhận được với lý trí của tôi cho việc tôi tình cờ có mặt ở chính nơi này, chứ không phải là ở một nơi nào khác. Dần dần tôi phát hiện những người bệnh ở đây đều được băng bó, chứ không phải như ở trong ngôi nhà trước đây, và sau một thời gian tôi mạnh dạn đưa ra giả thiết rằng, ở bên đó có khi là nội khoa, còn ở đây – không biết chừng – có lẽ là khoa phẫu thuật; nhưng dù sao tôi cũng không thể coi điều

này, tất nhiên, là nguyên cớ đủ, là lời giải thích cần thiết cho công việc, cho chuỗi liên kết của những cánh tay, những đôi mắt, những ý nghĩ – nếu xét cho kỹ, điều đã đưa tôi từ chiếc xe cút kít cuối cùng đến đây, đến căn phòng này, cái giường này. Tôi đã thử tìm hiểu các bệnh nhân, thăm dò họ đôi chút. Nhìn chung, tôi nhận thấy đa số họ có thể là các tù phạm cũ, đã ở đây từ lâu. Không người nào có vẻ có chút sắc, nhưng mặt khác cũng không thể có cách nào so sánh họ với những người ở Zeitz. Sau một thời gian tôi nhận ra điều này: trên ngực tất cả những người đến thăm người bệnh – bao giờ cũng đúng vào giờ ấy buổi tối, chỉ đến một phút, để nói với họ một lời – cũng đều chỉ có tam giác màu đỏ, và dù chỉ một cái màu xanh lá cây hay màu đen chẳng hạn cũng không có – tất nhiên tôi không hề thấy thiếu chúng, cả màu vàng – mà tôi rất muốn thấy – cũng không có. Nói tóm lại họ là những người khác, dòng máu, ngôn ngữ, tuổi tác, mà hơn nữa họ còn khác biệt bản thân tôi theo cách nào đó, hoặc khác bất kỳ một người nào mà cho đến lúc này bao giờ tôi cũng vẫn hiểu được một cách dễ dàng, và điều này làm tôi hơi khó chịu. Còn về mặt khác, tôi cần phải cảm thấy, chính tại đây có thể, chính ở chỗ này có khi ẩn chứa lời giải đáp. Chẳng hạn như trường hợp của Pjetchka đây: tối tối chúng tôi bắt đầu ngủ với lời chúc “*dobna noc*,”⁸⁸ sáng ra thức dậy cùng lời chào “*dobre ranó*”⁸⁹ của anh. Anh giữ căn phòng ngăn nắp không chệch vào đâu được, anh lau sàn bằng một miếng giẻ ướt gắn trên đầu gậy, đem than đến hăng ngày và đốt lò, chia khẩu phần thức ăn và rửa cà mèn, rửa thìa đi kèm, khi cần thiết thì di chuyển bệnh nhân, và ai biết có việc gì anh không làm: tất cả không một việc gì khỏi tay anh. Dù anh không nói nhiều, nhưng nụ cười, sự sẵn sàng của anh bao giờ cũng vậy, nói tóm lại: cứ như thể anh không phải một nhân vật có chức vụ quan trọng, xét cho cùng anh là người đáng trọng nhất trong phòng, mà là một người trước hết phục vụ bệnh nhân, một hộ lý, một Pfleger, đúng như được ghi trên băng đeo tay của anh.

Hay như ông bác sĩ kia – như sau này mới rõ ra – người có bộ mặt thô ấy là bác sĩ, thậm chí bác sĩ trưởng. Những lần đến thăm, tôi có thể nói là đến khám bệnh của ông, buổi sáng nào cũng như nhau, bao giờ cũng với nghi lễ không thể thay đổi. Đúng lúc căn phòng vừa được dọn dẹp xong, đúng lúc chúng tôi vừa uống xong cà phê và đám nồi niêu vừa biến khỏi chỗ

mà Pjetchka để sau tấm rèm làm từ những tấm chắn dạ, thì trên hành lang đã nghe thấy tiếng gõ của những bước chân quen thuộc. Lát sau một bàn tay dứt khoát mở toang cánh cửa đến sát góc, rồi bằng những lời chắc chắn là “*Guten Morgen,*”⁹⁰ nhưng chỉ nghe thành một tiếng kéo dài thành “Moo’gn” thoát ra từ cuống họng, ông bác sĩ bước vào. Vì lý do nào đó không rõ, có vẻ như chúng tôi không nên đáp lại, mà rõ ràng ông cũng không chờ đợi câu trả lời của chúng tôi, nếu có thì chỉ từ Pjetchka, người đón ông bằng nụ cười, bằng cái đầu để trần, dáng người đứng thẳng của anh ta – nhưng như sau một thời gian dài nhiều lần tôi nhận thấy – có vẻ không với sự trọng thị nhất định mà người ta thường dành cho những bậc đáng kính, mà đúng hơn là theo cái cung cách tựa như đơn giản chỉ là anh tôn trọng ông, theo nhận thức, theo ý muốn tự do của anh, có thể nói đúng là như thế. Rồi ông nhắc lên, kiểm tra với vẻ mặt nghiêm nghị và cân nhắc, từng tờ bệnh án mà trước đó Pjetchka đã chuẩn bị sẵn cho ông trên chiếc bàn màu trắng, cứ như chúng là những tờ bệnh án thật sự, trong một bệnh viện thực, nơi không có gì quan trọng hơn, không có gì hiển nhiên hơn là hỏi thăm sức khỏe của bệnh nhân. Rồi ông quay về phía Pjetchka, nhận xét một đôi điều về tờ này tờ nọ, chính xác hơn là bao giờ ông cũng nói đúng hai kiểu nhận xét. Chẳng hạn ông có thể đọc “*Kewisch... Was? Kewischtjerd!*”⁹¹ và đáp lại, trả lời hay phát bất cứ tín hiệu nào chứng tỏ chúng tôi có mặt ở đây, điều này tôi học được khá nhanh – cũng bất nhẽ chẳng khác gì đi trả lời câu chào buổi sáng của ông. “*Der Kommt heute raus!*”⁹² ông có thể nói tiếp, và lần nào ông cũng ngụ ý – sau một thời gian tôi đã nhận ra – rằng sáng hôm đó, người bệnh nào có liên quan, nếu đi được, thì tự đi, nếu không đi được thì Pjetchka phải vác đến, nhưng bằng mọi giá phải có mặt ở chỗ ông, giữa đồng dao, kéo, băng giấy trong phòng khám cách lối ra hành lang của chúng tôi chừng mười, mười lăm mét. (Ông không yêu cầu sự đồng ý của tôi như ông bác sĩ ở Zeitz, và cung cách âm ỉ của chúng tôi không mấy may làm ông phiền lòng, trong lúc đó ông cứ dùng một chiếc kéo hình thù rất lạ cắt thêm một miếng mới bên sườn tôi – sau đó ông nặn các vết thương của tôi, đặt gạc vào, rồi tuy rất tiết kiệm, nhưng ông đã bôi một lớp kem gì đó, nhìn như vậy, tôi cũng phải công nhận trình độ chuyên môn không thể chối cãi của ông.) Một nhận xét khác

mà ông có thể buông ra là: “*Der geht heute nach Hause!*”⁹³ có nghĩa là ông cho rằng người bệnh này đã khỏi, và có thể ra viện, *nach Hause*, nghĩa là về nhà, tất nhiên là về dãy nhà trong trại, với công việc, với đội. Ngày hôm sau mọi việc lại diễn ra đúng như thế, theo bản sao chính xác của cái trật tự ấy, theo đúng quy định, mà trong đó cả Pjetchka, cả bệnh nhân của chúng tôi, và dường như các đồ vật, thiết bị cũng can dự vào, cũng đóng vai trò, cũng chiều theo ông với sự nghiêm chỉnh giống nhau, lặp lại hằng ngày, củng cố, thực hành, chứng tỏ sự bất biến ấy, nói tóm lại: như thế không có gì hiển nhiên hơn, không thể hoài nghi hơn: việc của ông – bác sĩ – là chữa trị, còn việc của chúng tôi – những bệnh nhân – là khỏi bệnh, phục hồi càng nhanh càng tốt, sau đó trở về là công việc rõ ràng, là mục tiêu duy nhất và cũng ít được mong đợi của chúng tôi.

Sau này tôi còn biết thêm đôi chút về ông. Cũng như có những khi trong phòng điều trị rất đông bệnh nhân, và có cả những người khác. Những lúc ấy Pjetchka thường đặt tôi từ trên vai anh ta xuống chiếc ghế gỗ dài bên cạnh tường, và sau đó tôi phải chờ ở đó, đến khi nào ông bác sĩ với thái độ vui vẻ chẳng hạn, gọi như giục giã: “*Komm, komm, komm, komm!*,”⁹⁴ bằng một động tác tuy thực ra là thân thiện, nhưng dù sao cũng không mấy dễ chịu, tóm lấy tai kéo lại, và theo đà nhấc phắt tôi đặt lên bàn. Lần khác, tôi có thể đến đúng lúc đang đông chen chúc, đám hộ lý dẫn bệnh nhân đến rồi đi, các bệnh nhân tự đi được cũng đến, trong phòng còn có những bác sĩ, hộ lý đang làm việc, và có thể một bác sĩ khác cấp thấp hơn khám chữa cho tôi theo định kỳ, trên một chiếc bàn đơn sơ hơn ở bên cạnh, cách chiếc bàn mổ đặt ở giữa một khoảng cách xa. Tôi đã làm quen, có thể nói là đã kết bạn với một người trong số họ, dáng dấp lùn, tóc bạc, mũi hơi giống một loài chim ăn thịt, ông cũng đeo tam giác màu đỏ không ký hiệu và mặc dù số tù không phải hai hay ba chữ số, nhưng vẫn là con số hàng nghìn đáng kính nể. Chính ông nói – mà Pjetchka cũng khẳng định lại – ông bác sĩ của chúng tôi ở trong trại tập trung đã mười hai năm. “*Zwölf Jahre im Lager,*”⁹⁵ ông nói nhỏ, gật gật đầu, với vẻ mặt như nói về một kỳ tích hiếm hoi, không hẳn có thực – và ít nhất là theo ý ông, tôi thấy thế – là một thành tích không thể thực hiện nổi. Tôi hỏi ông: “*Und Sie?*” “*O, ich,*” nét mặt ông bỗng thay đổi,

“*seit sechs Jahren bloss*”⁹⁶ tất cả có sáu năm, ông giải thích bằng một cái phẩy tay duy nhất, như thể việc đó không có gì, như đó là chuyện vặt, không đáng nói. Nhưng đúng ra là ông quan tâm đến tôi, ông hỏi tôi bao nhiêu tuổi, và làm thế nào lại lưu lạc đi xa nhà thế này, và cuộc trò chuyện của chúng tôi đã bắt đầu như thế. “*Has du irgend etwas gemacht?*”⁹⁷ tôi đã làm việc gì, hay là việc xấu xa gì, ông hỏi, và tôi lại bảo: không, “*nicht*” tôi không làm gì cả. Thế thì tại sao tôi lại ở đây? Ông hỏi, tôi đáp cũng vì một lý do đơn giản như những người khác cùng nòi giống với tôi. Thế nhưng, ông tiếp tục căn vặn, sao tôi lại bị bắt, “*verhaftet*”⁹⁸ và tôi đã kể sơ lược cho ông nghe, theo những gì tôi biết, về buổi sáng hôm ấy, về chuyến xe bus, trạm thuế quan, và sau đó là việc ở chỗ cảnh binh. “*Ohne dass deine Eltern*”⁹⁹ nghĩa là chẳng lẽ cha mẹ tôi không biết gì hay sao, ông hỏi, và tôi bảo, tất nhiên là “*ohne*.”¹⁰⁰ Nom ông có vẻ thật sự sửng sốt, như chưa nghe thấy thế bao giờ, và tôi nghĩ: có vẻ như sáu năm dài đã giấu kỹ ông ở đây, cách ly với thế giới rồi. Nghe xong, ông vừa truyền tiếp điều vừa được biết cho một bác sĩ khác đang làm việc bên cạnh, người này lại truyền tiếp, cho các bác sĩ, hộ lý, cho những bệnh nhân hình thức bề ngoài nom kha khá hơn. Cuối cùng tôi nhận thấy từ mọi phía người ta đều lắc đầu nhìn tôi, trên mặt biểu hiện một cảm giác là lạ làm tôi thấy hơi khó chịu, vì tôi cảm thấy như họ thương hại mình. Tôi rất muốn nói với họ: không có lý do gì, ít nhất là vào lúc bấy giờ – nhưng rồi thế nào đó tôi lại không nói, một điều gì đó đã kiềm tôi lại, từ trong trái tim mình dường như tôi thấy không cần, có thể nói vậy; vì tôi nhận thấy rằng, cảm giác kia làm cho họ phấn khởi, đưa lại cho họ niềm vui. Thậm chí, và tất nhiên là có thể, mặc dù tôi không tin là mình nhầm, nhưng về sau (vì có một đôi lần họ đã hỏi, đã căn vặn tôi) tôi có ấn tượng gần như họ chủ động tìm kiếm, một cơ hội, một cách thức, nguyên cớ để tạo ra cảm giác ấy, vì một lý do nào đó, vì có nhu cầu, như thế để chứng tỏ một cái gì đó có lẽ là phương pháp xử thế của họ với các sự việc, hoặc có thể, ai mà biết được, để chứng tỏ năng lực của họ nói chung; và như thế cũng khá dễ chịu, ít nhất là với tôi. Sau đó họ nhìn tôi theo cách làm tôi phải hốt hoảng nhìn quanh, xem có người lạ nào theo dõi chúng tôi không, nhưng ánh mắt tôi chỉ bắt gặp những vầng trán ưu tư, những đôi mắt nheo nheo, những đôi

môi mím chặt giống nhau – như thể bỗng nhiên họ lại nhớ ra điều gì đó và điều đó lại được chứng thực trong mắt họ, và tôi không thể nào không nghĩ rằng, có thể đó là lý do vì sao họ có mặt ở đây.

Sau đó là những người khách đến thăm chẳng hạn: tôi cũng nhìn cả họ, thử quan sát họ, cố xác định xem ngọn gió nào, công việc gì đã đem họ tới đây. Trước hết, tôi nhận thấy rằng, đa phần cứ vào cuối ngày, thông thường cứ vào đúng giờ ấy là họ đến: từ đó tôi nhận ra rằng, cả nơi đây trong Buchenwald này, tại Trại Lớn, cũng có thể có chính xác một giờ như vậy, có vẻ thế, y như bên chỗ chúng tôi ở Zeitz, không nghi ngờ gì nữa, rõ ràng ở đây cũng vào lúc giữa giờ trở về của các đội và giờ điểm danh buổi tối. Đến đây nhiều nhất là những người mang chữ P, nhưng tôi còn thấy cả những chữ J, R, T, F, thậm chí No, và ai mà biết được còn thiếu chữ nào: nhưng dù sao, có thể nói là tôi đã chứng kiến nhiều việc thú vị, đã học được nhiều điều mới mẻ từ tên gọi của họ, thậm chí nhờ thế tôi mới có cái nhìn chính xác hơn về hoàn cảnh, về những điều kiện, về cuộc sống xã hội ở đây của họ, phải nói là vậy. Các tù phạm ở Buchenwald nom hầu như đều ổn, mặt mũi họ đầy đặn, dáng dấp và bước đi của họ đều nhanh nhẹn, nhiều người được phép để tóc, và hầu như họ chỉ mặc quần áo tù kẻ sọc vào ban ngày, trong lúc làm việc, như tôi vẫn thấy ở Pjetchka. Còn nếu sau khi chia khẩu phần bánh mì bữa tối cho chúng tôi (thường là một phần ba hay một phần tư, kèm theo món phụ *Zulage* khi có khi không) mà chuẩn bị đi thăm bạn chẳng hạn, anh ta vẫn mặc áo sơ mi và áo len, rồi khoác thêm – trước đám bệnh nhân chúng tôi hình như anh hơi cố ý giấu, nhưng trên gương mặt, qua những cử chỉ của anh có thể nhận rõ vẻ thích thú – anh lựa ra một chiếc áo kẻ sọc hơi nhạt, màu nâu, may đúng mốt, trên lưng có một vệt cắt ở giữa và đập lên mảnh vải áo tù hình vuông, mỗi bên ống quần có một vệt sơn dầu màu đỏ không thể xóa nổi, còn trên ngực và trên ống quần trái không thể thiếu một tam giác màu đỏ và số tù. Tôi đã phải hứng chịu nhiều phiền toái, có thể nói là thử thách từ việc anh ta chuẩn bị đón khách buổi tối. Nguyên nhân là do sự phi lý của thiết bị: chẳng hiểu sao ổ cắm điện tường lại ở đúng chân giường tôi. Lúc này dù tôi có cố gắng bằng mọi cách để không chú ý tới họ, như nhìn chăm chăm lên trần nhà trắng tinh không một gợn bẩn, ngấm cái

chao đèn sơn, hay tập trung suy nghĩ, thì cuối cùng vẫn phải nhận ra Pjetchka đang cầm cúi với chiếc cà mèn và dây đun điện – vật sở hữu riêng của anh ta – phải nghe tiếng bơ sôi xèo xèo, phải hít hà mùi thơm khiêu khích của những lát hành phi, của lát khoai tây được bỏ vào, rồi sau đó có khi là món *wurst* trộn với *Zulage*, có khi tôi phải chú ý đến một tiếng chạm khê, rất đặc trưng, rồi bất chợt đến tiếng xèo xèo âm ỉ – mặc dù đã vội quay đi ngay, nhưng đôi mắt kinh ngạc của tôi vẫn còn nổ đom đóm một lúc lâu – bởi cái thứ ruột vành vành trắng: đó là trứng. Khi các món vừa chín, tất cả xong xuôi thì vị khách cũng mở cửa bước vào. “*Dobre vecher!*”¹⁰¹ vị khách gật đầu thân thiện, vì anh ta cũng là dân Ba Lan; Zbisek là tên anh ta, khi đi với các từ khác hay được gọi thân mật có khi tôi lại nghe thành Zbisku; chức danh của anh ta cũng là *Pfleger*, ở bên kia, như tôi được biết, trong một *Saal* khác. Anh này cũng ăn mặc rất đàng hoàng, chân đi ủng, áo khoác ngoài màu xanh thẫm có gắn hình tam giác trên ngực, ngắn, kiểu áo thể thao hay áo đi săn, mặc dù trên lưng cũng có vết vá, tất nhiên; bên trong là áo len đen cổ cao sát cằm. Vóc dáng anh cao lớn, đầu cạo trọc không rõ do bắt buộc hay tự nguyện, khuôn mặt đầy đặn với những nét vui vẻ, láu lỉnh và thông minh, tóm lại tôi thấy anh ta là một người dễ chịu, thân thiện, mặc dù về phần mình tôi không vui lòng đối anh với Pjetchka của chúng tôi chút nào. Sau đó họ ngồi vào chiếc bàn lớn hơn ở phía sau, bắt đầu ăn tối, trò chuyện; thỉnh thoảng có một bệnh nhân Ba Lan nhỏ nhẹ xen vào câu chuyện của họ đôi ba câu; có khi họ nhận xét này nọ, hay họ pha trò, họ chống khuỷu tay xuống mặt bàn, úp hai lòng bàn tay vào nhau thử độ sức, trong khi đó cả căn phòng – dĩ nhiên là bao gồm cả tôi nữa – cùng vui mừng vì đa phần là Pjetchka quật ngã được cánh tay tuy nom có vẻ khỏe hơn của Zbisek: nói tóm lại là tôi hiểu họ, ở đây họ chia sẻ với nhau những thuận lợi, khó khăn, niềm vui, nỗi lo âu, tất cả mọi thứ, kể cả tài sản và khẩu phần ăn nữa – có nghĩa họ là bạn bè, như người ta thường nói. Ngoài Zbisek còn có những người khác cũng đến gặp Pjetchka, họ trao đổi với nhau một đôi câu, hoặc thỉnh thoảng trao tay rất nhanh gọn một món đồ, và dù tôi chẳng bao giờ nhìn thấy đó là thứ gì, nhưng chuyện này bao giờ cũng rõ mồn một, tất nhiên tôi nhận ra rất dễ. Ngoài ra còn có những người đến thăm mấy bệnh nhân

đang nằm ở đây; họ lẩn vào khá nhanh, gần như vụng trộm. Họ ngồi xuống bên giường bệnh một chốc lát, có khi đặt lên tấm chăn một gói gì đó nhỏ nhỏ bọc giấy thô, một cách rụt rè, gần như nhún nhường thế nào đó. Rồi sau đó, mặc dù tôi không nghe được tiếng thăm thì của họ, mà có nghe được cũng không thể hiểu nổi – nhưng hình như họ hỏi thăm: bệnh tình tiến triển ra sao, có tin gì mới không; họ thông báo: tình hình bên ngoài thay đổi thế này thế nọ; họ hỏi thăm sức khỏe của người này người kia; họ đảm bảo: sẽ chuyển lời hỏi thăm của người bệnh tới nơi, chắc chắn; họ nhớ ra: đã hết giờ, rồi họ vỗ vào cánh tay, vào vai người bệnh: không sao, lần tới họ cũng lại đến, và họ đi, cũng lặng lẽ, vội vàng và đa phần đều có vẻ hài lòng – ngoài ra, tôi thấy không có một kết quả, một ưu thế, một lợi ích rõ rệt nào khác, và như vậy tôi phải giả thiết rằng, có vẻ như họ đến duy nhất chỉ vì vài lời nói, chỉ có thể nhìn thấy người ốm, chứ không phải vì một điều gì khác. Bên cạnh đó, dù tôi có thể không biết, chính sự vội vã cũng cho thấy: rõ ràng họ đang toan tính một điều gì bí mật, chắc chỉ có thể thực hiện được nếu Pjetchka không biết, với điều kiện phải thật nhanh gọn. thậm chí tôi ngờ rằng, và qua kiểm nghiệm một thời gian dài tôi có thể khẳng định rằng sự mạo hiểm này, sự bướng bỉnh, có thể nói là ương ngạnh này, ít nhiều có liên quan đến sự kiện ấy – tôi nhận thấy thế, ít nhất là từ những nét thoáng qua, khó xác định trên gương mặt có vẻ rạn rờ bởi một sự phản kháng thành công nào đó, như thế họ đã thay đổi được một chút gì, tạo ra một kẽ hở, một rạn vỡ nào đó trên cái trật tự đặc biệt, trên sự đơn điệu của thường lệ hằng ngày, một chút nơi cái được coi là tự nhiên, ít ra là như cách mà tôi nhìn được. Nhưng tôi còn nhìn thấy những người kỳ quặc hơn bên giường của một người bệnh nằm sát bức tường ngăn đối diện với tôi ở phía xa. Pjetchka vác anh ta vào từ buổi sáng, và sau đó loay hoay quanh anh ta khá lâu. Tôi thấy, đó có thể là một ca nặng, và nghe nói bệnh nhân là người Nga. Buổi tối người đến thăm đứng kín nửa phòng. Tôi thấy nhiều chữ cái R và các chữ khác, những chiếc mũ lông thú, những chiếc quần vải bông lạ mắt. Có những người một bên đầu để tóc rất kiểu cách, còn nửa bên kia để trọc. Những người khác tóc tai tử tế, chỉ đứng ở giữa, từ trán tới sau gáy có một vệt nhẵn kéo dài, rộng đúng bằng một vệt tông đơ. Áo khoác vẫn có miềng

vá như thường thấy, và còn thêm hai gạch chéo màu đỏ, giống nhau, như khi người ta muốn xóa đi một thứ gì không cần thiết, một chữ cái, một con số, một cái dấu trong bài viết. Trên lưng những chiếc áo khoác ấy còn thấy một vòng tròn lớn màu đỏ, bên trong là một chấm lớn cũng màu đỏ rực có thể thấy từ xa, như một cái đích kêu gọi, mời gọi, ra hiệu: hãy bắn vào họ ở chỗ ấy, khi có dịp.

Họ đứng đó, quanh quẩn, thăm thì bàn tán, một người cúi xuống sửa gối, một người khác – tôi thấy – hình như đang lắng nghe lấy một lời, một ánh mắt của bệnh nhân, và bỗng nhiên tôi chỉ thấy thoáng qua một vật gì đó màu vàng, từ đâu đó đưa đến một con dao, Pjetchka đưa đến một chiếc ca sắt, có tiếng nước rót mạnh – và nếu không tin vào mắt mình, thì lúc này mũi tôi chứng thực một cách không thể hoài nghi rằng, cái vật mà tôi vừa thoáng thấy kia, không còn phải bàn cãi gì nữa, đích thực là một quả chanh. Rồi cánh cửa ra vào mở, và tôi thật bất ngờ, vì thấy ông bác sĩ vội vàng bước vào, điều từ trước tới nay chưa có tiền lệ vào giờ này. Người ta nhanh nhẹn rẽ sang hai bên nhường lối cho ông, và ông cúi xuống xem xét, sờ nắn một thứ gì đó trên người bệnh rất nhanh, rồi lập tức bỏ đi, vẻ mặt khó đảm đảm, cau có, có thể nói là giận dữ, nhưng không nói với ai dù chỉ một lời, không nhìn ai dù chỉ một cái liếc mắt, thậm chí như ông còn muốn né tránh những cái nhìn hướng về phía mình – ít ra là tôi nhận thấy có vẻ như thế. Một lúc sau tôi thấy những người đến thăm ông bỗng im lặng. Một vài người tách ra khỏi đám đông, lại gần giường, cúi xuống nhìn người bệnh một lần nữa, rồi họ bỏ đi, từng người một, từng đôi một, cũng như khi đến. Nhưng lúc này họ buồn bã hơn, an bài hơn, mệt mỏi hơn một chút, đến nỗi trong giây phút ấy tôi cũng thấy thương hại họ, vì tôi phải thấy: hình như họ đã đánh mất đi mãi mãi niềm hy vọng hăng nâng niu vô cố, niềm tin được kín đáo gìn giữ của họ. Một lát sau Pjetchka nhẹ nhàng nâng thân xác người quá cố lên vai, và vác xác đi một nơi nào đó.

Và cuối cùng phải kể đến trường hợp nhân vật của tôi. Tôi gặp anh ta trong buồng rửa mặt – vì dần dà tôi không còn nghĩ đến chuyện có thể rửa ráy ở chỗ nào khác hơn là bên trên chiếc vòi nước có thể đóng mở, bên chiếc

bồn rửa trong phòng tắm ở phía cuối hành lang, và ngay cả ở đây cũng không vì trách nhiệm, mà đúng hơn chỉ là do phải phép, như tôi dần dần trải nghiệm thấy như thế; thậm chí sau một thời gian tôi còn nhận thấy, tôi gần như khó chịu vì căn phòng không có sưởi, nước thì lạnh và không có khăn lau. Cũng tại đây có thể nhìn thấy một thứ đồ dùng giống như một cái tủ màu đỏ bỏ ngỏ, có thể di chuyển được, bên trong có một cái bình – không biết ai giữ gìn, thay đổi, cọ rửa – nhưng bao giờ cũng sạch sẽ. Một bận, khi tôi đã sắp bước ra khỏi phòng tắm, thì một người mở cửa bước vào. Một người điển trai, tóc đen bóng mượt chải hất ra sau, hai bên có những lọn lật ngược lại rủ xuống trán, khuôn mặt hơi xanh như thường gặp ở những người tóc quá đen, và từ tuổi tạc trung niên, từ vẻ ngoài bảnh bao, từ chiếc áo choàng trắng tôi đã có thể nghĩ ông là bác sĩ, nếu như dòng chữ trên băng đeo tay không cho biết ông chỉ là một *Pfleger*, trong khi chữ T trong hình tam giác màu đỏ cho biết ông ta là người Tiệp. Ông đứng lại, vẻ như bất ngờ, thậm chí hơi kinh ngạc khi nhìn thấy tôi, ông nhìn vào mặt tôi, nhìn cái cổ thò ra khỏi áo sơ mi, nhìn xương quai xanh, nhìn những ống chân tôi như thế. Ông lập tức hỏi tôi một điều gì đó, và tôi bảo ông, bằng tiếng Ba Lan mà tôi đã học một được: “Nhe rozumje.”¹⁰² Thế là ông hỏi bằng tiếng Đức, tôi là ai, từ đâu đến. Tôi đáp: “Từ Ungar” còn ở đây thì “từ Saal Sechs.” Thế là ông, dùng cả ngón tay trở ra hiệu, và bảo: “Du: warten hier. Ik: wek. Ein moment zurück. Verstehen?”¹⁰³ Tôi nói: “Verstehen.”¹⁰⁴ Thế là ông quay ra, rồi trở lại, và tôi chợt nhận ra trong tay mình một phần tư miếng bánh mì và một hộp nhỏ xinh xắn đã mở đầy thứ thịt xay màu hồng còn nguyên vẹn. Tôi ngẩng nhìn lên định cảm ơn, nhưng chỉ còn nhìn thấy cánh cửa đang khép lại phía sau ông. Khi quay lại phòng mình, tôi cố gắng kể cho Pjetchka hiểu, còn dùng đôi từ miêu tả ông ta, và anh biết ngay đó có thể là *Pfleger* của *Saal* số bảy, ở cạnh chúng tôi. Anh còn nhắc đến cả tên ông ta: tôi nghe thành Bausch, những nghĩ lại có thể anh đã nói là Bohus thì đúng hơn. Sau này tôi còn nghe người láng giềng bên cạnh cũng gọi như thế, vì trong khoảng thời gian đó thành phần bệnh nhân trong phòng tôi cũng đã thay đổi. Phía trên tôi chẳng hạn, sau khi đem ra một người vào buổi chiều, một lát sau Pjetchka mang vào một người mới trạc tuổi tôi, và như sau đó tôi được

biết, cùng thuộc nòi giống với tôi, nhưng nói tiếng Ba Lan. Tên cậu ta là Kuhalski hay Kuharski, theo như cách phát âm tôi nghe được từ Pjetchka và cả Zbisek, bao giờ cũng nhấn mạnh cái đuôi “harski.” Thỉnh thoảng họ nói đùa, làm cậu ta bực mình, có lẽ còn trêu chọc, vì hay thấy cậu phát cáu lên, như có thể nhận ra qua cách nói liên thoảng, tiếng nói đang vỡ giọng có vẻ cáu gắt của cậu và trận mưa vụn rơm rơi xuống mặt tôi qua khe hở giữa những thanh gỗ của giường trên, vào những lúc như thế – tất cả những người Ba Lan trong phòng, như tôi thấy, đều được một trận cười vui vẻ. Bên cạnh tôi, thế vào chỗ của một bệnh nhân Hung là người khác, lại một cậu con trai, thoát tiên tôi cũng không nhận ra là người thuộc nước nào. Cậu ta nói chuyện được với Pjetchka, nhưng đôi tai dần dần đã trở nên sành sỏi của tôi vẫn không thể nhận ra đó là tiếng Ba Lan. Tôi hỏi bằng tiếng Hung thì cậu ta không đáp, tuy nhiên mái tóc đỏ lờm chờm, nét mặt gần như đầy đặn, dễ coi với những mụn trứng cá rải rác, con mắt xanh tinh nhanh, hoạt bát làm tôi chột thoảng ngờ. Trong khi cậu ta loay hoay sắp đặt, ổn định chỗ nằm, tôi nhìn thấy phía trong cổ tay cậu dấu hiệu màu xanh: những con số hàng triệu, được đánh dấu ở Auschwitz. Chỉ đến khi vào một buổi tối sáng, cửa ra vào bất chợt mở, và Bohus bước vào để đặt lên chân của tôi – như thường lệ tuần một, hai lần, lúc nào cũng vậy – suất bánh mì và thịt hộp trợ giúp của ông, và không để tôi có thời gian kịp cảm ơn, ngay cả với Pjetchka ông cũng chỉ gật đầu chào, ông đã ra ngoài. Lúc đó mới biết hóa ra là cậu ta biết tiếng Hung, ít nhất giỏi chẳng kém gì tôi, vì cậu ta hỏi ngay: “Ai thế?” Tôi bảo, theo tôi biết đó là *Pfleger* của phòng bên, tên là Bausch gì đó, thế là cậu ta sửa: “Có lẽ là Bohus,” vì đó là – theo cậu ta khẳng định – một tên thường thấy ở Tiệp Khắc, cũng là quen hương của cậu ta. Tôi liền hỏi: “Sao từ trước đến giờ cậu không nói tiếng Hung?” và cậu ta đáp: vì cậu không ưa dân Hung lắm. Tôi công nhận cậu ta có lý, và rằng, nhìn chúng tôi cũng không tìm thấy nhiều lý do để thích dân Hung. Thế là cậu ta đề nghị chúng tôi hãy nói chuyện bằng tiếng Do Thái, nhưng tôi phải thú nhận mình không biết, và thế là chúng tôi đành dùng tiếng Hung, tuy cậu ta là người Tiệp. Cậu nói tên mình: Luiz, hay có thể là Loyiz, tôi nghe không rõ lắm. Tôi cũng nói: “Nghĩa là Lajos,” nhưng cậu ta phản đối, vì đấy là tên Hung,

còn cậu là người Tiệp, cậu khẳng khẳng giữ sự khác biệt: “Loiz.” Tôi hỏi sao cậu biết lắm thứ tiếng thế, cậu kể cậu đến từ vùng Felvidék, nhưng cùng với rất đông người thân, họ hàng chạy trốn khỏi người Hung, hay khỏi “sự chiếm đóng của Hung,” và đúng là tôi cũng nhớ đến một ngày đã lâu, khi còn ở bên nhà, có điệu hành, cờ quạt, quân nhạc và lễ hội suốt cả một ngày, để mừng Felvidék lại thuộc về Hungary. Cậu ta vào trại tập trung thì đã từ một nơi – nếu tôi nghe không nhầm – tên Terezin. Cậu ta bảo tôi: “Chắc cậu phải biết nó dưới cái tên Theresienstadt.” Tôi đáp là không, cả hai cái tên tôi đều không biết, nghe thấy thế cậu ta rất ngạc nhiên, theo kiểu giống như tôi thường ngạc nhiên về những người chưa hề nghe nói đến trạm thuế quan Csepel chẳng hạn. Rồi cậu ta giải thích đó là khu *ghetto*¹⁰⁵ của Praha. Rồi cậu ta còn bảo ngoài với người Hung, người Tiệp, người Do Thái, và người Đức ra cậu còn có thể nói chuyện được với dân Slovak, dân Ba Lan, dân Ucraina, thậm chí nếu cần, cả với dân Nga nữa. Cuối cùng chúng tôi đánh bạn với nhau, tôi kể cho cậu ta nghe chuyện đã làm quen với Bohus ra sao, rồi về những ấn tượng, những cảm giác ban đầu, những suy nghĩ của tôi trong ngày đầu tiên, những điều được cậu ta cho là thú vị đến mức cậu đã dịch lại cho Pjetchka nghe làm anh cứ cười tôi mãi; cũng tương tự, về nỗi sợ hãi của tôi liên quan đến bệnh nhân người Hung, và câu trả lời của Pjetchka, theo đó thì điều ấy đã có thể diễn ra từ nhiều ngày trước đó, cái chết của ông ta chỉ ngẫu nhiên rơi vào thời điểm ấy. Tôi còn kể về cả những điều khác, mỗi tội hơi khó chịu vì nói câu nào cậu ta cũng bắt đầu bằng: “*ten mátyár*”¹⁰⁶ nghĩa là “cậu người Hung này,” và sau đó mới chuyển qua nói điều này điều nọ, thế nhưng cũng may là hình như Pjetchka không để ý tới cách nói của cậu, tôi thấy thế. Tôi còn nhận ra, mặc dù không nghĩ ngợi gì và cũng chẳng kết luận gì về chuyện đó, rằng thường khá lộ liễu, cậu ta hay có việc gì đó kéo dài khá lâu ở bên ngoài, và chỉ đến một lần khi cậu ta quay về phòng cùng với bánh mì và thịt hộp, để thấy đó là những thứ đồ nhận được từ Bohus, thì tôi mới ngạc nhiên, mà tôi đành phải công nhận là vô cớ, dù có nói gì đi nữa. Cậu ta bảo cậu cũng vô tình gặp Bohus trong buồng tắm, giống như tôi. Ông cũng hỏi han cậu, như đã hỏi tôi, và những chuyện khác đã diễn ra đúng như đã xảy ra với tôi. Nhưng có một điều khác biệt là cậu ta nói chuyện được với

ông, hóa ra họ là đồng bào, Bohus rất vui vì thế, và điều này xét cho cùng là lẽ đương nhiên, cậu ta nghĩ, và tôi cũng phải thừa nhận rằng đúng là như vậy. Tất cả chuyện này – nếu xem xét một cách tinh tế – tôi thấy hoàn toàn rất dễ hiểu, rõ ràng và hợp lý; tôi cũng đồng quan điểm theo cách mà rõ ràng cậu ta đã làm, ít nhất là như nó được thể hiện qua câu kết luận ngắn gọn của cậu ta: “Đừng giận vì tớ đã chiếm mất người của cậu.” Thế nghĩa là từ nay cậu ta sẽ nhận được phần đáng lẽ là của tôi, và từ nay tôi có thể nhìn cậu ta đánh chén như trước nay cậu ta vẫn nhìn tôi. Tôi còn ngạc nhiên hơn, khi một phút sau đó cánh cửa mở ra và Bohus vội vàng bước vào, hơn nữa đi thẳng tới chỗ tôi. Từ đó trở đi ông đến thăm cả hai chúng tôi. Lúc thì đem riêng cho mỗi đứa một suất, lúc thì mang chung cho cả hai, tùy thuộc ông có bao nhiêu, tôi nghĩ vậy, nhưng trong trường hợp sau không khi nào ông quên đưa tay ra hiệu cho chúng tôi phải chia nhau hữu hảo. Lúc nào ông cũng cứ vội vàng, không mất thời gian trò chuyện, mặt ông lúc nào cũng ra chiều bận rộn, có lúc lo lắng, thậm chí có lúc như khó chịu hay gần như giận dữ, như người có nỗi lo giờ đây đã nhân đôi, nghĩa vụ đặt lên đôi vai đã gấp đôi, nhưng như người không thể làm gì khác hơn là chịu đựng điều đã đè lên cổ; và tôi chỉ có thể nghĩ rằng điều này như thế là bởi có vẻ như ông đã tìm thấy niềm vui ở đó; với một ý nghĩa nhất định, ông cần điều này, đây là cách thức xoay sở với mọi thứ của ông, nếu tôi có thể nói vậy; vì dù có tìm kiếm, có lật đi lật lại, suy ngẫm cách nào đi nữa, tôi cũng không có cách lý giải nào khác, nhất là khi nghĩ đến cái giá phải trả cũng như nhu cầu cao đối với những thứ của hiếm như thế này. Khi đó tôi nghĩ mình đã bắt đầu hiểu những con người này, ít nhất là về đại thể. Với toàn bộ kinh nghiệm của tôi, thấu suốt toàn bộ cách mắt xích, đúng, không nghi ngờ gì nữa, tôi biết rõ nó, dù là ở dưới một hình thái khác: xét cho cùng đây cũng chỉ là một phương thức, là sự bướng bỉnh, cho dù tôi phải thừa nhận là một phương thức tinh vi, cho tới nay là hình thái hữu hiệu nhất của sự bướng bỉnh, theo hiểu biết của tôi, không cần bàn cãi.

Tôi có thể nói rằng, với thời gian người ta quen được cả với những điều kỳ lạ. Dần dần tôi đã đi bộ tới phòng điều trị, nếu buổi sáng bác sĩ ngẫu nhiên yêu cầu như vậy, chỉ chân đất, chặn dạ quần ngoài áo sơ mi, và trong

không khí giá lạnh của buổi sớm tôi còn phát hiện ra thoang thoảng một thứ mùi quen thuộc: chắc hẳn là hương vị rạo rực của mùa xuân đang đến gần, nếu tôi lưu ý đến sự chuyển dịch của thời gian. Trên đường trở về thoảng đập vào mắt tôi cảnh bên kia hàng rào dây thép gai, từ một dãy nhà màu xám có hai người mặc áo tù đang kéo một chiếc xe moóc lớn, bánh cao su to, loại có thể lắp sau xe tải, từ đồng hàng chất đầy trên xe tôi thấy thò ra mấy cái chân tay người vàng vọt, những bộ phận cơ thể quắt queo, đóng băng cứng: tôi kéo cái chắn quần quanh người lại, sợ mình bị lạnh và tập tễnh quay nhanh về căn phòng ấm áp của mình, rửa qua đôi chân cho phải phép, rồi chui vội vào giường trùm kín chăn lại. Ở đây sau đó tôi có thể trò chuyện với người bên cạnh, cho tới khi anh ta còn ở đó (vì sau một lát anh ta đã đi, “nach House” và một người đàn ông Ba Lan đứng tuổi hơn thế vào chỗ anh ta), tôi nhìn quanh những gì có thể nhìn, tôi nghe từ cái thùng loa các mệnh lệnh truyền đến, và có thể nói: chỉ chừng đó, cộng thêm một chút tưởng tượng, từ đây, từ trên giường tôi có thể có cái nhìn toàn cục, có thể theo sát, bằng cách mường tượng ra tất cả mọi sắc độ, mùi vị, nhất cử nhất động, mọi tình tiết, sự kiện lớn nhỏ của một khu trại, từ sáng sớm đến lúc đi ngủ, thậm chí có khi còn sau đó nữa. Cứ thế, “*Friseure zum Bad, Friseure zum Bad*” vang lên nhiều lần hằng ngày, với tần suất ngày càng dày đặc hơn, rõ ràng có một chuyến hàng mới đến. Thêm vào đó là bao lần “*Leichenkommando zum Tor*”¹⁰⁷ nghĩa là “Đội nhặt xác ra cổng” và nếu như họ còn yêu cầu bổ sung, thì từ đó tôi cũng có thể suy ra thực tế, chất lượng của chuyến hàng. Tôi cũng biết ra rằng những lúc như thế “*Effektten*,” nghĩa là các nhân viên coi kho cũng vội vàng tới kho quần áo, hơn nữa thỉnh thoảng phải “*im Laufschrift*,” nghĩa là vừa đi vừa chạy. Còn ví dụ nếu họ yêu cầu *zwei*¹⁰⁸ hay *vier*¹⁰⁹ *Leichenträger* như “*mit eniem*”¹¹⁰ hoặc “*zwei Tragbetten sofort zum Tor!*”¹¹¹ thì bạn có thể chắc chắn rằng lần này đã xảy ra tai nạn ở đâu đó, ở chỗ làm việc, nơi hỏi cung, trong hầm, trên trần nhà, ai mà biết ở đâu nữa. Tôi còn được biết “*Kartoffelschäler*,” nghĩa là đội gọt khoai tây không chỉ có nhóm ban ngày, mà có cả “*Nachtschicht*”¹¹² và nhiều điều khác nữa. Nhưng tất cả một buổi chiều, bao giờ cũng đúng vào giờ ấy, lần nào cũng vang lên một thông điệp bí ẩn: “*Ela zwo, Ela zwo*,

aufmarschieren lassen!” – và lúc đầu tôi phải vắt óc suy nghĩ. Hóa ra thực chất nó đơn giản, nhưng phải mất một thời gian, cho đến khi từ sự yên tĩnh trang nghiêm của ngôi nhà thờ cực kì lớn sau đó, giữa những khẩu lệnh: “*Mützen ab!*” “*Mützen auf!*”¹¹³ đôi khi văng đến tiếng nhạc mỏng manh, lóc tóc, mà tôi đoán ra được rằng: ngoài kia cả trại đang điểm danh, “*aufmarschieren lassen*” nghĩa là xếp hàng, “*zwo*” là *zwei* “*ela*” rõ ràng là các chữ cái L và ä, nghĩa là *Lagerältester*, và theo đó thì ở Buchenwald phải có hai *Lagerältester*, thứ nhất và thứ hai, hay nói theo cách khác, là hai trại lớn, cùng hoạt động; và nếu tôi suy nghĩ, thì về cơ bản điều này cũng không có gì lạ ở một khu trại đã đạt đến con số chín mươi ngàn tù lâu, như tôi được biết. Dần dà phòng chúng tôi cũng trở nên yên tĩnh, Zbisek cũng đã về, nếu như đến lượt tiếp nhận khách của anh ta, và Pjetchka còn nhìn quanh lần cuối cùng, trước khi tắt điện với câu chào “*dobra noc*” quen thuộc. Lúc đó tôi tìm đến sự thoải mái nhất mà chiếc giường có thể mang lại và những vết thương của chúng tôi cũng cho phép, kéo chăn trùm kín tai, đi vào giấc ngủ vô tư: không, tôi không thể mong muốn gì hơn thế này, tôi công nhận tôi không thể làm được gì hơn thế này trong một trại tập trung.

Chỉ còn hai việc làm tôi hơi lo. Một đằng là hai vết thương của tôi: không ai có thể phủ nhận, chúng nằm đó, xung quanh hầy còn viêm tấy, thịt còn chưa hoại, nhưng ở rìa ngoài giờ đã có những lớp màng mỏng, đôi chỗ đóng vẩy, bác sĩ đã không còn bôi kín thuốc mỡ quanh vòng nữa, cũng ít khi gọi tôi lên điều trị, và nếu có thì cũng làm xong nhanh gọn đến đáng ngại, và những lúc như thế gương mặt ông ta cũng có vẻ hài lòng đến đáng ngại. Đằng khác về cơ bản là mọi việc đáng mừng, không nghi ngờ gì nữa, tôi không thể phủ nhận. Nếu ví dụ Pjetchka và Zbisek, với vẻ mặt đang nhìn xa xăm, bỗng nhiên ngừng trò chuyện và giơ ngón tay yêu cầu chúng tôi cùng yên lặng, thì tôi cũng nghe thấy những tiếng động trầm, có khi đứt đoạn, giống như tiếng chó sủa từ xa xa. Phía bên kia, sau bức tường ngăn mà tôi đoán chừng là phòng của Bohus, độ này rất nhộn nhịp, có thể nghe thấy tiếng trò chuyện vọng sang, kéo dài khá lâu sau giờ tắt đèn. Tiếng còi báo động vang lên nhiều lần trong ngày nay đã trở thành chuyện bình thường, và nếu ban đêm tôi phải thức giấc theo lệnh của chiếc loa thùng: “*Krematorium*,

ausmachen!” thì một phút sau, nhưng lần này đã rít lên gay gắt hơn: “*Khematohium! Sofoht ausmachn!*,” từ đó tôi hiểu ra rằng người ta không muốn ánh lửa vô tình thu hút máy bay ập đến trên đầu. Tôi không biết những tay thợ cạo ngủ nghê vào lúc nào, vì tôi nghe nói rằng bây giờ có khi những người mới đến phải chân đất đứng chờ hai, ba ngày trước cửa nhà tắm mới đến lượt, và cả *Leichenkommando*, nghe nói, cũng làm việc liên tục quay vòng. Phòng chúng tôi không khi nào còn giường trống, ngoài những vết lở loét, vết mổ thông thường, một hôm lần đầu tiên tôi nghe một anh người Hung nằm ở giường phía bên kia nói đến cả vết thương vì đạn. Anh ta bị thương trong một chuyến đi bộ dài ngày, nếu tôi nghe không nhầm, từ một trại có tên là “Ohrdruf” (qua lời kể của anh tôi nghĩ nó cũng rộng lớn như một trại ở Zeitz), trong lúc họ vòng tránh địch, quân Mỹ, thực ra là do người ta bắn một người đi bên cạnh một quá ngã nhào khỏi hàng người, còn anh ta ăn đạn vào chân. Cũng may là không bị vào xương, anh ta nói thêm, còn tôi thì nghĩ chuyện đó e là không thể xảy ra đối với tôi. Cái chân tôi, dù ăn đạn vào bất cứ chỗ nào, chắc chắn chỉ có thể chạm vào xương, khỏi phải bàn cãi. Chẳng bao lâu tôi biết ra anh ra mới vào trại tập trung từ mùa thu, số tù là trên tám mươi một ngàn, không lấy gì làm sang cho lắm, ngay ở đây, trong phòng của chúng tôi. Nói tóm lại: gần đây, tôi nhận được những tín hiệu, động tĩnh của sự thay đổi đang lại gần, của những sự bất tiện, lúng túng, xáo trộn, lo âu, phiền toái từ mọi phía. Lúc thì Pjetchka lần lượt đến hết các giường, tay cầm một tờ giấy, và hỏi tất cả mọi người, cả tôi nữa: có đi lại được không, “*laufen*”¹¹⁴ Tôi bảo anh ta: *nye, nye, tôi không, ich kann nicht*¹¹⁵. “*Tag, Tag,*” anh ta đáp, “*du kannst,*”¹¹⁶ rồi anh ta ghi tên tôi, cũng như ghi tên tất cả những người khác trong phòng, cả tên của Kuharski, người có tới hàng ngàn vết rạch song song giống những cái miệng hé mở mà có lần tôi trông thấy khi ở phòng điều trị, nên cả hai khúc chân sưng vù. Vào một buổi tối khác, khi vừa trệu trạo nhai xong miếng bánh mì, tôi nghe radio gọi: “*Alle Juden in Lager*” – tất cả người Do Thái trong trại – “*sofort*” – ngay lập tức – “*antreten!*” – ra xếp hàng, nhưng giọng nói đe dọa đến mức tôi ngồi bật dậy trên giường. “*Tso to robbis?*”¹¹⁷ Pjetchka tò mò hỏi. Tôi chỉ cho anh ta cái loa, nhưng anh chỉ cười, kiểu thường thấy ở anh, rồi phẩy tay

ra hiệu: cứ nằm xuống, thông thả, làm sao phải hồi hộp, vội vàng thế. Nhưng cái loa cứ kêu, cứ rền rĩ suốt buổi tối: “*Lagerschutz*,”¹¹⁸ nó nói, nghĩa là nó gọi những nhân vật tai mắt có đuôi cui của đội quân trại đi làm việc, và có lẽ ngay cả với họ nó cũng không thể hài lòng hoàn toàn, có vẻ như thế, vì ngay sau đó – tôi gần như không thể nghe mà không rùng mình – vì nó gọi đích danh *Lagerältester* và *Kapo* của *Lagerschutz*: tức hai nhân vật to nhất có thể nghĩ tới trong số các nhân vật có chức trách ở tất cả các trại phải ra ngay cổng, “*aber im Laufschrift!*”¹¹⁹ Lúc khác lại toàn những lời khiển trách, cất vắn: “*Lagerältester! Aufmarschieren lassen! Lagerältester! Wo sind die Juden?!*,”¹²⁰ cái loa căn vặn, gọi, ra lệnh rè rè, loẹt xoẹt mãi, đến nỗi Pjetchka chỉ bức tức phẩy tay, hay đáp lại: “*Kurvá jego maty!*”¹²¹ Vậy là tôi tin anh ta, anh ta hẳn phải biết chứ, và tôi yên tâm tiếp tục nằm xuống. Nhưng nếu tối hôm trước còn có chuyện thích hay không thích, thì ngày hôm sau không hề có ngoại lệ: “*Lagerältester! Das ganze Lager: antreten!*”¹²² rồi một lát sau rồ lên tiếng mô tô, tiếng chó sủa, tiếng súng nổ, tiếng gậy khua, tiếng chân chạy rầm rập và theo sau là tiếng ủng nặng nề hơn, chứng tỏ rằng nếu đã đến tình thế này, và một số kẻ thích như vậy hơn, thì đám lính cũng hoàn toàn có khả năng kiểm soát mọi việc trong tay, và trong lúc này hậu quả của việc bất tuân lệnh là thế nào còn chưa ai biết, thì tất cả bỗng nhiên lạnh ngắt. Sau đó không lâu bỗng thấy ông bác sĩ bất chợt ào vào phòng, vì việc thăm bệnh đã diễn ra từ sáng theo thông lệ, cứ như ở ngoài kia không có chuyện gì. Nhưng lúc này nom ông không có vẻ lạnh lùng, không tề chỉnh như mọi khi: vẻ mặt ông nhàu nhĩ, trên chiếc áo khoác choàng không được sạch sẽ cho lắm là những vết nâu ố, đôi mắt vằn tia máu đỏ của ông nặng nề nhìn quanh: có thể thấy ông muốn tìm giường trống, không nghi ngờ gì nữa. “*Wo is der...*” ông nói với Pjetchka, “*der, mit dieser kleinen Wunde hier?!*”¹²³ Ông làm một động tác dứt khoát kéo từ đuôi lên hông, ánh mắt dò xét nhìn khắp lượt trên từng khuôn mặt, và trong một tích tắc bắt gặp ánh mắt của tôi; tôi chắc chắn ông phải nhận ra tôi, dù ông quay ngay đi và lại nhím chăm chăm vào Pjetchka, chờ đợi, hồi thúc, đòi hỏi, bắt buộc anh ta đưa ra câu trả lời. Tôi không nói gì, nhưng đã định bụng chuẩn bị dậy, mặc quần áo, và đi ra, tới một chỗ nào đó giữa hỗn độn ngoài kia.

Nhưng đúng lúc đó, tôi bất ngờ nhận thấy rằng, Pjetchka, biểu lộ cả qua nét mặt, hoàn toàn không có một ý niệm gì về chuyện ông bác sĩ có thể nghĩ đến ai, sau một lúc bối rối bỗng như người chợt bừng tỉnh, như người cuối cùng chợt nhận ra, với một tiếng “A...h,” và với một cái khoát tay, anh ta chỉ vào cậu bé bị đạn bắn vào chân. Ông bác sĩ nhất trí với ý này ngay, như người chợt ngộ ra, như người vừa được người khác đoán ra, và giải quyết mối lo cho mình, đúng vậy. “*Der geht sofort nach Hause!*”¹²⁴ ông lập tức ra lệnh. Và khi đó xảy ra một việc rất đặc biệt, bất thường, có thể nói là bất nhĩ, chưa hề thấy bất kì ví dụ nào tương tự như thế trong phòng chúng tôi, và tôi không thể nhìn chuyện này mà không thấy có đôi chút khó chịu và hổ thẹn. Số là cậu bé có vết thương do đạn bắn, sau khi dậy ra khỏi giường, ban đầu chỉ chấp hai tay trước ông bác sĩ như chuẩn bị cầu nguyện, sau đó cậu tiến thẳng đến chỗ ông bác sĩ đang bất ngờ lùi dần, chưa hiểu sự việc trong khoảnh khắc ấy là thế nào, cậu ta quỳ xuống đưa hai tay về phía trước ôm lấy chân ông bác sĩ. Sau đó tôi chỉ còn nhận thấy tay ông bác sĩ rút một cái, một cái tát bốp vang lên; tôi chỉ hiểu được sự tức giận của ông, chứ không hiểu những lời ông nói, trước khi thấy ông dùng đầu gối gạt chướng ngại kia sang một bên, giận dữ lao ra khỏi phòng với vẻ mặt đỏ gay gắt hơn hẳn mọi khi. Một bệnh nhân mới được đưa đến cái giường vừa trống, lại là một đứa con trai – cái chân quấn băng cứng nom cụt ngắn đã quen với con mắt tôi chứng tỏ cậu đã rụng hết các ngón chân, tôi nói nhỏ chỉ đủ nghe: “*Dzinquie, Pjetchka.*” Nhưng anh ta hỏi: “*Was...?*” Tôi bảo: “*Aber früher, vorher...*”¹²⁵ nghĩa là “vì việc vừa qua, lúc này...,” nhưng nhìn gương mặt ngờ ngác, hoàn toàn không hiểu gì, chứng kiến cái lắc đầu kinh ngạc khó hiểu của anh tôi nhận ra rằng, lần này có thể là chính tôi đã làm một việc khiếm nhã, và như vậy là có những việc ta nhất định phải tự mình giải quyết với bản thân, có vẻ như thế. Nhưng ban đầu, tất cả đều diễn ra đúng trình tự với lẽ công bằng (ít ra đó là ý kiến của tôi), vì sau hết thì tôi đã ở lâu hơn trong phòng, và cậu ta khỏe hơn tôi, nên không nghi ngờ gì nữa (theo ý tôi) là ở ngoài kia cậu ta có nhiều cơ hội hơn; và xét cho cùng chủ yếu là hình như tôi có khả năng dễ dàng chấp nhận sự rủi ro của người khác hơn là bản thân mình: tôi đã buộc phải rút ra kết luận như thế, dù xem xét, cân nhắc, lật đi lật lại vẫn

đề đến thế nào. Nhưng điều chủ yếu nhất: một mối lo như thế có ý nghĩa gì khi súng đang nổ, vì hai hôm sau cửa sổ phòng chúng tôi rung lên, và một viên đạn lạc đã cắm phập vào bức tường đối diện. Cũng ngày hôm ấy còn diễn ra một sự kiện khác, trong quá trình đó có mấy người trông có vẻ đáng ngờ liên tục đến chỗ Pjetchka chỉ để nói một vài lời, và anh ta cứ biến đi suốt, có lúc khá lâu, đến chiều tối quay về phòng ôm theo một cái gói dài, một cuộn gì đó. Tôi tưởng đó là tấm ga trải giường, nhưng không phải, vì nó có cán, vậy nghĩa là một lá cờ trắng, đoạn giữa tấm vải chặt lộ ra hai đầu, mà cho đến lúc đó tôi chưa bao giờ thấy trong tay một tù phạm, một thứ khiến cả phòng trông thấy đều phải nhòe mắt, xuýt xoa, ồ lên. Trước khi dứt nó xuống gầm giường, Pjetchka còn giơ cho tất cả chúng tôi xem một lát, nhưng với một nụ cười rộng hết cỡ, và cứ chỉ ôm khư khư sát vào ngực, đến nỗi cả tôi cũng có cảm giác như sắp trở thành chủ nhân của một món quà quý giá đã chờ đợi từ lâu dưới cây thông Noel. Đó là một khúc gỗ màu nâu gắn vào một ống thép xanh bóng, một đoạn nòng cắt từ súng máy, giống như ngày trước có lần tôi đã đọc trong những cuốn tiểu thuyết yêu thích về bọn kẻ cướp và các thám tử.

Hôm sau cũng hứa hẹn một ngày nhiều việc, nhưng ai có thể nhớ hết mỗi ngày ở đây, và mọi sự kiện của tất cả các ngày. Dù sao tôi cũng có thể nói: bếp ăn đã hoạt động theo đúng quy định, và ông bác sĩ cũng đa phần chính xác. Rồi vào một buổi sáng, sau cà phê sáng một lúc, trên hành lang nghe thấy những bước chân vội vàng, một tiếng thét vang, thấy thể Pjetchka vội lôi cái gói ra khỏi chỗ giấu, cặp dưới nách và biến mất. Một lúc sau, khoảng chín giờ, lần đầu tiên tôi nghe cái loa thùng ra lệnh cho bọn lính chứ không phải cho các tù phạm: “*An alle SS-Angehörigen,*”¹²⁶ và hai lần liền: “*Das Lager sofort zu verlassen,*”¹²⁷ yêu cầu các lực lượng khẩn cấp rời khỏi trại. Sau đó tôi nghe thấy tiếng súng bắn nhau lúc gần lúc xa, có lúc gần như đình tai nhức óc ngay quanh tôi, rồi nhỏ dần, nhỏ dần, cuối cùng là im lặng, im lặng quá mức, tôi chờ đợi, lắng tai nghe, dò xét và dõi tìm tiếng khua xúng xoảng, tiếng ầm ĩ thường kéo theo khi những người mang xúp đến, cả vào giờ thường lệ, cả sau đó, và tôi không sao hiểu nổi, dù giờ chia xúp đã qua từ lâu, nhưng vô vọng. Có lẽ khoảng bốn giờ chiều, khi cái hộp loa lại

bật, sau một lúc loẹt xoẹt, lạo xạo nó thông báo với tất cả chúng tôi đây là Lagerältester, Lagerältester đang nói. “*Kameraden*” ông ta nói, có thể nghe thấy một điều gì đó, có thể thấy ông ta vừa phải vật lộn với một cảm xúc làm nghẹt thở, giọng ông lúc như nấc nghẹn, lúc lại cao vút, gần như rít lên, “*wir sind frei!*”¹²⁸ – chúng ta đã tự do, và tôi nghĩ như thế cũng có nghĩa là ông Lagerältester cũng có thể cùng chia sẻ quan điểm với Pjetchka, với ông bác sĩ và những người có cách nhìn nhận giống họ, cùng một giuộc, có vẻ như thế, vậy nên ông ta mới đứng ra thông báo sự kiện này, với niềm vui rõ rệt như thế. Sau đó ông nói một bài ngắn gọn, rất hay, sau ông ta là những người khác, bằng đủ các thứ tiếng: “*Attention, attention!*” bằng tiếng Pháp; “*Pozór, Pozór!*” bằng tiếng Séc, như tôi biết; “*Vnhimanhie, vnhimanhie, ruxkie tavarischi vnhimanhie!*”¹²⁹ – và âm thanh trầm bổng như tiếng hát đó làm tôi nhớ đến một kỷ niệm dễ thương, một thứ ngôn ngữ mà khi tôi đến đây những người trong nhà tắm đã nói quanh tôi: “*Uvaga, uvaga!*”¹³⁰; nghe thấy thế người bệnh Ba Lan nằm bên cạnh tôi vội nhóm dậy, và nói với tất cả chúng tôi: “*Chiha bendzs! Terás polski kommunhiki!*”¹³¹ – và bấy giờ tôi mới nhớ ra cậu ta đã hồi hộp, đã loay hoay, bứt rứt chân tay suốt cả ngày hôm nay. Sau đó, khiến tôi vô cùng bất ngờ, đột nhiên: “Chú ý, chú ý! Đây là Ủy ban Hungary của trại...” – thật kinh ngạc, tôi thoáng nghĩ, thế mà mình không hề hay biết đến một thứ như thế. Dù lắng nghe mấy cũng vô ích, cả từ anh ta cũng như những người trước đó, tôi chỉ có thể nghe nói về tự do, không một lời ám chỉ hoặc nhắc đến món xúp chưa chia. Tôi cực kỳ hân hoan, tất nhiên, vì tự do của chúng tôi, nhưng tôi chẳng biết làm thế nào, khi mặt khác tôi buộc phải nghĩ rằng ngày hôm qua, ví dụ thế, một việc như thế này chưa thể nào diễn ra. Bên ngoài, trời tháng Tư đã tối, Pjetchka cũng đã quay về, mặt đỏ lừ trong trạng thái phấn khích, nói chẳng nên lời, khi cuối cùng loa tường, ông Lagerältester lại lên tiếng. Lần này thì ông nói với những thành viên *Kartoffelschälerkommando*, yêu cầu họ hãy vui lòng về lại vị trí cũ trong nhà bếp, và đề nghị tất cả những người trong trại hãy ở lại, dù có phải chờ đến tận nửa đêm, vì người ta đang nấu món xúp *goulash*¹³² đặc cho chúng tôi: đến lúc ấy tôi mới yên tâm ngả đầu xuống gối, lúc ấy một

điều gì đó mới từ từ nhẹ bồng trong tôi, và chỉ khi đó tôi mới, có thể là lần đầu tiên, thực sự nghĩ đến tự do.

9.

Tôi trở về nhà cũng gần vào khoảng thời gian trong năm khi tôi ra đi. Chỉ biết bốn bề rừng xanh mượt từ bao giờ, trên những nấm mồ chôn xác người cỏ cũng đã chớm mọc, và từ khi thế sự đổi thay cái sân rải nhựa đường vương vãi đầy tàn tích của những đồng lửa trại đã tắt, đủ các loại giẻ rách, giấy vụn, vỏ đồ hộp đã bắt đầu chảy nhể ra dưới cái nóng giữa mùa hè, khi ở Buchenwald người ta hỏi tôi: đã sẵn sàng cho chuyến đi chưa? Đa số những người đi là bọn trẻ chúng tôi, dưới sự hướng dẫn của một người thấp lùn, đeo kính, tóc đã chớm bạc, một nhân vật đáng trọng trong Ủy ban Hungary của trại, ông sẽ lo liệu các việc dọc đường cho chúng tôi. Bây giờ có xe tải, và những người lính Mỹ sẵn sàng đưa chúng tôi đi một đoạn về phía Đông, còn lại là việc của chúng ta, ông nói, và bảo chúng tôi cứ gọi ông là “bác Miklós.” Cần phải tiếp tục sống, bác ta nói thêm, và đúng thế, chúng tôi còn có thể làm gì khác, tôi thừa nhận, dĩ nhiên là nếu đến lúc chúng tôi đã có cơ hội để làm việc đó. Và đại thể tôi cũng có thể nói mình lành lặn, ngoại trừ một vài điểm kỳ quặc bất thường, hay sự thiếu năng nào đó. Chẳng hạn nếu tôi ấn ngón tay xuống bất kỳ chỗ nào trên cơ thể, thì vết lõm còn lưu lại rất lâu, giống như ta ấn vào một thứ vật chất chết, không đàn hồi, như một cục pho mát hay sáp vậy. Gương mặt tôi cũng làm tôi hơi bất ngờ, khi trong một phòng ở bệnh viện SS cũ có trang bị gương, lần đầu tiên tôi nhìn thấy, vì trước đó tôi nhớ tới một gương mặt khác. Gương mặt bây giờ, tôi nhìn thấy: dưới mái tóc mới mọc lại dài vài xăng ti mét là cái trán thấp, dưới hai dái tai rộng đến kỳ quặc là hai cái u mới hình thù quái dị, chỗ khác là những lớp da thông xuống, nhăn nheo – ít nhất là theo những gì tôi đã đọc trước đây – giống như các nếp nhăn nheo, những đường nét đặc trưng cho những người già trước tuổi vì phóng dăng và lạc thú quá độ, và đôi mắt đã thành nhỏ xíu cũng khác hẳn đôi mắt thân thiện dễ mến, có thể nói gợi cảm giác đáng tin cậy mà tôi còn lưu giữ trong trí nhớ. Hơn nữa tôi còn đi tập tễnh, hơi kéo lê chân phải. Không sao, bác Miklós bảo, rồi không khí bên

nhà sẽ chữa lành. Về nhà, bác tuyên bố, chúng ta sẽ xây dựng một đất nước mới, và để bắt đầu, bác dạy chúng tôi ngay vài bài hát. Nếu đi qua các làng mạc, thành phố – rất nhiều trong hành trình của chúng tôi – chúng tôi sẽ hát những bài này, đi hàng ba, như một đội quân. Tôi đặc biệt rất thích bài hát bắt đầu bằng “*Ở ngoại vi Madrid, chúng tôi đứng chờ,*” tôi cũng không biết tại sao. Vì những nguyên do khác, nhưng tôi còn thích hát một bài khác nữa, đặc biệt là do đoạn này: “*Chúng tôi làm việc hùng hục suốt ngày/ và suýt nữa thì chết đói/ Nhưng cánh tay lao động đã cầm vũ khí.*” Lại vì những lý do khác tôi còn thích một bài hát khác có câu thể này: “*Chúng ta là đội cận vệ trẻ của những người vô sản,*” mà sau câu đó, bằng giọng nói bình thường, chúng tôi phải nói đệm vào: “*Rotfront*”¹³³ vì những lúc như thế tôi có thể nghe rõ tiếng đóng lạch cạch của một vài ô cửa sổ hay tiếng đập cửa ra vào, mỗi lần như thế tôi lại thấy một người Đức vội vã lướt qua hay chóng mặt hút sau cánh cổng.

Phải nói tôi lên đường với hành trang rất nhẹ nhàng: một chiếc túi của lính Mỹ – hình dáng không được thuận tiện cho lắm, vì quá hẹp lại quá dài, may bằng vải thô màu xanh nhạt. Trong túi là hai cái chăn dày, quần áo lót để thay đổi, một chiếc áo len bị bỏ lại trong kho của lính SS, màu xám, dày dặn, chỗ cổ ống tay và cổ áo có gắn băng màu xanh lá cây, và một ít đồ ăn đường: vài đồ hộp và những thứ khác. Tôi mặc một chiếc quần dạ màu xanh lá cây, đi đôi giày đế cao su, có dây buộc, bên trên là một đôi xà cạp làm từ thứ da cực bền, thêm vào đó là các loại dây đeo, khóa... đều của quân Mỹ. Tôi kiếm được một chiếc mũ có hình thù rất lạ, so với thời tiết lúc đó có vẻ hơi nặng nề, lưỡi trai cụp, trên đỉnh có những mép gấp thành hình tứ giác, theo hình học – tôi nhớ lại thời tôi còn tới trường – là hình thoi, và trước đó có thể là một sĩ quan Ba Lan đã đội, như người ta bảo thế. Lẽ ra tôi đã có thể chọn cho mình một chiếc áo khoác khá hơn trong những nhà kho, nhưng cuối cùng tôi bằng lòng với một chiếc không có sổ tù và hình tam giác, kẻ sọc, dù đã cũ, nhưng đã quen và tiện dụng, thậm chí tôi đã cố ý lựa chọn nó, có thể nói là do đã gắn bó với nó: ít nhất sẽ không có sự hiểu lầm, tôi nghĩ thế, ngoài ra tôi thấy nó cũng rất thoải mái, phù hợp, và mát, nhất là vào mùa hè. Chúng tôi đi bằng xe tải, xe súc vật kéo, đi bộ, đi xe công cộng – tùy

thuộc vào các toán quân khác nhau bố trí cho phương tiện gì. Chúng tôi ngủ trên thùng xe bò, trên ghế băng hay trên bục giảng của các lớp học bỏ trống, dưới bầu trời sao mùa hè, hay trên những thảm cỏ mềm nằm giữa những ngôi nhà xinh xắn hình chiếc bánh mật. Chúng tôi còn đi bằng tàu thủy trên một dòng sông nhỏ – thoáng nhìn gợi nhớ đến sông Duna, có tên theo tôi được biết là Elbe. Và tôi đã đi qua một nơi, có thể thấy trước đây từng là một thành phố, nhưng hiện nay chỉ là những đồng gạch đá và đây đó là những bức tường trơ trụi cháy đen. Người dân ở đây sống, sinh hoạt, ăn ở cạnh các bức tường, các đồng đồ nát ấy và dưới chân những cây cầu bị tàn phá, và tôi đã cố gắng hài lòng với cảnh đó, tất nhiên, chỉ có điều tôi không thể không cảm thấy rằng, chính những người đó mới khó chịu về chuyện này. Tôi đã đi trên một chuyến tàu điện màu đỏ, và đi trên một đoàn tàu hỏa thật, trên những toa xe thật bên trong có những buồng dành cho khách – dù thực ra tôi chỉ có chỗ trên đỉnh toa xe. Tôi đã xuống một thành phố nơi ngoài tiếng Tiệp đã nghe thấy nhiều người nói tiếng Hung, và trong khi chờ chuyển sang chuyến tàu khác vào buổi tối, trên sân ga, dân chúng đàn ông có, đàn bà có, già có, trẻ có, đủ các hạng người tụ tập quanh chúng tôi. Họ hỏi chúng tôi có phải từ trại tập trung trở về, và họ hỏi nhiều người trong chúng tôi, trong đó có tôi, xem có vô tình gặp người nhà họ hay không, người có tên thế này hay thế kia. Tôi bảo họ trong các trại tập trung thường mọi người không có tên đâu. Thế là họ cố miêu tả ngoại hình, gương mặt, màu tóc, những đặc điểm của người thân, và tôi thử làm cho họ hiểu rằng, vô ích thôi, vì trong trại tập trung đa phần người ta đều thay đổi rất nhiều. Thế là dần dần họ tản ra hết, chỉ còn một người ở lại, anh này mặc kiểu mùa hè, mặc một chiếc sơ mi và quần, hai ngón tay cái đút vào sau thắt lưng chỗ gần dây treo, những ngón tay còn lại gõ gõ chơi lên mặt vải phía ngoài. Điều anh ta tò mò muốn biết làm tôi hơi buồn cười: tôi đã nhìn thấy các lò gas thiêu người chưa? Tôi bảo anh ta: “Nếu thế thì chúng ta không còn nói chuyện với nhau.” “Ừ nhỉ,” anh ta đáp, nhưng có đúng là có các lò thiêu chứ, tôi bảo anh ta, sao lại không, trong bao nhiêu thứ có cả lò thiêu nữa, dĩ nhiên, tất cả tùy thuộc xem đó là trại nào – tôi nói thêm. Ở Auschwitz chẳng hạn, có thể tính đến nó. “Nhưng riêng tôi,” tôi lưu ý, “tôi từ Buchenwald

về.” “Từ đâu kia?” anh ta hỏi, và tôi phải nhắc lại: “Buchenwald.” Có nghĩa là từ Buchenwald,” anh ta gật gật đầu, và tôi bảo: “Từ đó đấy.” Thế là anh ta nói: “Nào, xem nào,” với nét mặt đanh lại, nghiêm trang, đã gần như kẻ cả dạy đời. “Nghĩa là Ngài,” và tôi không biết tại sao, nhưng anh ta làm tôi bối rối bởi cách gọi nghiêm nghị, đã gần như long trọng của anh ta, “đúng thế.” “Thế nhưng,” anh ta vẫn nói tiếp với vẻ mặt đanh cứng, như muốn lập lại trật tự, muốn làm sáng tỏ sự thật, “cá nhân Ngài, Ngài chưa từng chứng kiến,” và tôi phải công nhận, “chưa.” Thế là anh ta buông ra nhận xét: “Hóa ra thế,” rồi anh ta khẽ gật gật đầu bỏ đi, lưng thẳng đuồn, và tôi thấy hình như anh ta có vẻ gì đó mãn nguyện, nếu như tôi không nhầm. Chẳng bao lâu sau người ta gọi: khẩn trương, tàu tới và tôi đã chiếm một chỗ tạm chấp nhận được, trên bậc thang rộng bằng gỗ của lối lên toa. Lúc gần sáng tôi tỉnh dậy bởi tiếng xình xịch vui tai. Sau đó tôi bắt đầu để ý thấy có thể đọc các địa danh ở mọi nơi bằng tiếng Hung. Mặt nước làm tôi hơi lóa mắt kia, như người ta nói, là sông Duna, và mặt đất đang lấp lánh, rung rinh trong nắng sớm kia là đất Hung. Một thời gian sau, tàu chúng tôi đi vào dưới một mái vòm tróc lở, phía cuối đầu hồi đầy những ô kính vỡ: Ga phía Tây, mọi người quanh tôi xôn xao, và đúng nó thật rồi, nhìn chung tôi cũng đã nhận ra.

Ngoài kia nắng rọi thẳng xuống hè phố. Trời nóng, tiếng ồn, bụi, người qua lại náo nhiệt. Những chuyến tàu điện màu vàng mang số 6: thế nghĩa là số tàu điện cũng không thay đổi. Có cả những người bán hàng, với những loại bánh nướng lạ mắt, báo và những thứ khác. Nhìn người nào cũng rất đẹp, và có thể thấy ai ai cũng có việc, có việc quan trọng, tất cả đều vội vã, đều chạy, đều lao đi đâu đó, chen lấn nhau về mọi phía. Chúng tôi cũng thế, tôi đã được thông báo, phải khẩn cấp tới nơi cứu trợ, ở đó phải ghi tên ngay để trước hết nhận tiền, giấy tờ – những thứ không thể thiếu của đời sống. Nơi cứu trợ, tôi được biết, ở gần Ga phía Đông, và ngay tại góc phố đầu tiên chúng tôi đã lên đầy một chuyến tàu điện. Mặc dù phố xá cũ kĩ, những dãy nhà đôi chỗ trống huếch hoác, các ngôi nhà còn lại thì tróc lở, thùng lỗ chỗ, không cửa sổ, nhưng tôi vẫn mang máng nhớ ra tuyến đường này, và cả cái quảng trường mà sau một lúc chúng tôi đáp xuống. Chúng tôi tìm thấy nơi phát trợ cấp trong một ngôi nhà lớn, màu xám, xấu xí nằm đối diện với rạp

chiếu bóng mà tôi còn nhớ; ngoài sân, trong phòng đệm, trên các dãy hành lang đã chật cứng người. Người ta đứng, ngồi, đi lại, âm ỉ, chuyện gẫu hay im lặng. Nhiều người ăn mặc lôm nhôm, trong trang phục của các trại lao động, hay quần áo, mũ của lính tráng bỏ lại, có người mặc áo kẻ sọc cũng như tôi, nhưng cũng có người đã ăn mặc kiểu tư sản, sơ mi trắng, cà vạt, lại tay chắp sau lưng như suy ngẫm việc gì quan trọng, kiêu hãnh như trước đây khi chưa vào Auschwitz. Chỗ này người ta bàn bạc, rồi so sánh điều kiện trong các trại, chỗ kia người ta đoán về triển vọng, về tổng số tiền trợ cấp, lại ở một chỗ khác người ta nói về thủ tục giải quyết rườm rà, về sự ưu tiên phi lý với người này người nọ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, về những bất công trông thấy, nhưng duy nhất trong một việc là tất cả đều thống nhất: phải chờ, dù thế nào cũng phải chờ lâu. Chỉ tội điều đó là tôi phát chán, và thế là sau đó tôi nhấc túi lên vai, quay ra sân, từ sân bước ra cổng, và nhớ ra nếu đi về phía bên phải, một hoặc nhiều nhất là hai góc phố, nếu trí nhớ của tôi không đánh lừa tôi, thì tôi sẽ tới phố Nefelejcs.

Tôi dễ dàng tìm thấy căn nhà: nó đứng đó, chẳng khác gì những ngôi nhà xiêu vẹo màu vàng hay xám khác – ít nhất là tôi thấy thế. Trong cái vòm công mát lạnh, trên bản danh mục có gấp góc, tôi được biết số căn hộ không thay đổi, và phải leo lên tới tận tầng hai. Tôi chậm chạp bước lên cầu thang ẩm mốc, có mùi chua chua, qua những khung cửa sổ tôi thấy những hành lang treo, phía dưới là một khoảng sân sạch sẽ quanh vắng: ở giữa là một ô cỏ, một cây đứng ủ rũ, tán lá còi cọc phủ đầy bụi. Phía đối diện, một phụ nữ trùm khăn kín đầu, tay cầm tấm giẻ lau, nhanh nhẹn bước ra. Từ một phía khác tôi nghe có tiếng đài phát thanh, và từ đâu đó vẳng đến tiếng khóc nức nở của một đứa bé. Khi sau đó một cánh cửa mở ra trước mắt, tôi thật bất ngờ, vì sau một thời gian dài bỗng nhiên lại bắt gặp cặp mắt nhỏ, hơi xếch của Citrom Bandi, chỉ có điều nó nằm trên gương mặt của một phụ nữ còn khá trẻ, tóc đen, vóc người đậm và không cao lắm. Chị ta hơi sững lại, chắc hẳn, tôi nghĩ, do chiếc áo tôi khoác trên người, và do chưa có cách nào đóng sập được cánh cửa lại trước mũi tôi. Tôi hỏi ngay: “Anh Citrom Bandi có nhà không?” Chị ta đáp: “Không.” Tôi hỏi, chỉ bây giờ, vào lúc này hay cả khi khác, chị lắc đầu nhẹ nhàng và hơi lim dim mắt lại, bảo: “Cả lúc khác

nữa,” và khi chịu mở mắt tôi thấy trên mí mắt phía dưới như có ngấn nước lấp lánh. Đôi môi chị cũng hơi run run, và khi đó tôi nghĩ tốt nhất là mình nên rút lui càng nhanh càng tốt, nhưng đúng lúc ấy, từ trong bóng tối lờ mờ của phòng đệm, bỗng nhiên một bà cụ có tuổi, gầy guộc, khăn trùm kín đầu, mặc quần áo đen xuất hiện, và trước khi quay lưng tôi phải nói với bà: “Cháu tìm anh Citrom Bandi,” và bà cũng bảo: “Nó không có nhà.” Nhưng bà còn nói thêm: “Khi khác cháu lại. Có thể vài ngày nữa,” và tôi nhận ra người phụ nữ trẻ vội quay mặt đi bằng một cử chỉ lạ lùng vừa như từ chối, nhưng đồng thời cũng yếu ớt, trong khi đưa mu bàn tay lên che miệng như cố nén điều gì đó muốn nói, không cho âm thanh bật thành tiếng. Sau đó tôi còn phải nói thêm với bà cụ: “Chúng cháu đã ở cùng nhau,” tôi giải thích, “trong trại Zeitz.” Nghe thấy thế, bà cụ liền nghiêm giọng: “Thế sao nó không về?” Tôi gần như phải thanh minh. “Chúng cháu đã chia tay. Rồi cháu đi nơi khác.” Sau đó bà muốn biết: “Có còn nhiều người Hung bên đó không?” và tôi đáp: “Có chứ ạ, nhiều.” Nghe thấy thế bà cụ nói với thiếu phụ, với vẻ đắc thắng nhất định: “Con thấy chưa!” và bà quay về phía tôi: “Tôi vẫn bảo với nó rằng, bây giờ họ mới bắt đầu về. Nhưng con bé cứ sốt ruột, nó không còn muốn tin nữa,” – suýt nữa tôi đã buột miệng bảo chính con gái bà mới là người tinh táo hơn, chị biết rõ Citrom Bandi hơn, nhưng cuối cùng tôi đã im lặng. Rồi bà mời tôi vào nhà, nhưng tôi bảo tôi còn phải về nhà đã. “Chắc bố mẹ cậu đang mong,” bà bảo. Tôi đáp: “Vâng, chắc thế.” “Vậy thì,” bà nhắc, “cháu về mau đi, để bố mẹ mừng,” thế là tôi quay đi.

Khi quay về đến nhà ga, vì tôi bắt đầu cảm thấy cái chân đau, và vì trong nhiều chuyến tàu điện, đúng lúc đó có một chuyến mang số mà tôi còn nhớ từ trước, vừa lượn vòng đến trước mặt, tôi nhảy lên. Một bà già gầy gò, khắc khổ mặc chiếc áo lỗi mốt cổ có viền ren hơi lệch ngời dịch ra. Lát sau một người đội mũ, quần áo đồng phục, đến chỗ tôi đòi soát vé. Tôi bảo không có. Ông đề nghị tôi phải mua. Tôi đáp tôi từ xa về, không có tiền. Ông ta nhìn chiếc áo khoác tôi mặc, nhìn tôi, và sau đó nhìn cả bà cụ già, rồi nói cho tôi biết, đi tàu xe có luật của nó, và những luật lệ không phải do ông ta, mà do cấp trên của ông ta đặt ra. “Nếu anh không mua vé, thì phải xuống tàu,” ông ta yêu cầu. Tôi bảo ông: “Nhưng chân tôi đau,” và tôi nhận ra bà

già bỗng nhìn ra phía ngoài, vẻ bức mình thế nào đó, cứ như tôi đổ lỗi cho bà vậy, tôi cũng không biết vì sao. Nhưng qua cửa toa xe để ngỏ, một người tóc đen, to cao, từ xa đã nghe ông to tiếng, ào vào. Ông mặc áo sơ mi không cài khuy, com lê vải màu sáng, đeo một cái hộp màu đen có quai vắt qua vai, tay cầm cặp. “Trò gì thế này?” ông quát, và: “Cho một vé!” ông ra lệnh, đồng thời đưa tiền dúm vào tay người soát vé. Tôi định cảm ơn ông, nhưng ông ngắt lời tôi, nhìn quanh một cách giận dữ: “Các người phải biết xấu hổ mới đúng chứ,” ông nói, nhưng người soát vé đã bước vào trong toa xe, bà cụ già vẫn nhìn đi đâu. Khi đó, ông quay về phía tôi, nét mặt dịu lại. Ông hỏi: “Cháu từ bên Đức về, phải không?” “Vâng.” “Từ trại tập trung à?” “Dĩ nhiên ạ.” “Trại nào?” “Buchenwald.” Phải, ông đã nghe nói đến nó, đó “cũng là một trong những địa ngục của bọn phát xít,” ông bảo. “Cháu bị chúng bắt đi từ đâu?” “Từ Budapest.” “Ở bên đó bao lâu?” “Tất cả là một năm.” “Cháu đã nhìn thấy bao điều, bao nhiêu điều khủng khiếp,” ông nói và tôi lặng im không đáp. “Nhưng mà,” ông nói tiếp, “cái chính là mọi việc đã kết thúc, đã qua rồi,” và với vẻ mặt rạng lên, ông chỉ những ngôi nhà chúng tôi đang lướt qua, ông hỏi giờ đây tôi cảm thấy như thế nào khi trở về nhà, khi nhìn thấy thành phố đã phải rời xa. Tôi đáp: “Cháu thấy căm thù.” Ông lặng im, nhưng ngay sau đó ông nhận xét rằng, đáng tiếc, ông hiểu tình cảm của tôi. Hơn nữa theo ông, trong “tình huống nhất định” lòng căm thù cũng có vị trí, có vai trò, thậm chí có “sự hữu ích” của nó, rồi ông nói thêm, ông nghĩ rằng chúng tôi đồng ý với nhau và ông biết rõ tôi căm thù ai. Tôi bảo ông: “Tất cả mọi người.” Ông im lặng, lần này thì lâu hơn, sau đó ông lại nói: “Cháu đã trải qua nhiều điều khủng khiếp, đúng không?” và tôi bảo điều đó còn tùy thuộc ông coi điều gì là khủng khiếp. “Chắc hẳn,” ông nói, với vẻ mặt hơi khó chịu, “cháu đã chịu thiếu thốn, chịu đói, có thể còn bị đánh đập.” Tôi bảo với ông: “Tất nhiên.” “Tại sao,” ông kêu lên, đã gần như hết kiên nhẫn, “cái gì cháu cũng nói là tất nhiên và luôn là về những thứ hoàn toàn không tất nhiên chút nào?” Tôi đáp: “Ở trong trại tập trung điều đó là tất nhiên.” “Đúng, đúng!” ông nói, “trong đó thì thế, nhưng...” và ông dừng lại, hơi ngập ngừng, “nhưng... nhưng trại tập trung không phải là điều tự nhiên!” cuối cùng ông bật ra như vừa tìm được từ thích hợp, và tôi không

đáp lại lời ông, vì tôi bắt đầu từ từ hiểu ra: dường như có một số điều chúng ta không thể tranh cãi với người lạ, người thiếu hiểu biết, ở một mức độ nào đó có thể nói là còn trẻ con. Hơn nữa, bỗng chúng tôi tới quảng trường, nó vẫn ở nguyên chỗ cũ, chỉ hơi tro trụi hơn và hoang tàn hơn, đã đến lúc tôi phải xuống, tôi bảo với ông thế. Nhưng ông xuống theo tôi, rồi ông chỉ một cái ghế dài dưới bóng mát, đã mất lưng tựa ở phía xa, đề nghị chúng tôi ngồi xuống đó một phút.

Lúc đầu ông có vẻ hơi tần ngần. Đúng ra là bây giờ, ông nhận xét, những nỗi kinh hoàng mới bắt đầu “thực sự được khám phá,” và ông còn nói thêm rằng, “trước mắt, thế giới không thể hiểu nổi vấn đề này: bằng cách nào, như thế nào mà tất cả những việc đó đã có thể xảy ra?” Tôi không nói gì, và ông quay hẳn lại phía tôi, bỗng nhiên ông hỏi tôi: “Cháu có muốn kể về những ấn tượng của cháu không?” Tôi hơi ngạc nhiên, và bảo, tôi không có nhiều điều lý thú để kể cho ông đâu. Thế là ông cười và bảo: “Không phải cho bác mà là cho thế giới biết.” Nghe ông nói thế tôi còn ngạc nhiên hơn, tôi hỏi: “Nhưng về cái gì?” “Về đại ngục trong các trại tập trung ấy,” ông đáp. Tôi bảo về điều đó thì tôi hoàn toàn không thể nói gì, vì tôi không biết gì về địa ngục và chỉ tưởng tượng ra cũng không thể. Nhưng ông tuyên bố đó chỉ là sự so sánh, rồi ông hỏi: “Không cần phải tưởng tượng trại tập trung là địa ngục hay sao?” Tôi lấy gót chân vẽ mấy vòng tròn trên mặt đất, và bảo điều đó thì mọi người đều có thể tưởng tượng tùy theo khả năng và ý thích của họ, nhưng về phần mình, dù sao tôi chỉ có thể mừng tượng ra trại tập trung, vì tôi biết về nó ở mức độ nào đó, còn địa ngục thì không. “Nhưng dù sao cháu vẫn có thể kể chứ?” ông nài nỉ, và sau vài vòng tròn nữa tôi đáp: “Thế thì cháu tưởng tượng ra đó là một nơi người ta không thể buồn chán,” bởi thấy ở trong trại tập trung điều đó là có thể ra sao, thậm chí cả ở Auschwitz, trong những điều kiện nhất định, tất nhiên rồi. Nghe tôi nói, ông im lặng một lát, sau đó ông hỏi, nhưng đã gần như chán nản, tôi cảm thấy vậy: “Thế cháu lấy gì giải thích điều đó?” Sau một thoáng suy nghĩ, tôi đáp: “Thời gian.” “Thời gian là nghĩa thế nào?” “Nghĩa là thời gian sẽ giúp.” “Giúp?... Giúp gì?” “Mọi thứ,” và tôi cố gắng giải thích cho ông hiểu rằng, sẽ khác như thế nào, chẳng hạn việc đến một bến đỗ, dù không hào nhoáng

rực rỡ, nhưng sạch sẽ, gọn gàng, có thể chấp nhận được, ở đó dần dà theo thời gian, từng nấc một tất cả sẽ rõ ràng trước mắt ta. Khi vượt qua một nấc, bỏ nó lại phía sau, ta biết sẽ đến ngay một nấc khác. Đến khi chúng ta biết hết mọi thứ, thì chúng ta cũng đã hiểu tất cả. Và trong khi hiểu tất cả, con người ta sẽ không đứng yên: ta sẽ bắt tay vào làm một việc khác, ta sống, hành động, đi lại, đáp ứng tất cả những đòi hỏi mới của một nấc thang mới. Nếu không có cái trình tự thời gian ấy, và tất cả mọi hiểu biết ngay cùng một lúc, ngay tại đó đổ ập xuống chúng ta, thì có thể đầu óc ta, con tim ta sẽ không thể chịu nổi. Tôi cố gắng giải thích cho ông rõ đến mức độ nào đó, trong khi ông lôi từ trong túi ra một hộp giấy nhỏ đã cũ nát, chìa ra mời tôi những điều thuốc lá nhàu nhĩ, nhưng tôi từ chối. Sau hai hơi thuốc, ông chống hai khuỷu tay lên đầu gối, người ngả ra phía trước, bằng giọng nhạt thếch, ông bảo: “Bác hiểu.” Mặt khác, tôi tiếp tục, cái khó, có thể nói là nhược điểm trong việc này, là cần phải sử dụng thời gian. Chẳng hạn như cháu đã thấy, tôi bảo ông, những tù phạm đã ở bốn, sáu hoặc mười hai năm, đúng hơn là vẫn còn ở trong trại tập trung, nghĩa là trong trường hợp sau cùng họ vẫn phải bằng cách nào đó trải qua mười hai lần ba trăm sáu mươi lăm ngày, nghĩa là mười hai lần ba trăm sáu mươi lăm nhân với hai mươi tư giờ, hay mười hai lần ba trăm sáu mươi lăm nhân hai tư với... và tất cả ngược lại từng giây, từng phút, từng giờ, từng ngày. Mặt khác thì, tôi tiếp tục giảng giải, chính điều đó cũng đã giúp họ, vì nếu lượng thời gian mười hai lần ba trăm sáu mươi lăm nhân hai tư với sáu mươi nữa kia mà ập xuống đầu họ cùng một lúc thì chắc họ không thể chịu đựng nổi – như họ đã chịu đựng – cả về thể xác và trí não. Và vì thấy ông im lặng, tôi nói thêm: “Cần phải mượn tượng đại loại thế.” Nghe đến đây, cũng như lúc trước, chỉ thay cho điều thuốc lá mà ông vừa vứt bỏ, ông úp mặt vào hai lòng bàn tay, và có lẽ vì thế giọng ông càng trầm đục hơn, ghen ngào hơn: “Không, không thể nào tưởng tượng nổi,” và về phần mình, tôi cũng thấy thế, tôi thậm chí còn nghĩ: vậy đấy, có vẻ như vì vậy mà thay vào đó người ta nói địa ngục, chắc thế.

Nhưng sau đó một lát ông ngồi thẳng dậy, nhìn đồng hồ và vẻ mặt bỗng thay đổi. Ông cho tôi biết mình là nhà báo, rồi còn nói thêm “ở một tờ báo

dân chủ” và đến lúc ấy, tôi mới chợt hiểu một vài lời ông đã nói làm tôi nhớ đến ai trong quá khứ: bác Vili – mặc dù, xin thừa nhận rằng với chừng ấy khác biệt, cả với độ đáng tin cậy mà tôi phát hiện ra, có thể nói là sánh được, chẳng hạn, với những lời của ông giáo sĩ Do Thái; và đặc biệt những hành động của ông, mức độ bướng bỉnh của ông, thì tôi có thể so sánh với bác Lajos. Ý nghĩ này đột nhiên nhắc tôi, làm tôi ý thức được, thực sự đây đúng là lần đầu tiên trong thực tế, về cuộc sum họp gia đình sắp tới, vậy là từ đó tôi chỉ còn nghe những gì ông nhà báo nói một cách hờ hững. Ông bảo ông muốn biến cuộc “gặp gỡ vô tình” của hai chúng tôi thành “cuộc gặp gỡ may mắn,” ông đề nghị chúng tôi viết một bài, mở đầu cho “loạt bài báo.” Ông sẽ viết, nhưng hoàn toàn dựa trên những lời kể của tôi. Như thế tôi cũng sẽ được một ít tiền, là thứ sẽ có ích cho tôi trong bước khởi đầu “cuộc sống mới,” mặc dù – ông nói thêm với nụ cười có vẻ như thanh minh – “nhiều thì không thể có,” vì đây là tờ báo mới và “các nguồn lực vật chất trước mắt còn hạn hẹp.” Nhưng trong thời điểm hiện tại, ông cho rằng, đây không phải là điều quan trọng nhất, mà quan trọng là “hàn gắn những vết thương đang rỉ máu và trừng trị bọn tội phạm.” Nhưng trước hết “cần phải thức tỉnh công luận,” xua tan “sự chán nản, thờ ơ, thậm chí sự ngờ vực.” Ở đây nói chung chung chung không có nghĩa gì, cần phải tìm ra – theo ông – những nguyên nhân, sự thật, dù nhìn thẳng vào sự thật có là “thử thách đau đớn” đến đâu. Ông thấy trong câu chuyện của tôi “có nhiều sự thật đặc sắc,” toàn bộ câu chuyện là sự thể hiện thái độ của một thời đại, nếu tôi hiểu đúng, nó như một “dấu ấn” thời gian, như “một sắc độ mới và độc đáo trong dòng chảy ào ạt của các sự kiện,” ông nói vậy, rồi hỏi tôi nghĩ gì về điều đó. Tôi bảo đầu tiên tôi còn phải giải quyết công việc riêng đã, nhưng hình như ông hiểu lầm tôi, vì ông nói: “Không. Đây không còn là chuyện của riêng cháu. Nó là việc của tất cả chúng ta, của cả thế giới.” Vậy là tôi bảo, vâng, nhưng bây giờ đã đến lúc tôi phải về nhà, ông liền bảo cho ông xin lỗi. Chúng tôi đứng dậy, nhưng ông còn ngần ngừ, có vẻ đang cân nhắc điều gì đó. “Ta có thể bắt đầu,” ông hỏi, “loạt bài bức ảnh về khoảnh khắc đầu tiên của cuộc gặp gỡ sau khi trở về được không?” Tôi không trả lời ông, và khi đó ông mỉm cười bảo: “Nghề nghiệp nhiều khi buộc người làm báo phải trở nên bất nhã,”

nhưng nếu tôi không thích, thì về phần mình ông cũng “không nài ép.” Sau đó ông lại ngồi xuống ghế, mở một cuốn sổ bìa đen đặt lên đùi, ghi rất nhanh lên một tờ giấy, rồi xé ra đưa cho tôi. Trên đó là tên ông và địa chỉ toàn báo, rồi ông tạm biệt tôi “với hy vọng gặp lại trong một ngày gần đây,” ông nói và tôi cảm thấy bàn tay ấm, đầy đặn, hơi dính mồ hôi của ông siết chặt tay tôi thân thiện. Tôi thấy cuộc trò chuyện với ông cũng thoải mái, dễ chịu, bản thân ông cũng là người dễ mến và có thiện ý. Tôi đợi ông mất hút vào dòng người qua lại, rồi vứt bỏ tờ giấy ông vừa trao.

Sau mấy bước chân nữa tôi nhận ra ngôi nhà. Nó vẫn đứng đó, lạnh lẽo, nguyên vẹn. Lối vào cổng vẫn có cái mùi xưa cũ, đón tôi sau lớp lưới chắn vẫn là thang máy xập xệ, những bậc thang già cỗi mòn vẹt đã ngả vàng, và phía trên tôi bắt gặp chỗ cầu thang lượn vòng đã ghi lại kỷ niệm về một khoảnh khắc riêng tư đặc biệt. Lên đến tầng trên, tôi nhấn chuông cửa nhà mình. Chỉ một thoáng cánh cửa đã mở, nhưng chỉ đúng bằng khoảng mà chiếc khóa bên trong, kiểu như loại dây xích đầu móc có gài bên trong, cho phép. Tôi cũng hơi bất ngờ, vì không nhớ là trước đây cửa có lắp móc chặn như thế. Qua khe cửa hẹp cũng là một gương mặt xa lạ: một người đàn bà trạc tuổi trung niên khuôn mặt vàng vố và gầy guộc nhìn tôi. Bà hỏi tôi tìm ai, và tôi nói với bà tôi sống ở nhà này. “Không,” bà đáp, “chúng tôi đang ở đây,” và bà định đóng cửa, nhưng không được vì tôi đã lấy chân chặn lại. Tôi cố giải thích cho bà hiểu: chắc bà nhầm, vì tôi từ đây ra đi, và chắc chắn là chúng tôi ở đây, còn bà thì khẳng định: tôi nhầm, vì không nghi ngờ gì là họ đang ở đây, bà nhã nhặn, lịch sự, nhưng lắc đầu lấy làm tiếc, trong khi bà cố đóng cửa lại, còn tôi thì cứ cố giữ. Sau đó trong một chớp mắt, tôi nhìn lên số phòng: hay cũng có thể là mình nhầm cửa, có lẽ đúng lúc ấy tôi đã buông chân giữ cửa và cố gắng của bà đã thành công, tôi nghe sau tiếng sập cửa, bà xoay chìa hai vòng trong ổ khóa. Trên lối quay trở lại cầu thang, một cánh cửa quen thuộc buộc tôi dừng lại. Tôi nhấn chuông: loáng cái đã thấy một bà vóc người to lớn, béo tốt trước mặt. Bà định đóng ngay cửa – như cách tôi đã thấy quen, nhưng phía sau lưng bà, tôi thoáng thấy một cặp mắt kính, và trong bóng tối lơ mờ hiện lên gương mặt xám xịt của bác Fleischmann. Bên cạnh bác hiện dần lên một người bụng phệ, đi dép, đầu to,

tóc đỏ, rẽ ngôi kiểu trẻ con, miệng ngậm đầu mẩu xì gà đã tắt: ông lão Steiner, vẫn đứng như khi tôi bỏ họ ở lại đây, như mới hôm qua, cái buổi tối trước khi tôi bị dẫn vào trạm thuế.

Họ đứng đón, trân trân nhìn, rồi hét lên tên tôi, và bác Steiner còn ôm chặt lấy tôi, cứ nguyên xi như thế, cả mũ, cả áo khoác, nhể nhại mồ hôi. Họ kéo tôi vào phòng, bác gái Fleischmann vội chạy vào bếp, xem “có gì ăn tạm” không, như bác nói. Tôi phải trả lời những câu hỏi như thường lệ: từ đâu về, thế nào, khi nào, bằng cách nào? Sau đó là tôi hỏi, và được biết đúng là những người khác đang ở nhà chúng tôi. “Thế còn người nhà cháu?” và thấy mọi người có vẻ khó nói thế nào đó, tôi liền hỏi: “Bố cháu đâu?” Nghe vậy tất cả đều im lặng. Một lúc sau, một bàn tay – có lẽ là của bác Steiner – từ từ giơ lên cao, rồi hạ xuống cánh tay tôi, như một con dơi già thận trọng. Từ những gì mọi người nói sau đó, về cơ bản tôi hiểu rằng, “tin buồn là có thật, đáng tiếc rằng chúng ta không thể hoài nghi,” vì nó do “những người cùng cảnh ngộ chứng thực,” theo họ thì cha tôi “sau một thời gian chịu đau đớn ngăn đã qua đời” trong một “trại lao động bên Đức,” cái trại ấy thực ra là nằm trên đất Áo, nào, tên nó là gì nhỉ, khi thật... Tôi liền bảo: “Trại Mauthausen.” “Mauthausen!” tất cả reo lên, rồi lại buồn xiu: “Đúng thế.” Sau đó, tôi hỏi họ có nghe những gì về mẹ tôi không, họ nói ngay, có đây, hơn nữa là tin mừng: mẹ tôi vẫn sống, khỏe mạnh, mới vài tháng trước có qua đây, chính họ đã thấy, đã nói chuyện với mẹ tôi, bà đã hỏi thăm tin tức về tôi. “Thế còn mẹ kế của cháu?” tôi tò mò hỏi thêm, và được biết: “Phải rồi, bà ấy đã lấy chồng.” “Thế bà ấy lấy ai?” tôi lại hỏi, và họ lại không nghĩ ra tên người ấy. Một người bảo: “Nếu tôi nhớ đúng thì là một ông Kovács nào đó,” người kia lại nói: “Không, không phải Kovács, có lẽ đúng hơn là Futó.” Tôi bảo: “Sütő,” và tất cả lại gật đầu mừng rỡ, khẳng định, giống như lúc trước: “Đúng đấy, dĩ nhiên là Sütő rồi.” Bà ấy được nhờ vả ông ấy nhiều, “thực chất là mọi thứ,” họ nói: chính ông ấy đã “cứu được số tài sản,” đã “cất giấu trong lúc khó khăn.” “Có lẽ,” bác Fleischmann ra chiều suy nghĩ, “bà ấy hơi vội,” và ông lão Steiner nhất trí với ý kiến đó. “Nhưng xét cho cùng,” bác nói thêm, “thì có thể hiểu được,” và ý này cũng được ông già chấp nhận.

Sau đó tôi còn ngồi với họ một lúc nữa, vì đã từ lâu tôi chưa ngồi thế này, trong một chiếc ghế bành mềm, bọc nhung màu đỏ. Bác gái Fleischmann giữa chừng đã quay lại, mang bánh mì quết mỡ, ớt thái lát có điểm vài lát hành tây mỏng bày trên một chiếc đĩa men sứ lớn màu trắng có hoa văn trang trí xung quanh, vì bác nhớ ngày xưa tôi rất thích món này, và tôi cũng khẳng định lại ngay là hiện nay cũng vậy. Trong khi đó hai ông già cũng nói “đúng là ở nhà cũng không dễ dàng gì.” Từ câu chuyện của họ, tôi có ấn tượng, thấy những nét phác thảo mờ mờ của một sự kiện rắc rối, hỗn độn và khó lường, điều mà về cơ bản tôi không thể thấy rõ, không thể hiểu cặn kẽ. Tôi chỉ nhận thấy một từ lặp đi lặp lại, gần như đã đến mức nhàm chán trong câu chuyện của họ, bằng từ này họ đánh dấu mọi bước ngoặt, thay đổi, mọi động thái: chẳng hạn như “đến khi” có những ngôi nhà gắn sao vàng, “đến khi” xuất hiện Đảng Chữ Thập Ngạc, “đến khi” có các *ghetto*, “đến khi” có vựa bờ sông Duna, “đến khi” giải phóng. Chưa kể đến một sai lầm thường thấy: cứ như thể tất cả các sự kiện – hoàn toàn lẫn lộn, dường như không thể tưởng tượng nổi trong thực tế và giờ đây ngay bản thân họ cũng không thể tái dựng được các tình tiết của chúng – không phải diễn ra trong dòng chảy bình thường của những phút, giờ, ngày, tuần, tháng và nhiều tháng, mà có thể nói đã ập cả xuống cùng một lúc, trong một mớ hỗn độn, choáng váng duy nhất, có thể nói đã diễn ra trong một buổi chiều hội ngộ có đôi chút kỳ lạ, bất chợt trở nên âm ỉ, khi tất cả những người tham dự đột nhiên đâm ra mất trí, và cuối cùng không còn biết mình đang làm gì nữa. Trong một thời gian nhất định, họ ngừng nói, sau một lúc im lặng, ông già Fleischmann hỏi tôi câu này: “Thế cháu có dự định gì cho tương lai không?” Tôi hơi bất ngờ, và nói với ông: tôi chưa nghĩ đến điều đó. Lúc đó ông già kia cũng cử động, vẫn ngồi trên ghế, ông ngả người về phía tôi. Bàn tay như con dơi của ông lại đưa lên, và thay vì đập lên cánh tay, lần này nó sà xuống đầu gối tôi. “Trước hết,” ông nói, “cháu phải quên đi hết những điều khủng khiếp.” Tôi hỏi, mỗi lúc một ngạc nhiên hơn: “Vì sao vậy, thưa bác?” “Vì,” ông đáp, “như thế cháu mới có thể sống nổi,” và bác Fleischmann gật gật đầu nói thêm: “Sống tự do,” nghe thấy thế ông già kia còn thêm: “Với một gánh nặng như thế này không thể bắt đầu cuộc sống mới,” và tôi công nhận

trong ý này ông có phần đúng. Chỉ có điều tôi không hiểu lắm, sao họ có thể đòi hỏi điều bất khả, và tôi cũng nói ngay: điều gì xảy ra đã xảy ra, và làm sao tôi có thể điều khiển nổi ký ức của mình. Chỉ có thể bắt đầu cuộc đời mới, tôi nghĩ, nếu mình sinh ra một lần nữa, hoặc có một sự đầy ải, hành hạ, bệnh tật hay thứ gì đó tương tự tấn công đầu óc tôi, điều mà có lẽ họ không thể mong muốn cho tôi. “Hơn nữa cháu cũng không nhận ra rằng,” tôi nói thêm, “đó là những gì khủng khiếp.” Tôi thấy họ ngạc nhiên: “Vậy các bác phải hiểu thế nào đây,” họ muốn biết, về việc “cháu không nhận ra”? Tôi liền hỏi lại họ vậy họ đã sống thế nào trong “thời buổi khó khăn” kia? “Thì... các bác đã sống,” một người trầm ngâm. “Các bác đã cố gắng vượt qua,” một người khác nói thêm. Chính xác! Họ cũng luôn luôn đi “từng bước,” tôi nhận xét. Đi “từng bước” nghĩa là sao? Họ lúng túng, và để làm ví dụ, tôi kể cho họ nghe điều đó đã diễn ra ở Auschwitz thế nào. Mỗi chuyến tàu – và tôi không nói luôn nhất định là con số này, bởi vì tôi không có khả năng biết được điều đó – nhưng trong trường hợp của chúng tôi, dù thế nào cũng phải tính là ba nghìn người. Trong số này cứ cho là có một nghìn đàn ông. Mỗi trường hợp kiểm tra ta cứ tính là mất một hoặc hai giây, thường là một giây hơn hai giây. Người đầu tiên và người cuối cùng dừng tính, vì không bao giờ có ý nghĩa gì; nhưng ở giữa, nơi tôi cũng đang đứng, phải có khoảng từ mười đến hai mươi phút chờ đợi trước khi chúng tôi tới được chỗ sẽ ngã ngũ là vào lò thiêu ngay hay còn được hoãn thêm chút thời gian. Lúc này, trong suốt khoảng thời gian này, hàng người cứ dịch chuyển, tiến dần lên, và mọi người đều đi từng bước, bước ngắn, bước dài, tùy thuộc vào tốc độ vận hành đòi hỏi thế nào.

Đến đây tất cả bỗng yên lặng, chỉ có một tiếng động nhỏ: vợ bác Fleischmann lấy đĩa thức ăn đã hết, và tôi cũng không thấy bác ấy quay lại nữa. Hai ông già hỏi tôi: “Điều đó thì có liên quan gì đến câu chuyện của chúng ta, và ý cháu muốn nói gì?” Không có gì đặc biệt, tôi đáp, nhưng không phải tất cả chỉ là nó “đến,” mà chúng ta cũng đã đi tới. Chỉ đến lúc này mới có vẻ như tất cả đã xong, đã kết thúc, đã không thể thay đổi, đã an bài, rất nhanh và cực kì mờ ám, như là nó đã “đến”: chỉ lúc này, sau khi sự việc đã xảy ra, nếu ta nhìn lại phía sau, nhìn ngược lại. Và tất nhiên, nếu ta

biết trước số phận. Thế thì, đúng là chúng ta chỉ theo dõi sự trôi đi của thời gian. Một chiếc hôn khờ dại cũng là một sự cần thiết như một ngày chờ đợi bất động trong ngôi nhà của sở thuế quan hay những lò thiêu. Chỉ có điều, dù chúng ta nhìn lại phía sau hay nhìn về phía trước, cả hai đều là cách nhìn sai lầm, tôi nhận xét. Xét cho cùng thì hai mươi phút có khi, và bản thân nó cũng là khoảng thời gian khá dài. Mỗi phút đều bắt đầu, kéo dài và kết thúc, trước khi lại bắt đầu phút tiếp theo. Bây giờ, tôi nói, ta thử xem xét: mỗi phút như thế đều có thể mang lại một điều mới mẻ nào đó. Trên thực tế, nó đã không mang lại, dĩ nhiên, nhưng phải công nhận: nó đã có thể mang lại, xét đến cùng trong mỗi phút nó vẫn có thể xảy ra một điều gì đó khác, chẳng hạn như vào lúc ở nhà đây, chúng tôi tiễn cha tôi đi.

Nghe xong lời cuối cùng của tôi, bác Steiner cựa quậy một chút. “Nhưng chúng ta đã có thể làm được gì?” bác hỏi với vẻ nửa bức bối, nửa như phàn nàn. Tôi bảo bác: “Chẳng có gì cả, tất nhiên,” tôi nói, “hoặc là bất kỳ điều gì,” tôi nói thêm, “điều đó cũng vô nghĩa như ta chẳng làm gì hết, nhưng lại cũng là dĩ nhiên.” “Nhưng vấn đề không phải ở đó,” tôi thử tiếp tục giải thích cho họ. “Thế thì vấn đề ở đâu?” họ hỏi, gần như đã hết kiên nhẫn, và tôi đáp, chính tôi cũng cảm thấy mình mỗi lúc một nóng nảy hơn: “Ở các bước đi.” Mọi người đều bước đi, chùng nào còn có thể bước: tôi cũng đã đi các bước của mình, và không chỉ trong hàng người ở Birkenau, mà còn từ trước đó, ở đây, tại nhà. Tôi đã bước với cha tôi, và tôi đã bước với mẹ tôi, tôi đã bước với Annamária, và tôi đã bước – có lẽ là bước đi khó nhọc nhất trong các bước – với cô chị lớn. Bây giờ thì tôi đã nói được với cô là người Do Thái nghĩa là gì: không có nghĩa gì hết, ít nhất là đối với tôi, ngay từ đầu, chùng nào các bước đi kia chưa bắt đầu. Không có điều gì trong đó đúng cả, không có dòng máu khác và không có thứ gì khác, chỉ... tôi ngắc ngứ, nhưng bất chợt nhớ đến lời của ông nhà báo: chỉ có những tình huống sẵn có và những khả năng tiềm ẩn trong chúng. Tôi cũng đã sống đến cùng với số phận được trao. Không phải số phận của tôi, nhưng tôi đã sống đến cùng – và tôi không thể nào hiểu được rằng sao họ không thể chấp nhận rằng giờ đây tôi phải bắt đầu làm một điều gì đó với cái số phận ấy, cần gắn kết nó với một nơi nào đó hoặc một điều gì đó; sau hết tôi đã không thể bằng

lòng với quan niệm tất cả chỉ là sai lầm, rủi ro, một thứ ngớ ngẩn, hãy coi như việc chưa hề xảy ra, có lẽ là thế. Tôi thấy, tôi thấy rõ họ không thật hiểu, những lời tôi nói không làm họ thích thú lắm, thậm chí điều này điều kia còn làm họ khó chịu. Tôi thấy bác Steiner thỉnh thoảng nói xen vào, có lúc bác đã gần như nhảy dựng lên, tôi thấy ông già kia phải kìm giữ bác lại, và nghe thấy ông bảo bác ta: “Mặc nó, ông không thấy nó chỉ muốn nói ra thôi sao? Cứ để nó nói, kệ nó!” và tôi cũng cứ nói, dù có thể là vô ích, và thậm chí hơi thiếu mạch lạc. Nhưng dù thế tôi cũng đã làm cho họ hiểu rằng không bao giờ chúng ta có thể bắt đầu cuộc sống mới, bao giờ ta cũng chỉ tiếp tục cuộc sống cũ. Tôi đã bước, chứ không phải ai khác, và tôi tuyên bố, trong số phận định sẵn của mình tôi luôn luôn trung thực. Dấu vết duy nhất, tôi có thể nói là sai sót, sự ngẫu nhiên duy nhất, mà người ta có thể trách cứ, đó là lúc này chúng ta đang trò chuyện với nhau ở đây, nhưng việc này không phải tại tôi. Người ta muốn tất cả danh dự này và tất cả các bước đi của tôi đều mất hết ý nghĩa ư? Vì sao có sự tráo trở này, vì sao có sự cản trở này, vì sao người ta không muốn nhận ra: nếu có số phận, thì không thể có tự do; nhưng nếu – tôi tiếp tục mỗi lúc một bất ngờ hơn, mỗi lúc một hăng say hơn, nhưng nếu có tự do, thì không có số phận, nghĩa là – tôi dừng lại, nhưng chỉ đủ thời gian để lấy hơi – nghĩa là khi đó chính chúng ta là số phận, tôi chợt nhận ra, nhưng trong giây phút đó điều này rõ ràng tới mức cho tới lúc đó chưa bao giờ rõ ràng như thế. Tôi hơi lấy làm tiếc mình đang đứng đối diện với họ, chứ không phải với những đối thủ thông minh hơn, hay có thể nói là xứng đáng hơn. Nhưng họ đang ở đây lúc này, họ hiện diện – trong giây phút này ít nhất gần như tôi lơ mơ nhận thấy thế – ở mọi nơi, và dù thế nào họ đã có mặt cả khi chúng tôi tiễn cha tôi. Họ cũng đã đi những bước đi của họ. Họ cũng biết trước, họ cũng đã nhìn thấy trước tất cả, họ cũng đã tiễn biệt cha tôi, như thể chúng tôi đã chôn ông rồi vậy, và khi đó họ đã chỉ cãi nhau về việc tôi đi tàu điện ngoại vi hay tốt hơn là đi xe buýt tới Auschwitz... Nhưng đến đây thì không chỉ bác Steiner, mà cả ông lão Fleischmann cũng đứng bật dậy. Ngay cả lúc này ông cũng muốn giữ bác Steiner lại, nhưng không giữ nổi. “Anh nói sao?” ông quát tôi với gương mặt đỏ lựng như trái ớt, và nắm tay đâm lên ngực: “Hóa ra có lẽ chúng tôi là những người có tội

sao, chúng tôi, những nạn nhân?!” và tôi cố giải thích cho bác ta hiểu: không phải là tôi lỗi, nhưng cần phải nhận ra, một cách khiêm nhường, đơn giản, chỉ vì nhận thức, vì danh dự mà thôi, xin được nói như thế. Không thể, các vị hãy cố hiểu cho, không thể lấy đi của tôi tất cả, không thể có chuyện rằng, tôi không thể trở thành kẻ không chiến thắng cũng không thể trở thành kẻ thất bại, rằng tôi không thể đúng, và rằng tôi cũng không thể sai lầm, rằng tôi không thể là nguyên nhân, cũng không thể là kết quả của bất cứ điều gì – các vị hãy cố hiểu cho, tôi gần như van nài: tôi không thể nuốt nổi sự cay đắng ngu xuẩn ấy, chỉ để trở nên một người vô can. Nhưng tôi nhận thấy họ chẳng muốn nhìn nhận điều gì hết, thế là tôi nhắc túi, cầm mũ lên, sau vài câu chẳng vào đâu, sau vài cử chỉ, và một câu đang dở dang, tôi ra về.

Phố xá đón tôi ở phía dưới. Về chỗ mẹ tôi phải đi bằng tàu điện, vì không có tiền, tôi quyết định cuộc bộ. Để lấy sức, tôi dừng lại một phút trên quảng trường, chỗ cái băng ghế lúc này. Ở phía trước, nơi tôi sẽ đến, nơi con phố nhìn có vẻ dài, rộng ra và mất hút tới vô cùng, trên những quả đồi màu xanh những đám mây nhẹ xộp như lông cừu đã chuyển sang màu tím và nền trời đã rực đỏ. Xung quanh tôi dường như một điều gì đó cũng đã đổi khác: phố xá thưa vắng người hơn, những bước chân qua lại cũng như chậm rãi, nhẹ nhàng hơn, ánh mắt người như dịu dàng hơn và gương mặt họ hình như cũng hướng về nhau. Đây đúng là giờ phút đặc trưng nhất định ấy – ngay cả lúc này, ở đây tôi cũng nhận ra – giờ yêu thích nhất của tôi trong trại và sau đó một cảm giác sắc lạnh, đau đớn và vô vọng nào đó ủa về trong tâm trí của tôi: nỗi nhớ. Bỗng nhiên, tất cả bỗng trở nên thật sống động, tất cả còn đây và dâng tràn trong tôi, không khí lạ lùng của nó, những ký ức nho nhỏ về nó làm tôi run rẩy. Đúng, xét theo một ý nghĩa nhất định, ở đó cuộc sống trong sáng và đơn giản hơn. Tôi nhớ hết, tôi điểm lại lần lượt từng người, cả những người tôi không để ý đến, và cả những người mà mọi chứng thực của họ đều là sự tính toán này, có thể là sự có mặt của tôi: Citrom Bandi, Pjetchka, Bohus, ông bác sĩ và tất cả những người khác. Và giờ đây, lần đầu tiên tôi nhớ tới họ với một chút trách móc, một nỗi hờn giận yêu thương nào đó.

Nhưng thôi, chúng ta đừng nên thái quá, vì chính đây mới là điều nan giải: tôi đang ở đây và tôi biết rõ, tôi chấp nhận mọi nguyên cớ, với cái giá để tôi có thể sống. Đúng, cứ như tôi nhìn quanh cái quảng trường nhỏ vào lúc hoàng hôn này, con phố bị bão táp dập vùi nhưng vẫn tràn đầy cả ngàn hứa hẹn này, là tôi cảm thấy trong tôi đang lớn dần lên, đang hội tụ sự sẵn sàng: tôi sẽ tiếp tục cuộc đời không thể tiếp tục của mình. Mẹ đang đợi tôi về, và chắc hẳn bà sẽ rất mừng khi tôi về, người mẹ đáng thương của tôi. Tôi nhớ, dự định ngày xưa của mẹ là tôi phải trở thành kỹ sư, bác sĩ hay một cái gì tương tự thế. Chắc hẳn rồi mọi việc sẽ như vậy, đúng như bà muốn; không điều gì không có thể mà ta không trải qua một cách tự nhiên, và trên con đường tôi đi, tôi đã biết, hạnh phúc sẽ rình rập tôi, như một thứ cạm bẫy không thể tránh khỏi nào đó. Vì ngay cả ở bên đó, bên cạnh những ống khói lò thiêu, giữa những đau đớn vẫn có một thứ gì đó giống như hạnh phúc. Ai cũng chỉ hỏi về những khổ ải, về “những nỗi kinh hoàng”: trong khi ấn tượng này có lẽ lưu lại đáng nhớ nhất. Đúng, phải nói về điều này, gần nhất tôi sẽ nói cho họ nghe về hạnh phúc của các trại tập trung, nếu sau này họ hỏi.

Nếu như họ hỏi. Và chỉ nếu chính tôi cũng không quên điều đó.

(HẾT)

Kertész Imre và sự khắc họa nỗi đau Holocaust

Thế chiến thứ hai không chỉ là cuộc chiến thảm khốc nhất trong lịch sử nhân loại với tổng số nạn nhân lên tới chừng 62 triệu người, mà còn để lại những biểu tượng kinh hoàng của sự chết chóc, hủy diệt, sự sụp đổ của nền văn minh và văn hóa châu Âu hiện đại, như *holocaust* và Auschwitz, mà ý nghĩa và những bài học của chúng, cho đến nay, vẫn còn nguyên tính thời sự.

Để hiểu được quá trình hình thành của những khái niệm được coi là “*sự nhục nhã và tàn phá không bút nào tả xiết của nhân loại*” này, cần ngược dòng thời gian trở về những năm đầu thập niên 30 của thế kỷ XX.

Năm 1933, ngay từ khi lên nắm quyền, Adolf Hitler, lãnh tụ của Đảng Công nhân Đức Quốc gia Xã hội Chủ nghĩa (gọi tắt là Đức quốc xã), tuyên bố rằng ông ta tìm ra một lý tưởng mới cho Đức: một dân tộc “thượng đẳng” không thể chấp nhận sự tồn tại của sắc dân “hạ đẳng” và “đáng ghét” như Do Thái, Digan, Nga, Ba Lan và nhiều chủng tộc Slavơ khác hay những người khuyết tật, bị bệnh tâm thần, đồng tính luyến ái, những nhóm phản kháng chính trị và tôn giáo (những người cộng sản, xã hội hoặc Nhân chứng Jehova...).

Đồng thời, tham vọng bành trướng vô độ để giành “không gian sinh tồn” cho nước Đức Quốc xã cũng đã khiến việc tàn sát hàng loạt người dân tại những vùng bị Đức chiếm đóng trở thành một nền tảng của ý thức hệ phát xít.

Để thực hiện ý tưởng diệt chủng ấy, Đế chế thứ Ba đã vận động cả một bộ máy hành chính, tuyên truyền và quân sự khổng lồ, khởi đầu từ trước Thế chiến thứ hai. Ngay từ đầu những năm 30, người Do Thái đã dần dần bị phân biệt đối xử, bị cấm đoán, loại trừ khỏi đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội, giới trí thức Do Thái bị xua đuổi và trục xuất hàng loạt khỏi nước Đức.

Năm 1935, bộ luật Nürnberg ra đời đòi tước bỏ quyền công dân và tất cả các quyền dân sự của người Do Thái ở Đức – Hitler cho rằng đây là một giải pháp khả dĩ để xử lý “vấn nạn Do Thái,” tuy nhiên, nhà độc tài khét tiếng này cũng đã đặt vấn đề phải tuyệt diệt sắc dân này như một “*giải pháp tối hậu*” (Endlösung) khi cần thiết.

Những vụ bách hại dân Do Thái khởi đầu vào cuối năm 1938 trong biến cố bạo động Đêm kính vỡ (Kristallnacht); khi trên toàn nước Đức và nhiều nơi tại Áo, dân Do Thái bị tấn công, cướp bóc và tước đoạt tài sản; nhà cửa, cửa hiệu của họ bị đập phá, hàng vạn người đi các trại tập trung. Khái niệm *holocaust* ra đời như sự thảm sát, diệt chủng trên tầm nhà nước của Đức Quốc xã, được thực hiện ở quy mô công nghiệp, mà người Do Thái là những nạn nhân hàng đầu.

Khi thế chiến thứ hai nổ ra vào đầu tháng Chín năm 1939, tại nhiều vùng đất mà phát xít Đức chiếm đóng ở phía Đông, những đơn vị đặc biệt (Einsatzgruppen – đội hành quyết) được trao nhiệm vụ tàn sát hàng loạt người Do Thái và các đối thủ chính trị của nước Đức Quốc xã.

Tại nhiều quốc gia châu Âu, dân Do Thái bị gom lại trong các khu biệt cư (ghetto) rồi bị chở đi các trại lao động khổ sai để phục vụ cho công nghiệp chiến tranh Đức. Làm việc cực nhọc 12-14 tiếng mỗi ngày trong những điều kiện vệ sinh, ăn ở hết sức tệ hại, thường xuyên bị bạc đãi, đánh đập, không ít người đã thiệt mạng trong thời gian lao động cường bức.

Người già, yếu, phụ nữ và trẻ em thường được chở tới hàng loạt các “trại tử thần”: những ai sống sót qua chặng đường vài trăm cây số, trong những hoàn cảnh hết sức khắc nghiệt và tàn nhẫn, thì đa phần cũng bỏ mạng trong các phòng hơi độc, thi thể họ bị thiêu hủy trong các lò thiêu.

Một hệ thống khổng lồ các trại tập trung, giam giữ, cấm cố, lao động khổ sai và hủy diệt được hình thành trên nhiều khu vực bị chiếm đóng để đáp ứng nhu cầu “xử lý” sắc dân Do Thái và các nhóm thiểu số khác, trong số đó, được biết đến nhiều nhất là khu trại chính (thường gọi là “trại mẹ”)

mang tên Auschwitz-Birkenau, tại ngoại ô phố nhỏ Oświęcim cách cố đô Kraków (Ba Lan) chừng 60 cây số về phía Tây.

Trong gần năm năm hoạt động (từ ngày 14-6-1940 đến 27-1-1945, khi được các đạo quân Liên Xô giải phóng, đã có hơn 1,5 triệu người thiệt mạng tại Auschwitz – hơn 90% số này là dân Do Thái. Cái tên Auschwitz đã đọng lại trong lịch sử như biểu tượng của *holocaust*, của khủng bố và hủy diệt, cũng như của sự chà đạp thô bạo những quyền con người căn bản nhất.

Những cuộc thảm sát *holocaust* đã khiến ít nhất 6 triệu người Do Thái thiệt mạng, trong tổng số 11 triệu mà Ban lãnh đạo Quốc xã đã trù liệu, theo một dự kiến hiện còn lưu lại trong văn bản¹³⁴. Nhưng con số toàn bộ các nạn nhân thì lớn hơn thế nhiều: 9-10 triệu, có ước đoán còn lên tới 26 triệu!

* * *

Trong số những quốc gia phải chịu ảnh hưởng nặng nề của *holocaust*, Hungary là một trường hợp đặc biệt, ở chỗ tại đây, sự đày ải và diệt chủng sắc Do Thái đã diễn ra với sự “hợp tác” và ủng hộ hết sức nhiệt tình của chính quyền và lực lượng hiến binh (csendőrség) nước này.

Ngay sau khi bị Đức Quốc xã chiếm đóng vào ngày 19-3-1944, chính phủ bù nhìn thân Đức của Hungary đã ban hành hàng trăm sắc lệnh có nội dung bài Do Thái, trước tiên buộc sắc dân này phải “cống nạp” các vật dụng được coi là quý thời đó, như xe hơi, điện thoại, đài điện... để rồi sau đó, mọi tài sản của họ đều bị “phong tỏa.”

Không chỉ bị cấm làm các nghề bác sĩ, ký giả, trạng sư, diễn viên, không được kinh doanh và có cửa hiệu, không được làm việc trong bộ máy hành chính, người Do Thái Hungary còn bị cấm bén mảng tới những nơi vui chơi giải trí công cộng, rạp phim, nhà hát, bị hạn chế lượng thực phẩm hằng ngày và một học viện còn được thành lập để “nghiên cứu khoa học” về “tính chất chủng tộc” của sắc dân Do Thái. Ngôi sao vàng sáu cánh mà họ bắt buộc phải đeo trên vạt áo, như một dấu hiệu phân biệt nhục nhã, họ có thể bị

gọi đi tập trung lao động khổ sai hay tới các trại tập trung hủy diệt bất cứ lúc nào.

Ít tuần sau, vào ngày 16-4-1944, một sắc lệnh được phê chuẩn nhằm “sung công” toàn bộ nhà cửa của dân Do Thái trên toàn quốc và người Do Thái thì bị ép buộc phải vào những biệt khu. Sau đó một tháng, ngày 15-5-1944, *holocaust* khởi đầu tại Hungary với cường độ chóng mặt ở mức độ nhất vô nhị: hằng ngày, có bốn đoàn tàu ghép từ các toa xe chở súc vật, chận kín dân Do Thái, rời Hungary tới thẳng trại tập trung Auschwitz!

Chỉ với vồn vẹn vài nhân viên Đức thuộc Đơn vị Trục chiến Đặc biệt (Sondereinsatzkommando), nhưng trung tá Quốc xã Adolf Eichmann – một trong những đao phủ chính yếu của *holocaust* – đã nhận được sự tiếp tay rất “hiệu quả” từ bộ máy hành chính và hiến binh Hungary, mà ông ta phải khâm phục thừa nhận là “*chính xác và tỉ mỉ khủng khiếp, không kém gì của người Đức.*” Trong vòng một tháng rưỡi, hầu như tất cả dân Do Thái ở các tỉnh và các miền quê ở Hungary đã bị đưa đến những trại tập trung và hủy diệt.

Đầu tháng Bảy năm 1944, sự phản đối của các nhân sĩ trong và ngoài nước cùng những thất bại của quân đội Đức và cuộc đổ bộ Normandie của Đồng minh đã khiến chính phủ Hungary buộc phải ngừng các cuộc đày ải. Bằng quyết định đó, chừng 200 ngàn người Do Thái đang bị giam giữ trong các biệt khu Budapest được thoát chết, nhưng chỉ hai tháng của đại nạn *holocaust* cũng đã khiến chừng 500 ngàn dân Do Thái Hungary thiệt mạng tại các trại tập trung và lò thiêu người.

Tính ra, cứ mười người Do Thái bị sát hại bởi bộ máy chiến tranh của Đức Quốc xã trong những năm Thế chiến thứ hai thì có một là người Do Thái Hungary!

* * *

Holocaust không kết thúc với sự chấm dứt của Thế chiến thứ hai: đa phần những người sống sót mang trong mình suốt đời vết thương âm ỉ cả về thể xác lẫn tinh thần, một nỗi kinh hoàng thường trực và dai dẳng trong những năm tháng ấy đã khiến họ không sao trở lại hòa nhập được với cuộc sống đời thường.

Tuy nhiên, trong số đó, vẫn có những cá thể vượt lên được bi kịch cá nhân, biến trải nghiệm khổ đau của mình thành bài học lịch sử cho nhân loại. Đó là trường hợp Kertész Imre, nhà văn Hungary Do Thái, giải Nobel Văn chương đầu tiên và đến giờ là duy nhất của xứ sở này, người được Ủy ban Giải thưởng Nobel vinh danh “*vì một sự nghiệp văn học nói lên trải nghiệm mỏng manh của cá nhân, đối lập với sự độc đoán tàn bạo của lịch sử.*”

Sinh tại Budapest năm 1929 trong một gia đình gốc Do Thái, vào năm 15 tuổi (hè năm 1944), Kertész Imre bị đưa đến Auschwitz, rồi Buchenwald. May mắn thoát chết và được quân đội Mỹ giải phóng vào ngày 11-4-1945, ông hồi hương và làm nhiều nghề (viết báo, công nhân trong phân xưởng, v.v...) để kiếm sống.

Từ năm 1953, ông trở thành dịch giả văn học Đức và chuyển ngữ nhiều tác phẩm của các nhà văn Đức, Áo như Elias Canetti, Sigmund Freud, Hugo von Hoffmannsthal, Friedrich Nietzsche, Joseph Roth, Arthur Schnitzler, Ludwig Wittgenstein và nhiều nhà văn Đức, Áo khác sang tiếng Hung.

Trong những năm tháng đó, trải nghiệm lò thiêu được ông nung nấu, và quyết định biến thành đề tài chủ đạo trong toàn bộ sự nghiệp sáng tác của ông sau này.

Tác phẩm đầu tay của Kertész – *Không số phận (Sorstalanság)*, mà bạn đọc đang có bản dịch Việt ngữ trong tay – được tác giả thai nghén trong vòng 13 năm, từ 1960 tới 1973, giữa những điều kiện sống khó khăn cơ cực về vật chất, nhưng đặc biệt là o ép về tinh thần. Bởi lẽ, trên cương vị một người cầm bút, Kertész không được sự thừa nhận của chính quyền và văn

giới, và như một kẻ sống sót sau thảm cảnh *holocaust*, đề tài đó “không bao giờ trở thành quá khứ”¹³⁵ đối với ông, theo một chia sẻ sau này.

Được ấn hành lần đầu năm 1975 sau nhiều lần bị từ chối, *Không số phận* không có ngay được vị trí xứng đáng trong dòng văn học về *holocaust* nói riêng, và giữa những tác phẩm lớn giàu tính nhân bản nói chung: về văn bản, độc giả Hungary cũng chỉ biết đến tác phẩm này một cách rộng rãi sau khi Kertész được nhận giải Nobel Văn chương năm 2002. Cho dù, trước đó, sách đã được dịch ra tiếng Anh, Đức, Pháp, và tác giả đã nhận nhiều giải thưởng văn học cao quý trong nước và quốc tế, trong đó có Giải thưởng lớn tại Hội chợ sách Leipzig (Đức), cho chính tác phẩm *Không số phận*.

Khác với nhiều tác phẩm văn học và điện ảnh trong dòng sáng tác về *holocaust*, *Không số phận* không nhằm đặc tả những nỗi kinh hoàng, những thảm cảnh mà các nhân vật phải trải qua khi cận kề với cái chết hằng ngày. Tác phẩm tập trung khắc họa bản năng sinh tồn, khả năng thích ứng của con người với thế giới xung quanh để giành giật sự sống trước tử thần thường trực rình rập.

Nhân vật chính trong tác phẩm, cậu bé 15 tuổi Köves György không chống lại số phận, không ngạc nhiên và không nổi loạn trước tình thế, cậu chấp nhận nó một cách bình thản và không tìm lối thoát. Đối với cậu, thực tế của các trại tập trung là một cái gì đó hoàn toàn tự nhiên, thường nhật, và cho dù những điều kiện sống có tệ hại đến mấy đi nữa, cậu vẫn có những khoảnh khắc hạnh phúc.

Köves nhìn nhận các sự kiện dưới con mắt trẻ thơ, không cảm thấy có gì phản tự nhiên hay đáng bất bình ở đó và đây là điều – như Ủy ban Giải thưởng Nobel nhận định – khiến cuốn sách trở nên xác tin ở mức độ gây sốc, vì cậu bé không thể hiện sự phẫn nộ đạo đức hoặc phản kháng siêu hình mà chúng ta có thể thấy ở đề tài này.

Như thế, *Không số phận* đã xem xét thảm cảnh *holocaust* và lò thiêu người Auschwitz – “sự thật tận cùng về tình trạng tha hóa của con người trong đời sống hiện đại” – theo một cách mới và khác so với các tên tuổi lớn

như Primo Levi, Elie Wiesel, Claude Lanzmann, hoặc Spielberg và Polanski. Tác phẩm đã nhìn nhận khả năng để “*cá nhân có thể sống và tư duy trong một thời đại mà con người ngày càng tự phụ thuộc vào chính thể xã hội.*”

Khả năng đó, như thông điệp của Kertész, chính là thích ứng để tồn tại. Như nhà văn, nhà phê bình Hungary Spiró György nhận xét trong một nghiên cứu về cuốn tiểu thuyết, “*chúng ta nhận được ở đây một điều gì đó khác với những gì chúng ta có thể chờ đợi từ một cuốn tiểu thuyết thông thường, hoặc giả một tiểu thuyết về tù ngục: đó là triết lý sinh tồn, gần như làm nổ tung những giới hạn của văn học.*”¹³⁶

Triết lý sinh tồn đó được thể hiện bằng bạc qua giọng kể bình thản, dung dị đến lạnh lùng của nhân vật tôi – người kể chuyện – trong suốt tiểu thuyết, và đọng lại ở những dòng cuối sách: “*Ngay cả ở bên đó, bên cạnh những ống khói lò thiêu, giữa những đau đớn vẫn có một thứ gì đó giống như hạnh phúc. Ai cũng chỉ hỏi về những khổ ải, về “những nỗi kinh hoàng”: trong khi ấn tượng này có lẽ lưu lại đáng nhớ nhất. Đúng, phải nói về điều này, gần nhất tôi sẽ nói cho họ nghe về hạnh phúc của các trại tập trung, nếu sau này họ hỏi. Nếu như họ hỏi. Và chỉ nếu chính tôi cũng không quên điều đó.*”

Thứ tình cảm phi lý và nghịch dị ấy của con người – coi thể giới tù ngục, trại tập trung như nơi thân thuộc của mình – về sau còn được Kertész tập trung mổ xẻ và phát triển trong *Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời* (*Kaddis a meg nem született gyermekért*, 1990), thường được coi là sự tiếp nối của *Không số phận*. Hai tác phẩm trên, cùng truyện vừa *Thất bại* (*A kudarc*, 1988) tạo thành một bộ ba, được giới nghiên cứu đánh giá là lời phê phán nghiêm khắc “*tất cả các thể chế độc tài, đã bần cùng hóa những cơ chế xã hội được đặt cơ sở trên sự tôn trọng cá nhân.*”¹³⁷ (1)

* * *

Hơn sáu thập niên đã trôi qua kể từ thảm cảnh *holocaust*, nhưng lò thiêu vẫn là nỗi ám ảnh của văn minh nhân loại và vẫn không hề mất tính thời sự.

Tại các quốc gia Đông Âu, sau mấy chục năm bị coi là đề tài “nhạy cảm”, để “đụng chạm” và gây nguy hại tới sự “đồng thuận xã hội”, hiện tại, *holocaust* không còn là đề tài độc tôn của các nhà nghiên cứu mà đã đi sâu vào tâm thức xã hội như một trong những thảm kịch diệt chủng của lịch sử. Đa số các nước đã ban hành những đạo luật lấy một ngày trong năm làm dịp tưởng nhớ các nạn nhân của độc tài phát xít, của *holocaust*, để các thế hệ sau có được ý niệm về biến cố này.

Trong một phỏng vấn gần đây nhất¹³⁸, nói về sự nghiệp văn chương của mình, Kertész khẳng định sở dĩ ông viết về *holocaust* vì ông đã “phải sống và đã sống qua trải nghiệm độc nhất vô nhị này của thế kỷ XX.” Tuy nhiên, đối với ông, “thử nghiệm triệt tiêu sắc dân Do Thái cùng chủ nghĩa bài chủng tộc Do Thái không phải là một hiện tượng riêng lẻ, mà cần phải xem xét nó trong mối tương quan với một trải nghiệm lớn khác của thời đại: chủ nghĩa toàn trị.” Theo góc nhìn ấy, *holocaust* chưa chấm dứt với sự sụp đổ của chủ nghĩa Quốc xã.

Với lần xuất bản *Không số phận* này, độc giả Việt Nam bắt đầu được làm quen với tác phẩm của một nhà văn lớn nữa của thế giới – tác giả đoạt giải Nobel Văn chương Kertész Imre, nhà văn tự coi mình là “*người chuyển giao tinh thần Auschwitz*.”¹³⁹ Từ ông, chúng ta có được những nhận thức mới và sự đồng cảm về “*tấn thảm kịch lớn nhất của người châu Âu kể từ những cuộc thánh chiến*,”¹⁴⁰ cũng như một cơ hội tiếp cận sâu hơn với nền văn hóa Hungary độc đáo nằm giữa lòng châu Âu.

Budapest, 11-9-
2010

NGUYỄN
HOÀNG LINH

Notes

[[← 1](#)]

Gyurka: tên gọi thân mật của György. (Các chú thích trong sách là của người dịch).

[← 2]

Sau khi quân đội phát xít Đức chiếm đóng Hungary ngày 19-3-1944, từ ngày 29-3 chính phủ Hungary khi ấy lần lượt ra hàng loạt đạo luật bài xích người Do Thái, trong đó có đạo luật bắt buộc người Do Thái phải đeo ngôi sao vàng sáu cánh, ban hành ngày 5-4-1944.

[← 3]

Deka: đơn vị đo lường Hungary, tương đương 10 gram.

[[← 4](#)]

Tiếng Hebrew: tiếng Do Thái, ngôn ngữ chính thức của nhà nước Isarel hiện nay.

[← 5]

Levente: một tổ chức thành lập từ năm 1921 tại Hungary, tập hợp các thanh thiếu niên từ 13 đến 21 tuổi, theo chế độ bắt buộc, sinh hoạt và tập quân sự ít nhất bốn giờ mỗi ngày do các sĩ quan, hạ sĩ quan quân đội hướng dẫn. Các đội viên Levente mặc quần áo dân sự, nhưng đội mũ thống nhất kiểu quân sự, ngày lễ có cài thêm một chiếc lông cánh ngỗng. Tổ chức này bị giải tán năm 1945 cùng một số tổ chức có xu hướng phát xít khác.

[← 6]

Csepel: một hòn đảo nằm trên sông Duna, trước đây là một khu công nghiệp của Hungary;
hiện một phần đảo này là quận XXI của thành phố Budapest.

[← 7]

Một trò chơi tương tự như chơi chuyền của trẻ em Việt Nam.

[← 8]

Sông Duna (đọc là Đu-no, trong tiếng Việt là Đa-nuýp... phiên âm từ “Danube” trong tiếng Anh và Pháp): dòng sông dài thứ hai của Châu Âu, chảy qua nhiều nước, đoạn chảy qua Hungary gọi là Duna.

[← 9]

Rabbi: giáo sĩ Do Thái.

Auschwitz-Birkenau: trại tập trung Auschwitz (Konzentrationslager Auschwitz) là trại lớn nhất trong các trại tập trung của Đức Quốc xã. Trại này nằm tại Ba Lan và được đặt tên theo thành phố Oświęcim gần đó, cách Kraków 50km về phía Tây, cách thủ đô Warszawa 286km. Trong thời kỳ Đức Quốc xã chiếm đóng Ba Lan năm 1939, Oświęcim bị sáp nhập vào Đức và đổi tên thành Auschwitz.

Khu tổ hợp trại tập trung này bao gồm ba trại chính: Auschwitz I – trung tâm hành chính, Auschwitz II (Birkenau) – trại hủy diệt (Vernichtungslager), và Auschwitz III (Monowitz) – trại lao động.

Ngoài ra còn có khoảng 40 trại vệ tinh, một số nằm cách các trại chính hàng chục cây số, với số lượng tù nhân từ vài chục đến vài nghìn người.

Số lượng người đã bị giết chết tại đây chưa được biết chính xác. Tại tòa án Nürnberg, chỉ huy trại, Rudolf Hoss, đã khẳng định con số này là 3 triệu người. Năm 1990, Viện bảo tàng quốc gia Auschwitz-Birkenau đã xét lại số liệu này. Các tính toán mới cho ra kết quả khoảng 1,1-1,6 triệu, khoảng 90% là người Do Thái của gần như tất cả các nước Châu Âu.

[[← 11](#)]

“Reds di jidis”: “Cậu có nói tiếng Yiddish không?”

[← 12]

“Nein.” (tiếng Đức): “Không.”

[← 13]

“Viezehn, fünfzehn,” (tiếng Đức): “Mười bốn, mười lăm.”

[← 14]

“Zescájñ” (tiếng Đức): “Mười sáu.”

[← 15]

“Warum?” (tiếng Đức): “Tại sao?”

[← 16]

“Willst di arbeiten?” (tiếng Đức): “Cháu có muốn làm việc không?”

[← 17]

“Vertajsz di?” (phiên âm theo tiếng Đức): “Cháu có hiểu không?”

[← 18]

“Jeder arbeiten, nist ká mide, nist ká krenk”, (câu này viết theo cách phiên âm, nhưng nói không chuẩn, đúng ra phải là: Jeder muss arbeiten, nicht mude werden, nicht krankwerden):
“Ai cũng phải làm việc, không có mệt mỏi, không có đau ốm.”

[← 19]

“Nicht war, Herr Officier, wir werden uns bald wieder...” (tiếng Đức): “Có phải thế không ạ?, thưa ông sĩ quan, chúng ta sẽ lại sớm trở về...”

[← 20]

“Arbeiten... Sechzehn...”: “Làm việc... Mười sáu...”

[← 21]

“Wie viel Jahre alt bist du?” (tiếng Đức, nói không chuẩn, đúng ra phải là: “Wie alt bist du?” hoặc “Wie viel Jahre bist du?”): “Anh bao nhiêu tuổi?”

[← 22]

“Los, gé má vorne!” (phiên âm theo tiếng Đức, nói kiểu tiếng địa phương): “Đi, chúng ta hãy tiến lên phía trước!”

[← 23]

“Kein Trinkwasser”: “Không uống được.”

[← 24]

Herr Oberscharführer: ông, ngài – một chức vụ trưởng nhóm trong quân đội phát xít Đức; ở đây có thể hiểu như: ngài chỉ huy.

[← 25]

Lager (tiếng Đức): trại, ở đây chỉ trại tập trung thời phát xít.

[← 26]

Újpest: Tên một vùng nay là quận IV của Budapest, cũng là tên một đội bóng đá có sân vận động nằm trong khu vực này.

[[← 27](#)]

Block: tòa nhà, dãy nhà.

[← 28]

Himmlische Telephonnummer (tiếng Đức): số điện thoại của Trời, hoặc số điện thoại may mắn.

[← 29]

Bocskai: Gọi theo tên của Bocskai István (1557-1606), Vương công của vùng Transylvania (thời kỳ 1605-1606), người đóng vai trò quan trọng trong phong trào cải cách tôn giáo, chính trị (Reformation) tại châu Âu thế kỷ 16.

[← 30]

Abtreten (tiếng Đức): giải tán, lui, biến.

[← 31]

Buchenwald: trại tập trung nằm gần thành phố Weimar, là trại lao động khổ sai, giam giữ tù nhân Do Thái, tù chính trị và tù binh làm việc trong các nhà máy, khu công nghiệp quân sự quanh vùng. Trại này hoạt động từ năm 1935-1945.

[← 32]

Wurst: món thịt dồi, giống như xúc xích.

[← 33]

“Alle raus!” (tiếng Đức): “Tất cả ra ngoài!”

[← 34]

“Los!” (tiếng Đức): “Nhanh lên!”

[← 35]

“Fünferreihen!” (tiếng Đức): “Xếp hàng năm!”

[← 36]

“Bewegt euch!” (tiếng Đức): “Hãy chuyển động! Hãy bước đi!”

[← 37]

U, chữ cái đầu của từ Ungarn (tiếng Đức): Hungary.

[← 38]

Vier-un-sechzig, neun, ein-un-zwanzig: 64-9-21.

[← 39]

“Aber Mensch, um Gotteswillen! Wir sind doch hier nicht in Auschwitz!” (tiếng Đức): “Khỉ ẹ, lạy Chúa! Nơi chúng ta đang ở đây phải là Auschwitz!”

[← 40]

Zulage (tiếng Đức): món thêm, món bù, phụ.

[← 41]

Dachau: trại tập trung đầu tiên của Đức Quốc xã, thành lập từ năm 1933, nằm cách thành phố München 20 km, được lấy làm mẫu mực để thiết kế những trại tập trung sau này.

[← 42]

Oranienburg: tên một trại tập trung nằm ở tại Oranienburg, thủ phủ của huyện Oberhavel, một đô thị nhỏ ở Brandenburg, cách trung tâm Berlin 35 km.

[← 43]

Sachsenhausen: tên một trại tập trung thành lập từ năm 1938, tại Sachsenhausen, một đô thị thuộc huyện Weimarer Land, bang Thuringe, cách thủ đô Berlin 35 km.

[← 44]

“Wer reitet so spät durch Nacht und Wind?” (tiếng Đức): Ai cưỡi ngựa muộn màng giữa đêm khuya và gió? – câu đầu tiên trong bài thơ “Chúa rừng” của Johann Wolfgang von Goethe.

[← 45]

Körút: đường vòng cung nhỏ nhất, rất sâu uất và cổ kính, của thủ đô Budapest.

[← 46]

Z: Chữ cái đầu của từ “Zigeuner” (tiếng Đức), nghĩa là “người Digan”

[← 47]

“Achtung! Mützen... ab! Mützen... auf” (tiếng Đức): “Chú ý! Bỏ mũ xuống! Đội mũ... lên!”

[← 48]

“Aus!” (tiếng Đức): “Thôi!”

[← 49]

“Block fünf ist zum Appel angetreten. Es soll zweihundert fünfzig, es ist...” (tiếng Đức):

“Block 5 đã có mặt theo lời kêu gọi. Quân số 250 người, có mặt...”

[← 50]

Latrina (tiếng Latin): cầu tiêu ngoài trời.

Munkács: tiếng Nga là Mukachevo, một thành phố nhỏ nằm trong vùng Cacpat, trước năm 1918 thuộc Đế chế Áo-Hung, từ năm 1938-1944 thuộc Tiệp Khắc (cũ), từ 1944-1991 thuộc Liên Xô (cũ), từ năm 1991 tới nay thuộc Ucraina.

[← 52]

Sátorajújhely: thành phố nhỏ phía Đông Bắc Hungary, sát biên giới Slovakia.

[← 53]

“Di bist nist ka jid, dbist á segec”: “Mày không phải là Do Thái, thẳng nhóc lạc loài.”

[← 54]

Tên con đường nghĩa là “Đừng quên tôi”.

[← 55]

Thành phố Budapest gồm hai nửa, nằm hai bên bờ sông Duna; Pest là nửa lớn hơn, ở hữu ngạn, về phía Đông.

[← 56]

“Was ist den lost?” (tiếng Đức): “Có chuyện gì thể?”

[← 57]

“Arbeiten! Aber los!” (tiếng Đức): “Làm việc đi! Mau lên!”

[[← 58](#)]

Braun-Kohl-Benzin Aktiengesellschaft: Công ty Cổ phần Xăng Dầu-Than Nâu.

[← 59]

Balaton: hồ nước ngọt lớn nhất châu Âu, chiều dài 79 km, chiều rộng trung bình 7,8 km, nằm cách Budapest trên 100 km về phía Tây, một địa danh du lịch rất nổi tiếng của Hungary.

[← 60]

Siófok: thành phố du lịch nằm trên bờ Nam của hồ Balaton, còn được mệnh danh là thủ đô của Balaton.

[← 61]

Kapo: người được chọn trong số phạm nhân trong các trại tập trung của Đức Quốc Xã, để làm quản lí hay chỉ điểm.

[[← 62](#)]

Vorarbeiter: đốc công, quản đốc.

[← 63]

Kisvárdá: thành phố nhỏ ở Đông Bắc Hungary, nằm trong tỉnh Szabolsszatmár-Bereg, cách biên giới Ucraina 22km.

[← 64]

“Zwei im Revier” (tiếng Đức): Hai người trong trạm xá.

[← 65]

“Fünf im Revier” (tiếng Đức): Năm người trong trạm xá.

[← 66]

“Dreizehn im Revier” (tiếng Đức): Mười ba người trong trạm xá.

[← 67]

“Abgang” (tiếng Đức): mất mát, tổn thất, thiếu hụt.

[← 68]

“Arbeitskommandos antreten!” (tiếng Đức): “Đội lao động, tập hợp!”

[← 69]

“Das ganze Lager: Achtung!” (tiếng Đức): “Toàn trại: Chú ý!”

[← 70]

“Mày không phải dân Do Thái, mày là một thằng dị giáo.”

[← 71]

“Gehorsamt zum Abort” (tiếng Đức): “Xin phép đi nhà vệ sinh.”

[← 72]

“Dir werde ich’s zeigen? Arschloch, Scheisskerl, verflucter Judehund,” (tiếng Đức):

“Tao sẽ cho mày biết tay, đồ khốn kiếp, đồ dê tiện, đồ Do Thái chó chết.”

[← 73]

Transylvania: tiếng Hung gọi là vùng Erdély, vùng đất rộng lớn trước năm 1920 thuộc lãnh thổ Đế chế Áo-Hung, sau năm 1921 thuộc Rumani.

[← 74]

Phelegmon: chứng viêm tấy, niêm dịch.

[← 75]

“Bonjour!” (tiếng Pháp): “Xin chào!”

[← 76]

“Was? Du willst noch leben?” (tiếng Đức): “Cái gì? Mi vẫn còn muốn sống chứ?”

[← 77]

“Hast du Durchmarsch?” (tiếng Đức): “Bạn có bị tháo dạ không?”

[← 78]

Vengerskij, vengrja, matiar, ongroa: cách gọi (theo phiên âm) người Hung bằng các thứ tiếng khác nhau.

[← 79]

Khenyir: cách nói theo phiên âm lơ lớ của chữ “kenyér” (tiếng Hung) là “bánh mì”.

[← 80]

“Bitte! Fertig! Bitte!” (tiếng Đức): “Thưa, xong rồi!”

[← 81]

“Zu dir.” (tiếng Đức): “Đến lượt anh.”

[← 82]

Kewischtjerd: đây là cách ghi theo âm không chính xác, vì anh chàng này không nghe và viết được chính xác tên thật của nhân vật chính Köves György.

[← 83]

“Dobro jesz” (phiên âm tiếng Ba Lan): “Được không?”

[← 84]

Gut (tiếng Đức): được, tốt.

Waffen SS: “Lực lượng vũ trang SS,” là nhánh chiến đấu của SS (Schutzstaffel); tên gọi Waffen SS được chính thức hóa ngày 2-3-1940, sau phát triển thành lực lượng tinh nhuệ với 39 sư đoàn, dưới quyền chỉ huy của thống chế SS Heinrich Himmler trên danh nghĩa, nhưng thực chất lực lượng này đã tham gia suốt cuộc chiến dưới sự chỉ huy của Wehrmacht (Lực lượng Vệ quốc, tên thống nhất của các lực lượng vũ trang quân đội Đức Quốc xã).

[← 86]

“Co?” (phiên âm tiếng Ba Lan): “Cái gì thế?”

[← 87]

“Dizinkquie... dizinkquie bardzo...” (phiên âm tiếng Ba Lan): “Cám ơn... Rất cám ơn...”

[← 88]

“Dobna noc!” (phiên âm tiếng Ba Lan): “Chúc ngủ ngon!”

[← 89]

“Dobre ranó!” (phiên âm tiếng Ba Lan): “Chào buổi sáng!”

[[← 90](#)]

“Guten Morgen” (tiếng Đức): Chào buổi sáng!

[← 91]

“Kewisch... Was? Kewischtjerd!” (Ở đây ông bác sĩ cố gắng phát âm tên Köves György),
Was? (tiếng Đức): “Cái gì?”

[← 92]

“Der Kommt heute raus!” (tiếng Đức): “Hôm nay nó được tha về!”

[← 93]

“Der geht heute nach Hause!” (tiếng Đức): “Hôm nay nó về nhà!”

[← 94]

“Komm!” (tiếng Đức): “Lại đây!”

[← 95]

“Zwölf Jahre im Lager,” (tiếng Đức): “Mười hai năm trong trại.”

[← 96]

“Und Sie?”... “O, ich seit sechs Jahren bloss” (tiếng Đức): “Thế còn ông?” ... “Tôi ư, mới có sáu năm thôi.”

[← 97]

“Has du irgend etwas gemacht?” (tiếng Đức): “Cậu đã làm chuyên gì vậy?”

[← 98]

“verhaftet” (tiếng Đức): “Bị bắt”

[← 99]

“Ohne dass deine Eltern” (tiếng Đức): “Thế cha mẹ cậu không biết ư?”

[[← 100](#)]

“Ohne” (tiếng Đức): ở đây nghĩa là “không.”

[[← 101](#)]

“Dobre vecher!” (phiên âm tiếng Ba Lan): “Chào buổi tối!”

[← 102]

“Nhe rozumje.” (phiên âm tiếng Ba Lan): “Tôi không hiểu.”

[← 103]

“Du: warten hier. Ik: wek. Ein moment zurück. Verstehen?” (tiếng Đức, nói kiểu giản đơn cho người nước ngoài): “Cậu: chờ ở đây. Tôi: đi một phút quay lại. Hiểu không?”

[[← 104](#)]

“Verstehen.” (tiếng Đức): “Hiểu.”

[← 105]

ghetto: khu tập trung người Do Thái sinh sống trong các thành phố.

[← 106]

“ten mátyár”: cách phát âm sai tiếng Hung, đúng ra phải là “te magyar.”

[[← 107](#)]

“Leichenkommando zum Tor” (tiếng Đức): “Đội nhật xác ra cổng!”

[← 108]

“Zvei” (tiếng Đức): “hai.”

[← 109]

“Vier” (tiếng Đức): “bốn.”

[[← 110](#)]

“Mit eniem” (tiếng Đức): “Với một.”

[[← 111](#)]

Zwei Tragbetten sofort zum Tor! (tiếng Đức, đúng ra phải là: zwei Trabaghre zum Tor!):

Mang ngay hai cái cang ra cổng.

[[← 112](#)]

“Nachtschicht” (tiếng Đức): “ca đêm”

[[← 113](#)]

“Mützen ab!” “Mützen auf!” (tiếng Đức): “Bỏ mũ xuống!” “Đội mũ lên!”

[[← 114](#)]

“laufen” (tiếng Đức): đi lại, chạy.

[← 115]

nye (tiếng Ba Lan): không; ich kann nicht! (tiếng Đức): tôi không thể.

[← 116]

“Tag, tag, du kannst” (tiếng Đức): “Này, này, cậu có thể.”

[← 117]

“Tso to robbis?” (phiên âm tiếng Ba Lan): “Làm cái gì thế?”

[[← 118](#)]

“Lagerschutz” (tiếng Đức): “bảo vệ trại.”

[← 119]

“Aber im Laufschrift!” (tiếng Đức): “Khẩn trương.”

[[← 120](#)]

“Lagerältester! Aufmarschieren lassen! Lagerältester! Wo sind die Juden?” (tiếng Đức):

“Trường trại! Lệnh xếp hàng! Bọn Do Thái đâu?”

[[← 121](#)]

“Kurvá jeho maty!” (phiên âm tiếng Ba Lan): “Con mẹ mày!”

[[← 122](#)]

“Das ganze Lager: antreten!” (tiếng Đức): “Toàn trại, xếp hàng!”

[← 123]

“Wo is der...” ông nói với Pjetchka, “der, mit dieser kleinen Wunde hier?!” (tiếng Đức):
“Nó đâu, cái thằng bị thương sơ sơ ấy đâu rồi?!”

[[← 124](#)]

“Der geht sofort nach Hause!” (tiếng Đức): “Nó về nhà ngay tức khắc!”

[← 125]

“Aber früher, vorher...”(tiếng Đức): “Vì việc vừa qua, lúc này...”

[← 126]

“An alle SS-Angehörigen” (tiếng Đức): “Tất cả các nhân viên SS.”

[← 127]

“Das Lager sofort zu verlassen!” (tiếng Đức): “Rời trại ngay lập tức!”

[← 128]

“Kameraden, wir sind frei!” (tiếng Đức): “Các bạn, chúng ta tự do!”

[← 129]

“Vnhimanhie, vnhimanhie, ruxkie tavarischi vnhimanhie!” (phiên âm tiếng Nga): “Chú ý, chú ý, các đồng chí Nga chú ý!”

[← 130]

“Uvaga, uvaga!” (phiên âm tiếng Ba Lan): “Chú ý! Chú ý!”

[← 131]

“Chiha bendzs! Terás polski kommunhiki!” (phiên âm tiếng Ba Lan): “Chắc người phải có mặt! Cuộc hành quân Ba Lan!”

[← 132]

goulash (tiếng Hung là gulyás): món xúp thịt bò nấu với khoai tây.

[[← 133](#)]

Rotfront: Mặt trận Đỏ.

[← 134]

Theo biên bản Hội nghị Wannese, họp ngày 20-1-1942, với sự tham gia của các quan chức Quốc xã nhằm khởi thảo và thực hiện giải pháp tối hậu đối với sắc dân Do Thái trên toàn châu Âu.

[← 135]

Lời nói đầu tập tiểu luận *Ngôn ngữ lưu đày* (Száműzött nyelv, 2001) của Kertész Imre.

[← 136]

Trích “*Non habent sua fata*,” bài viết về *Không số phận* của nhà văn Spiró György trên tạp chí *Cuộc sống và Văn học* (Élet és Irodalom, 1983).

[← 137]

Bài giới thiệu *Không số phận* của Legeza Ilona.

[← 138]

Kertész Imre trả lời phỏng vấn nhật báo Đức *Die Welt* nhân dịp ông bước vào tuổi 80, đúng dịp kỷ niệm bức tường Berlin sụp đổ (9-11-2009).

[← 139]

Trích từ *Nhật ký Gálya* (Gályanapló, 1992).

[← 140]

Trích từ *Nhật ký Gálya* (Gályanapló, 1992).

Table of Contents

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

9.

Kertész Imre và sự khắc họa nỗi đau Holocaust
Notes